

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA 2018

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm quyết định số/QĐ-ĐHPT ngày ... tháng năm của
Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)*

Tên chương trình : **Công nghệ thông tin**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Công nghệ thông tin** Mã số: **7480201**

Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1.1 Mục tiêu đào tạo

1.1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ thông tin (CNTT) có tư tưởng chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, có đạo đức nghề nghiệp, nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành, đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu phát triển và ứng dụng CNTT của xã hội.

Có kỹ năng về thực hành, có năng lực triển khai dự án quy mô vừa và nhỏ, tự học, tự nghiên cứu để thực hiện tốt công việc; có khả năng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng được các yêu cầu phát triển nghề nghiệp trong xã hội.

1.1.2 Mục tiêu cụ thể

1.1.2.1 Về kiến thức:

Có hiểu biết, kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên phù hợp với chuyên ngành đào tạo để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

Có hiểu biết sâu rộng về kiến thức cơ sở ngành để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với các công nghệ mới.

1.1.2.2 Về kỹ năng:

Sử dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình thông dụng, kỹ thuật lập trình, phương pháp lập trình, công nghệ lập trình thông dụng, tổ chức dữ liệu và thuật toán.

Đề xuất, phản biện và tư vấn các vấn đề thuộc lĩnh vực CNTT. Có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống thông tin cho các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, ... Sử dụng thành thạo các hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng (*chuyên ngành Hệ thống thông tin*)

Tổ chức, triển khai và quản lý các dự án phần mềm tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm và các công ty hoạt động trong các lĩnh vực khác. Áp dụng một cách chuyên nghiệp và hiệu quả các quy trình xây dựng phần mềm (*chuyên ngành Công nghệ phần mềm*)

Thiết kế và tổ chức các mạng máy tính, quản trị và bảo mật hệ thống mạng và các dịch vụ mạng trong các tổ chức, doanh nghiệp (*chuyên ngành Mạng máy tính*)

Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống an toàn thông tin cho các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, ... Đồng thời xây dựng các chính sách bảo mật theo tiêu chuẩn ISO (*chuyên ngành An ninh mạng*)

1.1.2.3 Thái độ

- Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước.
- Chấp hành đúng nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

- Tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức
- Quan hệ tốt với cộng đồng, có đạo đức nghề nghiệp.
- Tinh thần làm việc hợp tác.
- Tích cực tham gia, sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao.
- Cầu tiến, thiện ý học hỏi.

1.1.3 Vị trí công việc có khả năng đảm nhận

Có thể làm việc tại các cơ quan, đơn vị, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học các công ty với vai trò là người tư vấn thiết kế, vận hành, bảo trì, gia công các phần mềm, các giải pháp xử lý thông tin, các hệ thống mạng

Có thể làm chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh (thương mại – dịch vụ) với qui mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin

Có thể làm cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các viện và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp

1.1.3 Chuẩn đầu ra

- Ngoại ngữ TOEIC: 400 điểm

1.2 Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo trung bình là 4 năm. Thời gian đào tạo tối đa được thực hiện theo quy chế đào tạo.

1.3 Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ

1.4 Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh Việt Nam:
 - + Đã tốt nghiệp phổ thông trung học;
 - + Trúng tuyển vào Đại học Phan Thiết theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Lưu học sinh nước ngoài đã tốt nghiệp trung học phổ thông: nếu học sinh nước ngoài có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông tại Việt Nam sẽ được miễn kỳ kiểm tra tiếng Việt đầu vào và Trường thực hiện theo hình thức xét tuyển.
- Các đối tượng tuyển sinh phải đảm bảo về sức khỏe theo đúng các tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Các tiêu chuẩn khác: áp dụng theo các quy định về tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.5 Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.5.1 Quy trình đào tạo

Áp dụng mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.5.2 Điều kiện tốt nghiệp

1.5.2.1 Điều kiện xét tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình, không còn học phần bị điểm dưới D;
- Hoàn thành chứng chỉ Ngoại ngữ do trường Đại học Phan Thiết quy định;
- Có các Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục thể thao;
- Các điều kiện khác: áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 149/QĐ-DHPT ngày 10 tháng 06 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

1.5.2.2 Công nhận tốt nghiệp

Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

1.6 Thang điểm

Chấm điểm theo thang điểm 10 và chuyển đổi sang thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quyết định 43 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15/08/2007 về quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống đào tạo tín chỉ.

1.7 Nội dung chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của toàn chương trình đào tạo là **132 tín chỉ**. Trong đó học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất là **11 tín chỉ**. Như vậy tổng số tín chỉ các môn học còn lại cần phải tích lũy là **121 tín chỉ**.

1.7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ (TC)

(không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh)

1.7.1.1	Lý luận chính trị:	10 TC
1.7.1.2	Khoa học xã hội:	3 TC
1.7.1.3	Ngoại ngữ:	12 TC
1.7.1.4	Toán – Tin học:	9 TC
1.7.1.5	Giáo dục thể chất:	3 TC
1.7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh:	8 TC

1.7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ (TC)

1.7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành :	30 TC
1.7.2.2	Kiến thức chung của ngành:	36 TC
1.7.2.3	Kiến thức chuyên ngành:	12 TC
1.7.2.4	Học phần tốt nghiệp:	15 TC
	– Thực tập tốt nghiệp:	6 TC
	– Khóa luận tốt nghiệp:	9 TC

hoặc học ba môn chuyên đề

1.7.3 Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
	Kiến thức giáo dục đại cương	34	
1.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	
2.	Giải tích	3	
3.	Đại số tuyến tính	3	
4.	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	
5.	Tiếng anh 1	3	
6.	Tiếng anh 2	3	
7.	Tiếng anh 3	3	
8.	Tiếng anh 4	3	
9.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
10.	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
11.	Pháp luật đại cương	2	
12.	Hướng nghiệp	1	
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88	
	Kiến thức cơ sở ngành	30	
13.	Toán rời rạc	3	
14.	Nhập môn công nghệ thông tin	3 (2 + 1)	
15.	Lập trình căn bản	3 (2 + 1)	

TT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
16.	Kỹ thuật lập trình	3 (2 + 1)	
17.	Lập trình hướng đối tượng	3 (2 + 1)	
18.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3 (2 + 1)	
19.	Cơ sở dữ liệu	3 (2 + 1)	
20.	Thiết kế Web	3 (3 + 1)	
21.	Mạng máy tính	3 (2 + 1)	
22.	Lý thuyết đồ thị	3 (2 + 1)	
	Kiến thức chung của ngành	36	
23.	Lập trình web	3 (2 + 1)	
24.	Công nghệ phần mềm	3	
25.	Hệ điều hành	3	
26.	Lập trình Windows	3 (2 + 1)	
27.	Lập trình Java	3 (2 + 1)	
28.	Trí tuệ nhân tạo	3	
29.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3 (2 + 1)	
30.	Bảo mật thông tin	3 (2 + 1)	
31.	Lập trình web nâng cao	3 (2 + 1)	
32.	Lập trình trên thiết bị di động	3 (2 + 1)	

TT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
33.	Thương mại điện tử	3	
34.	XML và ứng dụng	3 (2 + 1)	
	Kiến thức chuyên ngành	12	
	Chuyên ngành Hệ thống thông tin		
35.	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3 (2 + 1)	
36.	Cơ sở dữ liệu phân tán	3 (2 + 1)	
37.	Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3 (2 + 1)	
38.	Dữ liệu lớn	3 (2 + 1)	
	Chuyên ngành Công nghệ phần mềm		
35.	Công nghệ phần mềm nâng cao	3	
36.	Mẫu thiết kế phần mềm	3 (2 + 1)	
37.	Kiểm định chất lượng phần mềm	3 (2 + 1)	
38.	Quản trị dự án phần mềm	3	
	Chuyên ngành Mạng máy tính		
35.	Mạng máy tính nâng cao	3 (2 + 1)	
36.	Hệ điều hành Linux	3 (2 + 1)	
37.	Lập trình mạng	3 (2 + 1)	
38.	Điện toán đám mây	3 (2 + 1)	
	Chuyên ngành An ninh mạng		

TT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
35.	An ninh hệ thống mạng máy tính	3 (2 + 1)	
36.	Lập trình an toàn	3 (2 + 1)	
37.	Phân tích và đánh giá an toàn thông tin	3 (2 + 1)	
38.	Điều tra tấn công	3 (2 + 1)	
	Tốt nghiệp	15	
39.	Thực tập tốt nghiệp	6	
40.	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học hai học phần chuyên đề	9	
	Các học phần chuyên đề		
41.	Lập trình game	3 (2 + 1)	
42.	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3 (2 + 1)	
43.	Kho dữ liệu và OLAP	3 (2 + 1)	
44.	Khai thác dữ liệu	3 (2 + 1)	
45.	Hệ thống thông tin quản lý	3	
46.	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	3 (2 + 1)	
47.	Quản trị mạng	3 (2 + 1)	
48.	Các hệ cơ sở tri thức	3 (2 + 1)	
49.	Xử lý ảnh	3 (2 + 1)	
50.	Hệ trợ giúp ra quyết định	3	
51.	Mạng không dây	3 (2 + 1)	
52.	Thiết kế giao diện	3 (2 + 1)	

TT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
53.	Thiết kế hệ thống mạng	3 (2 + 1)	
54.	Kỹ thuật mật mã	3 (2 + 1)	
55.	J2EE	3 (2 + 1)	

1.8 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

HK	Tên môn học	Tín chỉ	Ghi chú
I	Hướng nghiệp	1	
	Nhập môn CNTT	3	
	Tiếng anh 1	3	
	Tiếng anh 2	3	
	Toán rời rạc	3	
	Lập trình căn bản	3	
TỔNG		16	
II	Giáo dục thể chất 1	2	Không tích lũy
	Tiếng anh 3	3	
	Tiếng anh 4	3	
	Kỹ thuật lập trình	3	
	Pháp luật đại cương	2	
	Đại số tuyến tính	3	

HK	Tên môn học	Tín chỉ	Ghi chú
	Lập trình hướng đối tượng	3	
TỔNG		19	
III	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	
	Cơ sở dữ liệu	3	
	Thiết kế web	3	
	Giải tích	3	
	Mạng máy tính	3	
	Giáo dục thể chất 2	1	Không tích lũy
TỔNG		16	
IV	Lý thuyết đồ thị	3	
	Công nghệ phần mềm	3	
	Hệ điều hành	3	
	Lập trình trên Windows	3	
	Lý thuyết xác suất & thống kê	3	
	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8	Học trong hè, không tích lũy
TỔNG		23	
V	Những NLCB của CN Mác-Lênin	5	
	Lập trình Java	3	
	Trí tuệ nhân tạo	3	
	Lập trình Web	3	
	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	
TỔNG		17	

HK	Tên môn học	Tín chỉ	Ghi chú
VI	Bảo mật thông tin	3	
	Lập trình web nâng cao	3	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	Lập trình trên thiết bị di động	3	
	Thương mại điện tử	3	
	XML và ứng dụng	3	
TỔNG		17	
VII	Thực tập tốt nghiệp	6	
	Học phần chuyên ngành tự chọn	3	
	Học phần chuyên ngành tự chọn	3	
	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	
TỔNG		15	
VIII	Học phần chuyên ngành tự chọn	3	
	Học phần chuyên ngành tự chọn	3	
	Chọn 1 trong 2 hình thức tốt nghiệp: 1. Khóa luận tốt nghiệp 2. Học 3 môn chuyên đề	9	Chọn 1 trong 2 hình thức
TỔNG		15	

1.9 Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Hiệu trưởng, Phòng Quản lý đào tạo chịu trách nhiệm phối hợp cùng các khoa, phòng có liên quan tổ chức tuyển sinh theo đề án tuyển sinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

1.9.1 Tổ chức đào tạo

Phòng Quản lý đào tạo phải tuân thủ đúng yêu cầu về kết cấu chương trình, các học phần, số tín chỉ, quy trình đánh giá học phần theo Quy chế 43 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định tạm thời về kiểm tra, thi kết thúc học phần và điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp tại Đại học Phan Thiết theo Quyết định số 149/QĐ-ĐHPT ngày 10/06/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết.

1.9.2 Thanh, kiểm tra quá trình đào tạo

Thanh tra và kiểm định chất lượng giáo dục của trường thường xuyên kiểm tra đánh giá chất lượng giảng dạy, học tập, kết quả thi, kiểm tra để báo cáo Hiệu trưởng về chất lượng đào tạo. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện những vi phạm về chất lượng giảng dạy, học tập, Hiệu trưởng căn cứ mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành. Đồng thời Hiệu trưởng sẽ xem xét điều chỉnh khung chương trình hoặc kết cấu chương trình cho phù hợp với thực tiễn.

PHẦN 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC (đính kèm)

7. Mục tiêu của học phần:

Hiểu được ngành học và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Nhận thức được vai trò, nhiệm vụ, chức năng và phẩm chất cần có của người làm trong ngành CNTT

8. Chuẩn đầu ra học phần:

8.1 Kiến thức

- (1) Sinh viên nắm được một số thông tin cơ bản về công tác hướng nghiệp
- (2) Những chỉ dẫn cần thiết trong việc lựa chọn nghề nghiệp, giới thiệu khái quát các lĩnh vực ngành CNTT trong xã hội
- (3) Biết được các kiến thức về kỹ năng đọc, ghi chép, thuyết trình, làm việc nhóm

8.2 Kỹ năng

- (4) Biết vận dụng kiến thức đã học vào công tác lựa chọn nghề nghiệp. Biết rõ quy trình về thực hành nghề nghiệp
- (5) Biết áp dụng các kỹ năng đọc, ghi chép, thuyết trình, ... để thực hiện và trình bày bài thuyết trình

8.3 Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- (6) Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ trong học tập, tự tin áp dụng các kiến thức trong học tập vào thực tế

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức:

- Ngành, chuyên ngành CNTT và chương trình đào tạo
- Một số kỹ năng về ghi chép, giao tiếp, hội họp, thuyết trình, làm việc nhóm ...

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	TL	BT	TH		
1	Chương 1: Tổng quan về công tác	1.1 Đặt vấn đề 1.2 Chức năng 1.3 Nhiệm vụ	3					(1), (2)

	cử nhân ngành CNTT	1.4 Năng lực cần có 1.5 Đạo đức nghề nghiệp						
2	Chương 2: Quá trình đào tạo CNTT	2.1 Quá trình đào tạo chung 2.2 Chương trình đào tạo 2.3 Kế hoạch đào tạo	3					(1), (2)
3	Chương 3: Kỹ năng ghi chép, giao tiếp và làm việc theo nhóm	3.1 Đặt vấn đề 3.2 Kỹ năng ghi chép 3.3 Kỹ năng giao tiếp 3.4 Kỹ năng làm việc theo nhóm	6	3				(3)
4	Chương 4: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp	4.1 Tổng quan về thực hành nghề nghiệp 4.2 Công tác chuẩn bị thực tập 4.3 Thực hiện kế hoạch thực tập 4.4 Báo cáo thực tập	3	1				(1), (3)
Tổng cộng			15					

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 4 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phân thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ làm bài báo cáo

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		

Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính

- [1] “Bài giảng môn học Công tác kỹ sư”, ĐHBK- Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2016
- [2] Chương trình đào tạo ngành CNTT – Đại học Phan Thiết

12.2 Tài liệu tham khảo

[3] Kỹ năng thuyết trình – NXB tổng hợp TPHCM -2012 .

[4] Chuyên đề ”Kỹ năng làm việc nhóm”, tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. TS. Trương Minh Đức- Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cục Phát triển Doanh nghiệp - 2012

[5] Ứng xử trong giao tiếp xin việc vào công sở. Thu Thủy – Nhà xuất bản Thông tin Hà Nội 2013.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Số tiết	Nội dung	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Giáo trình chính
1	4	Tổng quan về công tác cử nhân ngành CNTT	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Thảo luận	[1]
2	4	Quá trình đào tạo CNTT	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Thảo luận	[2]
3	4	Kỹ năng ghi chép, giao tiếp và làm việc theo nhóm	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Thảo luận	[3], [4], [5]
4	4	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Thảo luận	[1]

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Làm báo cáo

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Nhập môn CNTT - Mã học phần: 10429

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Thanh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
- Điện thoại: 0983073491
- Email: lthanh@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết

6. Học phần tiên quyết: không

7. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức biểu diễn thông tin; kiến thức nghề nghiệp và nghiệp vụ; kiến thức văn hóa, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và các khía cạnh luật lệ.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

(1) Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử phát triển và hình thành của ngành CNTT, về hệ thống xử lý thông tin tự động, các dịch vụ internet và biểu diễn thông tin.

(2) Kiến thức nghề nghiệp và nghiệp vụ; kiến thức văn hóa, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và các khía cạnh luật lệ.

8.2 Kỹ năng:

(3) Thảo luận các ảnh hưởng của công nghệ và tri thức mới trong lĩnh vực CNTT, thảo luận các tiêu chuẩn và đạo đức nghề nghiệp

8.3 Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

(4) chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ, làm bài tập đầy đủ và nghiêm túc trong học tập

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp sinh viên có cái nhìn khái quát về lịch sử phát triển và hình thành của ngành CNTT, về hệ thống xử lý thông tin tự động, các dịch vụ internet. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về biểu diễn thông tin gồm các hệ đếm, chuyển đổi giữa các hệ đếm, các phép toán (số học, logic), số nguyên có dấu và số thực (biểu diễn, phép toán), nhận dạng và phân biệt một hệ thống mã hóa của các ký tự (ASCII, Unicode). Bên cạnh đó học phần giới thiệu khái quát về nghề nghiệp CNTT và các chuyên ngành về CNTT; một số về luật lệ và quy định xã hội gồm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền riêng tư, đạo đức nghề nghiệp

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	TL	BT	TH	TH	
1	Chương 1: Thông tin và xử lý thông tin	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tin 2. Xử lý thông tin 3. Lịch sử phát triển 4. Phân loại máy tính 	6					(1), (4)
2	Chương 2: Hệ xử lý thông tin tự động	<ol style="list-style-type: none"> 1. Những nguyên lý thiết kế cơ bản 2. Hệ xử lý thông tin tự động 3. Mô hình cấu trúc cơ bản của máy tính 	3					(1), (4)
3	Chương 3: Internet và các dịch vụ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mạng máy tính 2. Các thành phần của mạng 3. Các loại mạng thông dụng 4. Kiến trúc mạng 5. Phương tiện truyền mạng 6. Phần cứng mạng 7. Mạng không dây 8. Mạng internet 9. Các dịch vụ 10. Virus máy tính 	6					(1), (4)

4	Chương 4: Biểu diễn thông tin	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu 2. Hệ thống đếm 3. Chuyển đổi giữa các hệ đếm 4. Các phép toán số học và logic trên hệ nhị phân 5. Số nhị phân có dấu 6. Số thực 7. Hệ thống mã hóa 	18		9			(1), (4)
5	Chương 5: Giới thiệu khái quát về nghề nghiệp liên quan đến CNTT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiên cứu khoa học và vai trò, chức danh trong nghiên cứu khoa học 2. Nghiên cứu thuật toán 3. Xây dựng và phát triển hệ thống phần cứng – phần mềm 4. Nhiệm vụ và vai trò trong phát triển và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu 5. Nhiệm vụ và vai trò trong phát triển và vận hành hệ thống mạng 	6	3				(2), (4)
6	Chương 6: Các vấn đề xã hội của CNTT	<ol style="list-style-type: none"> 1. An toàn trong xã hội thông tin 2. Mạng xã hội 3. Sở hữu trí tuệ 	6	3				(2), (4)

Tổng cộng			45					

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 3**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ hoặc thuyết trình chiếm **20 %** tổng số điểm

- *Cuối học kỳ*, sinh viên sẽ thi vấn đáp

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính

[1] Hoàng Kiếm (1997). Tin học đại cương. Nhà xuất bản giáo dục.

[2] Peter Norton (2005), “Introduction to computers”, 6th Edition, McGraw-Hill

12.3 Tài liệu tham khảo

[3] Timothy O'Leary and Linda O'Leary and Daniel O'Leary (2015), “Computing Essentials 2015 Complete Edition”, McGraw-Hill

[4] Michael J. Quinn (2013). Ethics for the Information Age 5th Edition. Pearson

[5] Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, <http://www.vietlaw.gov.vn/LAWNET/>

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Số tiết	Nội dung	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Giáo trình chính
1	4	Thông tin và xử lý thông tin	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú	[1], [2]
2	4	Hệ xử lý thông tin tự động	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú	[1], [2]

3	4	Internet và các dịch vụ	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú	[1], [2]
4	4	Biểu diễn thông tin	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập	[1], [2]
5	4	Biểu diễn thông tin	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập	[1], [2]
6	4	Biểu diễn thông tin	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập	[1], [2]
7	4	Biểu diễn thông tin	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập	[1], [2]
8	4	Biểu diễn thông tin	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập	[1], [2]
8	4	Giới thiệu khái quát về nghề nghiệp liên quan đến CNTT	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú - Thảo luận	[3], [4]
10	5	Các vấn đề xã hội của CNTT	- Thuyết giảng	- Nghe giảng, ghi chú	[4], [5]

				- Thảo luận	
11	4	Ôn tập	Thuyết giảng	- Làm bài tập	

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** vấn đáp

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Anh 1 - **Mã học phần:** 10067

2. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

3. Họ và tên giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Phạm Đình Phụng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Phan thiết

- ĐT: 0918603762

- Các hướng nghiên cứu chính: Phát triển các kỹ năng thực hành tiếng

3.1. Họ và tên: Phan Thị Hiền Vinh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Phan thiết

- ĐT: 0913649930 email: msvinh@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Phát triển các kỹ năng thực hành tiếng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: không

7. Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên hệ thống lại những kiến thức căn bản đã tích lũy ở phổ thông, đồng thời xoáy vào Nghe và Nói là các kỹ năng ít được rèn luyện ở bậc phổ thông, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng Nghe và Nói.

- Cung cấp 4 kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng tiếng Anh trong môi trường giao tiếp và làm việc. Cung cấp, bổ sung các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, cách phát âm, kỹ năng viết các đoạn văn ngắn, các thông báo và các chủ đề trong cuộc sống.

- Là học phần cơ bản và cần thiết giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận các học phần chuyên ngữ tiếp theo.

- Đáp ứng được các kỹ năng ngôn ngữ theo chuẩn Châu Âu.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được chuẩn đầu ra học phần / mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

CR1. Sinh viên nắm được nền tảng kiến thức ngữ pháp cơ bản.

CR2. Sinh viên có được vốn từ vựng cần thiết để sinh viên có thể xây dựng thành câu đầy đủ, hoàn chỉnh.

CR3. Sinh viên nắm được các cách phát âm và phát âm cuối theo ngữ cảnh cơ bản.

CR4. Sinh viên nắm được một số điểm khác biệt giữa văn phong nói và văn phong viết để hỗ trợ cho quá trình nghe-hiểu đạt hiệu quả hơn.

- Kỹ năng:

S1. Sinh viên có thể nghe hiểu được những bài hội thoại và những bài nói xoay quanh các chủ đề thân thuộc với cuộc sống hàng ngày.

S2. Sinh viên có khả năng vận dụng một số cấu trúc cơ bản để viết câu.

S3. Sinh viên cải thiện được kỹ năng phát âm, kỹ năng giao tiếp thực hành.

S4. Sinh viên có khả năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự tìm tòi kiến thức.

- Thái độ:

A1. Yêu cầu tham gia đủ giờ học. (Tham dự lớp ít nhất 80% số tiết quy định)

A2. Nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong học tập

A4. Sinh viên có nhận thức đúng đắn về môn học, ngành học.

A5. Thái độ học tập và nghiên cứu một cách khoa học và nghiêm túc.

A6. Trau dồi thói quen đọc, nghe thông qua các tài liệu tham khảo, sử dụng Internet trong việc học Tiếng Anh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

R1. Hình thành cho sinh viên khả năng tự giải quyết các vấn đề trong quá trình học.

R2. Hình thành cho sinh viên tính trách nhiệm trong các hoạt động của lớp và nhóm.

9. Nội dung học phần

9.1. Tóm tắt nội dung học phần

Mỗi Unit được thiết kế hợp lý, liên kết với nhau bằng các chủ đề thực tế, cấu trúc ngữ pháp rõ ràng, hướng dẫn phát âm, kỹ năng nghe – nói và từ vựng cụ thể. Các chủ đề được trình bày theo các bước:

- Các hoạt động bằng hình ảnh, tranh minh họa, câu hỏi thảo luận, các trích đoạn ngắn giúp sinh viên nâng cao vốn từ vựng,

- Phần nghe, đọc hiểu và cấu trúc ngữ pháp được trình bày trong ngữ cảnh thực tế, các câu hỏi kiểm tra kỹ năng đọc hiểu liên quan đến các chủ đề trong bài.

- Trọng tâm ngữ pháp được trình bày trong các đoạn văn ngắn giúp sinh viên dễ hiểu hơn về cấu trúc ngữ pháp và có phần bài tập thực hành.

- Phần thực hành cung cấp đa dạng các hoạt động theo nhóm hoặc theo cặp giúp sinh viên dễ dàng sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp một cách trôi chảy và tự tin hơn.

- Kỹ năng phát âm, kỹ năng giao tiếp thực hành, trọng tâm ngữ pháp, từ vựng cũng được chú trọng trong mỗi bài.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Unit 1 : Getting To Know People	+ Language focus: - Present Simple (I /You /We /They) - Pronunciation: intonation of questions + Word-power:	8	4		4		CR1, CR2 CR3, CR4 S1,S2 ,S3,S 4

		Classroom communication + Focus on communication: - Introductions - Greetings, goodbyes						A1,A 2,A3 A4,A 5, A6 R1,R 2
2.	Unit 2 : Lifestyles	+ Language focus: - Present Simple (he /she /it) - Adverbs of frequency - Love / like / enjoy + - ing - Pronunciation : / s // z // iz / endings + Word-power: Time and numbers + Focus on communication: - Starting a call - Time expressions	8	4		4		CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 ,S3,S 4 A1,A 2,A3, A4, A5, A6, R1,R 2
3.	Unit 3 : Workplaces	+ Language focus: - There is / There are - Some / any - Have / have got - Pronunciation : linking + Word-power: Prepositions + Focus on communication:	8	4		4		CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 ,S3,S 4 A1,A 2,A3,

		<ul style="list-style-type: none"> - Asking for and giving directions - Asking for travel information 						A4, A5, A6, R1, R2
4.	Mid-term Test		1		1			
5.	Unit 4 : The Road To Success	<ul style="list-style-type: none"> + Language focus: <ul style="list-style-type: none"> - Past Simple - Regular and irregular verbs - Pronunciation : / d // t / / id / endings + Word-power: Travel for work + Focus on communication: <ul style="list-style-type: none"> - Leaving a message - Telephone numbers - Spelling 	8	4		4		CR1, CR2, CR3, CR4, S1, S2, S3, S4 A1, A2, A3, A4, A5, A6, R1, R2
6.	Unit 5 : The World 'S Largest Industry	<ul style="list-style-type: none"> + Language focus: <ul style="list-style-type: none"> - Mass and Count nouns - Some, a lot of /much /many + Word-power: <ul style="list-style-type: none"> - Food file; Using a dictionary - Pronunciation : word 	8	4		4		CR1, CR2, CR3, CR4, S1, S2, S3, S4

		stress + Focus on communication: - Offers and requests - Eating and drinking - Pronunciation : sentence stress						A1,A 2,A3, A4, A5, A6, R1,R 2
7.	Review		4	2		2		
Tổng cộng			45	22	1	22		

10. Yêu cầu và kì vọng của học phần

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
 - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

- Vào tuần thứ 8, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm 20 % tổng số điểm
- Cuối học kỳ, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận	1	5
Bản thu hoạch		
Thuyết trình		
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên đi học trễ 15 phút sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. Điểm chuyên cần (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài: Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ).
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

- Có hành động gian dối: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính

1. INTERNATIONAL EXPRESS (*Student's book & Workbook*), Liz Taylor & Alastair Lane, *Oxford University Express*
2. Learning English as a Foreign Language FOR *DUMMIES* – Gavin Dudeney & Nicky Hockly

12.2. Tài liệu tham khảo

1. AMERICAN ENGLISH FILE (*Student's book & Workbook*), Paul Seligson & Clive Oxenden, *Oxford University Express*
2. ENGLISH PLUS (*Student's book & Workbook*), Ben Wetz & Diana Pye, *Oxford University Express*

12.3. Tư liệu trực tuyến

- Global edu: <http://www.globaledu.com.vn>
- Toeic Vietnam: <http://www.toeicvietnam.com>
- English rainbow: <http://www.englishrainbown.com>
- TED: <https://www.youtube.com/channel/UCAuUUnT6oDeKwE6v1NGQxug>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

-Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy

Buổi 1 (4 tiết)

Unit 1 : GETTING TO KNOW PEOPLE

→ Nội dung :

- Giới thiệu thì hiện tại đơn với 'I/You/We/They'.
- Trình bày và luyện ngữ điệu cho câu hỏi.

→ Phương pháp:

-
- Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 1 “Getting to Know People”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên biết cách sử dụng hiện tại đơn với ‘I/You/We/They’.
- Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập.
- Sinh viên sử dụng đúng ngữ điệu cho câu hỏi.
- Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

Buổi 2 (4 tiết)

Unit 1 : GETTING TO KNOW PEOPLE(cont)

→ Nội dung :

- Cung cấp các từ vựng và mẫu câu thường được dùng trong lớp học.
- Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Introductions, Greetings, Goodbyes’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 1 “Getting to Know People”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nắm được các từ vựng và mẫu câu thường được dùng trong lớp học.
 - Sinh viên biết các mẫu câu và kỹ năng giới thiệu, chào hỏi, chào tạm biệt.
 - Sinh viên vận dụng kiến thức thực hiện được một đoạn hội thoại với chủ đề trên.
-

Buổi 3 (4 tiết)**Unit 2 : LIFESTYLES**

→ Nội dung :

- Giới thiệu thì hiện tại đơn với ‘He/She/It’.
- Cung cấp và trình bày cách dùng các trạng từ chỉ sự thường xuyên.
- Trình bày và luyện phát âm các từ có các âm cuối là / s // z // iz /.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 2 “Lifestyles”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên biết cách sử dụng thì hiện tại đơn với ‘He/She/It’ và cách dùng các trạng từ chỉ sự thường xuyên.
- Sinh viên vận dụng được các điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập.
- Sinh viên nghe và phát âm được các từ có các âm cuối là / s // z // iz /.

Buổi 4 (4 tiết)**Unit 2 : LIFESTYLES(cont)**

→ Nội dung :

- Trình bày các cách đọc số và thời gian.
- Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Starting a call’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 2 “Lifestyles”.

→ Kết quả mong muốn:

-
- Sinh viên nhớ và vận dụng được các cách đọc số và thời gian.
 - Sinh viên biết các mẫu câu và kỹ năng thực hiện một cuộc điện thoại.
 - Sinh viên vận dụng kiến thức thực hiện được một đoạn hội thoại với chủ đề trên.

Buổi 5 (4 tiết)**Unit 3 : WORKPLACES**

→ Nội dung :

- Trình bày cách sử dụng ‘there is/there are’, ‘some/any’, ‘have/have got’.
- Trình bày và luyện phát âm nối từ.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 3 “Workplaces”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên biết cách sử dụng ‘there is/there are’, ‘some/any’, ‘have/have got’.
- Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập.
- Sinh viên có thể phát âm nối từ.

Buổi 6 (4 tiết)**Unit 3 : WORKPLACES(cont)**

→ Nội dung :

- Cung cấp một số giới từ chỉ nơi chốn thông dụng.
- Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Asking for giving directions’, ‘Asking for travel information’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
-

-
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 3 “Workplaces”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ vựng về phương tiện/ công nghệ giao tiếp.
 - Sinh viên biết các mẫu câu, nguyên tắc và kỹ năng viết email hoặc fax.
 - Sinh viên vận dụng kiến thức viết được một email hoặc fax theo chủ đề cho sẵn.
-

Buổi 7(5 tiết)

Unit 4 : THE ROAD TO SUCCESS

→ Nội dung :

- Giới thiệu cấu trúc và cách dùng thì quá khứ đơn.
- Phân biệt sự khác nhau trong cách sử dụng và phát âm giữa động từ hợp qui tắc và bất qui tắc.
- Trình bày và luyện phát âm các từ có các âm cuối là / d // t // id /.
- Mid-term test: kiểm tra những điểm ngữ pháp, phát âm và các kỹ năng mà sinh viên đã được học từ Unit 1 đến Unit 3.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 4 “The Road to Success”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nắm được cấu trúc và cách dùng thì quá khứ đơn.
 - Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập.
 - Sinh viên biết phân biệt sự khác nhau trong cách sử dụng và phát âm giữa động từ hợp qui tắc và bất qui tắc.
-

-
- Sinh viên phát âm đợc các từ có các âm cuối là / d // t // id /.
 - Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.
-

Buổi 8(4 tiết) Unit 4 : THE ROAD TO SUCCESS (cont)

→ Nội dung :

- Trình bày các từ vựng xoay quanh chủ đề ‘Travel for work’.
- Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Leaving a message’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 4 “The Road to Success”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhớ và vận dụng đợc các từ vựng xoay quanh chủ đề ‘Travel for work’.
- Sinh viên biết các mẫu câu và kỹ năng để lại lời nhắn.
- Sinh viên vận dụng kiến thức thực hiện đợc một đoạn hội thoại xoay quanh chủ đề trên.
- Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

Buổi 9 (4 tiết) Unit 5 : THE WORLD ‘S LARGEST INDUSTRY

→ Nội dung :

- Giới thiệu một số danh từ đếm đợc và không đếm đợc.
- Trình bày cách sử dụng ‘some’, ‘a lot of’, ‘much’, ‘many’.
- Luyện phát âm âm nhấn trong 1 từ và từ nhấn trong câu.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
-

-
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - Tài liệu
 - Đọc: Unit 5 “The World’s Largest Industry”.
 - Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nắm được một số danh từ đếm được và không đếm được và cách sử dụng ‘some’, ‘a lot of’, ‘much’, ‘many’.
 - Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập, đặc biệt là các dạng bài tập phân biệt thì.
 - Sinh viên nghe và phát âm được âm nhấn trong 1 từ và từ nhấn trong 1 câu.
 - Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

Buổi 10 (4 tiết) Unit 5 : THE WORLD ‘S LARGEST INDUSTRY (cont)

- Nội dung :
 - Cung cấp các từ vựng về chủ đề thức ăn, thức uống.
 - Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Offers and Requests’.
 - Phương pháp:
 - Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - Tài liệu
 - Đọc: Unit 5 “The World’s Largest Industry”.
 - Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ vựng về chủ đề thức ăn, thức uống.
 - Sinh viên biết các mẫu câu dùng để đề nghị hoặc yêu cầu.
 - Sinh viên vận dụng kiến thức thực hiện được một đoạn hội thoại với chủ đề trên.
 - Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.
-

→ Nội dung :

- Hệ thống lại tất cả các điểm ngữ pháp, phát âm của học phần.
- Nhắc lại các kỹ năng của học phần như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghe, kỹ năng viết, ...

- Cung cấp các bài tập để sinh viên hệ thống lại kiến thức.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 1-5.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhớ và vận dụng được tất cả các điểm ngữ pháp, phát âm của học phần.
 - Sinh viên có thể hệ thống lại các kỹ năng của học phần như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghe, kỹ năng viết, ...
 - Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập và bài kiểm tra.
-

15. Thi kết thúc học phần

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Tự luận hoặc trắc nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Anh 2 - **Mã học phần:** 10081

2. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

3. Họ và tên giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Trương Thị Hoà

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Phan thiết

- ĐT: 0903393777 email: tthoa@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Phát triển các kỹ năng thực hành tiếng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1

7. Mục tiêu học phần

Dựa trên giáo trình chính, mỗi bài học tập trung vào các chủ điểm khác nhau nhằm phát triển bốn kỹ năng trong việc lĩnh hội một ngôn ngữ, cùng với các bài đọc, hội thoại, bài tập và tài liệu nguyên bản đa dạng giúp sinh viên học được nhiều từ vựng và thành ngữ quan trọng trong ngữ cảnh.

- củng cố nền tảng kiến thức ngữ pháp cơ bản.
- Bổ sung từ vựng cần thiết để sinh viên có thể xây dựng thành câu đầy đủ, hoàn chỉnh.
- Giúp sinh viên quen với việc nghe đúng ngữ pháp tiếng Anh và ngữ cảnh.

- Giới thiệu cơ bản về cấu trúc viết câu tiếng Anh.
- Củng cố về phát âm và phát âm cuối theo ngữ cảnh cơ bản.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được chuẩn đầu ra học phần / mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

CR1. Sinh viên nắm được nền tảng kiến thức ngữ pháp cơ bản.

CR2. Sinh viên có được vốn từ vựng cần thiết để sinh viên có thể xây dựng thành câu đầy đủ, hoàn chỉnh.

CR3. Sinh viên nắm được các cách phát âm và phát âm cuối theo ngữ cảnh cơ bản.

CR4. Sinh viên nắm được một số điểm khác biệt giữa văn phong nói và văn phong viết để hỗ trợ cho quá trình nghe-hiểu đạt hiệu quả hơn.

- Kỹ năng:

S1. Sinh viên có thể nghe hiểu được những bài hội thoại và những bài nói xoay quanh các chủ đề thân thuộc với cuộc sống hàng ngày.

S2. Sinh viên có khả năng vận dụng một số cấu trúc cơ bản để viết câu.

S3. Sinh viên cải thiện được kỹ năng phát âm, kỹ năng giao tiếp thực hành.

S4. Sinh viên có khả năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự tìm tòi kiến thức.

- Thái độ:

A1. Yêu cầu tham gia đủ giờ học. (Tham dự lớp ít nhất 80% số tiết quy định)

A2. Nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong học tập

A4. Sinh viên có nhận thức đúng đắn về môn học, ngành học.

A5. Thái độ học tập và nghiên cứu một cách khoa học và nghiêm túc.

A6. Trau dồi thói quen đọc, nghe thông qua các tài liệu tham khảo, sử dụng Internet trong việc học Tiếng Anh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

R1. Hình thành cho sinh viên khả năng tự giải quyết các vấn đề trong quá trình học.

R2. Hình thành cho sinh viên tính trách nhiệm trong các hoạt động của lớp và nhóm.

9. Nội dung học phần

9.1. Tóm tắt nội dung học phần

Mỗi Unit được thiết kế hợp lý, liên kết với nhau bằng các chủ đề thực tế, cấu trúc ngữ pháp rõ ràng, hướng dẫn phát âm, kỹ năng nghe – nói và từ vựng cụ thể. Các chủ đề được trình bày theo các bước:

- Các hoạt động bằng hình ảnh, tranh minh họa, câu hỏi thảo luận, các trích đoạn ngắn giúp sinh viên nâng cao vốn từ vựng,

- Phần nghe, đọc hiểu và cấu trúc ngữ pháp được trình bày trong ngữ cảnh thực tế, các câu hỏi kiểm tra kỹ năng đọc hiểu liên quan đến các chủ đề trong bài.

- Trọng tâm ngữ pháp được trình bày trong các đoạn văn ngắn giúp sinh viên dễ hiểu hơn về cấu trúc ngữ pháp và có phần bài tập thực hành.

- Phần thực hành cung cấp đa dạng các hoạt động theo nhóm hoặc theo cặp giúp sinh viên dễ dàng sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp một cách trôi chảy và tự tin hơn.

- Kỹ năng phát âm, kỹ năng giao tiếp thực hành, trọng tâm ngữ pháp, từ vựng cũng được chú trọng trong mỗi bài.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Unit 6 : The Best Way To Travel	+ Language focus: - Comparative and superlative adjectives + Word-power: Dates, Money, - Pronunciation: [ð] and /θ/ + Focus on communication: Welcoming a visitor	8	4		4		CR1,CR2, CR3,CR4, S1,S2, S3,S4 A1,A2, A3,A4, A5, A6, R1,R2

2.	Unit 7 : Life In The Fast Lane	+ Language focus: - Present continuous - Present trends - Pronunciation : contracted forms in present continuous + Word-power: Word partners + Focus on communication: - Making and changing arrangements	8	4		4		CR1,CR2, CR3,CR4, S1,S2, S3,S4 A1,A2, A3,A4, A5, A6, R1,R2
3.	Unit 8 : Relocating	+ Language focus: - Future: <i>will</i> - Future: <i>going to</i> - Pronunciation : contracted forms 'll/won't + Word-power: Communications file + Focus on communication: - Writing emails and faxes	7	4		3		CR1,CR2, CR3,CR4, S1,S2, S3,S4 A1,A2, A3, A4, A5, A6, R1,R2
4.	Mid-term Test		1	1				
5.	Unit 9 : Destination With A	+ Language focus: - Modal verbs: should/shouldn't, may,	8	5		3		CR1,CR2, CR3,CR4, S1,S2,

	Difference	can/can't, have to/don't have to - Pronunciation : can/can't + Word-power: Hotel file + Focus on communication: - Invitations, Suggestions					S3,S4 A1,A2, A3, A4, A5, A6, R1,R2
6.	Unit 10 : Developing A Company	+ Language focus: - Past Simple and Present Perfect - Pronunciation : weak forms of has/have + Word-power: Verbs with prepositions + Focus on communication: - Answer phone messages - Emails and mobile phones	9	5		4	CR1,CR2, CR3,CR4, S1,S2, S3,S4 A1,A2, A3, A4, A5,A6, R1,R2
7.	Review		3	2		2	
Tổng cộng			45	26		19	

10. Yêu cầu và kì vọng của học phần

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:

- + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

- + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

- + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.

- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)

- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

- Vào tuần thứ 8, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm 20 % tổng số điểm

- Cuối học kỳ, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận	1	5
Bản thu hoạch		
Thuyết trình		
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên đi học trễ 15 phút sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. Điểm chuyên cần (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài: Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ).
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- Có hành động gian dối: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính

1. INTERNATIONAL EXPRESS (*Student's book & Workbook*), Liz Taylor & Alastair Lane, *Oxford University Express*
2. Learning English as a Foreign Language FOR *DUMMIES* – Gavin Dudeney & Nicky Hockly

12.2. Tài liệu tham khảo

1. AMERICAN ENGLISH FILE (*Student's book & Workbook*), Paul Seligson & Clive Oxenden, *Oxford University Express*
2. ENGLISH PLUS (*Student's book & Workbook*), Ben Wetz & Diana Pye, *Oxford University Express*

12.3. Tư liệu trực tuyến

- Global edu: <http://www.globaledu.com.vn>
- Toeic Vietnam: <http://www.toeicvietnam.com>
- English rainbow: <http://www.englishrainbown.com>
- TED: <https://www.youtube.com/channel/UCAuUUnT6oDeKwE6v1NGQxug>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

-Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy

Buổi 1 (4 tiết) Unit 6 : THE BEST WAY TO TRAVEL

→ Nội dung :

- Giới thiệu điểm ngữ pháp so sánh hơn và so sánh nhất.
- Trình bày và luyện cách đọc giá tiền, ngày-tháng-năm.

➔ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

➔ Tài liệu

- Đọc: Unit 6 “The Best Way to Travel”.

➔ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên biết cách sử dụng điểm ngữ pháp so sánh hơn và so sánh nhất.
- Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập.
- Sinh viên nghe, đọc và viết được giá tiền, ngày-tháng-năm.
- Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

Buổi 2 (4 tiết) Unit 6 : THE BEST WAY TO TRAVEL (cont)

→ Nội dung :

- Trình bày sự khác biệt và luyện phát âm 2 âm [ð] và/θ/.
 - Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Welcoming a visitor’.
-

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 6 “The Best Way to Travel”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên phân biệt được sự khác nhau giữa 2 âm [ð] và/θ/và phát âm đúng các từ có chứa 2 âm này.
- Sinh viên biết các mẫu câu và kỹ năng chào đón một vị khách.
- Sinh viên vận dụng kiến thức thực hiện được một đoạn hội thoại với chủ đề trên.

Buổi 3 (4 tiết)

Unit 7 : LIFE IN THE FAST LANE

→ Nội dung :

- Giới thiệu thì ‘hiện tại tiếp diễn’.
- Trình bày và luyện phát âm các cụm từ viết tắt đi với ‘be’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 7 “Life in the Fast Lane”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên biết cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn và cấu trúc của nó.
- Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập.
- Sinh viên nghe và phát âm được các cụm từ viết tắt đi với ‘be’.

Buổi 4 (4 tiết)

Unit 7 : LIFE IN THE FAST LANE (cont)

→ Nội dung :

- Trình bày các cụm từ thường đi với ‘do’, ‘make’ và ‘get’.
- Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Making and changing arrangements’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 7 “Life in the Fast Lane”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhớ và vận dụng được các cụm từ thường đi với ‘do’, ‘make’ và ‘get’.
- Sinh viên biết các mẫu câu và kỹ năng lên lịch hẹn cũng như thay đổi lịch hẹn.
- Sinh viên vận dụng kiến thức thực hiện được một đoạn hội thoại với chủ đề trên.

Buổi 5 (4 tiết)

Unit 8 : RELOCATING

→ Nội dung :

- Giới thiệu thì ‘trương lai đơn’.
- Trình bày và luyện phát âm hình thức viết tắt của ‘will’ và ‘will not’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 8 “Relocating”.
-

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên biết cách sử dụng thì tương lai đơn và cấu trúc của nó.
- Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập.
- Sinh viên nghe và phát âm hình thức viết tắt của ‘will’ và ‘will not’.

Buổi 6 (4 tiết)

Unit 8 : RELOCATING (cont)

→ Nội dung :

- Trình bày các từ vựng về các phương tiện/ công nghệ được dùng để giao tiếp.
- Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Writing email and faxes’.
- Mid-term test: kiểm tra những điểm ngữ pháp, phát âm và các kỹ năng mà sinh viên đã được học từ Unit 6 đến Unit 8.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 8 “Relocating”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ vựng về phương tiện/ công nghệ giao tiếp.
- Sinh viên biết các mẫu câu, nguyên tắc và kỹ năng viết email hoặc fax.
- Sinh viên vận dụng kiến thức viết được một email hoặc fax theo chủ đề cho sẵn.

Buổi 7(4 tiết)

Unit 9 : DESTINATION WITH A DIFFERENCE

→ Nội dung :

- Giới thiệu các động từ khiếm khuyết trong tiếng Anh như ‘should’, ‘may’, ‘can’, ‘have to’.
- Trình bày và luyện phát âm ‘can’ và ‘can’t’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 9 “Destination with a Difference”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên biết cách sử dụng các động từ khiếm khuyết trong tiếng Anh như ‘should’, ‘may’, ‘can’, ‘have to’.
- Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập.
- Sinh viên nghe và phát âm được ‘can’ và ‘can’t’.
- Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

Buổi 8(4 tiết)

Unit 9 : DESTINATION WITH A DIFFERENCE (cont)

→ Nội dung :

- Trình bày các từ vựng thường được dùng trong môi trường khách sạn.
- Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Invitations, Suggestions’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 9 “Destination with a Difference”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ vựng thường được dùng trong môi trường khách sạn.
- Sinh viên biết các mẫu câu, nguyên tắc và kỹ năng viết email hoặc fax.
- Sinh viên vận dụng kiến thức thực hiện được một đoạn hội thoại xoay

quanh chủ đề ‘‘Invitations, Suggestions’.

- Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.
-

Buổi 9 (5 tiết) Unit 10 : DEVELOPING A COMPANY

→ Nội dung :

- Giới thiệu cấu trúc và sự khác biệt trong cách sử dụng của 2 thì ‘Quá khứ đơn’ và ‘Hiện tại hoàn thành’.

- Trình bày và luyện phát âm hình thức viết tắt của ‘have’ và ‘has’.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 10 “Developing a Company”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nắm được cấu trúc và sự khác biệt trong cách sử dụng của 2 thì ‘Quá khứ đơn’ và ‘Hiện tại hoàn thành’.

- Sinh viên vận dụng được điểm ngữ pháp vừa học vào bài tập, đặc biệt là các dạng bài tập phân biệt thì.

- Sinh viên nghe và phát âm hình thức viết tắt của ‘have’ và ‘has’.
 - Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.
-

Buổi 10 (4 tiết) Unit 10 : DEVELOPING A COMPANY (cont)

→ Nội dung :

- Cung cấp các động từ đi kèm với giới từ.
- Giới thiệu và luyện kỹ năng giao tiếp: Chủ đề ‘Answer phone messages’.
- Giới thiệu sự khác biệt giữa email và thư tín, luyện kỹ năng viết email.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
-

-
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - ➔ Tài liệu
 - Đọc: Unit 10 “Developing a Company”.
 - ➔ Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nhớ và vận dụng được các động từ đi kèm với giới từ.
 - Sinh viên biết các mẫu câu, nguyên tắc và kỹ năng viết email hoặc fax.
 - Sinh viên vận dụng kiến thức thực hiện được một đoạn hội thoại trả lời tin nhắn thoại.
 - Sinh viên nắm được sự khác biệt giữa email và thư tín, có thể viết được một email hoàn chỉnh.
 - Sinh viên biết cách làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

Buổi 11 (4 tiết)**REVIEW**

- ➔ Nội dung :
 - Hệ thống lại tất cả các điểm ngữ pháp, phát âm của học phần.
 - Nhắc lại các kỹ năng của học phần như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghe, kỹ năng viết, ...
 - Cung cấp các bài tập để sinh viên hệ thống lại kiến thức.
 - ➔ Phương pháp:
 - Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - ➔ Tài liệu
 - Đọc: Unit 6-10.
 - ➔ Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nhớ và vận dụng được tất cả các điểm ngữ pháp, phát âm của học phần.
-

-
- Sinh viên có thể hệ thống lại các kỹ năng của học phần như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghe, kỹ năng viết, ...
 - Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
-

15. Thi kết thúc học phần

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Tự luận hoặc trắc nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Toán rời rạc **Mã học phần: 10288**

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Thanh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
- Điện thoại: 0983073491
- Email: lthanh@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**
- ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần:

- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, quy luật suy luận logic dùng trong cuộc sống và trong kỹ thuật máy tính
- Học phần cũng cung cấp các kiến thức và kỹ năng về phép đếm, quan hệ, thuật toán và đại số bool

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

1. Sử dụng kỹ năng lập luận mang tính toán học, đặc biệt là cấu trúc rời rạc toán học và kỹ năng suy luận logic trong việc học tập và giải quyết các bài toán cơ bản trong khoa học và kỹ thuật máy tính
2. Phát biểu, trình bày, mô tả một câu hỏi hoặc vấn đề thực tiễn bằng cách áp dụng ngôn ngữ hoặc các mô hình toán học rời rạc.
3. Nhận thức và đánh giá được cái hay của việc suy luận logic trong việc xây dựng các ứng dụng thực tiễn

- Kỹ năng:

4. Áp dụng kiến thức về lý thuyết toán rời rạc để giải các bài toán thực tế

- Thái độ:

5. Chuyên cần, đọc tài liệu trước khi đến lớp, tham gia bài giảng tích cực

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Cung cấp các kiến thức cơ bản toán rời rạc như: Cơ sở logic, phép đếm, thuật toán, quan hệ và đại số bool. Những nội dung này rất quan trọng nhằm giúp sinh viên hiểu sâu về các khía cạnh trừu tượng trong cấu tạo và hoạt động của các hệ thống tính toán.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số Tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1: Đại số mệnh đề	<ol style="list-style-type: none"> Mệnh đề và các phép toán mệnh đề. Dạng mệnh đề. Vị từ và lượng từ. Phương pháp chứng minh bằng qui nạp. 	9	3	6		[1]	
2	Chương 2: Tập hợp và ánh xạ	<ol style="list-style-type: none"> Tập hợp Ánh xạ 	9	3	6		[1]	
3	Chương 3: Đại số bool	<ol style="list-style-type: none"> Đại số bool Hàm bool Tổ hợp luận lý 	9	3	6		[2]	
4	Chương 4: Quan hệ hai ngôi	<ol style="list-style-type: none"> Quan hệ hai ngôi và ma trận biểu diễn. Các tính chất của quan hệ hai ngôi. Quan hệ thứ tự Quan hệ tương đương 	21	15	6		[2]	
5	Chương 5: Phương pháp đếm	<ol style="list-style-type: none"> Phép đếm Giải tích tổ hợp 	9	3	6		[3]	

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số Tiết				TL	CĐR
			TC	LT	BT	TH	TH	
		3. Nguyên lý Dirichlet						
6	Chương 6: Thuật toán – Đánh giá độ phức tạp của thuật toán	1. Khái niệm 2. Độ phức tạp của thuật toán 3. Sự phân lớp bài toán	5	3	2			[3]

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

- Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
- Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, hợp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
- Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng
- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi kết thúc học phần chiếm 60%

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình		
Bài tập		
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Toán rời rạc Kenneth H. Rosen, 2007. Toán học rời rạc ứng dụng trong tin học. NXB Khoa học và Kỹ thuật

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Hữu Anh (1999). Toán rời rạc. Nhà xuất bản giáo dục.

[3] Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô Thành (2003). Toán rời rạc. Nhà xuất bản ĐH Quốc gia Hà Nội.

[4] Đỗ Đức Giáo (2000). Toán rời rạc. Nhà xuất bản ĐH Quốc gia Hà Nội

12.3. Tư liệu trực tuyến:

[5] Giáo trình Toán rời rạc: <http://www.e-ptit.edu.vn/hoclap/hoclieu/TRR.pdf>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy:

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Đại số mệnh đề

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 2 (3 tiết) Chương 1: Đại số mệnh đề (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi

- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 3 (8 tiết) Chương 1: Đại số mệnh đề (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 4 (5 tiết) Chương 2: Tập hợp và ánh xạ

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 5 (8 tiết) Chương 2: Tập hợp và ánh xạ (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 6 (7 tiết) Chương 2: Tập hợp và ánh xạ (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 3: Đại số bool (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Quan hệ hai ngôi

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 4: Quan hệ hai ngôi (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 5: Phương pháp đếm

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 5: Phương pháp đếm (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 6: Thuật toán – Đánh giá độ phức tạp của thuật toán

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 6 thuộc Cuốn [1]

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Tự luận – Được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Lập trình căn bản **Mã học phần:** 10430
- 2. Khoa phụ trách:** Công nghệ thông tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
 - 3.1. Họ và tên: Lê Thanh**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0983073491
 - Email: lthanh@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng
 - 3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
 - ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin
- 4. Số tín chỉ: 3**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**
 - Lên lớp: 60 tiết
 - Tự học: 135 tiết
- 6. Học phần tiên quyết: không**

7. Mục tiêu của học phần:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- ✓ Nắm vững các khái niệm cơ bản trong lập trình.
- ✓ Vận dụng các kỹ năng lập trình cơ bản để giải quyết các bài toán đơn giản trong thực tế.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- (1) Trình bày được các khái niệm cơ bản về lập trình.
- (2) Sử dụng các thành phần cơ bản của ngôn ngữ C#.
- (3) Có tư duy lập trình: tuần tự, chọn lựa (điều kiện), lặp, hàm.

8.2 Kỹ năng:

- (4) Vận dụng các kỹ thuật lập trình và kỹ thuật xử lý mảng để giải quyết các bài toán thực tế đơn giản.
- (5) Tổ chức chương trình thành các hàm.

8.3 Thái độ:

- (6) Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật, đi học chuyên cần
- (7) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- (8) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- (9) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- (10) Sẵn sàng phân tích các yêu cầu kỹ thuật lập trình cơ bản để áp dụng giải quyết các bài toán trong thực tế.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

Học phần giới thiệu cho sinh viên mới bắt đầu học lập trình về các khái niệm cơ bản trong lập trình, giới thiệu khái niệm thuật toán và các thuật toán cơ bản, trình bày phương pháp tư duy lập trình cơ bản như: tuần tự, chọn lựa, lặp. Ngoài ra, học phần còn trình bày cách tổ chức chương trình thành các hàm, sử dụng mảng một chiều và một số kỹ thuật lập trình cơ bản để áp dụng giải quyết các bài toán trong thực tế.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM VỀ LẬP TRÌNH	1.1 Block based programming 1.2 Một số khái niệm về lập trình 1.3 Ba cấu trúc lệnh	6	4	2			(1)
2.	CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU VỀ THUẬT TOÁN	2.1. Khái niệm Thuật toán (algorithm) 2.2. Năm đặc tính quan trọng của thuật toán 2.3 Biến (variable) 2.4 Phép gán assignment) 2.5 Sơ đồ khối flowchart) 2.6 Hướng dẫn vẽ sơ đồ khối bằng Microsoft Visio	9	6	3			(2)

3.	<p>CHƯƠNG 3. BIẾN VÀ CÂU LỆNH TUẦN TỰ</p>	<p>3.1 Ngôn ngữ lập trình C# 3.2 Môi trường lập trình Visual Studio 3.3 Chương trình C# đầu tiên 3.4 Ghi chú (Comment) 3.5 Biến và phép gán (Variable và Assignment) 3.6 Các kiểu cơ bản (Type) 3.7 Nhập và xuất dữ liệu 3.8 Các phép toán cơ bản</p>	9	6	3			(3)
4.	<p>CHƯƠNG 4. CÂU LỆNH CHỌN LỰA</p>	<p>4.1 Câu lệnh Chọn lựa 4.2 Phép toán so sánh 4.3 Kết hợp nhiều câu lệnh chọn lựa 4.4 Câu lệnh chọn lựa khác</p>	8	5	3			(4)
5.	<p>CHƯƠNG 5. CÂU LỆNH LẶP</p>	<p>5.1 Câu lệnh lặp – Tình huống 5.2 Các dạng lệnh lặp trong C# 5.3 Lặp với câu lệnh while</p>	9	6	3			(5)

		<p>5.4 Lặp với câu lệnh do .. while</p> <p>5.5 Lặp với câu lệnh for</p> <p>5.6 Break và Continue</p> <p>5.7 Nesting Loops (nâng cao)</p>						
6.	<p>CHƯƠNG 6. HÀM</p>	<p>6.1 Tình huống</p> <p>6.2 Khái niệm về hàm</p> <p>6.3 Cấu trúc tổng quát khi định nghĩa hàm</p> <p>6.4 Lời gọi hàm</p> <p>6.5 Tham số là tham chiếu</p>	9	6	3			(6)
7.	<p>CHƯƠNG 7. MẢNG 1 CHIỀU</p>	<p>7.1 Tình huống</p> <p>7.2 Khái niệm</p> <p>7.3 Nhập xuất mảng</p> <p>7.4 Hàm có tham số là mảng</p> <p>7.5 Các bài toán trên mảng 1 chiều</p>	8	5	3			(7)
8.	<p>CHƯƠNG 8. MỘT SỐ KỸ THUẬT LẬP TRÌNH CƠ BẢN</p>	<p>8.1 Thuật toán</p> <p>8.2 Tìm kiếm tuyến tính – Linear Search</p> <p>8.3 Tìm max/min</p> <p>8.4 Hoán vị</p> <p>8.5 Thuật toán Sắp xếp cơ bản - Interchange Sort</p>	9	6	3			(8)

		8.6 Tìm kiếm nâng cao 8.7 Kiểm tra mảng thỏa điều kiện						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phân thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
 - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi

giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] The C# Player's Guide, RB Whitaker, Starbound Software, 2015

[2] Fundamentals of Computer Programming with C#, Svetlin Nakov, 2013 (free book)

<http://www.introprogramming.info/english-intro-csharp-book/>

12.2 Tài liệu tham khảo:

[3] Toán rời rạc, TS. Võ Văn Tuấn Dũng, NXB. Lao Động Xã Hội, 2009.

[4] <https://www.tutorialspoint.com/csharp/index.htm>

[5] <https://code.org/learn>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM VỀ LẬP TRÌNH

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU VỀ THUẬT TOÁN

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU VỀ THUẬT TOÁN

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) CHƯƠNG 3. BIẾN VÀ CÂU LỆNH TUẦN TỰ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) CHƯƠNG 3. BIẾN VÀ CÂU LỆNH TUẦN TỰ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) CHƯƠNG 4. CÂU LỆNH CHỌN LỰA

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) CHƯƠNG 5. CÂU LỆNH LẬP

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) CHƯƠNG 5. CÂU LỆNH LẬP

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) CHƯƠNG 6. HÀM

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) CHƯƠNG 6. HÀM

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) CHƯƠNG 7. MẢNG 1 CHIỀU

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) CHƯƠNG 7. MẢNG 1 CHIỀU

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) CHƯƠNG 8. MỘT SỐ KỸ THUẬT LẬP TRÌNH CƠ BẢN

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) CHƯƠNG 8. MỘT SỐ KỸ THUẬT LẬP TRÌNH CƠ BẢN

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập và Thi

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài thi (cá nhân)

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Vấn đáp, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Tiếng Anh 3 - Mã học phần: 10047
- 2. Khoa phụ trách:** Khoa Ngoại Ngữ
- 3. Họ và tên giảng viên giảng dạy:**
- 3.1. Họ và tên:** Phan Thị Hiền Vinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa ngoại ngữ - Đại học Phan thiết
 - ĐT: 0913649930 email: msvinh@gmail.com
 - Các hướng nghiên cứu chính: Phát triển các kỹ năng thực hành tiếng
- 4. Số tín chỉ:** 3
- 5. Phân bổ thời gian (tiết):** 45 tiết
- Lên lớp: 45 tiết
 - Tự học: 135 tiết
- 6. Học phần tiên quyết:** Tiếng Anh 2
- 7. Mục tiêu học phần**
- Dựa trên giáo trình chính, mỗi bài học tập trung vào các chủ điểm khác nhau nhằm giúp sinh viên dễ tiếp cận và vận dụng kiến thức và các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao theo định hướng TOEIC, giúp sinh viên củng cố về ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, đọc hiểu về các lĩnh vực phổ biến trong cuộc sống.
- 8. Chuẩn đầu ra học phần:** Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được chuẩn đầu ra học phần / mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

CR1. Sinh viên nắm được kiến thức tổng quát các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường giao tiếp quốc tế.

CR2. Sinh viên có khả năng nghe hiểu.

CR3. Sinh viên nắm được kiến thức sử dụng ngữ pháp và từ vựng.

CR4. Sinh viên nắm được một số điểm khác biệt giữa văn phong nói và văn phong viết để hỗ trợ cho quá trình nghe-hiểu đạt hiệu quả hơn.

- Kỹ năng:

S1. Sinh viên phát triển, nâng cao khả năng nghe hiểu, đọc hiểu, kỹ năng phản xạ.

S2. Sinh viên có được kỹ năng đọc hiểu các bài đọc ngắn và các đoạn đàm thoại liên quan đa dạng các lĩnh vực về sức khỏe, thời tiết, báo chí, quảng cáo, tin nhắn, thông báo, ... ở trình độ cơ bản.

S3. Sinh viên có khả năng sử dụng đúng ngữ pháp trong ngữ cảnh tự nhiên

S4. Sinh viên cải thiện được kỹ năng phát âm, kỹ năng giao tiếp thực hành.

S5. Sinh viên có khả năng ứng phó được các lễ nghi cơ bản, có thể tranh luận, thảo luận về các chủ đề quen thuộc trong môi trường làm việc và trong cuộc sống thông qua các tình huống bằng tranh ảnh, mẫu đối thoại ngắn, ...

- Thái độ:

A1. Yêu cầu tham gia đủ giờ học. (Tham dự lớp ít nhất 80% số tiết quy định)

A2. Nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong học tập

A3. Sinh viên có nhận thức đúng đắn về môn học, ngành học.

A4. Thái độ học tập và nghiên cứu một cách khoa học và nghiêm túc.

A5. Trau dồi thói quen đọc, nghe thông qua các tài liệu tham khảo, sử dụng Internet trong việc học Tiếng Anh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

R1. Hình thành cho sinh viên khả năng tự giải quyết các vấn đề trong quá trình học.

R2. Hình thành cho sinh viên tính trách nhiệm trong các hoạt động của lớp và nhóm.

9. Nội dung học phần

9.1. Tóm tắt nội dung học phần

Bố cục thích hợp trong mỗi bài học giúp sinh viên dễ tiếp cận và vận dụng kiến thức và các

kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao theo định hướng TOEIC, giúp sinh viên củng cố về ngữ pháp, kỹ năng nghe, đọc hiểu về các lĩnh vực phổ biến trong cuộc sống, bao gồm các nội dung:

Kỹ năng: tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và đọc hiểu

- Nghe: phân bố rõ ràng các kỹ năng nghe:

- + Nghe qua tranh ảnh
- + Nghe thông qua câu hỏi và trả lời,
- + Nghe thông qua các đoạn hội thoại,
- + Nghe thông qua các cuộc nói chuyện.

- Đọc hiểu: củng cố các kỹ năng đọc, đọc hiểu

- + Phần ngữ pháp và từ vựng
- + Các bài đọc được lấy đi các từ và cụm từ, đọc và điền vào các từ hay cụm từ thích hợp.
- + Các bài đọc hiểu tìm câu trả lời thích hợp.

Kiến thức ngôn ngữ:

- Ngữ pháp:

+ Cách nhận biết và sử dụng: Các thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, các hình thức của động từ, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, đại từ quan hệ, tính từ, trạng từ, liên từ, bổ ngữ, cấu trúc so sánh, và dạng phủ định.

+ Nghe các hoạt động hàng ngày, thông tin, thời sự, quảng cáo, thông báo trong các lĩnh vực trong cuộc sống

+ Đọc hiểu: các đoạn trích dẫn, thời sự, thông báo, báo cáo về các lĩnh vực như thương mại, du lịch, kinh tế,...

+ Viết: dựa vào các chủ đề về Memo, Letter, Fax, Report, ... nâng cao kỹ năng viết theo hình thức trang trọng.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL	CĐR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1.	Unit 1: Present Tense	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
2.	Unit 2: Past Tense	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
3.	Unit 3:Gerunds / Infinitives	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
4.	Unit 4: Subject - Verb Agreement	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2

		-Mini test						A3,A4, A5, R1, R2
5.	Unit 5: Auxiliaries	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
6.	Unit 6: Relative Pronouns	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	3	2	1			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
7.	Midterm Test		1		1			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
8.	Unit 7: Nouns / Pronouns	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2

								A3,A4, A5, R1, R2
9.	Unit 8: Adjectives / Adverbs	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
10.	Unit 9: Comparisons	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
11.	Unit 10: Conjunctions	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	4	2	2			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
12.	Unit 11: Modifiers	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	3	2	1			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2

								A3,A4, A5, R1, R2
13.	Unit 12: Negation	-Vocabulary -Grammar focus -Preposition -Grammar exercises -Mini test	2	1	1			CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
14.	Review – Test 2 (Practice Test)							CR1, CR2, CR3, CR4, S1,S2 S3,S4, S5 A1,A2 A3,A4, A5, R1, R2
Tổng cộng			45	23	22			

10. Yêu cầu và kì vọng của học phần

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào tuần thứ 8, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm 20 % tổng số điểm
- Cuối học kỳ, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận	1	5
Bản thu hoạch		
Thuyết trình		
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên đi học trễ 15 phút sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. Điểm chuyên cần (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài: Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được

cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ).

- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- Có hành động gian dối: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính

1. VERY EASY TOEIC – *Second Edition*, Anne Taylor & Garrett Byrn (*Compass Publishing*), *First News*
2. STARTER TOEIC - Anne Taylor & Casey Malarcher

12.2. Tài liệu tham khảo

1. TOEIC Grammar – Version 1.0
2. Basic English Usage Michael Swan *Oxford University Press*
3. Tactics for TOEIC – *Listening and Reading test* Grant Trew *Oxford*
4. 600 essential words for the TOEIC *Second Edition* Dr. Lin Lougheed

12.3. Tư liệu trực tuyến

- Luyện thi anh van: <http://luyenthianhvan.org> ;
- ToEICvietnam: <http://www.toeicvietnam.com> ;
- Chompchomp: <http://www.chompchomp.com> ;
- BBC: <http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/index.shtml>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

-Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy

Buổi 1 (4 tiết) UNIT 1: PRESENT TENSE

→ Nội dung :

- Giới thiệu cấu trúc của một bài thi TOEIC.
- Ôn lại phần ngữ pháp: Cách nhận biết và sử dụng thì hiện tại đơn ở phần tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2.

- Mở rộng ra các thì hiện tại khác.
- Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 1 “Present Tense”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nắm được cấu trúc của một bài thi TOEIC.
- Sinh viên nhận biết và sử dụng được các thì hiện tại.
- Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

Buổi 2 (4 tiết) UNIT 2: PAST TENSE

→ Nội dung :

- Ôn lại phần ngữ pháp: Cách nhận biết và sử dụng thì quá khứ đơn trong tiếng Anh ở phần tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2.

- Mở rộng ra các thì quá khứ khác.
- Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 2 “Past Tense”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhận biết và sử dụng được các thì quá khứ.
- Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

Buổi 3 (4 tiết)

UNIT 3: GERUNDS / INFINITIVES

→ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách nhận biết và sử dụng danh động từ, động từ hình thức nguyên mẫu trong tiếng Anh.
- Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 3 “Gerunds-Infinitives”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhận biết và sử dụng được danh động từ, động từ hình thức nguyên mẫu trong tiếng Anh.
 - Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
-

-
- Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.
-

Buổi 4 (4 tiết)

UNIT 4: SUBJECT - VERB AGREEMENT

→ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách nhận biết và sử dụng phù hợp sự hòa hợp giữa Chủ ngữ và Vị ngữ trong câu

- Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 4 “Subject-Verb agreement”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhận biết và sử dụng phù hợp sự hòa hợp giữa Chủ ngữ và Vị ngữ trong câu.
 - Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.
-

Buổi 5 (4 tiết)

UNIT 5: AUXILIARIES

→ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách nhận biết và sử dụng dạng các trợ động từ (be, do, have, will)

- Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
-

-
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - ➔ Tài liệu
 - Đọc: Unit 5 “Auxiliaries”.
 - ➔ Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nhận biết và sử dụng dạng các trợ động từ (be, do, have, will).
 - Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.
-

Buổi 6 (4 tiết)

UNIT 6: RELATIVE PRONOUNS

➔ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách nhận biết và sử dụng đại từ quan hệ.
 - Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.
 - Mid-term test.
 - ➔ Phương pháp:
 - Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - ➔ Tài liệu
 - Đọc: Unit 6 “Relative Pronouns”.
 - ➔ Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nhận biết và sử dụng được đại từ quan hệ.
 - Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.
-

Buổi 7(4 tiết)

UNIT 7: NOUNS / PRONOUNS

→ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách nhận biết và sử dụng phù hợp danh từ và đại từ trong câu.
- Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.
- Phương pháp:
 - Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
- Tài liệu
 - Đọc: Unit 7 “Nouns/ Pronouns”.
- Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nhận biết và sử dụng phù hợp danh từ và đại từ trong câu.
 - Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

Buổi 8(4 tiết)

UNIT 8: ADJECTIVES / ADVERBS

→ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách sử dụng tính từ và trạng từ trong câu.
 - Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.
 - Phương pháp:
 - Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - Tài liệu
 - Đọc: Unit 8 “Adjectives-Adverbs”.
-

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhận biết và sử dụng được sử dụng tính từ và trạng từ trong câu.
- Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

Buổi 9 (4 tiết) UNIT 9: COMPARISONS

→ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách sử dụng các cấu trúc so sánh trong câu.
- Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

→ Phương pháp:

- Giảng giải, trình bày kiến thức
- Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
- Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

→ Tài liệu

- Đọc: Unit 9 “Comparisons”.

→ Kết quả mong muốn:

- Sinh viên nhận biết và sử dụng được các cấu trúc so sánh trong câu.
- Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

Buổi 10 (4 tiết) UNIT 10: CONJUNCTIONS

→ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách sử dụng liên từ trong câu.
- Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
- Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

→ Phương pháp:

-
- Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - ➔ Tài liệu
 - Đọc: Unit 10 “Conjunctions”.
 - ➔ Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nhận biết và sử dụng được liên từ trong câu.
 - Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Sinh viên dần hoàn thiện kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.

Buổi 11 (5 tiết) UNIT 11: MODIFIERS + UNIT 12: NEGATION

➔ Nội dung :

- Ngữ pháp: Cách sử dụng từ bỏ ngữ và dạng phủ định của động từ.
 - Cung cấp một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Luyện các kỹ năng nghe, kỹ năng đọc-hiểu các phần trong bài thi TOEIC.
 - Hệ thống lại toàn bộ các bài để kiểm tra cuối kì. (Format TOEIC)
 - ➔ Phương pháp:
 - Giảng giải, trình bày kiến thức
 - Thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm
 - Luyện nghe và làm bài tập theo cá nhân
 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan
 - ➔ Tài liệu
 - Đọc: Unit 10 “Conjunctions”.
 - ➔ Kết quả mong muốn:
 - Sinh viên nhận biết và sử dụng được từ bỏ ngữ và dạng phủ định của động từ.
 - Sinh viên nắm được một số từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC.
 - Hệ thống lại toàn bộ các bài để kiểm tra cuối kì.
-

15. Thi kết thúc học phần

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Tự luận hoặc trắc nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Kỹ thuật lập trình - Mã học phần : 10207

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:0903691799; email: nhmnhat@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Thái Huy Tân

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 01683410784 ; email:tanth@uit.upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 4

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Tin học đại cương

7. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên nắm được những kiến thức bổ sung về C/C++ như kiểu dữ liệu có cấu trúc, mảng, con trỏ, cấp phát động, file. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về phân tích, đánh giá độ phức tạp của giải thuật, đồng thời cũng cung cấp các giải thuật và kỹ thuật lập trình để giải quyết bài toán thực tế cũng như nâng cao hiệu quả của các chương trình máy tính.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

1. Nắm những kiến thức bổ sung về C/C++.
2. Kiến thức về phân tích, đánh giá độ phức tạp của giải thuật, đồng thời cũng cung cấp các giải thuật và kỹ thuật lập trình để giải quyết bài toán thực tế cũng như nâng cao hiệu quả của các chương trình máy tính.

- Kỹ năng:

3. Có khả năng đưa ra một giải pháp lập trình hướng đối tượng cho các bài toán ở quy mô tương đối đơn giản.
4. Đánh giá được độ phức tạp của giải thuật

- Thái độ:

5. Có ý thức rèn luyện kỹ năng làm việc chính xác, cẩn thận và theo phong cách công nghiệp, hệ thống.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	TL	BT	TH		
1	Chương 1: Bổ sung	1. Kiểu dữ liệu có cấu trúc 2. Files và streams	2		4	4		[1]

	kiến thức về C/C++	<ul style="list-style-type: none"> 3. Tạo, đọc, ghi và cập nhật file. 4. Xử lý file truy xuất tuần tự 5. Con trỏ, cấp phát bộ nhớ động 6. Thao tác mẫu. 7. Sinh viên thực hành 					
2	Chương 2: Kỹ thuật xử lý trên bảng 1 chiều, 2 chiều	<ul style="list-style-type: none"> 1. Lính canh 2. Xử lý số lớn 3. Lập trình trò chơi 4. Bảng phương án 5. Loang trên bảng 2 chiều 6. Sinh viên thực hành 	4		4	4	[1,2]
3	Chương 3: Con trỏ	<ul style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm con trỏ 2. Con trỏ trong mảng 3. Các phương pháp truyền tham số. 4. Sinh viên thực hành 	4		2	4	[1]
4	Chương 4: Phương pháp duyệt	<ul style="list-style-type: none"> 1. Vết cạn 2. Quay lui. 3. Đệ quy 4. Khử đệ quy 5. Duyệt có đặt cạn. 	2		2	2	[1,2]

		6. Sinh viên thực hành					
5	Chương 5: Giải thuật sinh	1. Sinh nhị phân 2. Sinh tập con. 3. Sinh tổ hợp. 4. Sinh chỉnh hợp 5. Xử lý bit 6. Sinh viên thực hành	2		2	2	[1,2]
6	Chương 6: Quy hoạch động	1. Bài toán cái túi 2. Bài toán nhân một dãy ma trận 3. Bài toán dãy con tăng nghiêm ngặt dài nhất 4. Bài toán xâu con chung dài nhất			2	2	[1,2,3, 4,5]
Tổng cộng			45				

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, hợp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Donald E. Knuth, The Art of Computer Programming – Vol. 2, 3rd Edition, Addison Wesley, 1997.

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Steven S. Skiena, Miguel A. Revilla, Programming Challenges, Springer, 2003.
- Brian W. Kernighan, Dennis M. Ritchie, The C programming language (2Ed), Prentice Hall, 1988.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Tuần 1 Bổ sung kiến thức về C/C++

-Giáo viên ôn lại các kiến thức về ngôn ngữ C/C++

-Nói về nội dung môn học, cách thức tính điểm và hình thức thi cuối kỳ

1. Kiểu dữ liệu có cấu trúc
2. Files và streams
3. Tạo, đọc, ghi và cập nhật file.
4. Xử lý file truy xuất tuần tự
5. Con trỏ, cấp phát bộ nhớ động
6. Thao tác mẫu.

Tuần 2: Kỹ thuật xử lý trên bảng 1 chiều, 2 chiều

1. Lĩnh canh
2. Xử lý số lớn
3. Lập trình trò chơi

Tuần 3: Thực hành 1

Tuần 4: Kỹ thuật xử lý trên bảng 1 chiều, 2 chiều (tt)

4. Bảng phương án
5. Loang trên bảng 2 chiều

Tuần 5: Thực hành 2

Tuần 6: Con trỏ

1. Khái niệm con trỏ
2. Con trỏ trong mảng
3. Các phương pháp truyền tham số.

Tuần 7: Thực hành 3**Tuần 8: Phương pháp duyệt**

1. Vét cạn
2. Quay lui.
3. Đệ quy

Tuần 9: Thực hành 4**Tuần 10: Phương pháp duyệt (tt)**

4. Khử đệ quy
5. Duyệt có đặt cận.

Tuần 11: Thực hành 5**Tuần 12: Giải thuật sinh**

1. Sinh nhị phân
2. Sinh tập con.
3. Sinh tổ hợp.
4. Sinh chỉnh hợp
5. Xử lý bit

Tuần 13: Thực hành 6**Tuần 14: Quy hoạch động**

1. Bài toán cái túi
2. Bài toán nhân một dãy ma trận
3. Bài toán dãy con tăng nghiêm ngặt dài nhất
4. Bài toán xâu con chung dài nhất

Tuần 15: Thực hành và ôn tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Thực hành trên máy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Pháp luật đại cương - Mã học phần: 20015

2. Khoa phụ trách: Khoa Cơ bản

3. Họ tên giảng viên giảng dạy: Trần Bình Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc Sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa cơ bản – Đại học Phan Thiết
- ĐT: 0908190290; email: luatsutranbinhtrong@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Luật dân sự.

4. Số tín chỉ: 2

5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết

- Lên lớp: 30 tiết
- Tự học: 90 tiết

6. Học phần tiên quyết: Các nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin

7. Mục tiêu của học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên tất cả các ngành những kiến thức cơ bản về những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một

số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

CR1. Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật.

CR 2. Hiểu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước về quản lý kinh tế.

CR 3. Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.

CR 4. Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.

- Kỹ năng:

S1. Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.

S2. Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.

S3. Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.

- Thái độ:

A1. Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quản lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn. (8)

A2. Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình

đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

R1. Có ý thức tự học

R2. Hoàn thiện kỹ năng thuyết trình

R3. Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học

R4. Trau dồi, phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương theo chương trình khung của bộ Giáo dục và đào tạo tối với sinh viên ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật.

Môn học không đi sâu nghiên cứu các chi tiết các vấn đề mà chỉ dừng lại ở nội dung căn bản và khái quát về nhà nước và pháp luật.

Học phần đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam về quản lý nền kinh tế; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Từ cách nhìn tổng quát về hệ thống các ngành luật trong hệ thống luật của Nhà nước ta một học trình được dành để nghiên cứu những nội dung cơ bản của luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự với tư cách là những ngành luật chủ yếu (các ngành luật gốc) của hệ thống luật, để từ đó người học có thể dễ dàng tự tiếp cận với các ngành luật khác phái sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế	1. Khái quát chung về nhà nước 2. Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế	2	2			6	CR1, CR2, CR4, S1, S2, A2, R1, R2, R3, R4
2	Pháp luật cơ bản	1. Khái quát những vấn đề cơ bản về pháp luật 2. Hình thức của pháp luật và VBQPPL	4	4			12	CR1, CR3, S2, S36, A1, A2, R1, R2
3	Thực hiện pháp luật	1. Quan hệ pháp luật 2. Thực hiện pháp luật 3. Vi phạm pháp luật	4	4			12	CR1, CR2, CR3, S1, S2, S3, A2, R1, R3, R4
4	Tinh thần của luật hiến pháp	1. Khái quát về chủ nghĩa lập hiến 2. Hiến pháp- công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước. 3. Hiến pháp và quyền con người.	4	4			12	CR1, CR2, CR4, S1, S3, A1, A2, R1, R3

5	Luật dân sự và luật hôn nhân.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật dân sự 2. Luật hôn nhân và gia đình 	4	4			12	CR1, CR2, CR4, S1, S2, A2, R1, R2, R3, R4
6	Luật lao động và luật tố tụng dân sự.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật lao động 2. Luật tố tụng dân sự 	4	4			12	CR1, CR3, S2, S36, A1, A2, R1, R2
7	Luật hành chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quan hệ pháp luật hành chính. 2. Trách nhiệm hành chính 3. Cán bộ, công chức và viên chức. 4. Kiểm tra giữa kỳ. (30 phút) 	4	4			12	CR1, CR2, CR3, S1, S2, S3, A2, R1, R3, R4
8	Luật hình sự và luật tố tụng hình sự.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò của LHS và TTHS trong đấu tranh và phòng chống tội phạm 2. Chế định tội phạm và hình phạt. 3. Cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo và các giai đoạn của TTHS. 	4	4			12	CR1, CR2, CR4, S1, S3, A1, A2, R1, R3

		<p>4. Tổng kết môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải đáp thắc mắc cho sinh viên. - Giảng viên tổng kết môn 						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học vào thực tế công việc và cuộc sống.

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 8 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thảo luận được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình.
Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nghiệm.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình		
Bài tập		
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Giảng viên sẽ điểm danh từng buổi học nếu sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Giáo trình pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012
- Hệ thống văn bản dành cho học phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012
- Giáo trình pháp luật đại cương – PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, NXB Công an nhân dân.

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật – Khoa Luật kinh tế, trường đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2011
- Giáo trình Luật Dân sự, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2013.
- Giáo trình Luật Lao động, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2013.
- Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2013.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, một số địa phương)

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy:

Buổi 1 (4 tiết) Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế

→Nội dung:

- Khái quát chung về nhà nước. (*Học thuyết Mác 40% và kế ước xã hội 60%*)
- Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế. (*chú trọng chức năng và vai trò của mỗi hệ thống cơ quan trong QLKT*)

→ Phương pháp

- Giảng viên diễn giảng; đàm thoại.
- Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.

→ Tài liệu

- Chương 1. Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT tr 1 -> 30.
- Chương 2. Giáo trình lý luận về nhà nước và PL – khoa LKT, ĐHKT. Tr 13 -> 66
- Hệ thống văn bản dành cho học phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012
- Website của các cơ quan nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, HĐND và UBND một số địa phương)

→ Kết quả mong muốn

- Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật;
- Hiểu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước về quản lý kinh tế
- Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.
- Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quản lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn.
- Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

Buổi 2 (4 tiết) Pháp luật cơ bản.

→ Nội dung:

- Khái quát những vấn đề cơ bản về pháp luật. (*các khái niệm, bản chất, chức năng và giá trị xã hội của PL*)
- Hình thức của pháp luật và VBQPPL (*án lệ và VBQPPL*)

→ Phương pháp

- Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
- Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.

→ Tài liệu

- Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT, Tr 31-42; 77-106
- Giáo trình pháp luật đại cương – PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, tr 9- 69
- Giáo trình lý luận về nhà nước và PL – khoa LKT, ĐHKT. Tr 67-158
- Hệ thống văn bản dành cho học phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012

→ Kết quả mong muốn

- Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật;
- Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.
- Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quản lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn.
- Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

Buổi 3 (4 tiết) Thực hiện pháp luật

➔ Nội dung:

- Quan hệ pháp luật (khái niệm, căn cứ làm PS, TĐ, CD QHPL)
- Thực hiện pháp luật (khái niệm và các hình thức THPL; đảm bảo công lý cho con người)
- Vi phạm PL (dấu hiệu và cấu thành); Trách nhiệm pháp lý (phân loại)

➔ Phương pháp

- Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
- Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.

➔ Tài liệu

- Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT, Tr 43 – 77
- Giáo trình lý luận về nhà nước và PL – khoa LKT, ĐHKT, tr 171-240
- Hệ thống văn bản dành cho học phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012

➔ Kết quả mong muốn

- Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật;
- Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.
- Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.
- Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.

- Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

Buổi 4 (4 tiết) Tinh thần của luật hiến pháp

→ Nội dung:

- Khái quát về chủ nghĩa lập hiến. (so sánh VN và một số quốc gia tiêu biểu)
- Hiến pháp- công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước.
- Hiến pháp và quyền con người.

→ Phương pháp

- Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
- Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.

→ Tài liệu

- Giáo trình pháp luật đại cương – PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, chương 04, Tr 88-124

→ Kết quả mong muốn

- Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật;
- Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.
- Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quản lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn.

- Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

Buổi 5 (4 tiết) Luật dân sự và luật hôn nhân.

→ Nội dung:

- Luật dân sự (tổng quan về luật tài sản gồm tài sản, một số khái niệm của luật tài sản, chức năng của luật tài sản; và khái quát chế định thừa kế)
- Luật hôn nhân và gia đình (chế định kết hôn và ly hôn) hướng dẫn sv tự nghiên cứu.

→ Phương pháp

- Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
- Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề.

→ Tài liệu

- Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT Tr 107 - 160
- Hệ thống văn bản dành cho học phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012

→ Kết quả mong muốn

- Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.
- Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.

- Vận dụng được các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.
- Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.
- Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

Buổi 6 (4 tiết) Luật lao động và luật tố tụng dân sự

→ Nội dung:

- Luật lao động (Quan hệ lao động gồm: hợp đồng lao động, nội dung của quan hệ lao động, chấm dứt quan hệ lao động)
- Luật tố tụng dân sự (chủ thể trong TTDS và qui trình TTDS)

→ Phương pháp

- Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
- Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề

→ Tài liệu

- Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT, Tr 161 – 226
- Hệ thống văn bản dành cho học phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012

→ Kết quả mong muốn

- Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó,

cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.

- Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.
- Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.
- Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.
- Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

Buổi 7 (4 tiết) Luật hành chính

→ Nội dung:

- Quan hệ pháp luật hành chính.
- Trách nhiệm hành chính. (vi phạm HC và hậu quả của VPHC)
- Cán bộ, công chức và viên chức. (khái niệm và bổn phận công chức không được làm)
- Kiểm tra giữa kỳ. (30 phút)

→ Phương pháp

- Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
- Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề

→ Tài liệu

- Giáo trình Pháp luật đại cương – khoa LKT, ĐHKT. Tr 257 – 292
- Hệ thống văn bản dành cho học phần pháp luật đại cương, khoa Luật kinh tế - ĐHKT Tp. HCM, 2012

→ Kết quả mong muốn

- Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.
- Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.
- Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.
- Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.
- Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

Buổi 8 (4 tiết) Luật hình sự và luật tố tụng hình sự.

→ Nội dung:

- Vai trò của LHS và TTHS trong đấu tranh và phòng chống tội phạm
- Chế định tội phạm và hình phạt. (dấu hiệu và phân loại, mối quan hệ giữa tội phạm và hình phạt)

- Cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo và các giai đoạn của TTHS. (khái quát)
- Tổng kết môn học: Giải đáp thắc mắc cho sinh viên, Giảng viên tổng kết môn

→ Phương pháp

- Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.
- Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề

→ Tài liệu

- Tập bài giảng Lý luận về nhà nước; Lý luận về pháp luật Đại học Luật TPHCM
- Giáo trình Lý Luận Nhà nước và Pháp luật, GS.TS Lê Minh Tâm, PGS.TS Nguyễn Minh Đoàn, NXB CAND (2014) trang 42-45
- Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật - Đại học Luật Hà Nội, 2007, trang 27 - 44

→ Kết quả mong muốn

- Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.
- Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi.
- Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.
- Giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.

- Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước.
- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học, rèn luyện tư duy phản biện

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi trắc nghiệm toàn phần, số câu hỏi tối thiểu 50 đến tối đa 75 câu, thời gian 60 phút, sinh viên chỉ được sử dụng văn bản qui phạm pháp luật

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Đại số tuyến tính (Linear Algebra) **Mã học phần:** 27103

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Trường Giang

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- ĐT: 0935757524;

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**

- ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: không

7. Mục tiêu của học phần:

Nhằm rèn luyện cho sinh viên khả năng về giải hệ trình tuyến tính nhiều biến số, sự hiểu biết về các không gian thực nhiều chiều và phép biến đổi tuyến tính trên những ma trận vuông.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

Kiến thức:

- (11) Cung cấp cho sinh viên kiến thức về giải hệ trình tuyến tính nhiều biến số, sự hiểu biết về các không gian thực nhiều chiều và phép biến đổi tuyến tính trên những ma trận vuông
- (12) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.
- (13) Giải thích các tình huống ứng dụng trong thực tế.
- (14) Có sự linh hoạt trong quá trình giải hệ trình tuyến tính nhiều biến số.

Kỹ năng:

- 1. Sinh viên có khả năng ứng dụng trong việc giải quyết một số bài toán thường gặp trong thực tế
- 2. Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

Thái độ:

- 1. Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 2. Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 3. Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 1. Sẵn sàng, khả năng về giải hệ trình tuyến tính nhiều biến số, sự hiểu biết về các không gian thực nhiều chiều và phép biến đổi tuyến tính trên những ma trận vuông.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về VÉCTOR, không gian VÉCTOR, hệ phương trình tuyến tính, định thức và các phép biến đổi tuyến tính giữa chúng. Ứng dụng của phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Gauss, Gauss-Jorrdan và quy tắc Cramer vào những bài toán kinh tế lượng, bài toán quy hoạch dạng tuyến tính.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH	1.1 Giới thiệu môn học 1.2 Giới thiệu các Hệ phương trình tuyến tính 1.3 Phép khử Gauss 1.4 Phép khử Gauss, Gauss-Jordan 1.5 Giải Bài tập 1.6 Kết luận	6	6				[1]
2.	Chương 2. MA TRẬN	2.1 Các phép toán ma trận. 2.2 Các tính chất 2.2 Ma trận nghịch đảo 2.3 Các ma trận cơ bản	10	10				[1] [2]

		2.4 Bài tập cuối chương 2.5 Giải Bài tập						
3.	Chương 3: ĐỊNH THỨC	3.1. Định thức của ma trận 3.2. Các phép toán cơ bản 3.3. Các tính chất của định thức Bài tập cuối chương	10	10				[2]
4.	Chương 4: KHÔNG GIAN VÉCTƠ	4.1. VÉCTƠ trong R^n 4.2. Không gian VÉCTƠ 4.3. Không gian con của không gian VÉCTƠ Ví dụ minh họa và bài tập áp dụng 4.4. Tập cơ sở và phép biến đổi tuyến tính 4.5. Cơ sở và chiều 4.6. Hạng của ma trận 4.7. Hệ tọa độ và phép đổi cơ sở 4.8. Bài tập tổng hợp tổng kết chương Làm bài kiểm tra	9	9				[3]

5.	Chương 5. GIÁ TRỊ RIÊNG VÀ VÉC TƠ RIÊNG CỦA MA TRẬN	5.1. Trị riêng và vecto riêng 5.2. Chéo hóa ma trận 5.3. Bài tập áp dụng	10	10				[4]
----	---	---	----	----	--	--	--	-----

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
 - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
 - Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
 - Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)

- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Elementary Linear Algebra 8th Edition, Ron Larson, Brooks Cole, 2016

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Giáo trình Toán cao cấp (tập 1), Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), NXBGD, 2009.

[3] First Course In Linear Algebra - Robert A. Beezer – 2015 (Free Ebook) -

<http://www.freetechbooks.com/a-first-course-in-linear-algebra-t322.html>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 1. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2. : MA TRẬN

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 2. : MA TRẬN

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 2. : MA TRẬN

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 3: ĐỊNH THỨC

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 3: ĐỊNH THỨC

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 3: ĐỊNH THỨC

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 4: KHÔNG GIAN VÉCTƠ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 4: KHÔNG GIAN VÉCTƠ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 4: KHÔNG GIAN VÉCTƠ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 7: GIÁ TRỊ RIÊNG VÀ VÉCTƠ RIÊNG CỦA MA TRẬN

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 7: GIÁ TRỊ RIÊNG VÀ VÉCTƠ RIÊNG CỦA MA TRẬN

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 7: GIÁ TRỊ RIÊNG VÀ VÉCTƠ RIÊNG CỦA MA TRẬN

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Tự luận, không sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Lập trình hướng đối tượng - Mã học phần :10262

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:0903691799; email: nhmnhat@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Thái Huy Tân

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 01683410784 ; email:tanth@uit.upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Tin học đại cương

7. Mục tiêu của học phần:

Trình bày về công nghệ Visual . NET 2008/2010 của Microsoft. Các thành phần chính của .NET framework

Trình bày cách xây dựng một ứng dụng với ngôn ngữ C#.

Trình bày các thành phần cơ bản của ngôn ngữ C#, và viết các chương trình với các cấu trúc điều khiển trong C#.

Trình bày cách xây dựng lớp. Hiểu rõ phương pháp luận trong lập trình OOP.

Hiểu rõ và viết tốt các chương trình thể hiện tính chất căn bản nhất của OOP là: thừa kế - đa hình.

Viết tốt các chương trình thể hiện tính chất đa hình: nạp chồng toán tử.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

1. Hiểu các nguyên lý cơ bản của thiết kế hướng đối tượng.
2. Hiểu các vấn đề căn bản và một số vấn đề nâng cao trong việc viết các lớp và phương thức như bản chất của đối tượng và tham chiếu đối tượng, dữ liệu và quyền truy cập, biến và phạm vi.
3. Hiểu các quan niệm nằm sau cây thừa kế, đa hình, và việc lập trình theo interface
4. Hiểu nguyên lý hoạt động của các ngoại lệ (exception) và các dòng vào ra cơ bản.
5. Nắm được khái niệm căn bản về lập trình tổng quát và làm quen với các cấu trúc dữ liệu tổng quát.

- Kỹ năng:

6. Có khả năng đưa ra một giải pháp lập trình hướng đối tượng cho các bài toán ở quy mô tương đối đơn giản.
7. Hiểu được sơ đồ lớp bằng ngôn ngữ đặc tả UML với cú pháp cơ bản.
8. Có khả năng cài đặt một thiết kế hướng đối tượng cho trước bằng ngôn ngữ Java
9. Có khả năng tự học các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng khác và tự tìm hiểu sử dụng các thư viện lập trình kèm theo.

- Thái độ:

10. Có ý thức rèn luyện kỹ năng làm việc chính xác, cẩn thận và theo phong cách công nghiệp, hệ thống.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL	CĐR
			TC	TL	BT	TH	TH	
1	Chương 1: Microsoft .NET.	1. Tình hình trước khi MS.NET ra đời 2. Nguồn gốc của .NET 3. Microsoft .NET 4. Biên dịch và MSIL. 5. Ngôn ngữ C#.	1					[1]
2	Chương 2: Ngôn ngữ C#.	1. Tại sao phải sử dụng ngôn ngữ C#. 2. Ngôn ngữ C# với ngôn ngữ khác. 3. Các bước chuẩn bị cho chương trình. 4. Chương trình C# đơn giản. 5. Phát triển chương trình minh họa.	1		1	1		[1]
3	Chương 3. Nền tảng	1. Kiểu dữ liệu.	2			2		[2,3]

	ngôn ngữ C#	<ol style="list-style-type: none"> 2. Biến và hằng. 3. Biểu thức. 4. Khoảng trắng. 5. Câu lệnh. 6. Toán tử. 7. Namespace. 8. Các chỉ dẫn biên dịch. 					
4	Chương 4. Xây dựng lớp - Đối tượng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa lớp. 2. Tạo đối tượng. 3. Sử dụng các thành viên static. 4. Hủy đối tượng. 5. Truyền tham số. 6. Nạp chồng phương thức. 7. Đóng gói dữ liệu với thuộc tính. 8. Thuộc tính chỉ đọc. 9. Câu hỏi & bài tập. 	2			2	[2,3,5]
5	Chương 5. Kế thừa – Đa hình.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc biệt hóa và tổng quát hóa. 2. Sự kế thừa. 3. Đa hình. 4. Lớp trừu tượng. 	2			2	[5]

		<p>5. Boxing và Unboxing dữ liệu.</p> <p>6. Các lớp lồng nhau.</p>						
6	Chương 6. Nạp chồng toán tử.	<p>1. Sử dụng từ khóa operator.</p> <p>2. Hỗ trợ ngôn ngữ .NET khác.</p> <p>3. Sử dụng toán tử.</p> <p>4. Toán tử so sánh bằng.</p> <p>5. Toán tử chuyển đổi.</p> <p>6. Câu hỏi & bài tập.</p>	2		2	2		[4,5]
7	Chương 7. Kiểu Cấu trúc.	<p>1. Định nghĩa một cấu trúc.</p> <p>2. Tạo cấu trúc.</p> <p>3. Câu hỏi & bài tập.</p>	1			2		[2]
8	Chương 8. Thực thi giao diện.	<p>1. Thực thi giao diện.</p> <p>2. Truy cập phương thức giao diện.</p> <p>3. Thực thi phủ quyết giao diện.</p> <p>4. Thực thi giao diện tường minh.</p> <p>5. Câu hỏi & bài tập.</p>	1			2		[3,4,5]
9	Chương 9. Mảng, chỉ	<p>1. Mảng.</p> <p>2. Câu lệnh foreach.</p>	2			2		[2]

	mục, và tập hợp.	<ul style="list-style-type: none"> 3. Mảng đa chiều. 4. Bộ chỉ mục. 5. Giao diện tập hợp. 6. Danh sách mảng. 7. Hàng đợi. 8. Ngăn xếp. 9. Kiểu từ điển. 						
10	Chương 10. Xử lý chuỗi.	<ul style="list-style-type: none"> 1. Lớp đối tượng string. 2. Các biểu thức quy tắc. 3. Câu hỏi & bài tập. 	1		2	2		[4.5]
11	Chương 11. Cơ chế ủy quyền và sự kiện.	<ul style="list-style-type: none"> 1. Ủy quyền. 2. Sự kiện. 	2			2		[5]
12	Chương 12. Các lớp cơ sở .NET.	<ul style="list-style-type: none"> 1. Lớp đối tượng trong .NET Framework. 2. Lớp Timer. 3. Lớp về thư mục và hệ thống. 4. Lớp Math. 5. Lớp thao tác tập tin. 6. Làm việc với tập tin dữ liệu. 7. Câu hỏi & bài tập. 	2			2		

13	Chương 13. Xử lý ngoại lệ.	1. Phát sinh và bắt giữ ngoại lệ. 2. Những đối tượng ngoại lệ. 3. Tạo riêng các ngoại lệ. 4. Phát sinh lại ngoại lệ.				2		[4,5,6]
14	Chương 14. Giới thiệu LINQ.	1. Giới thiệu LINQ. 2. Các khái niệm – thí dụ minh họa 3. Câu hỏi & bài tập.				2		[4,5,6]
15	Chương 15. Làm việc với XML	1. Cơ bản về XML. 2. Làm việc với tư liệu XML trên .NET. 3. Câu hỏi & bài tập.	2			2		[8,9]
Tổng cộng						45		

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, hợp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50

		Tổng: 100%
--	--	-------------------

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính: Lập trình hướng đối tượng – Trần Đan Thu, Đinh Bá Tiến và Nguyễn Tấn Trần Minh – Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật

12.2 Tài liệu tham khảo:

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Tuần 1 Tổng quan

-Giáo viên giới thiệu về Microsoft.Net và ngôn ngữ C#

-Nói về nội dung môn học, cách thức tính điểm và hình thức thi cuối kỳ

Tuần 2: Nền tảng ngôn ngữ C#

1. Kiểu dữ liệu.
 2. Biến và hằng.
 3. Biểu thức.
 4. Khoảng trắng.
 5. Câu lệnh.
 6. Toán tử.
 7. Namespace.
 8. Các chỉ dẫn biên dịch.
-

Tuần 3: Thực hành 1

Tuần 4: Xây dựng lớp- đối tượng trong C#

1. Định nghĩa lớp.
 2. Tạo đối tượng.
 3. Sử dụng các thành viên static.
 4. Hủy đối tượng.
 5. Truyền tham số.
 6. Nạp chồng phương thức.
 7. Đóng gói dữ liệu với thuộc tính.
 8. Thuộc tính chỉ đọc.
 9. Câu hỏi & bài tập
-

Tuần 5: Thực hành 2

Tuần 6: Kế thừa – đa hình

1. Đặc biệt hóa và tổng quát hóa.
2. Sự kế thừa.
3. Đa hình.
4. Lớp trừu tượng.
5. Boxing và Unboxing dữ liệu.
6. Các lớp lồng nhau.

Tuần 7: Thực hành 3**Tuần 8: Nạp chồng toán tử**

1. Sử dụng từ khóa operator.
2. Hỗ trợ ngôn ngữ .NET khác.
3. Sử dụng toán tử.
4. Toán tử so sánh bằng.
5. Toán tử chuyển đổi.
6. Câu hỏi & bài tập.

Tuần 9: Thực hành 4**Tuần 10: Thực thi giao diện**

1. Thực thi giao diện.
2. Truy cập phương thức giao diện.
3. Thực thi phủ quyết giao diện.
4. Thực thi giao diện tường minh.
5. Câu hỏi & bài tập.

Tuần 11: Thực hành 5**Tuần 12: Thực hành 6**

1. Mảng.
2. Câu lệnh foreach.
3. Mảng đa chiều.
4. Bộ chỉ mục.
5. Giao diện tập hợp.
6. Danh sách mảng.
7. Hàng đợi.
8. Ngăn xếp.
9. Kiểu từ điển.

Tuần 13: Thực hành 7**Tuần 14: Các lớp cơ sở .NET**

1. Lớp đối tượng trong .NET Framework.
2. Lớp Timer.
3. Lớp về thư mục và hệ thống.
4. Lớp Math.
5. Lớp thao tác tập tin.
6. Làm việc với tập tin dữ liệu.

Tuần 15: Thực hành và ôn tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Thực hành trên máy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Mã học phần : 10179
- 2. Khoa phụ trách:** Công nghệ thông tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
 - 3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**
 - ĐT:0913478999 ; email: trongnhntu@gmail.com
 - Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin
 - 3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**
 - ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin
- 4. Số tín chỉ: 3**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - Tự học: 135 tiết
- 6. Học phần tiên quyết:** Tin học đại cương

7. Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp sự hiểu biết về ý nghĩa của các cấu trúc dữ liệu và giải thuật trong tin học.
- Cung cấp kiến thức về các giải thuật sắp xếp dữ liệu trên máy tính.
- Cung cấp kiến thức về các cấu trúc dữ liệu và giải thuật tương ứng thông dụng trên máy tính, bao gồm danh sách, hàng đợi, ngăn xếp, cây nhị phân tìm kiếm, cây AVL, bảng băm.
- Cung cấp kỹ năng phân tích và hiện thực các giải thuật trên máy tính.
- Cung cấp các ví dụ về việc vận dụng các cấu trúc dữ liệu và giải thuật

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

1. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các cấu trúc dữ liệu cơ bản, các thuật toán cơ bản và độ phức tạp của chúng, các phương pháp phân tích đánh giá và thiết kế cấu trúc dữ liệu và thuật toán.

- Kỹ năng:

2. Sinh viên thiết kế và cài đặt được một s cấu trúc dữ liệu và thuật toán cơ bản; có khả năng lựa chọn thuật toán và cấu trúc dữ liệu phù hợp để giải các bài toán cụ thể

- Thái độ:

3. Lên lớp đầy đủ và chuẩn bị cho giờ lên lớp theo yêu cầu của giáo viên.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

9.2. Nội dung học phần:

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	TL	BT	TH	TH	
1	Chương 1: Tổng quan	5. Giới thiệu học phần, hướng dẫn cách học, tài liệu tham khảo. 6. Từ bài toán đến chương trình 7. Kiểu dữ liệu 8. Đánh giá độ phức tạp của giải thuật	2		2	4		[1,2]
2	Chương 2: Sắp xếp	1. Định nghĩa bài toán sắp xếp 2. Phương pháp đổi chỗ trực tiếp 3. Phương pháp chọn trực tiếp 4. Phương pháp chèn trực tiếp 5. Phương pháp nổi bọt 6. Phương pháp sắp xếp dựa trên phân hoạch			4	2		[1,2]
3	Chương 3: Danh sách	1. Định nghĩa danh sách 2. Một số phép toán trên danh sách 3. Cài đặt danh sách bằng mảng			4	2		[1,2]

		<p>4. Ưu điểm và nhược điểm của danh sách đặc, danh sách liên kết.</p> <p>5. Các loại danh sách liên kết</p> <p>6. Xây dựng danh sách liên kết đơn</p> <p>7. Các thao tác trên danh sách liên kết đơn</p>					
4	Chương 4: Ngăn xếp	<p>1. Định nghĩa ngăn xếp</p> <p>2. Một số phép toán trên ngăn xếp</p> <p>3. Cài đặt ngăn xếp</p>	2		2	4	[1,2]
5	Chương 5: Hàng đợi	<p>1. Định nghĩa hàng đợi</p> <p>2. Một số phép toán trên hàng đợi</p> <p>3. Cài đặt hàng đợi</p>	1		2	2	[1,2]
6	Chương 6: Cấu trúc cây	<p>1. Các thuật ngữ cơ bản</p> <p>2. Một số phép toán trên cây</p> <p>3. Cài đặt cây</p> <p>4. Cây nhị phân</p> <p>5. Cây nhị phân tìm kiếm</p> <p>6. Cây AVL</p>	2		2	2	[1,2]
7	Chương 7: Bảng băm	<p>1. Khái niệm bảng băm</p> <p>2. Bảng băm tổng quát</p>	2		2	2	[1,2,3]

		3. Các phương pháp xây dựng bảng băm					
Tổng cộng			45				

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi

giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Trần Hạnh Nhi, *Nhập môn cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, Đại học Khoa học Tự nhiên TP. HCM, 2000.

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Kruse, R.L, *Data structures and Program Design in C++* , Prentice-Hall Inc, 1999.
- Nguyễn Hồng Chương, *Cấu trúc dữ liệu – Ứng dụng và cài đặt bằng C*, Nxb TP HCM, 2005.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Tuần 1 Tổng quan

1. Giới thiệu học phần, hướng dẫn cách học, tài liệu tham khảo.
2. Từ bài toán đến chương trình
3. Kiểu dữ liệu
4. Đánh giá độ phức tạp của giải thuật

Tuần 2: Thực hành 1

Tuần 3: Sắp xếp

1. Định nghĩa bài toán sắp xếp
 2. Phương pháp đổi chỗ trực tiếp
 3. Phương pháp chọn trực tiếp
-

Tuần 4: Thực hành 2

Tuần 5: Sắp xếp (tt)

4. Phương pháp chèn trực tiếp
 5. Phương pháp nổi bọt
 6. Phương pháp sắp xếp dựa trên phân hoạch
-

Tuần 6: Danh sách

1. Định nghĩa danh sách
 2. Một số phép toán trên danh sách
 3. Cài đặt danh sách bằng mảng
 4. Ưu điểm và nhược điểm của danh sách đặc, danh sách liên kết.
 5. Các loại danh sách liên kết
 6. Xây dựng danh sách liên kết đơn
 7. Các thao tác trên danh sách liên kết đơn
-

Tuần 7: Thực hành 3

Tuần 8: Ngăn xếp

1. Định nghĩa ngăn xếp
 2. Một số phép toán trên ngăn xếp
 3. Cài đặt ngăn xếp
-

Tuần 9: Thực hành 4

Tuần 10: Hàng đợi

1. Định nghĩa hàng đợi
 2. Một số phép toán trên hàng đợi
 3. Cài đặt hàng đợi
-

Tuần 11: Thực hành 5

Tuần 12: Cấu trúc cây

1. Các thuật ngữ cơ bản
 2. Một số phép toán trên cây
 3. Cài đặt cây
 4. Cây nhị phân
 5. Cây nhị phân tìm kiếm
 6. Cây AVL
-

Tuần 13: Thực hành 6

Tuần 14: Bảng băm

1. Khái niệm bảng băm
 2. Bảng băm tổng quát
 3. Các phương pháp xây dựng bảng băm
-

Tuần 15: Thực hành và ôn tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Thực hành trên máy tính

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Cơ sở dữ liệu (Introduction to Database) **Mã học phần: 10042**

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0913478999; email: trongnhntu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0987876917 ; email:dtkdung@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Nhằm rèn luyện cho sinh viên khả năng Phân loại được các loại mô hình. Thiết kế được mô hình ER, mô hình quan hệ và chuyển sang cài đặt trên máy tính. Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- (15) Phát biểu được các loại mô hình trong cơ sở dữ liệu.
- (16) Nêu khái niệm CSDL và hệ quản trị CSDL.
- (17) Nêu cú pháp các ngôn ngữ truy vấn trong SQL.
- (18) Giải thích khái niệm CSDL và hệ quản trị CSDL.
- (19) Phân loại được các loại mô hình.
- (20) Thiết kế được mô hình ER, mô hình quan hệ và chuyển sang cài đặt trên máy tính.
- (21) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.
- (22) Giải thích các tình huống ứng dụng trong thực tế.
- (23) Có sự linh hoạt trong quá trình sử dụng các loại mô hình.

8.2 Kỹ năng:

- (24) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- (25) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- (26) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- (27) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.

(28) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(29) Sẵn sàng phân tích các yêu cầu để thiết lập các loại mô hình và cài đặt trên SQL.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm cơ bản của một hệ cơ sở dữ liệu.
- Mô hình dữ liệu quan hệ.
- Những ràng buộc toàn vẹn trong CSDL quan hệ.
- Ngôn ngữ đại số quan hệ, SQL, ngôn ngữ tân từ.
- Giới thiệu về một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu như Oracle, SQL-Server

29.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Tổng quan về cơ sở dữ liệu	1.1 Giới thiệu 1.2 Quá trình phát triển 1.3 Người sử dụng CSDL 1.4 Kiến trúc và các tính năng của hệ quản trị CSDL	7	4	3		(1)	

		<p>1.5 Kiến trúc của một hệ quản trị cơ sở dữ liệu</p> <p>1.6 Mô hình dữ liệu</p> <p>1.7 Một số ứng dụng CSDL</p> <p>1.8 Kết luận</p>						
2.	<p>Chương 2: Mô hình thực thể kết HỢP ER (Entity-relationship)</p>	<p>2.1 Quá trình thiết kế Cơ sở dữ liệu</p> <p>2.2 Mô hình thực thể kết hợp</p> <p>2.2 Thiết kế mô hình ER</p> <p>2.3 Bài tập minh họa</p> <p>2.4 Chuyển mô hình E/R sang mô hình quan hệ</p> <p>2.5 Các ký hiệu dùng trong ERD</p> <p>2.6 Các ký hiệu dùng trong UML</p> <p>Bài tập cuối chương</p>	8	5	3			(2)
3.	<p>Chương 3: Mô hình dữ liệu quan hệ</p>	<p>3.1 Giới thiệu</p> <p>3.2 Các khái niệm của mô hình quan hệ</p> <p>3.3 Ràng buộc toàn vẹn</p> <p>Ví dụ minh họa và bài tập</p>	8	6	2			(3)

		<p>3.4 Các đặc trưng của quan hệ</p> <p>3.5 Chuyển lược đồ E/R sang thiết kế quan hệ</p> <p>Bài tập cuối chương</p>					
4.	<p>Chương 4: Sql – Structured Query Language</p>	<p>4.1 Giới thiệu ngôn ngữ truy vấn dữ liệu</p> <p>4.2 Định nghĩa dữ liệu</p> <p>4.3 Các kiểu dữ liệu</p> <p>4.4 Các lệnh định nghĩa dữ liệu</p> <p>Bài tập minh họa</p> <p>4.5 Phép toán quan hệ</p> <p>Bài tập minh họa</p> <p>4.6 Tạo dữ liệu (CSDL, bảng)</p> <p>Bài tập minh họa</p> <p>4.7 Nhập dữ liệu</p> <p>Bài tập minh họa</p> <p>4.8 Cập nhật dữ liệu</p> <p>Bài tập áp dụng</p> <p>4.9 Câu truy vấn đơn giản</p> <p>Ví dụ minh họa và bài tập</p> <p>4.10 Câu truy vấn lồng</p> <p>Ví dụ minh họa và bài tập</p>	12	8	4		(4)

		<p>4.11 Các hàm kết hợp Ví dụ minh hoạ và bài tập</p> <p>4.12 Câu truy vấn phức tạp Ví dụ minh hoạ và bài tập áp dụng</p> <p>4.13 Tạo khung nhìn Ví dụ minh hoạ và bài tập áp dụng</p> <p>4.14 Cập nhật trên khung nhìn</p> <p>4.15 Truy vấn trên khung nhìn Ví dụ minh hoạ và bài tập áp dụng</p> <p>Bài tập tổng hợp tổng kết chương</p> <p>Làm bài kiểm tra</p>						
5.	<p>Chương 5. Đại số quan hệ</p>	<p>5.1 Giới thiệu</p> <p>5.2 Đại số quan hệ và các phép toán trên quan hệ</p> <p>5.3 Phép chọn</p> <p>5.4 Phép chiếu</p> <p>Ví dụ minh hoạ và bài tập áp dụng</p> <p>5.5 Phép kết</p>	9	5	4			(5)

		5.6 Phép chia 5.7 Các phép toán khác 5.8 Các thao tác cập nhật trên quan hệ Bài tập áp dụng					
6.	Chương 6: Ràng buộc toàn vẹn	6.1 Khái niệm 6.2 Các đặc trưng của RBTV 6.3 Ràng buộc trên một quan hệ Bài tập minh hoạ 6.3 Ràng buộc trên một quan hệ (tt) Bài tập áp dụng 6.4 Ràng buộc trên nhiều quan hệ Bài tập cuối chương	9	6	3		(6)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, hợp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Database System Concepts, Abraham Silberschatz, Henry Korth and S Sudarshan, Mc Graw Hill, 2011.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] A First course in Database Systems, Feffrey D. Ullman, 2007, Prentice Hall.

[3] Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu và cơ sở tri thức, JEFFREY D. ULLMAN, NXB Thống kê, 1998.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về cơ sở dữ liệu

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về cơ sở dữ liệu + Chương 2: Mô hình thực thể kết hợp ER

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Mô hình thực thể kết HỢP ER

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 3: Mô hình dữ liệu quan hệ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Mô hình dữ liệu quan hệ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 4: Sql – Structured Query Language

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Sql – Structured Query Language

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Sql – Structured Query Language

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 4: Sql – Structured Query Language

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 4: Sql – Structured Query Language

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 4: Sql – Structured Query Language

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 5. Đại số quan hệ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 5. Đại số quan hệ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 6: Ràng buộc toàn vẹn

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 6: Ràng buộc toàn vẹn

- Thuyết giảng

- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Tự luận, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thiết kế web (Web Design) **Mã học phần:** 10281

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lương Vĩ Minh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0934190972

- Email: lvminh@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ điều hành mã nguồn mở Linux/Ubuntu và một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0938811369

- Email: nhmnhat@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Nhằm rèn giới thiệu một số công cụ thiết kế giao diện, giới thiệu về HTML, Javascript, CSS, Dreamwaver, Photoshop, Flash, Một số công cụ hỗ trợ thiết kế web khác, Giúp SV tự xây dựng website tĩnh.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- (30) Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về web HTML/DHTML.
- (31) Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về JavaScript.
- (32) Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về CSS.

8.2 Kỹ năng:

- (33) Nắm được các phương pháp tổ chức, xây dựng một website tĩnh cụ thể.
- (34) Thiết kế và triển khai được các ứng dụng web tĩnh;
- (35) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- (36) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- (37) Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, thẩm mỹ trong việc phát triển Web;
- (38) Khả năng tự học, vận dụng kiến thức phát triển các trang Web thực tế.
- (39) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- (40) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- (41) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(42) Trang bị cho người học kỹ năng tổng hợp các kiến thức về thiết kế web, xây dựng website tĩnh.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Phần đầu trình bày những vấn đề chung thiết kế website
- Phần thứ 2 tập trung vào một số nội dung cơ bản sau
- Giới thiệu một số công cụ thiết kế giao diện
- Giới thiệu về HTML, Javascript, CSS
- Dreamwaver, Photoshop, Flash, Một số công cụ hỗ trợ thiết kế web khác
- Xây dựng website tĩnh.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1. Ngôn ngữ HTML	1.1. Giới thiệu 1.2. Ngôn ngữ HTML 1.3. XHTML	3	3			(1)	
2.	Chương 2: Cascading Style Sheets (CSS)	2.1. Giới thiệu 2.2. CSS 2.3. Các nhóm thuộc tính 2.4. Một số ví dụ Bài tập cuối chương	6	4		2	(2)	

3.	Chương 3: Ngôn ngữ script	3.1. Giới thiệu 3.2. Ngôn ngữ Javascript Bài tập cuối chương	5	3		2		(3)
4.	Chương 4: Giới thiệu tổng quan thiết kế web	4.1. Các bước thiết kế một trang web 4.2. Các thành phần cơ bản của một trang web: banner, footer, navigator, content... 4.3. Một số vấn đề cần lưu ý khi thiết kế web: màu sắc, bố cục, font chữ... 4.4. Một số khái niệm cơ bản trong xử lý ảnh số Bài tập tổng hợp tổng kết chương Làm bài kiểm tra	9	6		3		(4)
5.	Chương 5: Dreamweaver	5.1. Giới thiệu 5.2. Một số thao tác cơ bản 5.3. Thiết kế web trong Dreamweaver Bài tập áp dụng	7	4		3		(5)
6.	Chương 6: Photoshop	6.1. Giới thiệu	9	6		3		(6)

		6.2. Các thao tác cơ bản 6.3. Thiết kế web trong Photoshop Bài tập cuối chương						
7.	Chương 7: Flash	7.1. Giới thiệu 7.2. Các thao tác cơ bản 7.3. Thiết kế web với Flash	7	4		3		(7)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
 - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.

- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và đề điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.

- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Jennifer Niederst Robbins (2012). Learning Web Design: A Beginner's Guide to HTML, CSS, JavaScript and Web Graphics. O'Reilly Media

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Lê Đình Duy (2001). Thiết kế và lập trình ứng dụng web bằng ASP. NXB Thống Kê.

[3] Jon Duckett (2011). HTML and CSS: Design and Build Websites. Wiley

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1. Ngôn ngữ HTML

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng

- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Ngôn ngữ HTML(tt)

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Cascading Style Sheets (CSS)

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Cascading Style Sheets (CSS)(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Ngôn ngữ script

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3: Ngôn ngữ script(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Giới thiệu tổng quan thiết kế web

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Giới thiệu tổng quan thiết kế web(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 5: Dreamweaver

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 5: Dreamweaver(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 6: Photoshop

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 6: Photoshop (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 7: Flash

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 7. Flash (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy, được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giải tích (Mathematical analysis) **Mã học phần:** 19001

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Trường Giang

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ:

- ĐT: 0935757524;

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin

- ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về hàm một biến, hàm nhiều biến thực. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết một số bài toán thực tế.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

Kiến thức:

- 1) Sinh viên có kiến thức cơ bản về hàm một biến thực và nhiều biến thực: Giới hạn, Liên tục, Đạo hàm, Vi phân, Tích phân (thường), Tích phân suy rộng và Chuỗi số
- 2) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.
- 3) Giải thích các tình huống ứng dụng trong thực tế.
- 4) Có sự linh hoạt trong quá trình sử dụng các loại mô hình.

Kỹ năng:

- 5) Sinh viên có kỹ năng tính đạo hàm, vi phân, tích phân (thường), tích phân suy rộng, chuỗi số.
- 6) Ứng dụng giải tích để giải quyết một số bài toán thường gặp trong thực tế
- 7) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 8) Kỹ năng làm việc theo nhóm.

Thái độ:

- 9) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 10) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 11) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 12) Sẵn sàng phân tích, có kỹ năng tính đạo hàm, vi phân, tích phân (thường), tích phân suy rộng, chuỗi số.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về hàm một biến thực và nhiều biến thực, đó là: Giới hạn, liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân và chuỗi số

9.2. Nội dung học phần:

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM MỘT BIẾN SỐ	1.1. Giới hạn của dãy số thực 1.1.1. Định nghĩa dãy số, giới hạn của dãy số 1.1.2. Các tính chất và các phép toán của dãy số hội tụ 1.2. Giới hạn của hàm số 1.2.1. Các khái niệm về hàm số (định nghĩa, hàm hợp, hàm ngược, các hàm số sơ cấp cơ bản, hàm số sơ cấp) 1.2.2. Các định nghĩa giới hạn của hàm số. 1.2.3. Các tính chất giới hạn của hàm số. 1.2.4. Các phép toán giới hạn của hàm số 1.2.5. Các giới hạn cơ bản.	12	10	2		[1] [2]	

		<p>1.3. Vô cùng bé (VCB) và vô cùng lớn (VCL).</p> <p>1.3.1. Vô cùng bé (Định nghĩa, khử dạng vô định)</p> <p>1.3.2. Vô cùng lớn (Định nghĩa, khử dạng vô định)</p> <p>1.4. Hàm số liên tục.</p> <p>1.4.1. Định nghĩa và tính chất của hàm số liên tục tại một điểm</p> <p>1.4.2. Liên tục một phía, liên tục trên khoảng và trên một đoạn</p> <p>1.4.3. Điểm gián đoạn, phân loại điểm gián đoạn</p> <p>1.4.4. Tính liên tục của hàm số sơ cấp</p> <p>1.5. Đạo hàm và vi phân</p> <p>1.5.1. Định nghĩa đạo hàm, các quy tắc tính đạo hàm (tổng, tích, thương, hàm hợp).</p> <p>1.5.2. Định nghĩa vi phân và các quy tắc</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>tính vi phân (tổng, tích, thương)</p> <p>1.6. Công thức Taylor</p> <p>1.6.1. Công thức Taylor</p> <p>1.6.2. Công thức Mac Laurin</p> <p>1.6.3. Khai triển Mac Laurin của một số hàm sơ cấp thường dùng, ứng dụng để tính gần đúng</p>						
2.	<p>Chương 2.</p> <p>PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM NHIỀU BIẾN SỐ</p>	<p>2.1. Khái niệm về hàm nhiều biến số</p> <p>2.1.1. Định nghĩa hàm nhiều biến số (hàm hai biến số)</p> <p>2.1.2. Miền xác định của hàm hai biến số</p> <p>2.1.3. Giới hạn của hàm hai biến</p> <p>2.1.4. Tính liên tục của hàm hai biến</p> <p>2.2. Đạo hàm riêng</p> <p>2.2.1. Đạo hàm riêng cấp 1</p> <p>2.2.2. Đạo hàm riêng cấp 2</p> <p>2.2.3. Đạo hàm riêng của hàm hợp</p>	15	12	3			[2]

		<p>2.3. Vi phân</p> <p>2.3.1. Vi phân toàn phần</p> <p>2.3.2. Vi phân cấp 2</p> <p>2.4. Cực trị của hàm hai biến</p> <p>2.4.1. Định nghĩa</p> <p>2.4.2. Cách tìm cực trị</p>					
3.	<p>Chương 3: PHÉP TÍNH TÍCH PHÂN HÀM MỘT BIẾN SỐ</p>	<p>3.1. Tích phân bất định</p> <p>3.1.1. Nguyên hàm và tích phân bất định</p> <p>3.1.2. Các tính chất của tích phân bất định</p> <p>3.1.3. Bảng tích phân căn bản</p> <p>3.1.4. Các phương pháp tính tích phân bất định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đổi biến số (đb) - Phương pháp tích phân từng phần (tp) <p>3.2. Tích phân xác định</p> <p>3.2.1. Định nghĩa tích phân xác định</p> <p>3.2.2. Các tính chất của tích phân xác định</p> <p>3.2.3. Công thức Newton – Leibnitz</p>	12	10	2		[3]

		<p>3.2.4. Các phương pháp tích phân xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đổi biến số (đb) - Phương pháp tích phân từng phần (tp) <p>3.2.5. Các ứng dụng của tích phân xác định (tính diện tích hình phẳng, thể tích vật thể tròn xoay, độ dài cung)</p> <p>3.3. Tích phân suy rộng</p> <p>3.3.1. Tích phân suy rộng với cận vô hạn (loại 1)</p> <p>3.3.2. Tích phân của hàm không bị chặn (loại 2)</p>					
4.	<p>Chương 4: LÝ THUYẾT CHUỖI</p>	<p>4.1. Khái niệm về chuỗi số.</p> <p>4.1.1. Định nghĩa</p> <p>4.1.2. Điều kiện cần để chuỗi hội tụ</p> <p>4.1.3. Các tính chất của chuỗi hội tụ</p> <p>4.2. Chuỗi số dương</p> <p>4.2.1. Định nghĩa</p>	18	13	5		[4]

		<p>4.2.2. Các tiêu chuẩn hội tụ (tiêu chuẩn so sánh và các tiêu chuẩn D'Alembert, Cauchy, tích phân)</p> <p>4.3. Chuỗi có số hạng với dấu bất kỳ</p> <p>4.3.1. Chuỗi đan dấu và định lý Leibnitz.</p> <p>4.3.2. Hội tụ tuyệt đối, bán hội tụ.</p> <p>4.4. Chuỗi lũy thừa.</p> <p>4.4.1. Định nghĩa.</p> <p>4.4.2. Bán kính hội tụ</p> <p>4.4.3. Miền hội tụ của chuỗi lũy thừa.</p>						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Giáo trình Toán cao cấp (tập 1, 2), Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), NXBGD, 2014

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Giải tích (tập 1), Nguyễn Xuân Liêm, Nhà xuất bản Giáo dục, 2012

[3] Calculus, Ron Larson, Bruce H., Edwards, 10th Edition, 2013.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM MỘT BIẾN SỐ

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM MỘT BIẾN SỐ

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 1. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM MỘT BIẾN SỐ

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM NHIỀU BIẾN SỐ

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 2. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM NHIỀU BIẾN SỐ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 2. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM NHIỀU BIẾN SỐ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 2. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM NHIỀU BIẾN SỐ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 3: PHÉP TÍNH TÍCH PHÂN HÀM MỘT BIẾN SỐ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 3: PHÉP TÍNH TÍCH PHÂN HÀM MỘT BIẾN SỐ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 3: PHÉP TÍNH TÍCH PHÂN HÀM MỘT BIẾN SỐ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 4: LÝ THUYẾT CHUỖI

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 4: LÝ THUYẾT CHUỖI

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 4: LÝ THUYẾT CHUỖI

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 4: LÝ THUYẾT CHUỖI

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Tự luận, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Mạng máy tính - Mã học phần : 10095

2. Khoa phụ trách: Khoa Công nghệ Thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Thanh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
- Điện thoại: 0983073491
- Email: lthanh@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng

3.2. Họ và tên: Hà Văn Cử

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
- Điện thoại: 0983932479
- Email: hvcu@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 60 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 45 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Sau khóa học sinh viên có thể:

- Nắm vững kiến thức nền tảng trong lĩnh vực mạng máy tính và truyền thông.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng về hệ thống mạng máy tính vào thực tế.
- Áp dụng kiến thức đã học để thiết kế, quản trị và bảo trì mạng LAN vừa và nhỏ.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức:

1. Nhận biết và mô tả chức năng của từng lớp trong mô hình OSI
2. Hiểu rõ cơ chế hoạt động của các lớp cơ bản trong bộ giao thức TCP/IP
3. Phân loại mạng máy tính
4. Hiểu rõ cơ chế hoạt động của các trang thiết bị mạng.
5. Nắm bắt các chuẩn LAN và các công nghệ mạng LAN.

- Kỹ năng:

6. Tính toán địa chỉ IP và phân chia subnet
7. Kết nối máy tính và LAN.
8. Cấu hình và sử dụng các dịch vụ cơ bản của Windows
9. Sử dụng các công cụ để phân tích các giao thức mạng.

- Thái độ, chuyên cần:

10. Tôn trọng nội quy lớp học, đi học đầy đủ và lên lớp đúng giờ.

11. Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Tham gia tích cực trong giờ học.

12. Có ý thức rèn luyện kỹ năng làm việc cẩn thận, chuyên nghiệp và sáng tạo.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Mạng máy tính cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức trọng tâm như sau:

- Mô hình kiến trúc mạng OSI, TCP/IP.
- Các dịch vụ ứng dụng mạng như DNS, DHCP, ...
- Các kỹ thuật/tiêu chuẩn hạ tầng mạng LAN cục bộ.

Trong học phần này, sinh viên cũng được tiếp cận làm quen với việc phân tích giao thức bằng các công cụ như Telnet, Wireshark, giúp củng cố các nội dung đã tìm hiểu về lý thuyết.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1: Giới thiệu tổng quan	1. Khái niệm mạng máy tính 2. Phân loại mạng máy tính 3. Giao thức phân tầng, mô hình dịch vụ	9	3	6			[1]
2	Chương 2: Mô hình OSI	1. Khái niệm mô hình OSI	9	3	6			[1]

		2. Các chức năng của các tầng của OSI model						
3	Chương 3: Đồ hình mạng	1. Khái niệm đồ hình mạng 2. Các kiểu đồ hình mạng	9	3	6			[1]
4	Chương 4: Các thiết bị cơ bản của mạng máy tính	1. Bảng giao tiếp mạng (NIC) 2. Bộ lặp (repeater) 3. Bộ tập trung (Hub) 4. Cầu nối (Bridge) 5. Bộ chuyển mạch (Switch) 6. Bộ định tuyến (Router) 7. Cổng thông tin (Gateway) 8. Máy chủ dịch vụ (Server) 9. Trạm làm việc (Workstation)	10	4	6			[1]
5	Chương 5: Công nghệ mạng Ethernet	1. Giới thiệu Ethernet. 2. Các loại Ethernet	5	3	2			[2]

6	Chương 6: Mạng LAN vô tuyến	1. Khái niệm WLAN 2. Các cấu hình đầu nối WLAN 3. Mạng thiết bị di động	5	3	2			[2]
7	Chương 7: TCP/IP Và Internet	1. Bộ giao thức TCP/IP 2. Giao thức IPv4 và IPv6 3. Các giao thức TCP và UDP	5	3	2			[2],[3]
8	Chương 8. Mạng đa phương tiện		5	3	2			[4],[5]
9	Ôn tập		8	3	5			[4],[5]
Tổng cộng:			60	25	35			

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Computer Network: A top-down approach, James F Kuros, Keith W Ross, Pearson, 7th ed, 2017.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Computer networking, Stanford H. Rowe, Marsh L. Schuh, Prentice Hall, 2005

[3] Free CCNA Study Guide, <http://www.freeccnastudyguide.com/study-guides/ccna/>

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết): Chương 1: Giới thiệu tổng quan

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Đặt câu hỏi

- Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 2 (4 tiết): Chương 2: Mô hình OSI

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 3 (4 tiết): Chương 2: Mô hình OSI (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú

- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3-4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 4 (4 tiết): Chương 2: Mô hình OSI (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [2]

TUẦN 5 (4 tiết): Chương 2: Mô hình OSI (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 6 (4 tiết): Chương 3: Đồ hình mạng

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 4.2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 7 (4 tiết): Chương 4: Các thiết bị cơ bản của mạng máy tính.

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 5.4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 8 (4 tiết): Chương 4: Các thiết bị cơ bản của mạng máy tính. (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 4.3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 9 (4 tiết): Chương 5: Công nghệ mạng Ethernet

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 5.4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 10 (4 tiết): Chương 6: Mạng LAN vô tuyến

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 6.1, 6.2, 6.3, 6.4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 11: Chương 6: Mạng LAN vô tuyến (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 6.6,6.7, 6.8 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 12: Chương 6: Hiện thực hóa và duy trì kho dữ liệu

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 6 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 13: Chương 7: TCP/IP Và Internet

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 4.4 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 14: Chương 8. Mạng đa phương tiện

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng

- Cho xem video
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 6 (tt) thuộc Cuốn [1]

TUẦN 15: Ôn tập + Kiểm tra

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: LÝ THUYẾT ĐỒ THỊ Mã học phần: 19002

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Trường Giang

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ:

- ĐT: 0935757524;

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**

- ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Học phần Lý thuyết đồ thị cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về đồ thị như đỉnh của đồ thị, cạnh của đồ thị, bậc của đỉnh, đường đi, chu trình, Sinh viên cũng được học một số định lý cơ bản trong lý thuyết đồ thị. Dựa trên các khái niệm, các định lý này, sinh viên sẽ được học các thuật toán để giải quyết các bài toán trên đồ thị như: các phương pháp duyệt đồ thị, tìm đường đi giữa hai đỉnh, giữa mọi cặp đỉnh, tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung nhỏ nhất, ...

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- 1) Cung cấp cho người học kiến thức khái niệm đồ thị cơ bản
- 2) Biểu diễn đồ thị trên máy tính, tìm kiếm trên đồ thị,
- 3) Đồ thị euler, đồ thị hamilton, thuật toán tìm mọi chu trình hamilton
- 4) Đường đi ngắn nhất trên đồ thị, cây khung nhỏ nhất
- 5) Luồng cực đại trong mạng, thuật toán tìm luồng cực đại (thuật toán ford – fulkerson), thuật toán tô màu đồ thị.
- 6) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.
- 7) Giải thích các tình huống ứng dụng trong thực tế.

8.2 Kỹ năng:

- 8) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 9) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- 10) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 11) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 12) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

13) Giúp sinh viên sẽ được học các thuật toán để giải quyết các bài toán trên đồ thị như: các phương pháp duyệt đồ thị, tìm đường đi giữa hai đỉnh, giữa mọi cặp đỉnh, tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung nhỏ nhất, ...

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần Lý thuyết đồ thị cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về đồ thị như đỉnh của đồ thị, cạnh của đồ thị, bậc của đỉnh, đường đi, chu trình,
- Sinh viên cũng được học một số định lý cơ bản trong lý thuyết đồ thị.
- Dựa trên các khái niệm, các định lý này, sinh viên sẽ được học các thuật toán để giải quyết các bài toán trên đồ thị như: các phương pháp duyệt đồ thị, tìm đường đi giữa hai đỉnh, giữa mọi cặp đỉnh, tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung nhỏ nhất,...

42.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Một số khái niệm đồ thị cơ bản	1. Một số bài toán dẫn đến khái niệm đồ thị 2. Định nghĩa đồ thị 3. Phân loại đồ thị 4. Biểu diễn đồ thị bằng hình học 5. Bậc của một đỉnh	8	6	2		(1)	

		6. Đồ thị con và Đồ thị bộ phận 7. Đồ thị đầy đủ 8. Sự đẳng cấu của các đồ thị					
2.	Chương 2: Biểu diễn đồ thị trên máy tính	1. Biểu diễn đồ thị bằng Ma trận (Matrix) 2. Ma trận kề. 3. Ma trận trọng số 4. Giới thiệu STL 5. Biểu diễn đồ thị Danh sách (List) 6. Giới thiệu STL (tt) 7. Danh sách kề 8. Danh sách cạnh (cung)	8	6	2		(2)
3.	Chương 3: Tìm kiếm trên đồ thị	1. Một số khái niệm 2. Tìm kiếm trên đồ thị theo chiều sâu – DFS 3. Tìm kiếm trên đồ thị theo chiều rộng - BFS 4. Ứng dụng	8	4	4		(3)
4.	Chương 4: Đồ thị	1. Đồ thị Euler 2. Định nghĩa	8	4	4		(3)

	Euler, Đồ thị Hamilton	<ul style="list-style-type: none"> 3. Định lý 4. Thuật toán 5. Đồ thị Hamilton 6. Định nghĩa 7. Qui tắc tìm chu trình Hamilton 8. Một số Định lý 9. Thuật toán tìm mọi chu trình Hamilton 					
5.	Chương 5: Đường đi ngắn nhất trên đồ thị	<ul style="list-style-type: none"> 1. Các khái niệm mở đầu 2. Phát biểu bài toán 3. Thuật toán Dijkstra 4. Thuật toán Ford – Bellman 5. Thuật toán Floyd 	8	6	2		(4)
6.	Chương 6: Cây khung nhỏ nhất	<ul style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm cây 2. Các tính chất cơ bản của cây 3. Cây khung của đồ thị 4. Cây khung nhỏ nhất 	8	5	3		(5)
7.	Chương 7: Luồng cực đại trong mạng	<ul style="list-style-type: none"> 5. Khái niệm về mạng 6. Lát cắt 7. Luồng trên mạng 	8	5	3		(6)

		8. Bài toán luồng cực đại trên mạng 9. Thuật toán tìm luồng cực đại (Thuật toán Ford – Fulkerson)						
8.	Chương 8: Tô màu đồ thị	1. Khái niệm về đồ thị phẳng 2. Phát biểu bài toán tô màu đồ thị 3. Định lý 4 màu 4. Thuật toán tô màu đồ thị	8	4	4			(7)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Dựa trên các khái niệm, các định lý này, sinh viên sẽ được học các thuật toán để giải quyết các bài toán trên đồ thị như: các phương pháp duyệt đồ thị, tìm đường đi giữa hai đỉnh, giữa mọi cặp đỉnh, tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung nhỏ nhất, ...

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và đề điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- [1] Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô Thành (1999). Toán rời rạc. NXB Giáo dục.
 [2] Kenneth H. Rosen (2000). Toán rời rạc và Ứng dụng trong tin học. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

12.2 Tài liệu tham khảo:

- [3] Shimon Even (2012). Graph Algorithms. Cambridge University Press
 [4] Jean-Claude Fournier (2009). Graph Theory and Applications: With Exercises and Problems. Wiley Press.
 [5] Reinhard Diestel (2010). Graph Theory. Springer

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Một số khái niệm đồ thị cơ bản

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Một số khái niệm đồ thị cơ bản

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Biểu diễn đồ thị trên máy tính

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Biểu diễn đồ thị trên máy tính

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Tìm kiếm trên đồ thị

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3: Tìm kiếm trên đồ thị

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Đồ thị Euler, Đồ thị Hamilton

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Đồ thị Euler, Đồ thị Hamilton

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 5: Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 5: Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 6: Cây khung nhỏ nhất

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 6: Cây khung nhỏ nhất

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 7: Luồng cực đại trong mạng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 7: Luồng cực đại trong mạng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 8: Tô màu đồ thị + Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Công nghệ phần mềm **Mã học phần: 10097**

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lương Vĩ Minh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0934190972

- Email: lvminh@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ điều hành mã nguồn mở Linux/Ubuntu và một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0938811369

- Email: nhmnhat@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Giới thiệu một số mô hình phát triển phần mềm, các giai đoạn trong quá trình xây dựng phần mềm: lập kế hoạch, khảo sát, phân tích, thiết kế, cài đặt, kiểm thử, tích hợp và bảo trì. Sinh viên nắm được nội dung và phương pháp làm việc trong các giai đoạn xây dựng hệ thống phần mềm và có khả năng áp dụng để xây dựng phần mềm ứng dụng có chất lượng.
- Kỹ năng: Sử dụng công cụ hỗ trợ thiết kế, lập kế hoạch và quản trị dự án phần mềm.
- Thái độ chuyên cần: lên lớp đầy đủ và chuẩn bị cho giờ lên lớp theo yêu cầu của giáo viên.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

1. Biết được một số mô hình phát triển phần mềm.
2. Biết được các giai đoạn trong quá trình xây dựng phần mềm: lập kế hoạch, khảo sát, phân tích, thiết kế, cài đặt, kiểm thử, tích hợp và bảo trì.
3. Nắm được nội dung và phương pháp làm việc trong các giai đoạn xây dựng hệ thống phần mềm và có khả năng áp dụng để xây dựng phần mềm ứng dụng có chất lượng.

- Kỹ năng:

4. Sử dụng công cụ hỗ trợ thiết kế, lập kế hoạch và quản trị dự án phần mềm.
5. Tìm kiếm thông tin để giải quyết bài toán.
6. Kỹ năng làm việc nhóm

- Thái độ:

7. Thái độ chuyên cần: lên lớp đầy đủ và chuẩn bị cho giờ lên lớp theo yêu cầu của giáo viên.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

8. Hoàn thành công việc trước thời hạn được giao.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này giới thiệu

- Các nguyên lý cơ bản trong kỹ thuật phần mềm trên ba lĩnh vực yêu cầu, thiết kế và kiểm tra.
- Kỹ thuật phân tích dựa trên sơ đồ dòng dữ liệu (DFD)
- Các phân tích hướng đối tượng sử dụng UML.
- Các mô hình phát triển phần mềm.
- Kiểm tra đánh giá hệ thống
- Quản trị và ước lượng dự án

Môn học có luyện tập về quy trình xây dựng một sản phẩm phần mềm

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	TL	BT	TH	TH	
1	Chương 1. Mở đầu	9. Giới thiệu phần mềm. 10. Công nghệ phần mềm. 11. Các quy trình công nghệ. 12. Các phương pháp phát triển phần mềm. 13. Các công cụ và môi trường phát triển phần mềm. 14. Các nội dung cơ bản của công nghệ phần mềm.	2					[1,2]

2	Chương 2: Xác định yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> 3. Mô tả yêu cầu. 4. Phân loại yêu cầu. 5. Yêu cầu chức năng nghiệp vụ. 6. Yêu cầu chức năng hệ thống. 7. Yêu cầu phi chức năng. 8. Các bước xác định yêu cầu. 9. Khảo sát hiện trạng. 10. Xác định yêu cầu chức năng nghiệp vụ. 11. Xác định yêu cầu chức năng hệ thống. 12. Xác định yêu cầu phi chức năng. 	3		3	3	[2]
3	Chương 3: Tổng quan về thiết kế phần mềm	<ul style="list-style-type: none"> 11. Khái niệm. 12. Kết quả thiết kế. 13. Phương pháp thiết kế. 14. Phương pháp trực tiếp. 15. Phương pháp gián tiếp. 16. Thiết kế và yêu cầu chất lượng. 	2	2			[3]
4	Chương 4: Thiết kế dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mở đầu 2. Kết quả thiết kế dữ liệu 	4		2	2	[4,5]

		<ol style="list-style-type: none"> 3. Quá trình thiết kế dữ liệu 4. Phương pháp trực tiếp 5. Phương pháp gián tiếp 6. Phương pháp thiết kế dữ liệu 7. Thiết kế dữ liệu và yêu cầu chất lượng (tính tiến hóa, tính hiệu quả) 					
5	Chương 5: Thiết kế giao diện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng quan 2. Kết quả thiết kế 3. Phân loại màn hình giao diện 4. Quá trình thiết kế 5. Thiết kế màn hình chính 6. Mô tả màn hình chính 7. Thiết kế màn hình chính dùng thực đơn 8. Thiết kế màn hình tra cứu 9. Mô tả màn hình tra cứu 10. Thể hiện tiêu chuẩn tra cứu 11. Thể hiện kết quả tra cứu 12. Thiết kế màn hình nhập liệu 13. Mô tả màn hình nhập liệu 	4		4	4	[4,5,6]

		14. Các hình thức trình bày màn hình nhập liệu					
6	Chương 6: Kiểm thử phần mềm	1. Kiểm thử hộp trắng. 2. Kiểm thử cấu trúc điều khiển. 3. Kiểm thử hộp đen.	4		4	2	[6,7,8,9]
Tổng cộng			45				

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.

- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và đề điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.

- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Tài liệu học tập học phần “Công nghệ phần mềm”. UPT

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Ngô Trung Việt (2003). Kỹ nghệ phần mềm. NXB Khoa học kỹ thuật
- Roger S. Pressman (2009). Software Engineering - A Practitioner's Approach, 7th edition. McGraw-Hill
- Microsoft Corporation, Dr. International (2002). Developing International Software, 2nd Edition. Microsoft Press.
- Ian Sommerville (2010). Software Engineering 9th Edition. Pearson

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy:

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1. Mở đầu

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 2: Xác định yêu cầu

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Xác định yêu cầu(tt)

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Xác định yêu cầu(tt)

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Tổng quan về thiết kế phần mềm

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3: Tổng quan về thiết kế phần mềm(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Thiết kế dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Thiết kế dữ liệu(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 5: Thiết kế giao diện

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 5: Thiết kế giao diện (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 5: Thiết kế giao diện (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 6: Kiểm thử phần mềm

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 6: Kiểm thử phần mềm (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 6: Kiểm thử phần mềm (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Thực hành trên máy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Hệ điều hành

- Mã học phần :10094

2. Khoa phụ trách: Công Nghệ Thông Tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Phạm Hồng Xuân

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0943077007

- Email: hongxuanxh@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực hệ điều hành

3.2. Họ và tên: Lê Thanh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0983073491

- Email: lthanh@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Kiến trúc máy tính

7. Mục tiêu của học phần:

- Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Hệ điều hành, bao gồm : Mô hình tổng quát, chức năng, các thành phần cơ bản của hệ điều hành. Các nguyên lý cơ bản để xây dựng Hệ điều hành.
- Tìm hiểu cấu trúc và việc ứng dụng các nguyên lý cơ bản trong các hệ điều hành cụ thể.
- Tìm hiểu và mô phỏng điều khiển thiết bị của Hệ điều hành thông qua lập trình hệ thống.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

[1] Học phần trang bị cho sinh viên ngành mạng những kiến thức cơ bản về các giai đoạn phát triển của hệ điều hành cũng như các nguyên lý thiết kế, thực hiện của hệ điều hành

- Kỹ năng:

[2] Thành thạo chức năng của hệ điều hành trong hệ thống máy tính.

[3] Biết cách giải quyết các vấn đề phát sinh trong hệ điều hành

- Thái độ:

[4] Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong học tập, hoàn thành các bài tập về nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

[5] Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được việc sử dụng và cách tổ chức của hệ điều hành

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm và định hướng phát triển, hoàn thiện, cải tiến hệ điều hành cho các hệ thống tính toán nói chung. Học viên nắm được nguyên tắc tổ chức và quản lý cấp phát tài nguyên hệ thống: CPU, bộ nhớ và các thiết bị ngoại vi thông

qua các nguyên lý và thuật toán khác nhau; trên cơ sở đó có thể lựa chọn giải pháp phù hợp đối với hệ thống tính toán trong thực tế.

9.2. Nội dung học phần:

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Chương 1: Lập trình hệ thống	15. Tổ chức máy tính. 16. Ngắt (Interrupt). 17. Hàm API (Application Programming Interface)	8	8				[1]
2	Chương 2: Tổng quan Hệ điều hành	1. Tổng quan 2. Chức năng 3. Các thành phần (Modules) 4. Các dịch vụ 5. Lời gọi hệ thống (System call) 6. Cấu trúc Hệ điều hành 7. Phân loại Hệ điều hành 8. Lịch sử phát triển Hệ điều hành	10	10				[1]

3	Chương 3: Quản lý tiến trình	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiến trình và các vấn đề liên quan 2. Điều phối tiến trình (CPU Scheduler). 3. Liên lạc giữa các tiến trình (Process Communication). 4. Đồng bộ tiến trình (Process Synchronization). 5. Tắt nghẽn (Deadlock). 	8	8				[1]
4	Chương 4: Quản lý bộ nhớ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng quan. 2. Cấp phát bộ nhớ liên tục. 3. Cấp phát bộ nhớ không liên tục. 4. Bộ nhớ ảo 5. Lỗi trang 6. Chiến lược cấp phát khung trang. 7. Working set. 	10	10				[1]
5	Chương 5: Quản lý hệ thống tập tin	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu. 2. Tổ chức lưu trữ thông tin. 	9	9				[1]

		3. Tổ chức và quản lý tập tin.					
		4. Các hệ thống quản lý tập tin cụ thể.					
Tổng cộng			45	45			

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được việc sử dụng và cách tổ chức của hệ điều hành

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính: Tài liệu học tập học phần “Hệ điều hành”. Phan Thiết

- William Stallings - Operating Systems: Internal and Design Principles - 2005

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Hà Quang Thụy - Nguyên lý hệ điều hành - NXB KHKT, Hà Nội, 2003.
- Nguyễn Kim Tuấn (ĐH Huế) - Giáo trình Lý thuyết hệ điều hành, 2004.

- Abraham Silberscharz, Peter Baer Galvin, và Greg Gagne
- Operating System Concepts (7th edition) - John Wiley & Sons, 2005

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- <http://ww1.glideos.com/>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

- Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành mô phỏng tại phòng lab.
- Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Tuần 1 Lập trình hệ thống

-Nói về nội dung môn học, cách thức tính điểm và hình thức thi cuối kỳ

1. Tổ chức máy tính.
2. Ngắt (Interrupt).
3. Hàm API (Application Programming Interface)

Tuần 2: Thực hành 1

Tuần 3: Tổng quan hệ điều hành

1. Tổng quan
2. Chức năng
3. Các thành phần (Modules)
4. Các dịch vụ

Tuần 4: Thực hành 2

Tuần 5: Tổng quan hệ điều hành (tt)

5. Lời gọi hệ thống (System call)
 6. Cấu trúc Hệ điều hành
 7. Phân loại Hệ điều hành
 8. Lịch sử phát triển Hệ điều hành
-

Tuần 6: Thực hành 3

Tuần 7: Quản lý tiến trình

1. Tiến trình và các vấn đề liên quan
 2. Điều phối tiến trình (CPU Scheduler).
 3. Liên lạc giữa các tiến trình (Process Communication).
-

Tuần 8: Thực hành 4

Tuần 9: Quản lý tiến trình (tt)

1. Đồng bộ tiến trình (Process Synchronization).
 2. Tắt nghẽn (Deadlock).
-

Tuần 10: Quản lý bộ nhớ

1. Tổng quan.
 2. Cấp phát bộ nhớ liên tục.
 3. Cấp phát bộ nhớ không liên tục.
-

Tuần 11: Thực hành 5

Tuần 12: Quản lý bộ nhớ (tt)

4. Bộ nhớ ảo
 5. Lỗi trang
 6. Chiến lược cấp phát khung trang.
 7. Working set.
-

Tuần 13: Thực hành 6

Tuần 14: Quản lý hệ thống tập tin

1. Giới thiệu.
2. Tổ chức lưu trữ thông tin.
3. Tổ chức và quản lý tập tin.
4. Các hệ thống quản lý tập tin cụ thể.

Tuần 15: Thực hành và ôn tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Thi tự luận

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Lập trình Windows -Mã học phần : 10055

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lương Vĩ Minh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:0934190972; email: lvminh@fit.hcmus.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Thái Huy Tân

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 01683410784 ; email:tanth@uit.upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường windows.
- Cung cấp kiến thức nền tảng công nghệ ADO.NET để làm việc với các loại cơ sở dữ liệu.
- Cung cấp các kiến thức cơ bản để có thể tự nghiên cứu và phát triển các loại ứng dụng khác sử dụng công nghệ .NET.
- Cung cấp cho sinh viên khả năng tự xây dựng một ứng dụng Winform hoàn chỉnh ở mức độ vừa phải sử dụng công nghệ .NET

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1. Kiến thức:

- 1) Cung cấp kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường windows.
- 2) Cung cấp kiến thức nền tảng công nghệ ADO.NET để làm việc với các loại cơ sở dữ liệu.
- 3) Cung cấp các kiến thức cơ bản để có thể tự nghiên cứu và phát triển các loại ứng dụng khác sử dụng công nghệ .NET.
- 4) Cung cấp cho sinh viên khả năng tự xây dựng một ứng dụng Winform hoàn chỉnh ở mức độ vừa phải sử dụng công nghệ .NET

8.2. Kỹ năng:

- 5) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 6) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3. Thái độ:

- 7) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 8) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 9) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

10) Sẵn sàng phân tích các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp phát triển ứng dụng trên Windows Form và kết nối CSDL.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Cung cấp kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường windows.
- Cung cấp kiến thức nền tảng công nghệ ADO.NET để làm việc với các loại cơ sở dữ liệu.
- Cung cấp các kiến thức cơ bản để có thể tự nghiên cứu và phát triển các loại ứng dụng khác sử dụng công nghệ .NET.
- Cung cấp cho sinh viên khả năng tự xây dựng một ứng dụng Winform hoàn chỉnh ở mức độ vừa phải sử dụng công nghệ .NET

42.3. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Giới thiệu	18. Giới thiệu ứng dụng Windows Forms 19. Giới thiệu .NET Framework 20. Visual Studio .NET 21. Nhắc lại các kiến thức nền tảng về Hướng Đối Tượng	3	2	1		(1)	

2.	Chương 2: Form và các định dạng Form	1. Các loại Forms 2. Các thuộc tính của Form 3. Các hình dạng của Form 4. Các phương thức của Form	5	4	1			(1)
3.	Chương 3: Các điều khiển thông thường	1. Nhóm điều khiển Label. 2. Nhóm điều khiển Textbox 3. Điều khiển ComboBox, ListBox 4. Điều khiển Button	3	2	1			(2)
4.	Chương 4: Các điều khiển đặc biệt	1. ToolTip, HelpProvider, ErrorProvider 2. ProgressBar 3. ListView	3	2	1			(3)
5.	Chương 5: Các điều khiển xây dựng menus	1. ImageList 2. MenuStrip 3. ContextMenuStrip 4. NotifyIcon	3	2	1			(3)
6.	Chương 6: Các điều	1. GroupBox. 2. TabControl	3	2	1			(3)

	kiển container	3. Panel						
7.	Chương 7: Dialogs và MessageBox	1. OpenFileDialog 2. SaveFileDialog 3. FolderBrowserDialog 4. Common Dialog	3	2	1			(2) (3)
8.	Chương 8: Các điều kiển in ấn	1. PageSetupDialog 2. PrintDialog 3. PrintDocument	3	2	1			(3) (4)
9.	Chương 9: Các điều kiển do người dùng tạo ra	1. Sự cần thiết của User Control. 2. Xây dựng User Control. 3. Dialog và Custom Dialog	3	2	1			(1) (3)
10.	Chương 10: Các lớp làm việc với màn hình và hệ thống	1. Lớp SystemInformation 2. Lớp Screen 3. Lớp SendKeys 4. Lớp PowerStatus 5. Hook	3	2	1			(3) (4)
11.	Chương 11: ADO.Net làm việc với cơ sở dữ liệu	1. Giới thiệu ADO.NET. 2. Đối tượng SqlConnection	3	2	1			(3) (4)

		3. Đối tượng SqlCommand						
		4. Đối tượng qlDataReader.						
		5. Đối tượng qlDataAdapter và DataSet.						
12.	Chương 12: Điều khiển datagridview và bindingsource	1. DataGridView 2. BindingSource	3	2	1			(3) (4)
	Chương 13: Làm việc với report và crystalreport	1. Thiết kế Crystal Report 2. Điều khiển CrystalReportViewer	3	2	1			(3)
	Chương 14: Đóng gói ứng dụng	1. Tạo Setup Project. 2. Thêm các File vào Project. 3. Tạo shortcut cho ứng dụng. 4. Build Solution	4	2	2			(3) (4)
Tổng cộng:			60					

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phân thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
 - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
 - Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
 - Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
 - Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
 - Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
 - **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Tài liệu MSDN online.

[2] C#2005 Tập 1 Lập trình Hướng Đối Tượng, Phạm Hữu Khang, NXB Nguyễn Thị Minh Khai.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[3] C#2005 Tập 2 Lập trình Windows Form, Phạm Hữu Khang, NXB Nguyễn Thị Minh Khai

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Giới thiệu

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 2: Form và các định dạng Form

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 3: Các điều khiển thông thường

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 4: Các điều khiển đặc biệt

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 5: Các điều khiển xây dựng menus

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 6: Các điều khiển container

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 7: Dialogs và MessageBox

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 8: Các điều khiển in ấn

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 9: Các điều khiển do người dùng tạo ra

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 10: Các lớp làm việc với màn hình và hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 11: ADO.Net làm việc với cơ sở dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 12: Điều khiển datagridview và bindingsource

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 13: Làm việc với report và crystalreport

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 14: Đóng gói ứng dụng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy tính

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Lý thuyết xác suất và thống kê toán - **Mã học phần: 23001**

2. Khoa phụ trách: Khoa Cơ bản

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Trường Giang

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
- ĐT: 0935757524 - Email: truonggiang@thd.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Toán ứng dụng

3.2. Họ và tên: Nguyễn Đình Khuông

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
- ĐT: 0972370094 - Email: ndkhuong15051987@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Toán ứng dụng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Toán cao cấp.

7. Mục tiêu của học phần:

Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản về: Lý thuyết xác suất, các khái niệm cơ bản và các phương pháp tính xác suất, ứng dụng trong các vấn đề thực tế, và một phần trong các kiến thức thống kê về vấn đề ước lượng và kiểm định.

Về kỹ năng: Môn học còn giúp người học củng cố thêm các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức dùng vào những mục đích riêng biệt; các kỹ năng thực hành (trên máy tính) với các cơ sở dữ liệu thực tế thu thập từ các công ty trong nước và trên toàn cầu.

Về thái độ: Người học sẽ xây dựng cho mình tác phong làm việc cụ thể, chi tiết và khoa học, tránh lối học và làm việc đại khái và cảm tính

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

CR1. Xác định được không gian mẫu và các biến cố ngẫu nhiên của thí nghiệm ngẫu nhiên. Phát biểu được định nghĩa xác suất và trình bày được các công thức tính xác suất.

CR 2. Nêu được khái niệm biến ngẫu nhiên, bảng phân phối xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối xác suất và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên

CR 3. Phân biệt được mẫu ngẫu nhiên và số liệu thống kê

CR 4. Viết được các công thức ước lượng điểm và ước lượng khoảng của tỷ lệ, trung bình và phương sai. Phân biệt được khoảng tin cậy và giá trị của khoảng tin cậy.

CR 5. Xác định được giả thiết và đối thiết của bài toán kiểm định giả thiết, hiểu được sai lầm loại 1, sai lầm loại 2 và mức ý nghĩa của miền tiêu chuẩn

CR 6. Xác định được hệ số tương quan mẫu và hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm

- Kỹ năng:

S1. Sử dụng được các giải tích tổ hợp để tính xác suất theo quan điểm đồng khả năng

S2. Sử dụng được các công thức tính xác suất, đặc biệt là xác suất có điều kiện

S3. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc. Sử dụng được hàm phân phối xác suất và hàm mật độ xác suất của biến ngẫu nhiên liên tục.

S4. Tính định được kỳ vọng, phương sai, median, mod của biến ngẫu nhiên và cách sử dụng các số đặc trưng này.

S5. Sử dụng được phân phối siêu bội, nhị thức, Poisson, chuẩn và mối liên hệ giữa các phân phối này.

S6. Tính được giá trị trung bình mẫu, phương sai mẫu bằng máy tính bỏ túi

S7. Tìm được(giá trị) của khoảng tin cậy cho tỷ lệ, trung bình và phương sai ứng với số liệu thu được

S8. Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thiết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong thực tế.

S9.Sử dụng được hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm

S10. Có tính trung thực trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra

- Thái độ:

A1. Có thái độ tích cực hợp tác với giáo viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập

A2. Phân công công việc trong một nhóm bài tập một cách hiệu quả

A3. Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

R1. Có tính cẩn thận, chính xác, kiên trì, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu

R2. Có kỹ năng phát hiện vấn đề, phân tích và giải quyết vấn đề, hình thành2tu7 duy logic cho sinh viên

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thống kê kinh tế bao gồm 7 chương với những nội dung cơ bản sau:

Các định nghĩa xác suất, các phép toán về biến cố và xác suất, xác suất điều kiện, đặc biệt là công thức xác suất toàn phần và công thức Bayess, sự độc lập và dãy các phép thử độc lập được đưa vào chương 1. Chương 2 bao gồm biến ngẫu nhiên và hàm phân bố, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên cũng như một số phân bố quan trọng. Chương 3 dành cho phân phối xác suất thông dụng. Chương 4 dành cho luật số lớn và các định lý giới hạn.

Chương 5 dành cho véc tơ ngẫu nhiên bao gồm phân bố xác suất 2 chiều, phân bố điều kiện, các số đặc trưng, hàm của các biến ngẫu nhiên và sự hội tụ của dãy các biến số ngẫu nhiên. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về lý thuyết lấy mẫu, các ước lượng tham số tối ưu, ước lượng khoảng, bài toán kiểm định giả thuyết tổng quát, từ 1 mẫu, từ 2 mẫu, cũng như kiểm định phi tham số ở phần thống kê trong 2 chương 6,7. Chương 8 dành cho một số kiến thức về tương quan và hồi quy

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Biến cố, xác suất của biến cố	1.1. Phép thử, biến cố 1.2. Quan hệ giữa các biến cố 1.3. Định nghĩa xác suất 1.4. Xác suất có điều kiện, sự độc lập 1.5. Các công thức tính xác suất	8	6	2		10	CR1, S1, S2, S3, S4, S5, A1, A2, A3, A4, R1, R2
2	Biến ngẫu nhiên	2.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên 2.2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên 2.3. Các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên	8	5	3		10	CR2, CR3, S1, S2, S3, S4, S5, A1, A2, A3, A4, R1, R2
3	Một số phân phối	3.1. Phân phối Bernoulli	4	2	2		12	CR3, S1, S2, S3,

	xác suất thông dụng	3.2. Phân phối Nhi thức 3.3. Phân phối siêu bội 3.4. Phân phối Poisson					S4, S5, A1, A2, A3, A4, R1, R2
4	Luật số lớn và các định lý giới hạn	4.1. Hội tụ theo xác suất và phân phối 4.2. Bất đẳng thức Markov, Chebyshev 4.3. Luật số lớn 4.4. Định lý giới hạn trung tâm 4.5. Liên hệ giữa các phân phối xác suất	4	2	2	13	CR3,S1, S2, S3, S4, S5, A1, A2, A3, A4, R1, R211,12, 13,14,15, 16
5	Véc tơ ngẫu nhiên	5.1. Khái niệm véc tơ ngẫu nhiên 5.2. Phân phối xác suất của (X,Y) 5.3. Phân tích phương sai hai nhân tổ lập	4	2	2	12	CR3, CR4, S6, S7, S8, S9, S10, A1, A2, A3, A4, R1, R2
6	Lý thuyết mẫu	6.1. Tổng thể, mẫu 6.2.Mô tả dữ liệu 6.3.Các đặc trưng của mẫu 6.4. Phân phối xác	4	2	2	12	CR4, CR5, S6, S7, S8, S9, S10, A1, A2,

		suất của trung bình mẫu 6.5.Đại lượng thống kê					A3, A4, R1, R23,10,11,12,13
7	Ước lượng tham số	7.1. Khái niệm chung 7.2. Ước lượng điểm 7.3. Ước lượng khoảng	3	2	1	12	CR5, S6, S7, S8, S9, S10, A1, A2, A3, A4, R1, R23,9,10,11,12,13
8	Kiểm định giả thiết	8.1. Bài toán kiểm định giả thiết 8.2. Kiểm định giả thiết về trung bình 8.3. Kiểm định giả thiết về tỷ lệ 8.4. So sánh hai giá trị trung bình 8.5. So sánh hai tỷ lệ	3	2	1	12	CR5, CR6, S6, S7, S8, S9, S10, A1, A2, A3, A4, R1, R2
9	Tương quan, hồi qui	9.1. Mở đầu 9.2. Hệ số tương quan 9.3. Tìm đường thẳng hồi qui 9.4. Sử dụng máy tính cầm tay	2	1	1	12	CR6, S6, S7, S8, S9, S10, A1, A2, A3, A4, R1, R2

10		Ôn tập	5	2	3		30	
Tổng cộng			45	26	19		13 5	

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

- Tham gia các buổi học trên lớp nghiêm túc, không đi trễ, không nói chuyện riêng.
- Tích cực đọc trước tài liệu để dễ dàng tiếp thu và tham gia thảo luận bài học mới
- Tổ chức các nhóm học tập để cùng nhau trao đổi, giải bài tập nhằm củng cố lý thuyết, rèn luyện kỹ năng chuyên môn cũng như hoạt động nhóm.
- Cần phát huy khả năng độc lập suy nghĩ, tư duy sáng tạo để đạt hiệu quả cao trong học tập

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học để hỗ trợ các môn chuyên ngành tiếp theo và vận dụng kiến thức toán để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
 - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, và hướng dẫn trực tiếp trên bảng phấn trên lớp, cho ví dụ và giải bài tập
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo nhóm, giải bài tập
- Trong giờ học sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 11 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2009..

[2] ThS. Nguyễn Đình Khuông, *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*

12.2 Tài liệu tham khảo:

1.2.1. Sheldon Ross, *A first course in probability*, Prentice Hall.

1.2.2. Tô Anh Dũng, *Lý thuyết xác suất thống kê*, NXB Đại học quốc gia.

1.2.3. Đinh Văn Gắng, *Xác suất thống kê*, NXB Đại học quốc gia

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>
- Website: www.gso.gov.vn

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyế định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy:

Buổi 1(4 tiết) Chương 1 Biến cố và xác suất biến cố

1.1. Phép thử, biến cố

Phép thử là việc thực hiện một thí nghiệm hoặc quan sát một hiện tượng nào đó. Phép thử được gọi là ngẫu nhiên nếu ta không thể dự báo trước chính xác kết quả nào sẽ xảy ra.

1.2. Quan hệ giữa các biến cố

1.3. Định nghĩa xác suất

1.4. Xác suất có điều kiện, sự độc lập

1.4.1. Xác suất có điều kiện

1.4.2. Sự độc lập của hai biến cố

- Cho ví dụ theo từng khái niệm
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu

Buổi 2 (4 tiết) Chương 1 Biến cố và xác suất biến cố (tt)

1.5. Các công thức tính xác suất.

1.5.1. Công thức cộng

1.5.2. Công thức nhân

1.5.3. Công thức xác suất đầy đủ

1.5.4. Công thức xác suất Bayes

1.6. Bài tập chương 1

- Cho ví dụ cụ thể, làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu

Buổi 3 (4 tiết) Chương 2 Biến ngẫu nhiên

2.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên

2.2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên

2.2.1 X là biến ngẫu nhiên rời rạc

2.2.2. X là biến ngẫu nhiên liên tục

2.2.3. Hàm phân phối xác suất

- Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu

Buổi 4 (4 tiết) Chương 2 Biến ngẫu nhiên (tt)

2.3. Các đặc trưng của biến ngẫu nhiên**2.3.1. Kỳ vọng-EX****2.3.2. Phương sai-VarX****2.3.3. ModX****2.4. Bài tập chương 2**

- Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
- Cho bài tập về nhà làm

Buổi 5 (4 tiết) Chương 3 Một số phân phối và xác suất thông dụng

3.1. Phân phối Bernoulli**3.2. Phân phối Nhị thức****3.3. Phân phối siêu bội****3.4. Phân phối Poisson****3.5. Phân phối chuẩn****3.6. Bài tập chương 3**

- Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
- Bài kiểm tra ngắn
- Cho bài tập về nhà làm

Buổi 6 (4 tiết) Chương 4 Luật số lớn và các định lý giới hạn

4.1. Hội tụ theo xác suất và phân phối**4.2. Bất đẳng thức Markov, Chebyshev****4.2.1. Bất đẳng thức Markov****4.2.2. Bất đẳng thức Chebyshev****4.3. Luật số lớn**

4.4. Định lý giới hạn trung tâm

4.5. Liên hệ giữa các phân phối xác suất

4.5.1. Liên hệ giữa các phân phối xác suất

4.5.2. Liên hệ giữa siêu bội và nhị thức

4.5.3. Liên hệ giữa nhị thức và Poisson

- Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
- Bài kiểm tra ngắn
- Cho bài tập về nhà làm

Buổi 7 (4 tiết) Chương 5 Vectơ ngẫu nhiên

5.1. Khái niệm Vectơ ngẫu nhiên

5.2. Phân phối xác suất của (X, Y)

5.2.1. (X, Y) là Vectơ ngẫu nhiên rời rạc

5.2.2. (X, Y) là Vectơ ngẫu nhiên liên tục

5.3. Bài tập chương 5

- Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
- Cho bài tập về nhà làm

Buổi 8 (4 tiết) Chương 6 Lý thuyết mẫu

6.1. Tổng thể, mẫu

6.2. Mô tả dữ liệu

6.2.1. Phân loại mẫu ngẫu nhiên

6.2.2. Sắp xếp số liệu

6.3. Các đặc trưng của mẫu

6.3.1. Trung bình mẫu

6.3.2. Phương sai mẫu

6.3.3. Phương sai mẫu có hiệu chỉnh

6.4. Phân phối xác suất của trung bình mẫu

6.5. Đại lượng thống kê

- Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu

Kiểm tra giữa kỳ

Buổi 9 (4 tiết) Chương 7 Ước lượng tham số+ Chương 8 Kiểm định giả thiết

7.1. Khái niệm chung

7.2. Ước lượng điểm

7.3. Ước lượng khoảng

7.3.1. Mô tả phương pháp

7.3.2. Ước lượng khoảng cho trung bình

7.3.3. Ước lượng khoảng cho tỷ lệ

8.1. Bài toán kiểm định giả thiết

8.1.1. Giả thiết không, đối thiết

8.1.2. Miền tới hạn

8.1.3. Hai loại sai lầm

8.1.4. Phương pháp chọn miền tới hạn

- Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
- Cho bài tập về nhà làm

Buổi 10 (4 tiết) Chương 8 Kiểm định giả thiết (tt)+ Chương 9 Tương quan hồi qui

8.2. Kiểm định giả thiết về trung bình

8.3. Kiểm định giả thiết về tỷ lệ

8.4. So sánh hai giá trị trung bình

8.5. So sánh hai tỷ lệ

9.1. Mở đầu

9.1.1. Số liệu trong phân tích tương quan hồi quy

9.1.2. Biểu đồ tán xạ

9.2. Hệ số tương quan

9.3. Tìm đường thẳng hồi qui

9.4. Sử dụng máy tính cầm tay

- Cho ví dụ cụ thể và hướng dẫn làm bài tập
- Giảng lý thuyết, thảo luận- tự học, tự nghiên cứu
- Cho bài tập về nhà làm

Buổi 11 (5 tiết) Ôn tập

Ôn tập lại một số nội dung và làm bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Tự luận (Không được sử dụng tài liệu)

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin

Mã học phần : 20001

2. Khoa phụ trách: Cơ bản

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Thị Lý

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
- ĐT: 0903661228 ; Email: ntlly@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử, triết học, tư tưởng, văn hóa

4. Số tín chỉ: 5

5. Phân bổ thời gian (tiết): 75 tiết

- Lên lớp: 75 tiết
- Tự học: 225 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Học phần cung cấp cho người học hệ thống lý luận quan trọng cho việc tiếp cận nhận thức thế giới, thế giới tự nhiên, xã hội con người và vai trò của con người trong xã hội.

Hệ thống tri thức của học phần góp phần khung nền cho thế giới quan và phương pháp luận để người học vận dụng trong cuộc sống, công việc, các mối quan hệ.

Mục tiêu quan trọng của học phần là định hình các quan điểm để người học xác lập cho mình hệ thống phương pháp tiếp cận hướng chiến lược phát triển bản thân, phát triển xã hội

Học phần đưa tới niềm tin được thưởng thức tri thức của tự nhiên, con người và mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức:

CR1. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

CR2. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. Và có được phương thức nhận thức các vấn đề của cuộc sống từ kinh tế, con người, xã hội. Quy luật vận động của xã hội

- Kỹ năng:

S1 Năng lực nhận thức các vấn đề của cuộc sống, công việc, mối quan hệ

S2 Định hình phương thức làm việc, sử lý các tình huống

S3 Kiểm soát được hành vi, thái độ trong các mối quan hệ

S4 Bày tỏ được quan điểm trước các vấn đề của xã hội

- Thái độ:

A1 Tôn trọng sự khác biệt để cùng chung sống hòa bình

A2 Trân trọng thành quả lao động, giá trị lịch sử của đất nước, nhân loại

A3. Biết tôn trọng tự nhiên

A4. Sống có khát vọng, hoài bão, sống tử tế

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

R1. Có khả năng tự chủ, độc lập trong các vấn đề của xã hội

R2. Năng lực giải quyết công việc sáng tạo

R3. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.2. Nội dung học phần

STT	TÊN CHƯƠNG	Tiêu đề, tiểu mục	Phân bổ số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương mở đầu: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	<p>1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành</p> <p>2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin</p> <p>a) Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác</p> <p>b) C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác</p> <p>c) V.I Lênin với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa</p>	04	03	1	0	CR1; CR2; S3; S6; A7; A8; R11; R12; R13;	

		Mác trong điều kiện lịch sử mới d) Chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới						
2	Phần thứ nhất Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học 2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử a) Chủ nghĩa duy vật chất phác b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng	04	03	01	0		CR1; CR2; S4; S6; A8; A9 R11; R12; R13;
3	Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	II. Quan hệ duy vật biện chứng về mặt vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 1. Vật chất	05	04	01	0		CR1; CR2; S4; S5; A9; A10;

		<p>a) Phạm trù vật chất</p> <p>b) Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>c) Tính thống nhất vật chất của thế giới</p> <p>2. Ý thức</p> <p>a) Nguồn gốc của ý thức</p> <p>b) Bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>a) Vai trò của vật chất đối với ý thức</p> <p>b) Vai trò của ý thức đối với vật chất</p> <p>c) Ý nghĩa phương pháp luận</p>						R11; R12; R13;
4	Chương 2: Phép biện chứng duy vật	<p>I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng</p> <p>a) Phép biện chứng</p> <p>b) Các hình thức cơ bản của phép biện chứng</p>	04	03	01	0		CR1; CR2; S3; S6; A7; A8; R11; R12; R13;

		<p>2. Phép biện chứng duy vật</p> <p>II/- CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến</p> <p>2. Nguyên lý về sự phát triển</p>					
5	<p>Chương 2: Phép biện chứng duy vật</p>	<p>III/- CÁC CẤP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>1. Cái chung và cái riêng</p> <p>2. Bản chất và hiện tượng</p> <p>3. Tất nhiên và ngẫu nhiên</p> <p>4. Nguyên nhân và kết quả</p> <p>5. Nội dung và hình thức</p> <p>6. Khả năng và hiện thực</p> <p>IV/- CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại</p> <p>a) Khái niệm chất, lượng</p>	04	03	01	0	<p>CR1; CR2; S3; S6; A7; A8; R11; R12; R13;</p>

		<p>b) Quan hệ biện chứng Giữa chất và lượng</p> <p>c) Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập</p> <p>a) Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn</p> <p>b) Quá trình vận động của mâu thuẫn</p> <p>c) Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>3. Quy luật phủ định của phủ định</p> <p>a) Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó</p> <p>b) Phủ định của phủ định</p> <p>c) Ý nghĩa phương pháp luận</p>					
6	Chương 2: Phép biện chứng duy vật	V/- LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG	04	03	01		CR1; CR2; S4; S6; A8;

		<p>1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức</p> <p>a) Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn</p> <p>b) Nhận thức và các trình độ nhận thức</p> <p>c) Vai trò của thực tiễn với nhận thức</p> <p>2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</p> <p>a) Quan điểm của V.I Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</p> <p>b) Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn</p>						A9 R11; R12; R13;
7	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	<p>I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</p> <p>a) Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất</p>	04	03	01			CR1; CR2; S4; S5; A9; A10; R11; R12; R13;

		<p>b) Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội</p> <p>2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>a) Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>b) Quy luật</p>						
8	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p>	<p>II/- BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG</p> <p>1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>a) Khái niệm, kết cấu cơ sở hạ tầng</p> <p>b) Khái niệm, kết cấu kiến trúc thượng tầng</p> <p>2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>a) Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng</p>	04	03	01	0	<p>CR1; CR2; S3; S6; A7; A8; R11; R12; R13;</p>	

		<p>b) Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng</p> <p>c) Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>III/- TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI</p> <p>1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội</p> <p>a) Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>b) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội</p> <p>2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p>						
9	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	IV. Hình thái kinh tế xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội	04	03	1	0	CR1; CR2; S4; S6; A8; A9 R11; R12; R13;	

10	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và các mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp	04	03	01	0	CR1; CR2; S4; S5; A9; A10; R11; R12; R13;
11	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tt)	VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân	4	3	1	0	CR1; CR2; S3; S6; A7; A8; R11; R12; R13;
12	Chương IV. Học thuyết giá trị	I/- ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI, ĐẶC TRUNG VÀ ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HOÁ 1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá a) Phân công lao động xã hội	4	3	1	0	CR1; CR2; S3; S6; A7; A8; R11; R12; R13;

		<p>b) Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động</p> <p>2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá</p> <p>II/- HÀNG HOÁ</p> <p>1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá</p> <p>2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá</p> <p>III/- TIỀN TỆ</p> <p>1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ</p> <p>2. Chức năng của tiền tệ</p> <p>IV/- QUY LUẬT GIÁ TRỊ</p> <p>1. Nội dung của quy luật giá trị</p> <p>2. Tác động của quy luật giá trị</p>						
13	Chương V. Học thuyết giá trị thặng dư	<p>I/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ – BẢN</p> <p>1. Công thức chung của tư bản</p>	4	3	1	0		CR1; CR2; S4; S6; A8; A9 R11;

	<p>2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản</p> <p>3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>II/- Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản</p> <p>1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư</p> <p>2. Bản chất tư bản, sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến</p> <p>3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư</p> <p>4. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch</p> <p>5. Sản xuất ra giá trị thặng dư– quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản</p> <p>III/- TIỀN CÔNG TRONG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN.</p>							R12; R13;
--	--	--	--	--	--	--	--	--------------

		<p>1. Bản chất kinh tế của tiền công</p> <p>2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>IV/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN</p> <p>3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản</p>					
14	Học thuyết giá trị thặng dư (tt)	<p>V/- QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ</p> <p>1. BUỒI hoàn và chu chuyển của tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động</p> <p>2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội</p> <p>3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>VI/- CÁC HÌNH THÁI BIỂU HIỆN CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ</p>	5	4	1		CR1; CR2; S4; S5; A9; A10; R11; R12; R13;

		<p>1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận</p> <p>2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất</p> <p>3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản</p>					
15	<p>Chương VI. Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p>	<p>I/- CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN</p> <p>1. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>II/- CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC</p> <p>1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p>	4	3	1		<p>CR1; CR2; S3; S6; A7; A8; R11; R12; R13;</p>

		<p>2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p>III/- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VAI TRÒ VÀ GIỚI HẠN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN</p> <p>1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội</p> <p>2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư</p>						
16	<p>Chương VII. Sứ mệnh của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa</p>	<p>I/- SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN</p> <p>1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó</p> <p>2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>II/- CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p>	5	4	1			<p>CR1; CR2; S4; S6; A8; A9 R11; R12; R13;</p>

		<p>1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó</p> <p>2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>III/- HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA</p> <p>1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p>					
17	<p>Chương VIII. Những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.</p>	<p>I/- XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa</p>	4	3	1		<p>CR1; CR2; S4; S5; A9; A10; R11; R12; R13;</p>

		<p>II/- XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p>III/- GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO</p> <p>1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc</p> <p>2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo</p>					
18	Chương IX. Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	<p>I/- CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC</p> <p>1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới</p>	4	3	1		CR1; CR2; S3; S6; A7; A8; R11;

		<p>2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó</p> <p>II/- SỰ KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔVIẾT VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ</p> <p>1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</p> <p>2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</p> <p>III/- TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người</p> <p>2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người</p>						R12; R13;
--	--	---	--	--	--	--	--	--------------

10. Yêu cầu và kỳ vọng của môn học:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc nhận thức, đánh giá, lý giải các vấn đề của lao động, việc làm, kinh doanh...

+ Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 18 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào BUỔI thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

- + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

- + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

- + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.

- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)

- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

- Vào BUỔI thứ 8, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm 20 % tổng số điểm

- Cuối học kỳ, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá môn học:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5

Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài: Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

Có hành động gian dối: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

1. Chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
2. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

12.2 Tài liệu tham khảo:

1. Các Mac toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.
2. Lenin toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.
3. Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- Chính phủ <http://www.chinhphu.vn>
- Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
- Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

BUỔI 1 (4 tiết)

Chương mở đầu.

NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Nội dung

I/- KHÁI LƯỢC VỀ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành
 - a) Chủ nghĩa Mác-Lênin
 - b) Ba bộ phận lý luận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin
2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin
 - a) Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác
 - b) C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác
 - c) V.I Lênin với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới
 - d) Chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới

II/- ĐỐI TƯỢNG, MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu
2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu
 - a) Mục đích của việc học tập, nghiên cứu
 - b) Một số yêu cầu cơ bản về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

Phương pháp

- Phân tích nội hàm một số các khái niệm
- Nêu và làm sáng tỏ về điều kiện, cơ sở hình thành của các học thuyết
- Giảng giải các đối tượng nghiên cứu của học thuyết
- Phương pháp nhận thức một học thuyết

Kết quả mong muốn:

- Nhận thức đầy đủ đối tượng nghiên cứu
- Định hình hệ thống các phương pháp học cho môn học

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin, trang 7 – 9, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

Phần thứ nhất

THẾ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

BUỔI 2 (4 tiết) Chương I . CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Nội dung:

I/- CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học
2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử
 - a) Chủ nghĩa duy vật chất phác
 - b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình
 - c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Phương pháp

- Nêu và lý giải các vấn đề cơ bản của triết học trong lịch sử triết học
- Phân tích những biểu hiện của các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật lịch sử
- Minh chứng cụ thể trong thực tiễn làm sáng tỏ các vấn đề

Kết quả mong muốn

- Nhận thức sâu sắc hệ thống nội hàm các khái niệm trong triết học
- Có được nền tảng nhận thức để hiểu các nội dung trong học phần
- Sinh viên hiểu rõ các quan điểm của các trường phái triết học về vật chất, ý thức

- Xây dựng kỹ năng nhận diện các quan điểm trong triết học

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 35, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 3 (5 tiết) Chương I . CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (tt)

Nội dung

II/- QUAN ĐIỂM DUY VẬT BIỆN CHỨNG VỀ VẬT CHẤT, Ý THỨC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

1. Vật chất

- a) Phạm trù vật chất
- b) Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất
- c) Tính thống nhất vật chất của thế giới

2. Ý thức

- a) Nguồn gốc của ý thức
 - b) Bản chất và kết cấu của ý thức
- ##### **3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**

- a) Vai trò của vật chất đối với ý thức
- b) Vai trò của ý thức đối với vật chất
- c) Ý nghĩa phương pháp luận

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về vật chất, ý thức, mối quan hệ
- Phân tích làm sáng tỏ
- Minh chứng trong thực tiễn hoạt động của xã hội con người, thế giới tự nhiên

Kết quả mong muốn

- Nhận thức sâu sắc hệ thống nội hàm các khái niệm trong triết học
- Có được nền tảng nhận thức để hiểu các nội dung trong học phần
- Sinh viên hiểu rõ các quan điểm của các trường phái triết học về vật chất, ý thức
- Xây dựng kỹ năng nhận diện các quan điểm trong triết học

- Hiểu rõ quan điểm của triết học Mac –lenin về vật chất, ý thức
- Sinh viên có thể liên hệ thực tiễn để biện luận

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 4 (4 tiết)

Chương II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

Nội dung

I/- PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

- a) Phép biện chứng
- b) Các hình thức cơ bản của phép biện chứng

2. Phép biện chứng duy vật

II/- CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

2. Nguyên lý về sự phát triển

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về phép biện chứng
- Phân tích làm sáng tỏ về hai nguyên lý
- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng, hai nguyên lý

Kết quả mong muốn

- Hiểu rõ quan điểm của Mac – Lenin về phép biện chứng
- Nhận thức được vấn đề nguyên lý phổ biến, phát triển trong lịch sử tự nhiên, xã hội, con người
- Vận dụng nguyên lý trong học tập, công việc, các mối quan hệ

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 5 (4 tiết)

Chương II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT (tiếp theo)

Nội dung

III/- CÁC CẶP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Cái chung và cái riêng
2. Bản chất và hiện tượng
3. Tất nhiên và ngẫu nhiên
4. Nguyên nhân và kết quả
5. Nội dung và hình thức
6. Khả năng và hiện thực

IV/- CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại
 - a) Khái niệm chất, lượng
 - b) Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng
 - c) Ý nghĩa phương pháp luận
2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
 - a) Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn
 - b) Quá trình vận động của mâu thuẫn
 - c) Ý nghĩa phương pháp luận
3. Quy luật phủ định của phủ định
 - a) Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó
 - b) Phủ định của phủ định
 - c) Ý nghĩa phương pháp luận

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về phép biện chứng
- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ về các cặp phạm trù
- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng, các cặp phạm trù

Kết quả mong muốn

- Hiểu rõ quan điểm của Mac – Lenin về phép biện chứng
- Có được hệ thống tri thức về các quy luật theo quan điểm Triết học
- Minh chứng các quy luật trong lịch sử tự nhiên, xã hội, con người

- Vận dụng quy luật trong học tập, công việc, các mối quan hệ

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 6 (4 tiết) Chương II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT (tiếp theo)

Nội dung

V/- LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức
 - a) Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn
 - b) Nhận thức và các trình độ nhận thức
 - c) Vai trò của thực tiễn với nhận thức
2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý
 - a) Quan điểm của V.I Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý
 - b) Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về phép biện chứng
- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ về thực tiễn, nhận thức
- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng, về thực tiễn, nhận thức

Kết quả mong muốn

- Hiểu rõ quan điểm của Mac – Lenin về nhận thức, thực tiễn
- Minh chứng các vấn đề của lý luận nhận thức, thực tiễn trong lịch sử tự nhiên, xã hội, con người
- Vận dụng quy luật. nguyên lý trong nhận thức, thực tiễn ở các lĩnh vực học tập, công việc, các mối quan hệ

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 7 (4 tiết) Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Nội dung

I/- VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

- a) Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất
- b) Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội

2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

- a) Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- b) Quy luật

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử
- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất
- Minh chứng trong thực tiễn về sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất

Kết quả mong muốn

- Hiểu rõ quan điểm của Mac – Lenin về sản xuất vật chất, quy luật của quan hệ sản xuất vật chất với trình độ của phát triển của lực lượng sản xuất
- Có thể minh chứng các vấn đề thực tiễn trong lịch sử tự nhiên, xã hội, con người
- Vận dụng ở các lĩnh vực học tập, công việc, các mối quan hệ

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 8 (4 tiết) Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo)

Nội dung

II/- BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

- a) Khái niệm, kết cấu cơ sở hạ tầng
- b) Khái niệm, kết cấu kiến trúc thượng tầng

2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

- a) Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng
- b) Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

c) Ý nghĩa phương pháp luận

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử
- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ giữa cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng của xã hội
- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

Kết quả mong muốn

- Hiểu rõ quan điểm của Mac – Lenin về cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng
- Có thể minh chứng các vấn đề thực tiễn trong lịch sử tự nhiên, xã hội, con người
- Vận dụng quan điểm trên trong nền chính trị, xã hội, kinh tế ở Việt Nam
- Có được phương pháp luận cần thiết cho nhận thức, công việc của bản thân

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 9 (4 tiết)

Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo)

Nội dung

III/- TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
 - a) Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội
 - b) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội
2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

IV/- HÌNH THÁI KINH TẾ XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế-xã hội
2. Quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử
- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ giữa của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

Kết quả mong muốn

- Hiểu rõ quan điểm của Mac – Lenin về tồn tại xã hội, ý thức xã hội

- Có thể minh chứng các vấn đề thực tiễn trong lịch sử tự nhiên, xã hội, con người

- Vận dụng quan điểm trên trong nền chính trị, xã hội, kinh tế ở Việt Nam và con người Việt Nam

- Có thể so sánh với một số nước điển hình

- Có được phương pháp luận cần thiết cho nhận thức, công việc của bản thân

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 10 (4 tiết) Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo)

Nội dung

V/- VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

a) Khái niệm giai cấp, tầng lớp xã hội

b) Nguồn gốc giai cấp

c) Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

a) Khái niệm cách mạng xã hội và nguồn gốc của cách mạng xã hội

- Khái niệm cách mạng xã hội và khái niệm cải cách xã hội

- Nguồn gốc của cách mạng xã hội

b) Vai trò của cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử

- Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, cải cách xã hội

- Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng của đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, cải cách xã hội

Kết quả mong muốn

- Hiểu rõ quan điểm của Mac – Lenin về con người, giai cấp, lãnh tụ, các vấn đề giai cấp

- Có thể minh chứng các vấn đề thực tiễn trong lịch sử tự nhiên, xã hội, con người

- Có thể so sánh với một số nước điển hình trong lịch sử về các đề trên

- Có được phương pháp luận cần thiết cho nhận thức, công việc của bản thân

- Sinh viên có được một phương thức tồn tại phù hợp bản thân, tôn trọng con người

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 11 (4 tiết) Chương III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo)

Nội dung

VI- QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

1. Con người và bản chất của con người

a) Khái niệm con người

b) Bản chất của con người

2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

a) Khái niệm quần chúng nhân dân

b) Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử

Phương pháp

- Biện luận các vấn đề về của chủ nghĩa duy vật lịch sử

-Phân tích, lý giải, lý luận làm sáng tỏ đấu tranh giai cấp, con người, quần chúng

-Minh chứng trong thực tiễn về biện chứng của đấu tranh giai cấp, con người, quần chúng

Kết quả mong muốn

- Hiểu rõ quan điểm của Mac – Lenin về con người, giai cấp, lãnh tụ, các vấn đề giai cấp

- Có thể minh chứng các vấn đề thực tiễn trong lịch sử tự nhiên, xã hội, con người
- Có thể so sánh với một số nước điển hình trong lịch sử về các đề trên
- Có được phương pháp luận cần thiết cho nhận thức, công việc của bản thân
- Sinh viên có được một phương thức tồn tại phù hợp bản thân, tôn trọng con người

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lenin, trang 33 - 165, đọc thêm trang [www. Triethoc.info. vn](http://www.Triethoc.info.vn)

BUỔI 12 (4 tiết) Chương V. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

Nội dung

I/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN

1. Công thức chung của tư bản
2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản
3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

II/- Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư
2. Bản chất tư bản, sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến
3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
4. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch
5. Sản xuất ra giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

III/- TIỀN CÔNG TRONG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN.

1. Bản chất kinh tế của tiền công
2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản

IV/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN

3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các phạm trù về học thuyết giá trị thặng dư
- Phân tích, biện luận nội dung về học thuyết
- Minh chứng qua các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

Kết quả mong muốn

- Người học tiếp cận một hệ thống quan điểm về lao động, thặng dư, sức lao động, tiền lương, tư bản
- Nhận thức được những biểu hiện của các vấn đề trong thực tiễn
- Hiểu được nguồn gốc của bất công, nguyên nhân của sự thịnh vượng
- Các phương thức tồn tại của sự thịnh vượng
- Có được công cụ so sánh, đối chiếu
- Vận dụng trong lao động

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, trang 180 - 218 tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

BUỔI 13 (4 tiết) Chương V. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

Nội dung

I/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN

1. Công thức chung của tư bản
2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản
3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

II/- Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư
2. Bản chất tư bản, sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến
3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
4. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch
5. Sản xuất ra giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

III/- TIỀN CÔNG TRONG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN.

1. Bản chất kinh tế của tiền công
2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản

IV/- SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN

3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các phạm trù về học thuyết giá trị thặng dư
- Phân tích, biện luận nội dung về học thuyết
- Minh chứng qua các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

Kết quả mong muốn

- Người học tiếp cận một hệ thống quan điểm về lao động, thặng dư, sức lao động, tiền lương, tư bản
- Nhận thức được những biểu hiện của các vấn đề trong thực tiễn
- Hiểu được nguồn gốc của bất công, nguyên nhân của sự thịnh vượng
- Các phương thức tồn tại của sự thịnh vượng
- Có được công cụ so sánh, đối chiếu
- Vận dụng trong lao động

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, trang 180 - 218 tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

BUỔI 14 (5 tiết) HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ (tt)

Nội dung

V/- QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. BUỔI hoàn và chu chuyển của tư bản. T–ư bản cố định và t–ư bản l–ưu động
2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội
3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản

VI/- CÁC HÌNH THÁI BIỂU HIỆN CỦA T–Ư BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG D–Ư

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất
3. Sự phân chia giá trị thặng d–ư giữa các tập đoàn t–ư bản

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các phạm trù về học thuyết giá trị thặng dư

- Phân tích, biện luận nội dung về học thuyết
- Minh chứng qua các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

Kết quả mong muốn

- Người học tiếp cận một hệ thống quan điểm về lao động, thặng dư, sức lao động, tiền lương, tư bản
- Nhận thức được những hình thức biểu hiện của tư bản, thặng dư
- Hiểu được nguồn gốc của bất công, nguyên nhân của sự thịnh vượng
- Các phương thức tồn tại của sự thịnh vượng
- Có được công cụ so sánh, đối chiếu
- Vận dụng trong lao động

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, trang 180 - 218 tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

BUỔI 15 (4 tiết)

Chương VI. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

Nội dung

I/- CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN

1. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền
2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền
3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

II/- CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III/- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VAI TRÒ VÀ GIỚI HẠN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội
2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các phạm trù về học thuyết tư bản, tư bản độc quyền
- Phân tích, biện luận các nội dung của học thuyết
- Minh chứng qua các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

Kết quả mong muốn

- Người học tiếp cận một hệ thống quan điểm về độc quyền, nguyên nhân, các hình thức động quyền, tác động của nó

Những biểu hiện của các vấn đề trong thực tiễn

- Hiểu được nguồn gốc của bất công, nguyên nhân của sự thịnh vượng
- Các phương thức tồn tại của sự thịnh vượng

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, trang 180 - 218 tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

BUỔI 16 (5 tiết)

Chương VII. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nội dung

I/- SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó
2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

II/- CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó
2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa
3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

III/- HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa
2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các phạm trù về giai cấp, xã hội, cách mạng
- Phân tích, biện luận nội dung về giai cấp, vấn đề cách mạng XHCN
- Minh chứng các vấn đề qua thực tiễn lịch sử của con người, qua các nền kinh tế thế giới

Kết quả mong muốn

- + Sinh viên có được nhận thức về quan điểm vai trò của giai cấp đối với tiến trình lịch sử
- + Các vấn đề về cách mạng xã hội
- + Có khả năng dự đoán sự phát triển của tương lai

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

BUỔI 17 (4 tiết)

Chương VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nội dung

I/- XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

II/- XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa
2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

III/- GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc
2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề có tính quy luật về chính trị xã hội
- Phân tích, biện luận nội dung về nền dân chủ xã hội
- Minh chứng các vấn đề thực tiễn các nước trên thế giới

Kết quả mong muốn:

- + Hiểu rõ tính quy luật của sự vận động xã hội
- + Vận dụng hệ thống quan điểm triết học xây dựng dân chủ, văn hóa, tôn giáo
- + Định hướng hoạt động cá nhân trong cuộc sống cho phù hợp với thời đại

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

BUỔI 18 (4 tiết) Chương IX. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG

Nội dung

I/- CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới
2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

II/- SỰ KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔVIẾT VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết
2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

III/- TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người
2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người

Phương pháp

- Làm sáng tỏ tình hình của chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 1917 - nay
- Phân tích, biện luận nội dung trên
- Minh chứng các vấn đề qua khu vực châu Á, châu Âu, châu Mỹ Latinh

Kết quả mong muốn

- + Hiểu rõ nguyên nhân sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu
- + Nhận biết thực trạng chủ nghĩa xã hội hiện thực hiện nay
- + Hiểu biết về trào lưu xã hội chủ nghĩa ở một số nơi trên thế giới

Tài liệu

Đọc giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin, tham khảo thêm www.triethoc.info. Vn

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường

- **Hình thức thi:** Tự luận

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Lập trình Java **-Mã học phần : 10260**

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Thị Ngọc Hạnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0985014317; email: ltnhanh@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:0903691799; email: nhmnhat@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 60 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên các khái niệm, các cấu trúc lệnh cơ bản của ngôn ngữ lập trình Java, phương pháp xây dựng các cấu trúc dữ liệu trong Java, giới thiệu các cấu trúc dữ liệu đã được xây dựng sẵn và cách sử dụng chúng, giới thiệu về lập trình tổng quát trong Java, giới thiệu phương pháp xây dựng ứng dụng desktop, ứng dụng mạng bằng Java. Học xong học phần này, sinh viên có thể tự xây dựng được các ứng dụng thực tế bằng ngôn ngữ Java.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1. Kiến thức:

- 1) Cung cấp cho sinh viên các khái niệm, các cấu trúc lệnh cơ bản của ngôn ngữ lập trình Java
- 2) Phương pháp xây dựng các cấu trúc dữ liệu trong Java
- 3) Nắm được các cấu trúc dữ liệu đã được xây dựng sẵn và cách sử dụng chúng
- 4) Giới thiệu về lập trình tổng quát trong Java
- 5) Phương pháp xây dựng ứng dụng desktop, ứng dụng mạng bằng Java
- 6) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.
- 7) Tự xây dựng được các ứng dụng thực tế bằng ngôn ngữ Java.

8.2. Kỹ năng:

- 8) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 9) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3. Thái độ:

- 10) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 11) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 12) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 13) Học xong học phần này, sinh viên có thể tự xây dựng được các ứng dụng thực tế bằng ngôn ngữ Java.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Giới thiệu các khái niệm, các cấu trúc lệnh cơ bản của ngôn ngữ lập trình Java.
- Phương pháp xây dựng các cấu trúc dữ liệu trong Java, các cấu trúc dữ liệu đã được xây dựng sẵn và cách sử dụng chúng.
- Giới thiệu về lập trình tổng quát trong Java,
- Phương pháp xây dựng ứng dụng desktop, ứng dụng mạng bằng Java.

42.4. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Tổng quan về Java	22. Giới thiệu về lập trình hướng đối tượng 23. Giới thiệu ngôn ngữ Java 24. Hướng dẫn cài đặt, cấu hình các phần mềm hỗ trợ 25. Các thành phần cơ bản của Java	6	4	2		(1)	
2.	Chương 2: Lập trình Java căn bản	1. Lập trình căn bản với Java	7	5	2		(1) (2)	

		<ul style="list-style-type: none"> 2. Lập trình hướng đối tượng với Java. 3. Ngoại lệ, xử lý ngoại lệ. 4. Các thao tác nhập xuất. 						
3.	<p>Chương 3: Xây dựng giao diện người dùng với Swing</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm, mô hình tổ chức ứng dụng. 2. Sự kiện, xử lý sự kiện. 3. Các thành phần giao diện người dùng của Swing 	8	6	2			(2) (3)
4.	<p>Chương 4: Xây dựng ứng dụng cơ sở dữ liệu với JDBC</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tổng quan về JDBC. 2. Mô hình xây dựng ứng dụng với JDBC. 3. Một số chức năng nâng cao của JDBC. 	7	5	2			(3) (4)
5.	<p>Chương 5: Cấu trúc dữ liệu tập hợp (Collections)</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu các giao diện trong Collection Framework 	8	5	3			(4) (5)

		2. Lớp ArrayList 3. Lớp HashSet 4. Lớp TreeSet 5. Lớp TreeMap 6. Lập trình tổng quát (Generic Programming)						
6.	Chương 6: Lập trình đa luồng	1. Đa nhiệm và đa luồng 2. Tạo lập và sử dụng luồng 3. Lớp Thread 4. Giao tiếp Runnable 5. Đồng bộ hoá các luồng	9	5	4			(5) (6) (7)
Tổng cộng:			60					

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

- Phân thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		

Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Cay S. Horstmann, Gary Cornell, Core Java™ 2 Volume I - Fundamentals, Prentice Hall PTR, Seventh Edition, 2004.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Cay S. Horstmann, Gary Cornell, Core Java™ 2, Volume II -Advanced Features, Prentice Hall PTR, Seventh Edition, 2004.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về Java

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về Java

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Lập trình Java căn bản

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Lập trình Java căn bản

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 2: Lập trình Java căn bản

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3: Xây dựng giao diện người dùng với Swing

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 3: Xây dựng giao diện người dùng với Swing

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 3: Xây dựng giao diện người dùng với Swing

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 4: Xây dựng ứng dụng cơ sở dữ liệu với JDBC

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 4: Xây dựng ứng dụng cơ sở dữ liệu với JDBC

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 5: Cấu trúc dữ liệu tập hợp (Collections)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 5: Cấu trúc dữ liệu tập hợp (Collections)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 6: Lập trình đa luồng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 6: Lập trình đa luồng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập

- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi trên máy tính

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Trí tuệ nhân tạo **Mã học phần:** 19003

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lương Vĩ Minh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0934190972

- Email: lvminh@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ điều hành mã nguồn mở Linux/Ubuntu và một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0938811369

- Email: nhmnhat@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng nhập môn trí tuệ nhân tạo các phương pháp biểu diễn vấn đề, các phương pháp tìm kiếm, các phương pháp biểu diễn tri thức, các thuật toán suy diễn tự động, các phương pháp lập luận không chắc chắn. Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức vào giải quyết các bài toán thực tế. Sinh viên biết cách đưa ra biểu diễn thích hợp cho 1 vấn đề cụ thể, biết cách biểu diễn tri thức và có thể đề xuất các phương pháp tìm kiếm, lập luận thích hợp.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

1. Hiểu và vận dụng được các kiến thức liên quan đến cấu trúc dữ liệu về mảng, danh sách liên kết, hàng đợi, ngăn xếp, cây nhị phân, bảng băm.
2. Vận dụng được các thuật toán cơ bản liên quan đến sắp xếp, tìm kiếm và các thuật toán khác trên các cấu trúc dữ liệu.
3. Hiểu và vận dụng được các khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất.
4. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Toán rời rạc để xây dựng các thuật toán, tối ưu các giải pháp trong công nghệ.
5. Lập trình thành thạo một số ngôn ngữ lập trình thông dụng.
6. Vận dụng các kiến thức về phân tích thiết kế để xây dựng yêu cầu, tiến hành phân tích và thiết kế các hệ thống phần mềm.
7. Vận dụng được các kiến thức về trí tuệ nhân tạo, học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, v.v. để xây dựng các chương trình có khả năng xử lý thông minh cho nhiều loại dữ liệu khác nhau như văn bản, tiếng nói, ảnh, sinh học.
8. Biết cách cập nhật các kiến thức hiện đại trong ngành Khoa học máy tính.
9. Biết nghiên cứu, xây dựng sản phẩm phục vụ cho mục đích khoa học hoặc đời sống

- Kỹ năng:

10. Lập trình thành thạo và biết sử dụng các công cụ phần mềm hỗ trợ.
11. Biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin.
12. Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.

13. Biết sử dụng các kiến thức chuyên môn một cách linh hoạt.

- **Thái độ:**

14. Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm.

15. Biết cách chia sẻ thông tin trong nhóm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo bao gồm các phương pháp giải quyết vấn đề sử dụng phương pháp tìm kiếm, các chiến lược tìm kiếm có kinh nghiệm, tìm kiếm thỏa mãn ràng buộc, tìm kiếm có đối thủ trong trò chơi, các phương pháp biểu diễn tri thức và lập luận tự động, lập luận không chắc chắn. Người học được giới thiệu các khái niệm và kỹ thuật cơ bản về học máy. Môn học cũng giới thiệu với người học ngôn ngữ lập trình logic và một số công cụ để xây dựng các hệ thống thông minh.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	TL	BT	TH		
1	Chương 1: Tổng quan về Trí Tuệ Nhân Tạo (TTNT)	1.1 Khái niệm về TTNT 1.2 Sự hình thành khoa học về TTNT 1.3 Một số hướng nghiên cứu và ứng dụng của TTNT	2			1		[1]
2	Chương 2: Phương pháp giải quyết vấn đề và	2.1 Vấn đề và giải quyết vấn đề 2.2 Thuật toán và thuật giải 2.2.1 Khái niệm thuật toán, thuật giải	2		6	6		[1,2,3]

thuật giải Heuristic	<p>2.2.2 Các tiêu chuẩn của thuật toán, thuật giải.</p> <p>2.3 Thuật giải heuristic</p> <p>2.3.1 Khái niệm heuristic</p> <p>2.3.2 Các đặc trưng của thuật giải heuristic</p> <p>2.3.3 Các nguyên lý của thuật giải heuristic</p> <p>2.3.4 Một số bài toán có độ phức tạp cao</p> <p>2.4 Không gian trạng thái</p> <p>2.4.1 Các khái niệm</p> <p>2.4.2 Biểu diễn không gian trạng thái</p> <p>2.5 Các chiến lược tìm kiếm</p> <p>2.5.1 Bài toán tìm kiếm</p> <p>2.5.2 Tìm kiếm mù</p>						
-------------------------	--	--	--	--	--	--	--

		<p>2.5.3 Tìm kiếm heuristic</p> <p>2.5.4 Tìm kiếm có đối thủ: Thủ tục Minimax và thủ tục α-β</p>					
3	<p>Chương 3</p> <p>: Biểu diễn tri thức</p>	<p>3.1 Vấn đề biểu diễn tri thức</p> <p>3.2 Logic mệnh đề</p> <p>3.2.1 Kiến thức căn bản về logic mệnh đề</p> <p>3.2.2 Mô hình tri thức theo logic mệnh đề</p> <p>3.2.3 Thuật giải Robinson, Vương Hạo.</p> <p>3.3 Logic vị từ</p> <p>3.3.1 Khái niệm vị từ và các phép toán vị từ</p> <p>3.3.2 Biểu diễn tri thức theo logic vị từ</p> <p>3.3.3 Phép hợp nhất và hợp giải</p> <p>3.4 Mạng ngữ nghĩa</p> <p>3.4.1 Khái niệm về mạng ngữ nghĩa</p>	4		6	6	[2,3,4]

		<p>3.4.2 Mô hình mạng ngữ nghĩa</p> <p>3.4.3 Bài toán tìm kiếm và thuật giải lan truyền kích hoạt</p> <p>3.5 Hệ luật dẫn</p> <p>3.5.1 Dạng luật dẫn</p> <p>3.5.2 Mô hình tri thức luật dẫn</p> <p>3.5.3 Suy diễn trên hệ luật dẫn: suy diễn tiến, lùi</p>					
4	Chương 4: Máy học	<p>4.1 Giới thiệu</p> <p>4.2 Mô hình cây quyết định</p> <p>4.3 Phương pháp học quy nạp</p>	4		4	4	[7,8,9]
Tổng cộng			45				

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

- Phân thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		

Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

Bạch Hưng Khang, Hoàng Kiếm (1998). Trí tuệ nhân tạo: Các phương pháp và ứng dụng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.

12.2 Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Thanh Thủy (1999). Trí tuệ nhân tạo: Các phương pháp giải quyết vấn đề và xử lý tri thức. Nhà xuất bản Giáo dục.

M. Tim Jones (2008). Artificial Intelligence – A systems Approach, Infinity Science. Press LLC.

Stuart J. Russell and Peter Norvig (2010). Artificial Intelligence – A Modern Approach, 3rd edition. Prentice-Hall.

Wolfgang Ertel (2011). Introduction to Artificial Intelligence. Springer.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về Trí Tuệ Nhân Tạo (TTNT)

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 2: Phương pháp giải quyết vấn đề và thuật giải Heuristic

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Phương pháp giải quyết vấn đề và thuật giải Heuristic(tt)

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Phương pháp giải quyết vấn đề và thuật giải Heuristic(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 2: Phương pháp giải quyết vấn đề và thuật giải Heuristic(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3 : Biểu diễn tri thức

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 3 : Biểu diễn tri thức (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 3 : Biểu diễn tri thức (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 4: Máy học

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 4: Máy học

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Thực hành trên máy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Lập trình web **Mã học phần:** 10115

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lương Vĩ Minh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:0934190972; email: lvminh@fit.hcmus.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Thái Huy Tân

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 01683410784 ; email:tanth@uit.upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần:

Chương trình học giúp sinh viên hiểu rõ và nắm vững cách thức vận hành và các thành phần trong JOOMLA để sinh viên có thể dễ dàng tạo ra trang web mà không cần sử dụng lập trình.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1. Kiến thức:

(1) Học phần nhằm giúp sinh viên tạo ra một trang web hoàn chỉnh dựa trên nền tảng hệ quản lý nội dung mã nguồn mở JOOMLA..

8.2. Kỹ năng:

(2) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp

(3) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3. Thái độ:

(4) Lên lớp đầy đủ và chuẩn bị cho giờ lên lớp theo yêu cầu của giáo viên.

8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(5) Đọc và tìm hiểu sơ bộ về nội dung bài học.

(6) Vận dụng lý thuyết để trả lời các câu hỏi, bài tập.

(7) Tham gia thảo luận nhóm.

(8) Hoàn thành các bài tập, tiểu luận.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Chương trình học giúp sinh viên hiểu rõ và nắm vững cách thức vận hành và các thành phần trong JOOMLA để sinh viên có thể dễ dàng tạo ra trang web mà không cần sử dụng lập trình.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1	Giới thiệu cơ bản về lập trình hướng đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về lập trình hướng đối tượng. - Trình bày các bài tập áp dụng. 	2	2				(1)
2	Giới thiệu lập trình MVC trong JOOMLA	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu mô hình MVC. - Cài đặt một mô hình chuẩn MVC trong JOOMLA 	8	5	3			(1)
3	Xây dựng Category Controller	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các chức năng (task) trong Category - Xây dựng hệ thống hàm xử lý các chức năng của Category - Xây dựng chức năng hiển thị category (task: show) - Đăng ký các chức năng xử lý trong Controller - Xây dựng chức năng publish & unpublish 	8	5	3			(1)

		<ul style="list-style-type: none"> category (task: publish – unpublish) - Xây dựng chức năng delete (task: remove) - Xây dựng chức năng thêm một category (task: add – save) - Xây dựng chức năng hủy nhiệm vụ (task: cancel) 						
4	Xây dựng Book controller	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các chức năng (task) trong Category - Xây dựng hệ thống hàm xử lý các chức năng của Category - Xây dựng chức năng hiển thị category (task: show) - Đăng ký các chức năng xử lý trong Controller - Xây dựng chức năng publish & unpublish category (task: publish – unpublish) - Xây dựng chức năng delete (task: remove) 	8	6	2			(1)

		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chức năng thêm một category (task: add – save) - Xây dựng chức năng hủy nhiệm vụ (task: cancel) - Xây dựng chức năng chỉnh sửa một category (task: edit – save - apply) 						
5	Xây dựng các chức năng tại FrontEnd	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chức năng hiển thị tất cả các category - Xây dựng chức năng hiển thị một category - Xây dựng chức năng hiển thị tất cả các cuốn sách - Xây dựng chức năng hiển thị một cuốn sách - Xây dựng chức năng hiển thị giỏ hàng - Xây dựng chức năng đưa sách vào giỏ hàng - Xây dựng chức năng cập nhật giỏ hàng 	7	5	2			(1)

		- Xây dựng chức năng đặt hàng mua hàng					
6	Xây dựng Module	<ul style="list-style-type: none"> - Hiển thị các cuốn sách mới cập nhật - Hiển thị ngẫu nhiên các cuốn sách - Xây dựng hệ thống tham số cho module - Tùy biến module theo tham số truyền 	6	3	3		(1)
7	Quản lý giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói Component - Đóng gói Module 	3	2	1		(1)
8	Xây dựng Template	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu cấu trúc template - Xây dựng cấu trúc template - Xây dựng hàm xử lý vị trí các Module trong template - Xây dựng và xử lý hệ thống tham số cho template - Các kỹ thuật override giao diện trong Joomla - Đóng gói template 	7	5	2		(1)

Tổng cộng:	45		
-------------------	-----------	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

- Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
- Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
- Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng
- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **30 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi kết thúc học phần chiếm 60%

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình		

Bài tập		
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Joomla 1.5 Deverlopment Cookbook
- Developing a Model-View-Controller Component - Part 1 - Joomla!

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Creating a simple module
- Tạo ứng dụng với JOOMLA Framework, Giảng viên: Phan Nguyễn Cường

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- Giáo trình lập trình web:

<https://viden.io/knowledge/719/attachments/4178?name=viden-clip-K668-web-3t-dhfj1829.pdf>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy:

TUẦN 1 (2 tiết) Giới thiệu cơ bản về lập trình hướng đối tượng

Nội dung

- Giới thiệu về lập trình hướng đối tượng.

- Trình bày các bài tập áp dụng.

Phương pháp

- Thuyết trình, thảo luận nhóm.

Tài liệu

- Đọc tài liệu chương 1

Kết quả mong muốn

- Sinh viên hiểu các khái niệm dẫn nhập các hệ csdl

TUẦN 2 (4 tiết) Giới thiệu lập trình MVC trong JOOMLA

Nội dung

- Giới thiệu mô hình MVC.
- Cài đặt một mô hình chuẩn MVC trong JOOMLA

Phương pháp

- Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ nhất.
- Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

Tài liệu

- Đọc tài liệu chương 2

Kết quả mong muốn

- Sinh viên hiểu các loại mô hình dữ liệu

TUẦN 3 (8 tiết) Xây dựng Category Controller

Nội dung

- Chương 3: Xây dựng Category Controller
- Xác định các chức năng (task) trong Category

- Xây dựng hệ thống hàm xử lý các chức năng của Category
- Xây dựng chức năng hiển thị category (task: show)
- Đăng ký các chức năng xử lý trong Controller
- Xây dựng chức năng publish & unpublish category (task: publish – unpublish)
- Xây dựng chức năng delete (task: remove)
- Xây dựng chức năng thêm một category (task: add – save)
- Xây dựng chức năng hủy nhiệm vụ (task: cancel)

Phương pháp

- Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ hai
- Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

Tài liệu

- Đọc tài liệu chương 3

Kết quả mong muốn

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Giải được bài tập

TUẦN 4 (8 tiết) Xây dựng Book controller

Nội dung

- Xác định các chức năng (task) trong Category
- Xây dựng hệ thống hàm xử lý các chức năng của Category
- Xây dựng chức năng hiển thị category (task: show)

- Đăng ký các chức năng xử lý trong Controller
- Xây dựng chức năng publish & unpublish category (task: publish – unpublish)
- Xây dựng chức năng delete (task: remove)
- Xây dựng chức năng thêm một category (task: add – save)
- Xây dựng chức năng hủy nhiệm vụ (task: cancel)
- Xây dựng chức năng chỉnh sửa một category (task: edit – save - apply)

Phương pháp

- Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ ba
- Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

Tài liệu

- Đọc tài liệu chương 4

Kết quả mong muốn

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Giải được bài tập

TUẦN 5 (7 tiết) Xây dựng các chức năng tại FrontEnd

Nội dung

- Xây dựng chức năng hiển thị tất cả các category
- Xây dựng chức năng hiển thị một category
- Xây dựng chức năng hiển thị tất cả các cuốn sách
- Xây dựng chức năng hiển thị một cuốn sách

- Xây dựng chức năng hiển thị giỏ hàng
- Xây dựng chức năng đưa sách vào giỏ hàng
- Xây dựng chức năng cập nhật giỏ hàng
- Xây dựng chức năng đặt hàng mua hàng

Phương pháp

- Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ 4
- Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

Tài liệu

- Đọc tài liệu chương 5

Kết quả mong muốn

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Giải được bài tập

TUẦN 6 (6 tiết) Xây dựng Module

Nội dung

- Hiển thị các cuốn sách mới cập nhật
- Hiển thị ngẫu nhiên các cuốn sách
- Xây dựng hệ thống tham số cho module
- Tùy biến module theo tham số truyền

Phương pháp

- Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ 5
- Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình

- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

Tài liệu

- Đọc tài liệu chương 6

Kết quả mong muốn

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Giải được bài tập

TUẦN 7 (3 tiết) Đóng gói sản phẩm

Nội dung

- Đóng gói Component
- Đóng gói Module

Phương pháp

- Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ 6
- Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

Tài liệu

- Đọc tài liệu chương 7

Kết quả mong muốn

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Giải được bài tập

TUẦN 8 (7 tiết) Xây dựng Template

Nội dung

- Giới thiệu cấu trúc template
- Xây dựng cấu trúc template

- Xây dựng hàm xử lý vị trí các Module trong template
- Xây dựng và xử lý hệ thống tham số cho template
- Các kỹ thuật override giao diện trong Joomla
- Đóng gói template

Phương pháp

- Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ 7
- Giảng tiếp theo phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình
- Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan

Tài liệu

- Đọc tài liệu chương 8

Kết quả mong muốn

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Giải được bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Tự luận – Được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phân tích thiết kế hệ thống thông tin -**Mã học phần : 10161**

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**
- ĐT:0913478999 ; email: trongnhntu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**
- ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật thu thập thông tin, phân tích và thiết kế hoạt động của hệ thống thông tin; các khái niệm có liên quan, ý nghĩa và tầm quan trọng. Cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng trong xác định cấu trúc, các thành phần cần thiết để xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin. Đánh giá, phân loại các dạng thông tin, kỹ thuật áp dụng và các mô hình, bảng thiết kế của nhiều khía cạnh mô tả hoạt động của hệ thống của các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế... Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn người học sử dụng các công cụ để hỗ trợ trong quá trình phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- 1) Cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng trong xác định cấu trúc, các thành phần cần thiết để xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin.
- 2) Đánh giá, phân loại các dạng thông tin, kỹ thuật áp dụng và các mô hình, bảng thiết kế của nhiều khía cạnh mô tả hoạt động của hệ thống của các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế...
- 3) Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn người học sử dụng các công cụ để hỗ trợ trong quá trình phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
- 4) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.
- 5) Giải thích các tình huống ứng dụng trong thực tế.

8.2 Kỹ năng:

- 6) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 7) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- 8) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp

9) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.

10) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

11) Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật thu thập thông tin, phân tích và thiết kế hoạt động của hệ thống thông tin; các khái niệm có liên quan, ý nghĩa và tầm quan trọng.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm cơ bản về hệ thống, hệ thống thông tin.
- Các giai đoạn của quá trình phát triển hệ thống thông tin.
- Thành phần dữ liệu của một hệ thống thông tin (gồm mô hình dữ liệu mức quan niệm, mô hình dữ liệu mức luận lý và mô hình dữ liệu mức vật lý).
- Thành phần xử lý (gồm có lưu đồ dòng dữ liệu và mô hình chức năng).

42.5. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Tổng quan về phân tích thiết kế hệ thống	- Giới thiệu về học phần, cách học, tài liệu tham khảo - Các khái niệm cơ bản	10	10				(1)

		<ul style="list-style-type: none"> - Các hướng tiếp cận trong phân tích và thiết kế - Chu trình phát triển của hệ thống 					
2.	Chương 2: Khảo sát hiện trạng và phân tích nhu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát và đánh giá hiện trạng - Các phương pháp điều tra - Các quy trình điều tra - Phân loại và làm tài liệu các thông tin điều tra - Phê phán hiện trạng - Thực hành phân tích và đánh giá hiện trạng một hệ thống cụ thể. - Kết quả thu thập và phân tích yêu cầu 	10	10			(2)
3.	Chương 3: Mô hình hóa chức năng của hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản - Đặc tả UC - Quan hệ giữa các UC - Xây dựng biểu đồ UC - Thực hành xây dựng biểu đồ UC cho hệ 	10	10			(3)

		<p>thông đã chọn và phân tích trong chương 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả xây dựng mô hình 					
4.	<p>CHƯƠNG 4: Mô hình hóa đối tượng của hệ thống</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản - Lớp (class) và các đặc trưng - Quan hệ giữa các lớp - Xây dựng biểu đồ lớp - Thực hành xây dựng biểu đồ lớp của hệ thống đã chọn trong chương 2 - Kết quả xây dựng sơ đồ lớp 	5	5			(3)
5.	<p>CHƯƠNG 5: Mô hình động của hệ thống</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản - Biểu đồ tuần tự - Biểu đồ cộng tác - Biểu đồ trạng thái - Biểu đồ hoạt động - Thực hành vẽ biểu đồ động của hệ thống đã chọn ở chương 2 	5	5			(4)

		- Kết quả xây dựng biểu đồ động của hệ thống					
6.	CHƯƠNG 6: Mô hình vật lý của hệ thống	- Các khái niệm cơ bản - Biểu đồ thành phần - Biểu đồ triển khai	5	5			(5)
Tổng cộng:			45	45			

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
 - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)
- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.

- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và đề điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.

- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- [1] Phân tích và thiết kế hướng đối tượng bằng UML, Đặng Văn Đức
- [2] Phân tích và thiết kế HTTT theo UML, TS. Dương Kiều Hoa – Tôn Thất Hoà An, ĐH CNTT

12.2 Tài liệu tham khảo:

- [3] Phân tích và thiết kế HTTT, Các phương pháp có cấu trúc, Nguyễn Văn Ba
- [4] Learning UML 2.0, Kim Hamilton, Russell Miles, O'Reilly, April 2006.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về phân tích thiết kế hệ thống

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng

- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về phân tích thiết kế hệ thống

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Khảo sát hiện trạng và phân tích nhu cầu

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Khảo sát hiện trạng và phân tích nhu cầu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 2: Khảo sát hiện trạng và phân tích nhu cầu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) CHƯƠNG 3: Mô hình hóa chức năng của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) CHƯƠNG 3: Mô hình hóa chức năng của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) CHƯƠNG 3: Mô hình hóa chức năng của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) CHƯƠNG 4: Mô hình hóa đối tượng của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) CHƯƠNG 4: Mô hình hóa đối tượng của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) CHƯƠNG 4: Mô hình hóa đối tượng của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) CHƯƠNG 5: Mô hình động của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) CHƯƠNG 5: Mô hình động của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) CHƯƠNG 6: Mô hình vật lý của hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) CHƯƠNG 6: Mô hình vật lý của hệ thống + Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Tự luận – Được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Bảo mật thông tin - Mã học phần : 10088

2. Khoa phụ trách: Khoa Công nghệ Thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Bùi Chí Thành

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Nha Trang
- ĐT: 0989639211; email: thanhbc@ntu.upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 45 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về mã hóa: Bản rõ, bản mã, khóa, mã khóa bí mật, mã khóa công khai,..

Nắm và vận dụng các quy tắc tìm khóa, lập mã và giả mã một số hệ mã: Mã Ceasar, mã ma trận, mã mũ, mã RSA, mã Rabin,...

Bước đầu biết sử dụng hệ mã khóa công khai để thiết lập chữ ký điện tử..

8. Chuẩn đầu ra học phần:

Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1. Kiến thức:

1) Kiến thức về các nguy cơ với một hệ thống thông tin, các tài liệu về triển khai chương trình an toàn bảo mật hệ thống thông tin. Thông tin về tấn công và giải pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn mạng máy tính, đảm bảo truyền thông tin mạng máy tính.

8.2. Kỹ năng:

2) Tìm hiểu tài liệu, mô hình đề xuất phương án giải quyết.

8.3. Thái độ, chuyên cần:

3) Yêu cầu chú ý nghe giảng trên lớp, tích cực nghiên cứu tài liệu ở nhà và tham gia thảo luận, làm bài tập, thí nghiệm theo yêu cầu.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Giới thiệu các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Những vấn đề cần chú ý khi xây dựng chính sách, tiêu chuẩn về an toàn và bảo mật hệ thống thông tin. Quy trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ

thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến tấn công mạng máy tính, các lỗi tiềm tàng của lập trình viên trong tấn công các ứng dụng được phát triển, và bảo mật mạng máy tính. Các kỹ thuật mã hóa tiêu biểu và vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1. Tổng quan về an toàn bảo mật hệ thống thông tin.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Vấn đề về an toàn và bảo mật hệ thống thông tin 2. Phạm vi vấn đề, một số nhìn nhận về an toàn bảo mật thông tin 3. Các khái niệm 4. Các nguồn nguy cơ với hệ thống thông tin 5. Các loại đe dọa với hệ thống thông tin 6. Quy trình quản lý nguy cơ 7. Giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông tin 					(1) (2) (3)	
2	Chương 2. Phân tích đánh giá	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm nguy cơ và đánh giá 					(1) (3)	

	nguy cơ về an toàn bảo mật hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> 2. Những đe dọa từ nhân tố con người 3. Kết hợp nhân tố con người và nhân tố kỹ thuật trong tấn công hệ thống 						
3	Chương 3. Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> 1. Vấn đề an toàn bảo mật và chính sách 2. Vấn đề về an toàn bảo mật và mã hóa 3. Vấn đề an toàn bảo mật và mạng máy tính 4. Vấn đề an toàn bảo mật hệ thống thông tin trong phát triển phần mềm 						(2) (3)
4	Chương 4. Quy chuẩn về an toàn bảo mật hệ thống	10. Giới thiệu về tiêu chuẩn an toàn và bảo mật cho hệ thống thông tin: ISO 27001, ...						(1) (2)
5	Chương 5. Đánh giá an toàn bảo mật hệ thống,	3. Giới thiệu các công cụ đánh giá an toàn và bảo mật hệ thống thông tin						(1) (3)

	dịch vụ an toàn hệ thống	4. Giới thiệu các phương thức phát hiện tấn công 5. Phương thức điều tra tội phạm						
6	Chủ đề 1: Xây giải pháp triển khai mã hóa cho cơ sở dữ liệu, truyền dữ liệu	1. Xây giải pháp triển khai mã hóa cho cơ sở dữ liệu, truyền dữ liệu						(2) (3)
7	Chủ đề 2: Phân tích lỗi của hệ thống phần mềm (mẫu), lỗi về ứng dụng, lỗi về web	2. Phân tích lỗi của hệ thống phần mềm (mẫu), lỗi về ứng dụng, lỗi về web						(1) (3)
8	Chủ đề 3: Xây dựng chức năng tấn công phần mềm, và	3. Một số vấn đề về đảm bảo cho hệ thống thông tin						(1) (2)

	kiểm tra tấn công phần mềm							
9	Chủ đề 4: Xây dựng quy định về sử dụng ứng dụng, và quy trình đảm bảo an toàn cho hệ thống (mẫu)	4. Xây dựng quy định về sử dụng ứng dụng, và quy trình đảm bảo an toàn cho hệ thống (mẫu)						(1) (3)
10	Chủ đề 5: Mô hình tấn công hệ thống	5. Mô hình tấn công hệ thống						(1) (3)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về mã hóa: Bản rõ, bản mã, khóa, mã khóa bí mật, mã khóa công khai,..
- Nắm và vận dụng các quy tắc tìm khóa, lập mã và giả mã một số hệ mã: Mã Ceasar, mã ma trận, mã mũ, mã RSA, mã Rabin,...
- Bước đầu biết sử dụng hệ mã khóa công khai để thiết lập chữ ký điện tử.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Thomas R. Peltier, Justin Peltier, John Blackley, Information Security Fundamentals, AUERBACH, 2004.

[2] Douglas Stinson, Cryptography: Theory and Practice, CRC Press, 1995.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[3] Nick Galbreath, Cryptography for Internet and Database Application, Wiley Publishing, 2002

[4] Klaus Schmeih, Cryptography and Public Key Infrastructure on the Internet, Wiley Publishing, 2001

[5] Michael Howard, David LeBlanc and John Viega , 19 Deadly Sins of Software Security: Programming Flaws and How to Fix Them, McGraw-Hill, 2005

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

4. Kế hoạch giảng dạy:

TUẦN 1 (4 tiết): Tổng quan về an toàn bảo mật hệ thống thông tin.

- **Mục đích, yêu cầu:**

Nắm được tổng quan về mục tiêu của an toàn và bảo mật hệ thống thông tin. Có nhìn nhận về một số hiện trạng về tình hình an toàn và bảo mật hệ thống thông tin hiện tại. Một số vấn đề cần quan tâm trong an toàn và bảo mật hệ thống thông tin.

- **Hình thức tổ chức dạy học:**

Giới thiệu lý thuyết

- **Thời gian:** 4 tiết

- **Địa điểm:** Phòng học

- **Nội dung chính:**

Chương I: Vấn đề về an toàn và bảo mật hệ thống thông tin

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:**

Sinh viên tìm hiểu một số mô hình công nghệ thông tin, tìm các nguy cơ với một hệ thống thông tin.

- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 1.

TUẦN 2 (4 tiết): Phân tích đánh giá nguy cơ về an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Mục đích, yêu cầu:**

Nắm được loại nguy cơ với hệ thống thông tin, yếu tố con người, yếu tố kỹ thuật. Các loại hình tấn công mạng máy tính thông dụng hiện tại.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết

- **Thời gian:** 4 tiết

- **Địa điểm:** Phòng học

- **Nội dung chính:**

Chương II: Phân tích đánh giá nguy cơ về an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Tìm hiểu các đe dọa với hệ thống thông tin.
- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 1, 8.

TUẦN 3 (4 tiết): Phân tích đánh giá nguy cơ về an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Mục đích, yêu cầu:**

Các loại hình tấn công liên quan đến yếu tố con người. Các vấn đề về lỗi, và thiên tai, sự cố.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**

Chương II: Phân tích đánh giá nguy cơ về an toàn bảo mật hệ thống thông tin (tt)

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:**

Sinh viên tìm hiểu các thức tấn công xã hội. Các vấn đề về đảm bảo hệ thống trong các tình huống thiên tai, sự cố.

- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 1

TUẦN 4 (4 tiết): Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Mục đích, yêu cầu:**

Sinh viên nắm được quan trọng của chính sách, tài liệu hướng dẫn liên quan đến an toàn bảo mật hệ thống thông tin.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**

Chương III: Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:**

Sinh viên tìm hiểu các chính sách, tiêu chuẩn, quy định liên quan đến an toàn và bảo mật hệ thống thông tin.

- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 1, 8.

TUẦN 5 (4 tiết): Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Mục đích, yêu cầu:**

Tìm hiểu các mô hình mã hóa, các kỹ thuật mã hóa và các đánh giá liên quan đến thời gian mã hóa, và phá mã.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học

- **Nội dung chính:**

Chương III: Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu các kỹ thuật liên quan đến mã hóa.
- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 2.

TUẦN 6 (4 tiết): Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Mục đích, yêu cầu:**

Tìm hiểu các mô hình triển khai mã hóa, ứng dụng trong đảm bảo an toàn thông tin.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**

Chương II: Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin (tt)

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu các kỹ thuật liên quan đến mã hóa, triển khai trong thực tiễn.
- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 2.

TUẦN 7 (4 tiết): Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Mục đích, yêu cầu:**

Tìm hiểu các phần mềm, phần cứng, chuẩn đảm bảo an toàn bảo mật.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**

Chương II: Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin (tt)

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu về các phần mềm, phần cứng, chuẩn đảm bảo an toàn bảo mật hệ thống.
- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 2.

TUẦN 8 (4 tiết): Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin

- **Mục đích, yêu cầu:**

Các lỗi trong lập trình, giải pháp để lập trình và phát triển ứng dụng an toàn trước tấn công vào ứng dụng.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**

Chương II: Giải pháp an toàn bảo mật hệ thống thông tin (tt)

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu thông tin về lỗi tấn công phần mềm và giải pháp đảm bảo trong phát triển ứng dụng an toàn.
- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 5, 10.

TUẦN 9 (4 tiết): Quy chuẩn về an toàn bảo mật hệ thống

- **Mục đích, yêu cầu:**

Hiểu mục tiêu, và cấu trúc của tiêu chuẩn ISO.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**

Chương IV: Quy chuẩn về an toàn bảo mật hệ thống

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu về tiêu chuẩn ISO 27001.
- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 3.

TUẦN 10 (4 tiết): Đánh giá an toàn bảo mật hệ thống, dịch vụ an toàn hệ thống

- **Mục đích, yêu cầu:**

Hiểu được các công cụ đánh giá an toàn bảo mật hệ thống. Các phương thức điều tra tội phạm về an toàn và bảo mật hệ thống thông tin.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**

Chương V: Đánh giá an toàn bảo mật hệ thống, dịch vụ an toàn hệ thống

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu các công cụ, phương pháp điều tra tội phạm.
- **Ghi chú:** Đọc tài liệu tham khảo 3.

TUẦN 11: Xây giải pháp triển khai mã hóa cho cơ sở dữ liệu, truyền dữ liệu

- **Mục đích, yêu cầu:**

Hiểu được các đặc điểm của mã hóa, tìm hiểu mô hình hệ thống thông tin cụ thể. Phân tích đề xuất giải pháp và đánh giá.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết

- **Thời gian:** 4 tiết

- **Địa điểm:** Phòng học

- **Nội dung chính:**

- Sinh viên có mô hình về hệ thống, bao gồm cơ sở dữ liệu, các dịch vụ hoạt động
- Đánh giá mức độ quan trọng của dữ liệu hệ thống
- Lựa chọn phương thức mã hóa, dịch vụ mã hóa để đảm bảo cơ sở dữ liệu, các dịch vụ cung cấp của hệ thống an toàn
- Đề xuất giải pháp
- Giới thiệu giải pháp, bình luận

- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu mô hình, đề xuất giải pháp.

- **Ghi chú:** Tổng hợp các kiến thức đã nghiên cứu.

TUẦN 12: Phân tích lỗi của hệ thống phần mềm (mẫu), lỗi về ứng dụng, lỗi về web

- **Mục đích, yêu cầu:**

Sinh viên tìm hiểu công cụ, khảo sát hệ thống ứng dụng mẫu, phân tích được lỗi tiềm ẩn trong ứng dụng.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**
 - Sinh viên tiếp cận một trong hai mô hình phần mềm là ứng dụng trên desktop, và hệ thống web site
 - Từ chương trình triển khai đánh giá sự tồn tại lỗi khả năng bị tấn công của hệ thống
 - Từ mã nguồn đánh giá khả năng bị tấn công của hệ thống
 - Giới thiệu giải pháp, bình luận
- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu mô hình, thực hiện phân tích, đưa ra kết quả.
- **Ghi chú:** Tổng hợp các kiến thức đã nghiên cứu.

TUẦN 13: Xây dựng chức năng tấn công phần mềm, và kiểm tra tấn công phần mềm

- Mục đích, yêu cầu:

Sinh viên tổng hợp kiến thức đề xuất giải pháp an toàn bảo mật cho một hệ thống thực tế.

- Hình thức tổ chức dạy học: Giới thiệu lý thuyết
- Thời gian: 4 tiết
- Địa điểm: Phòng học
- Nội dung chính:

- Yêu cầu sinh viên đề ra các yêu cầu để đảm bảo an toàn bảo mật hệ thống thông tin cho cho việc phát triển một hệ thống (tư bảo mật cơ sở dữ liệu, truyền dữ liệu, phân quyền, quy định sử dụng phần mềm, chính sách về backup, các kế hoạch công việc liên tục tương ứng với hệ thống)
- Giới thiệu, bình luận
- Yêu cầu SV chuẩn bị: Sinh viên tìm hiểu mô hình. Đề xuất giải pháp.
- Ghi chú: Tổng hợp các kiến thức đã nghiên cứu.

TUẦN 14: Xây dựng quy định về sử dụng ứng dụng, và quy trình đảm bảo an toàn cho hệ thống.

- **Mục đích, yêu cầu:**

Sinh viên tổng hợp kiến thức đề xuất giải pháp an toàn bảo mật cho một hệ thống thực tế.

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết

- **Thời gian:** 3 tiết

- **Địa điểm:** Phòng học

- **Nội dung chính:**

- Yêu cầu sinh viên đề ra các yêu cầu để đảm bảo an toàn bảo mật hệ thống thông tin cho cho việc phát triển một hệ thống (tư bảo mật cơ sở dữ liệu, truyền dữ liệu, phân quyền, quy định sử dụng phần mềm, chính sách về backup, các kế hoạch công việc liên tục tương ứng với hệ thống)
- Giới thiệu, bình luận
- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu mô hình. Đề xuất giải pháp.
- **Ghi chú:** Tổng hợp các kiến thức đã nghiên cứu.

TUẦN 15: Mô hình tấn công hệ thống

- **Hình thức tổ chức dạy học:** Giới thiệu lý thuyết
- **Thời gian:** 4 tiết
- **Địa điểm:** Phòng học
- **Nội dung chính:**
 - Cho một hệ thống thực tế, tấn công hệ thống với công cụ, kiến thức có được, phát triển công cụ, hoặc mở rộng các công cụ, phương thức tấn công mới với hệ thống.
 - Đưa ra các bước tiếp cận, phân tích
- **Yêu cầu SV chuẩn bị:** Sinh viên tìm hiểu mô hình. Đề xuất giải pháp.
- **Ghi chú:** Tổng hợp các kiến thức đã nghiên cứu.

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Lập trình web nâng cao **Mã học phần:** 10437

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lương Vĩ Minh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:0934190972; email: lvminh@fit.hcmus.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Thái Huy Tân

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 01683410784 ; email:tanth@uit.upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Nhằm rèn luyện cho sinh viên khả năng thao tác cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế hệ thống, đồng thời phát triển Các ứng dụng web trên nền tảng asp.net.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1. Kiến thức:

- 1) Trình bày được kiến thức cơ bản về các mô hình ứng dụng Web;
- 2) Tìm hiểu về công nghệ thiết kế và lập trình Web động với ASP.NET;
- 3) Liệt kê chức năng và cách tạo các điều khiển ASP server control;
- 4) Trình bày được cách kết nối và thao tác với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu: SQL Server, MS Access...

8.2. Kỹ năng:

- 5) Tạo được các điều khiển ASP.NET phía máy chủ;
- 6) Sử dụng được các kỹ thuật thao tác và hiển thị dữ liệu;
- 7) Thiết kế và triển khai được các ứng dụng web ASP.NET liên kết cơ sở dữ liệu;
- 8) Thiết kế và triển khai được ứng dụng trên nền web với ASP.NET.
- 9) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 10) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3. Thái độ:

- 11) Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, thẩm mỹ trong việc phát triển Web;
- 12) Khả năng tự học, vận dụng kiến thức phát triển các trang Web thực tế.
- 13) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 14) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.

15) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

16) Trang bị cho người học kỹ năng tổng hợp các kiến thức về lập trình web, thao tác cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế hệ thống, đồng thời tiếp cận môi trường phát triển các ứng dụng web.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm cơ bản của một hệ cơ sở dữ liệu.
- Mô hình dữ liệu quan hệ.
- Những ràng buộc toàn vẹn trong CSDL quan hệ.
- Học phần trang bị cho người học kỹ năng tổng hợp các kiến thức về lập trình web, thao tác cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế hệ thống, đồng thời tiếp cận môi trường phát triển các ứng dụng web trên nền tảng ASP.NET để xây dựng một ứng dụng web cụ thể cho các tổ chức, các công ty, các trường học...

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1. Tổng quan về ASP.NET	1.1. Giới thiệu về các ứng dụng web 1.2. Giới thiệu về ASP.NET và xây dựng ứng dụng web với ASP.NET	3	3			(1) (3) (4) (8)	

2.	Chương 2: Server Control	2.1. Sử dụng Button Control 2.2. Sử dụng Text Box, Label, Check Box và Radio Button 2.3. Sử dụng List Control 2.4 Server control khác Bài tập cuối chương	6	4	2	(1) (2) (3) (4) (15)
3.	Chương 3: Validation Control	3.1. Giới thiệu 3.2. Sử dụng các Validation Control Bài tập cuối chương	5	3	2	(3) (4) (5) (6)
4.	Chương 4: Quản lý trạng thái	4.1. Giới thiệu về quản lý trạng thái 4.2. View state 4.3. Session state 4.4. Application state 4.5. Cookie Ví dụ minh họa và bài tập áp dụng Bài tập tổng hợp tổng kết chương Làm bài kiểm tra	9	6	3	(3) (4) (7) (8) (10) (11) (15)

5.	Chương 5: Master page và Theme	5.1. Master page 5.2. Theme & Skin Bài tập áp dụng	7	4		3	(8) (9) (11) (15)
6.	Chương 6: Lập trình cơ sở dữ liệu trong ASP.NET	6.1. Giới thiệu về lập trình cơ sở dữ liệu 6.2. Sử dụng SQL Data Source 6.2.1. Cách tạo SQL Data Source 6.2.2. Viết câu lệnh trực tiếp và sử dụng Store procedure 6.2.3. Sử dụng Datalist Control 6.2.4. Sử dụng Data binding 6.3. Các control thông dụng 6.3.1. GridView 6.3.2. DetailsView và FormView 6.3.3. Các control thông dụng Bài tập cuối chương	9	6		3	(2) (3) (4) (8) (10) (11) (15) (16)

7.	Chương 7: Sử dụng Object Data Source trong lập trình theo mô hình 3 lớp	7.1. Cách thức hoạt động của các ứng dụng 3 lớp trong ASP.NET 7.2. Sử dụng Object Data Source 7.3. Demo	7	4		3		(3) (4) (8) (14) (16)
8.	Chương 8: Web services	8.1. Giới thiệu về Web services 8.2. Tạo Web API service	7	4		3		(3) (4) (8) (9) (10)
9.	Chương 9: ASP.NET MVC	9.1. Giới thiệu mô hình MVC 9.2. Giới thiệu ASP.NET MVC 9.3. Làm việc với model, view, controller	7	4		3		(3) (4) (15) (16)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

- Phân thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		

Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Murach's ASP.NET 4.6 Web Programming with C# 2015, Mary Delamater and Anne Boehm, Mike Murach & Associates, Inc, 2016. www.murach.com

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Internet: <http://www.tutorialsteacher.com/csharp/csharp-tutorials>

[3] Internet: <https://www.tutorialspoint.com/asp.net/>

[4] Internet: www.asp.net/mvc/overview

[5] Internet: https://www.tutorialspoint.com/mvc_framework/index.htm

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1. Tổng quan về ASP.NET

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 2: Server Control

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 3: Validation Control

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 4: Quản lý trạng thái

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 4: Quản lý trạng thái (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 5: Master page và Theme

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 6: Lập trình cơ sở dữ liệu trong ASP.NET

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 6: Lập trình cơ sở dữ liệu trong ASP.NET(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 6: Lập trình cơ sở dữ liệu trong ASP.NET(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 7: Sử dụng Object Data

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 7: Sử dụng Object Data(tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 8: Web services

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 9: ASP.NET MVC

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 9. ASP.NET MVC (tt)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thi thực hành trên máy tính, được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - Mã học phần : 20009

2. Khoa phụ trách: Cơ bản

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Thị Lý

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Cơ bản
- ĐT: 0903661228; email: ntly@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử, chính trị, tư tưởng, triết học, văn hóa

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 30 tiết

- Lên lớp: 30 tiết
- Tự học: 90 tiết

6. Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lenin

7. Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.
- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.
- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức:

K1. Sinh viên nắm rõ các vấn đề về tư tưởng, nhà tư tưởng

K2. Hiểu rõ quan điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh về con người, về nhân dân, về con đường cách mạng dân tộc, dân chủ và cách mạng xã hội ở Việt Nam,

K3. Sinh viên nắm rõ đường lối của Đảng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, du lịch

K4. Có được tri thức về lịch sử dân tộc trong thế kỷ XX dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản

- Kỹ năng:

S1. Năng lực nhận thức các vấn đề của cuộc sống, công việc, mối quan hệ

S2. Định hình phương thức làm việc, xử lý các tình huống

S3. Kiểm soát được hành vi, thái độ trong các mối quan hệ

S4. Bày tỏ được quan điểm trước các vấn đề của xã hội

- Thái độ:

A1. Tôn trọng sự khác biệt để cùng chung sống hòa bình

A2. Trân trọng thành quả lao động, giá trị lịch sử của đất nước, nhân loại

A3. Biết tôn trọng tự nhiên

A4. Sống có khát vọng, hoài bão

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C1. Có khả năng tự chủ, độc lập trong các vấn đề của xã hội

C2. Năng lực giải quyết công việc sáng tạo

C3. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương mở đầu Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh Chương I Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	I/- ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU 1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Mối quan hệ môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam II/- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Cơ sở phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể III/- Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN 1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác 2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị Chương I. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	5	4	1	0		K1; K2; K4; S1; S2; S4; A1; A2; A3; A4; C1;

		<p>I/- CỐ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Cơ sở khách quan</p> <p>a) Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>b) Các tiền đề tư tưởng, lý luận</p> <p>2. Nhân tố chủ quan</p> <p>3. Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh</p> <p>II/- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.</p> <p>2. Thời kỳ từ 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.</p> <p>3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam.</p> <p>4. Thời kỳ từ 1930-1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng.</p> <p>5. Thời kỳ từ 1945-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.</p> <p>III/- GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc</p> <p>a) Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam</p> <p>b) Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam</p> <p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới</p> <p>a) Phản ánh khát vọng thời đại</p> <p>b) Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người.</p>						
2	<p>Chương II</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc</p>	<p>I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC</p> <p>1. Vấn đề dân tộc thuộc địa</p> <p>a) Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa</p> <p>b) Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa</p> <p>2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp</p> <p>a) Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau</p> <p>b) Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</p>	4	3	1	0	<p>K1;</p> <p>K3;</p> <p>K4;</p> <p>S1;</p> <p>S2;</p> <p>S3;</p> <p>S4;</p> <p>A1;</p> <p>A2;</p> <p>A4;</p> <p>C1;</p> <p>C3</p>	

	<p>c) Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp</p> <p>d) Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác</p> <p>II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC</p> <p>1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>a) Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa</p> <p>b) Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản</p> <p>a) Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó</p> <p>b) Cách mạng tư sản là không triệt để</p> <p>c) Con đường giải phóng dân tộc</p> <p>3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo</p> <p>a) Cách mạng trước hết phải có Đảng</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--

	<p>b) Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất</p> <p>4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc</p> <p>a) Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bị áp bức</p> <p>b) Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</p> <p>a) Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo</p> <p>b) Quan hệ của cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc</p> <p>6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực</p> <p>a) Quan điểm về bạo lực cách mạng</p> <p>b) Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình</p> <p>c) Hình thái bạo lực cách mạng</p>						
--	---	--	--	--	--	--	--

3	<p>Chương III Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p>I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>a) Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu sau khi giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản</p> <p>b) Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm giải phóng con người một cách triệt để</p> <p>2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>a) Chủ nghĩa xã hội như là một chế độ xã hội ưu việt</p> <p>b) Bản chất và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội</p> <p>3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>a) Mục tiêu</p> <p>b) Động lực</p> <p>II/- CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Con đường</p> <p>a) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển TBCN</p>	5	4	1	0		K1; K3; K4; S1; S2; S4; A1; A2; A3; C1; C2; C3
---	---	--	---	---	---	---	--	---

		<p>b) Con đường cách mạng không ngừng</p> <p>2. Biện pháp</p> <p>a) Phương châm</p>						
4	<p>Chương IV</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	<p>I/- QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>a) Cách mạng trước hết cần có Đảng</p> <p>b) Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử</p> <p>2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>a) Lựa chọn con đường, xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cách mạng</p> <p>b) Tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng</p> <p>c) Vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên</p> <p>3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>a) Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân</p>	4	3	1	0		<p>K1;</p> <p>K2;</p> <p>K3;</p> <p>S1;</p> <p>S2;</p> <p>S3;</p> <p>S4;</p> <p>A2;</p> <p>A3;</p> <p>A4;</p> <p>C2;</p> <p>C3</p>

	<p>b) Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động, Đảng của dân tộc</p> <p>4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền</p> <p>a) Đảng lãnh đạo toàn diện mọi mặt đời sống xã hội</p> <p>b) Đảng cầm quyền, dân là chủ</p> <p>c) Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân</p> <p>II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH</p> <p>1. Xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng</p> <p>a) Đảng phải thường xuyên tự xây dựng</p> <p>b) Quan điểm chỉ đạo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh</p> <p>2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>a) Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận</p> <p>b) Xây dựng Đảng về chính trị</p> <p>c) Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ</p> <p>d) Xây dựng Đảng về đạo đức</p>					
--	---	--	--	--	--	--

5	<p>Chương V</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế</p>	<p>I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC</p> <p>1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng</p> <p>a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng</p> <p>b) Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng</p> <p>2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc</p> <p>a) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân</p> <p>b) Đại đoàn kết toàn dân là tập hợp được mọi người dân vào cuộc đấu tranh chung. Để thực hiện được đại đoàn kết toàn dân cần cần chú ý:</p> <p>3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>a) Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>b) Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</p>	4	3	1	0		<p>K1;</p> <p>K3;</p> <p>K4;</p> <p>S1;</p> <p>S3;</p> <p>S4;</p> <p>A1;</p> <p>A3;</p> <p>A4;</p> <p>C2;</p> <p>C3</p>
---	---	--	---	---	---	---	--	---

		<p>II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế</p> <p>a) Cơ sở khách quan</p> <p>b) Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại</p> <p>2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế</p> <p>a) Các lực lượng cần đoàn kết</p> <p>b) Hình thức</p> <p>3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p> <p>a) Nguyên tắc chung</p> <p>b) Nguyên tắc cụ thể</p>						
6	<p>Chương VI</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước do dân, vì dân</p>	<p>I/- QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ</p> <p>1. Quan niệm về dân chủ</p> <p>a) Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân</p> <p>b) Dân chủ là cơ sở đảm bảo quyền làm chủ, các quyền cơ bản của nhân dân lao động</p> <p>c) Dân là chủ và dân làm chủ</p> <p>d) Cơ chế bảo đảm quyền dân chủ: tất cả vì lợi ích của nhân dân</p> <p>2. Thực hành dân chủ</p>	4	3	1	0		<p>K1;</p> <p>K2;</p> <p>K4;</p> <p>S1;</p> <p>S2;</p> <p>S3;</p> <p>A1;</p> <p>A2;</p> <p>A3;</p> <p>C1;</p> <p>C2;</p> <p>C3</p>

	<p>a) Thực hành dân chủ là động lực phát triển cách mạng</p> <p>b) Phương thức thực hành dân chủ</p> <p>II/- QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN</p> <p>1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân</p> <p>a) Nhà nước của dân</p> <p>b) Nhà nước do dân</p> <p>c) Nhà nước vì dân</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước</p> <p>a) Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước</p> <p>b) Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước</p> <p>3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ</p> <p>a) Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến</p> <p>b) Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật,</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống</p> <p>c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức, tài</p> <p>4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả</p> <p>a) Tổ chức bộ máy nhà nước phù hợp</p> <p>b) Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước</p> <p>c) Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với giáo dục đạo đức cách</p>						
7	<p>Chương VII</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới</p>	<p>I/- NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA</p> <p>1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>a) Phương thức tiếp cận văn hoá</p> <p>b) Định nghĩa văn hoá của Hồ Chí Minh</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa</p> <p>a) Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội</p>	4	3	1	0		<p>K1;</p> <p>K2;</p> <p>K4;</p> <p>S1;</p> <p>S4;</p> <p>A1;</p> <p>A2;</p> <p>A3;</p> <p>A4;</p> <p>C3</p>

		<p>b) Quan điểm về chức năng của văn hóa</p> <p>c) Quan điểm về tính chất của nền văn hóa</p> <p>3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa</p> <p>a) Văn hóa giáo dục</p> <p>b) Văn hóa văn nghệ</p> <p>c) Văn hóa đời sống</p> <p>II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC</p> <p>1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>a) Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức</p> <p>b) Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng</p> <p>c) Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới</p> <p>2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh</p> <p>a) Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh</p> <p>b) Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh</p> <p>III/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI</p>					
--	--	---	--	--	--	--	--

		<p>1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người</p> <p>a) Hồ Chí Minh thường nói tới con người cụ thể, lịch sử.</p> <p>b) Hồ Chí Minh khẳng định bản chất con người mang tính xã hội.</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"</p> <p>a) Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người.</p> <p>b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược "trồng người".</p>					
--	--	--	--	--	--	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của môn học:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc nhận thức, đánh giá, lý giải các vấn đề của lao động, việc làm, kinh doanh...

+ Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 7 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào BUỔI thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **BUỔI thứ 4**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- *Cuối học kỳ*, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá môn học:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài: Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

Có hành động gian dối: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

1. Chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
2. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

12.2 Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn.
2. Sách tham khảo: các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh của Ban Tuyên giáo TW.
3. Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập.
4. Các Nghị quyết, Văn kiện của Đảng.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- Chính phủ <http://www.chinhphu.vn>
- Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
- Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

BUỔI 1 (5 tiết)

Chương mở đầu.

**ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

**Chương I. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH**

Nội dung

I/- ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

II/- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

III/- Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Chương I. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I/- CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

II/- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

III/- GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Phương pháp

+ Làm sáng rõ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề về cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

+Biện luận, nêu rõ hành trình tìm đường cứu nước

+ So sánh với các nhà tư tưởng trong lịch sử nhân loại

Kết quả mong muốn

-Nhận thức được vai trò của tư tưởng đối với lịch sử của một dân tộc

-Lý giải được tại sao sự phát triển của một đất nước cần có người tài

-Hiểu cội nguồn tư tưởng Hồ Chí Minh

-Biết so sánh, đối chiếu với các nhà tư tưởng khác trong lịch sử

Tư liệu

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww.
Thehehochiminh.com

BUỔI 2 (4 tiết)

Chương II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Nội dung

I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

Phương pháp

+ Làm sáng rõ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề về cách mạng Việt Nam, vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc

+Biện luận, nêu rõ hành trình tìm đường cứu nước

+ So sánh với các nhà tư tưởng trong lịch sử nhân loại

+Tổ chức thảo luận một số vấn đề về dân tộc

Kết quả mong muốn

- Sinh viên có được nhận thức về vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã thực hiện trong thế kỷ XX
- Hiểu rõ vấn đề các bước giải quyết vấn đề dân tộc
- Nhận thức vai trò dân tộc trong thế kỷ XXI

Tư liệu

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww.
Thehehochiminh.com

BUỔI 3 (5 tiết)

Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Nội dung

I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

II/- CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Con đường
2. Biện pháp

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.
- Ý nghĩa của việc học tập.

Phương pháp

- + Làm sáng rõ nội hàm của các khái niệm
- + Phân tích, lý giải các vấn đề về cách mạng Việt Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa
- +Biện luận, nêu rõ quan điểm về CMXH trong lịch sử, hiện thực
- + So sánh với con đường cách mạng xã ở một số nước trên thế giới
- +Đặt vấn đề thảo luận cho sinh viên về phương thức đi lên CNXH

Kết quả mong muốn

- + Nhận thức được các quan điểm về xã hội chủ nghĩa, hiện thực của nó
- + Có niềm tin về một tương lai tốt đẹp
- +Có khả năng biện luận giải quyết, nhận thức các tư tưởng

Tư liệu

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww.
Thehehochiminh.com

BUỔI 4 (4 tiết)

Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Nội dung

I/- QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam
3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam
4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng
2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.
- Ý nghĩa của việc học tập.

Phương pháp

- + Làm sáng rõ nội hàm của các khái niệm
- + Phân tích, lý giải các vấn đề đảng phái, chính đảng, Đảng cộng sản Việt Nam
- +Biện luận, nêu rõ về chính Đảng trong thể chế chính trị hiện đại
- + So sánh với các chính đảng trên thế giới

Kết quả mong muốn

- + Người học có được hiểu biết về đảng phái trong nền chính trị thế giới
- +Nhận thức, so sánh với các chính Đảng khác trên thế giới
- +Vai trò của công dân về đảng phái chính trị

Tư liệu

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang [Wwww.Thehehochiminh.com](http://www.Thehehochiminh.com)

BUỔI 5 (4 tiết)

Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

Nội dung

I/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng
2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc
3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế
2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế
3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh
- Ý nghĩa của việc học tập.

Phương pháp

- + Làm sáng rõ nội hàm của các khái niệm
- + Phân tích, lý giải các vấn đề đoàn kết, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế
- +Biện luận, nêu rõ về đoàn kết trong thực tiễn lịch sử Việt Nam
- + So sánh với vấn đề đoàn kết của Nhật, Hàn

Kết quả đạt được

- + Nhận thức, lý giải và đánh giá quan điểm về đoàn kết
- + Vận dụng vấn đề đoàn kết, và có khả năng tổ chức đoàn kết trong cuộc sống

Tư liệu

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww.Thehehochiminh.com

BUỔI 6 (4 tiết)

Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Nội dung

I/- QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

1. Quan niệm về dân chủ

2. Thực hành dân chủ

II/- QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.

- Ý nghĩa của việc học tập

Phương pháp

+ Làm sáng rõ nội hàm của các khái niệm

+ Phân tích, lý giải các vấn đề dân chủ, xây dựng dân chủ, vấn đề nhà nước dân chủ trong quan điểm của Hồ Chí Minh

+Biện luận, nêu rõ về vấn đề dân chủ phương Đông, phương Tây

+ So sánh với vấn đề dân chủ, nhà nước dân chủ ở một số chính thể trên thế giới

Kết quả mong muốn

+Sinh viên hiểu rõ các vấn đề của thời đại về dân chủ, nhà nước, của dân do dân

+Biết so sánh các nền dân chủ khác

+Thực hiện dân chủ trong đoàn thể, trong các mối quan hệ

Tư liệu

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww.

Thehochiminh.com

BUỔI 7 (4 tiết)

Chương VII. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

Nội dung

I/- NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

II/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

III/- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"

Phương pháp

- + Làm sáng rõ nội hàm của các khái niệm
- + Phân tích, lý giải các vấn đề văn hóa, đạo đức, con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh
- +Biện luận, nêu rõ về vấn đề con người, văn hóa trong các nền văn minh trên thế giới
- + So sánh với vấn đề chính sách về con người ở một số nước trên thế giới

Kết quả mong muốn

- + Sinh viên hiểu rõ vì sao phải có đạo đức trong xã hội
- +So sánh với các quan điểm về đạo đức của các nhà tư tưởng khác
- +Vận dụng vấn đề đạo đức, văn hóa trong cuộc sống

Tư liệu

Đọc giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, đọc thêm Hồ Chí Minh toàn tập, trang Wwww.
Thehehochiminh.com

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Tự luận

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Lập trình trên thiết bị di động **Mã học phần: 10090**
- 2. Khoa phụ trách:** Công nghệ thông tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
 - 3.1. Họ và tên: Lương Vĩ Minh**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0934190972
 - Email: lvminh@gmail.com
 - Các hướng nghiên cứu chính: Hệ điều hành mã nguồn mở Linux/Ubuntu và một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng
 - 3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0938811369
 - Email: nhmnhat@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng
- 4. Số tín chỉ: 3**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**
 - Lên lớp: 60 tiết
 - Tự học: 135 tiết
- 6. Học phần tiên quyết:**

7. Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường android.
- Cung cấp kiến thức nền tảng công nghệ Các phương pháp lập trình nâng cao: đa luồng,
- Cung cấp các kiến thức cơ bản để có thể tự nghiên cứu và phát triển các loại ứng dụng khác sử dụng công nghệ đa hành vi, kết nối SQLite, Web Services...
- Cung cấp cho sinh viên khả năng tự xây dựng ứng dụng cho Điện thoại di động, Web Apps di động và tính năng thiết bị từ Web Apps.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- 1) Cung cấp kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường android.
- 2) Cung cấp kiến thức nền tảng, các phương pháp lập trình trên Android.
- 3) Các phương pháp lập trình nâng cao: đa luồng, đa hành vi, kết nối SQLite, Web Services.
- 4) Khái niệm cross platform, ứng dụng cho Điện thoại di động,
- 5) Web Apps di động và tính năng thiết bị từ Web Apps.
- 6) Cung cấp các kiến thức cơ bản để có thể tự nghiên cứu và phát triển các loại ứng dụng Web Apps,...
- 7) Cung cấp cho sinh viên khả năng tự xây dựng một ứng dụng Web Apps.

8.2 Kỹ năng:

- 8) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 9) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- 10) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 11) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 12) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 13) Sẵn sàng phân tích các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp phát triển ứng dụng trên Điện thoại di động .

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Cung cấp kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường android.
- Cung cấp kiến thức nền tảng, các phương pháp lập trình trên Android.
- Các phương pháp lập trình nâng cao: đa luồng, đa hành vi, kết nối SQLite, Web Services.
- Khái niệm cross platform, ứng dụng cho Điện thoại di động,
- Web Apps di động và tính năng thiết bị từ Web Apps.
- Cung cấp các kiến thức cơ bản để có thể tự nghiên cứu và phát triển các loại ứng dụng Web Apps,..
- Cung cấp cho sinh viên khả năng tự xây dựng một ứng dụng Web Apps.

42.6. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	C Đ R
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Giới thiệu tổng quan	5. J2ME 6. 1.2 Windows Phone 7. 1.3 iOS 8. 1.4 Android	8	6	2			(1)
2.	Chương 2: Giới thiệu hệ điều hành Android	1. Kiến trúc HĐH Android 2. Bộ công cụ phát triển ứng dụng trên Android 3. Vòng đời một ứng dụng trên Android 4. Chương trình Hello World trên Android	6	4	2			(2)
3.	Chương 3: UI và sử dụng các control	5. Phát triển UI trong Android 6. Khái niệm Android Control chung 7. Những Control đáng quan tâm khác 8. Khái niệm quản lý layout	8	6	2			(3)

		<p>9. Khái niệm Adapters</p> <p>10. Làm việc với Menus và Dialogs</p> <p>11. Fonts</p>					
4.	<p>Chương 4: Restful Web Service</p>	<p>4. Restful Web Service là gì</p> <p>5. Các cách thức khai thác Web Service trên Android</p> <p>6. Giới thiệu Http Component ứng dụng trong Android.</p> <p>7. Chương trình demo đặt hàng qua điện thoại.</p>	8	6	2		(3)
5.	<p>Chương 5: JSON và SQLite</p>	<p>5. JSON là gì ?</p> <p>6. Khai thác JSON thông qua Web Service.</p> <p>7. SQLite là gì?</p> <p>8. Các cách truy vấn SQLite trong Andoird</p> <p>9. Chương trình demo đặt hàng qua điện thoại (tiếp theo).</p>	8	6	2		(4)

6.	Chương 6: Đa luồng và đa hành vi	4. Khái niệm Multithread trên Android 5. Hai phương pháp multithread trên Android 6. Khái niệm đa hành vi. 7. Giới thiệu Intent và Broadcast Reciever	6	4	2			(5)
7.	Chương 7: Sensors và ứng dụng cảm ngữ cảnh	5. Giới thiệu các sensors: GPS, Accelerometer, Digital Compass. 6. Các cách thức khai thác sensors trên Android 7. Ứng dụng cảm ngữ cảnh.	6	4	2			(5)
8.	Chương 8: Các tính năng nâng cao trên Android	4. Tổng quan về Camera API 5. OpenCV và các ứng dụng nhận dạng ảnh trên Android	5	3	2			(6)
9.	Chương 9: Xuất bản ứng dụng	4. Cài đặt PhoneGap và tất cả các công cụ phát triển cần thiết để xây dựng các ứng	8	4	4			(7)

		<p>dụng bản địa cho các nền tảng.</p> <p>5. Giới thiệu Google App store</p> <p>6. Quy trình xuất bản ứng dụng lên Google Apps store</p> <p>7. Bảo trì và cập nhật phần mềm</p>						
10.	Chương 10: Tổng kết	<p>6. Cho sinh viên thuyết trình những nội dung đã nghiên cứu được.</p> <p>7. Nhận xét đánh giá những vấn đề sinh viên đã thuyết trình.</p> <p>8. Tổng kết kiến thức đã học.</p>	8	4	4			(7)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có kiến thức cơ bản để có thể tự nghiên cứu và phát triển các loại ứng dụng Web Apps,... . Sinh viên khả năng tự xây dựng một ứng dụng Web Apps.

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, hợp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Wei-Meng Lee (2011). Beginning Android Application Development. John Wiley & Sons

[2] Reto Meier (2010). Professional Android 2 Application Development. Wrox Press.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[3] Earle Castledine, Myles Eftos. Max Wheeler (2011). Build Mobile Websites and Apps for Smart Devices. SitePoint Pty

[4] Mark L. Murphy (2010). Beginning Android 2. Apress

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Giới thiệu tổng quan

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Giới thiệu tổng quan

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Giới thiệu hệ điều hành Android

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Giới thiệu hệ điều hành Android

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: UI và sử dụng các control

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3: UI và sử dụng các control

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Restful Web Service

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Restful Web Service

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 5: JSON và SQLite

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 6: Đa luồng và đa hành vi

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Sensors và ứng dụng cảm ứng cảnh

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 8: Các tính năng nâng cao trên Android

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 9: Xuất bản ứng dụng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 9: Xuất bản ứng dụng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 10: Tổng kết

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thương mại điện tử **Mã học phần : 10414**

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Bùi Chí Thành

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Nha Trang
- ĐT: 0989639211 ; email: thanhbc@ntu.upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Thái Huy Tân

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 01683410784 ; email: tanth@uit.upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử.
- Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử: Internet và World wide web.
- Cung cấp kiến thức về bán hàng trên web: Các mô hình lợi nhuận và xây dựng giao diện web; Marketing trên web; mô hình chiến lược B2B từ EDI đến EC, các khái niệm về đấu giá, cộng đồng ảo và web portal; Các khái niệm về môi trường thương mại điện tử: các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế.
- Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử: phần mềm và phần cứng web server; Các phần mềm thương mại điện tử; An toàn thương mại điện tử; hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử.
- Cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1. Kiến thức:

- 1) Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử.
- 2) Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử: Internet và World wide web.
- 3) Cung cấp kiến thức về bán hàng trên web: Các mô hình lợi nhuận và xây dựng giao diện web; Marketing trên web; mô hình chiến lược B2B từ EDI đến EC, các

khái niệm về đấu giá, cộng đồng ảo và web portal; Các khái niệm về môi trường thương mại điện tử: các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế.

- 4) Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử: phần mềm và phần cứng web server; Các phần mềm thương mại điện tử; An toàn thương mại điện tử; hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử.
- 5) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.
- 6) Giải thích các tình huống ứng dụng trong thực tế.

8.2. Kỹ năng:

- 7) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 8) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3. Thái độ:

- 9) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 10) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 11) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 12) Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến

lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán. Quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT, ...Các khái niệm cơ bản của một hệ cơ sở dữ liệu.

42.7. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Tổng quan thương mại điện tử	<p>26. Giới thiệu về học phần, cách học, tài liệu tham khảo, nguyên tắc làm việc.</p> <p>27. Giới thiệu thương mại điện tử: lần sóng thứ 2</p> <p>28. Các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, quy trình kinh doanh; các đơn vị đo trong kinh tế: phí giao dịch, chợ và phân cấp, các cấu trúc mạng kinh tế, hiệu ứng mạng.</p> <p>29. Xác định cơ hội thương mại điện tử</p>	5	5			(1) (2)	

		30. Bản chất toàn cầu của thương mại điện tử						
2.	Chương 2: Bán hàng qua web	<ul style="list-style-type: none"> 1. Các mô hình lợi nhuận 2. Các vấn đề trong chiến thuật lợi nhuận. 3. Thiết lập giao diện web ấn tượng; 4. ứng dụng website, quan hệ khách hàng 	4	4				(1) (2)
3.	Chương 3: Marketing qua web	<ul style="list-style-type: none"> 1. Các chiến thuật marketing trên web 2. Giao tiếp với nhiều đoạn thị trường khác nhau 3. Quảng cáo trên web 4. E-mail Marketing 5. Công nghệ cho phép quản lý quan hệ khách hàng 6. Tạo và duy trì chi nhánh trên web 	6	6				(2) (3)
4.	Chương 4: Các chiến thuật B2B Từ Trao đổi	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mua, hậu cần và các hoạt động hỗ trợ 2. Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) 	5	5				(3) (4)

	dữ liệu điện tử đến Thương mại điện tử	3. EDI trên internet 4. Quản lý chuỗi cung ứng dựa trên Công nghệ Internet 5. Chợ điện tử và Cổng thông tin						
5.	Chương 7: Môi trường thương mại điện tử	1. Môi trường pháp luật của thương mại điện tử 2. Sử dụng và bảo vệ sản phẩm trí tuệ trong kinh doanh trực tuyến 3. Tội phạm, khủng bố và chiến tranh trực tuyến 4. Các vấn đề đạo đức 5. Thuế và Thương mại điện tử	5	5				(5) (6)
6.	Chương 9: Phần mềm Thương mại điện tử	1. Lựa chọn Web Hosting 2. Chức năng cơ bản và mở rộng của phần mềm thương mại điện tử 3. Phần mềm thương mại điện tử cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ	7	7				(7)

		<p>4. Phần mềm thương mại điện tử cho doanh nghiệp vừa và lớn</p> <p>5. Phần mềm thương mại điện tử cho doanh nghiệp lớn</p>						
7.	<p>Chương 10: An ninh thương mại điện tử</p>	<p>1. Nhìn chung các vấn đề bảo mật trực tuyến</p> <p>2. Bảo mật cho máy khách</p> <p>3. Bảo mật kênh truyền</p> <p>4. Bảo mật máy chủ</p>	4	4				(7)
8.	<p>Chương 11: Hệ thống thanh toán cho thương mại điện tử</p>	<p>1. Thẻ thanh toán</p> <p>2. Tiền điện tử</p> <p>3. Ví điện tử</p> <p>4. Thẻ lưu giá trị</p> <p>5. Công nghệ internet và công nghiệp ngân hàng</p>	5	5				(7)
9.	<p>Chương 12: Hoạch định thương mại điện tử</p>	<p>1. Hoạch định khởi đầu thương mại điện tử</p> <p>2. Các chiến thuật phát triển Web sites</p> <p>3. Quản lý thực hiện thương mại điện tử</p>	4	4				(7)

Tổng cộng:	45		
-------------------	-----------	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, hợp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm

- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Gary P. Schneider. E-Business, 8th Edition. Publisher Course Technologies, 2009. ISBN: 1-418803703-2.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Dave Chaffey. E-Business and E-Commerce Management, 3rd Edition © Marketing Insights Ltd 2007.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan thương mại điện tử

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Bán hàng qua web

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 3: Marketing qua web

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Marketing qua web

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 4: Các chiến thuật B2B Từ Trao đổi dữ liệu điện tử đến Thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Các chiến thuật B2B Từ Trao đổi dữ liệu điện tử đến Thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 7: Môi trường thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 7: Môi trường thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 9: Phần mềm Thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 9: Phần mềm Thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 10: An ninh thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 11: Hệ thống thanh toán cho thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 11: Hệ thống thanh toán cho thương mại điện tử

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 12: Hoạch định thương mại điện tử + Ôn thi

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thi tự luận trên máy tính

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: XML và ứng dụng **Mã học phần : 10068**

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Tiến

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0332750464 ; email:nhtien@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Phạm Thị Thu Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:01253017323; email: thuthuy@ntu.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử ra đời, ý nghĩa, công dụng và các lĩnh vực ứng dụng của ngôn ngữ đánh dấu mở rộng XML; kiến thức về DTD (Document Type Definition) và XML Schema cũng như khả năng sử dụng chúng để quy định cấu trúc một tài liệu XML; kiến thức về XML Transformation và khả năng sử dụng XSLT để rút trích dữ liệu, chuyển dạng tài liệu XML; kiến thức về LINQ to XML và khả năng sử dụng LINQ để truy vấn dữ liệu trên tài liệu XML; kỹ năng sử dụng công cụ soạn thảo XML để thao tác trên các tài liệu XML; kỹ năng sử dụng XML để tổ chức, lưu trữ dữ liệu dưới dạng tài liệu XML; kỹ năng lập trình với dữ liệu được tổ chức dưới dạng tài liệu XML; kỹ năng chuẩn bị và trình bày một báo cáo khoa học (seminar).

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1. Kiến thức:

- 1) Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử ra đời, ý nghĩa, công dụng và các lĩnh vực ứng dụng của ngôn ngữ đánh dấu mở rộng XML;
- 2) Kiến thức về DTD (Document Type Definition) và XML Schema cũng như khả năng sử dụng chúng để quy định cấu trúc một tài liệu XML;
- 3) Kiến thức về XML Transformation và khả năng sử dụng XSLT để rút trích dữ liệu, chuyển dạng tài liệu XML;
- 4) Kiến thức về LINQ to XML và khả năng sử dụng LINQ để truy vấn dữ liệu trên tài liệu XML;
- 5) Kỹ năng sử dụng công cụ soạn thảo XML để thao tác trên các tài liệu XML;
- 6) Kỹ năng sử dụng XML để tổ chức, lưu trữ dữ liệu dưới dạng tài liệu XML;
- 7) Kỹ năng lập trình với dữ liệu được tổ chức dưới dạng tài liệu XML;

8.2. Kỹ năng:

- 8) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 9) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3. Thái độ:

- 10) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 11) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 12) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- (13) Kỹ năng sử dụng XML để tổ chức, lưu trữ dữ liệu dưới dạng tài liệu XML;
- 14) Kỹ năng lập trình với dữ liệu được tổ chức dưới dạng tài liệu XML;
- 15) Kỹ năng chuẩn bị và trình bày một báo cáo khoa học (seminar).

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần giới thiệu bài toán và cách tiếp cận của XML trong giải quyết bài toán đó. Sau đó giới thiệu những công cụ có tính chất cơ sở làm hạ tầng cho việc ứng dụng XML vào xây dựng các ứng dụng thực tế như: vấn đề về xung đột tên với kỹ thuật XML namespace, vấn đề xác minh tính hợp lệ của dữ liệu với DTD và XSD, mô hình dữ liệu với XML information set, vấn đề lập trình xử lý dữ liệu XML với DOM, XPath và XSLT, ...

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Tổng quan về XML	31. Tổng quan về ngôn ngữ XML 32. Lịch sử ra đời và phát triển	6	4	2		(1)	

		<p>33. Giới thiệu công cụ Altova XMLSpy</p> <p>34. Các quy tắc để đảm bảo 1 tài liệu XML là hợp khuôn dạng (well-formed)</p>						
2.	Chương 2: Document Type Definition	<p>1. Cấu trúc của một DTD (Document Type Definition)</p> <p>2. Gắn DTD vào tài liệu XML</p> <p>3. Dùng DTD kiểm tra tính hợp lệ cho tài liệu XML</p>	8	5	3			(1) (2)
3.	Chương 3: XML Schema	<p>1. Cú pháp chung của XML Schema</p> <p>2. Các thành phần của XML Schema</p> <p>3. Sử dụng Schema để quy định cấu trúc tài liệu XML</p>	7	5	2			(3) (4)
4.	Chương 4: Cascade Style Sheets	<p>1. Các thành phần của CSS</p> <p>2. Sử dụng CSS để định dạng dữ liệu</p>	8	5	3			(4) (5)

		trong tài liệu XML						
5.	Chương 5: XSLT	1. Các thành phần của XSLT 2. Sử dụng CSS để định dạng dữ liệu trong tài liệu XML	7	5	2			(4) (5)
6.	Chương 6: DOM và LINQ	1. Cú pháp của DOM 2. Sử dụng DOM để rút trích dữ liệu trong tài liệu XML 3. Cú pháp của LINQ 4. Sử dụng LINQ để rút trích dữ liệu trong tài liệu XML	9	6	3			(6) (7)
Tổng cộng:			60					

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

- Phân thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		

Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Elliotte Rusty Harold, XML Bible, IDG Books Worldwide, Inc., 2009, 750

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Aaron Skonnad, Martin Gudgin, Essential XML Quick Reference, Addison – Wesley, 2003, 430.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về XML

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về XML

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Document Type Definition

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Document Type Definition

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 2: Document Type Definition

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3: XML Schema

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 3: XML Schema

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Cascade Style Sheets

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 4: Cascade Style Sheets

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 5: XSLT

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 5: XSLT

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 5: XSLT

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 6: DOM và LINQ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 6: DOM và LINQ

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 6: DOM và LINQ + Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy tính, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 20002

2. Khoa phụ trách: Cơ bản

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Thị Lý

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn cơ bản
- ĐT: 0903661228; email: ntly@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử, chính trị, tư tưởng, triết học, văn hóa

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Trang bị kiến thức để phân tích được những vấn đề cơ bản về: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh,

Nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức:

CR1. Sinh viên có được hệ thống tri thức về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, đường lối của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ và xây dựng kinh tế, xã hội

CR2. Hiểu rõ quan điểm của Đảng về các vấn đề của cách mạng dân tộc, dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa

CR3. Nắm và vận dụng kinh nghiệm từ những thành công của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng trong công việc, nhận thức về sự chuyển biến xã hội

CR4. Có được tri thức về lịch sử dân tộc trong thế kỷ XX dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ đó định hướng sự phát triển của bản thân

- Kỹ năng:

S1. Năng lực nhận thức các vấn đề của cuộc sống, công việc, mối quan hệ

S2. Định hình phương thức làm việc, sử lý các tình huống

S3. Kiểm soát được hành vi, thái độ trong các mối quan hệ

S4. Bày tỏ được quan điểm trước các vấn đề của xã hội

- Thái độ:

A1. Tôn trọng sự khác biệt để cùng chung sống hòa bình

A2. Trân trọng thành quả lao động, giá trị lịch sử của đất nước, nhân loại

A3. Biết tôn trọng tự nhiên

A4. Sống có khát vọng, hoài bão

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

R1. Có khả năng tự chủ, độc lập trong các vấn đề của xã hội

R2. Năng lực giải quyết công việc sáng tạo

R3. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

9.2. Nội dung học phần

S T T	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			T C	L T	B T	T H		
1	Chương mở đầu Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	I/- ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU 1. Đối tượng nghiên cứu. a) Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. b) Đối tượng nghiên cứu môn học 2. Nhiệm vụ nghiên cứu. II/- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC 1. Phương pháp nghiên cứu.	4	3	1	0		CR1 CR4 S1 S3 S4 A2 A4 R1 R3

		<p>a) Cơ sở phương pháp luận</p> <p>b) Phương pháp nghiên cứu</p> <p>2. Ý nghĩa của học tập môn học</p>						
2	<p>Chương I</p> <p>Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>	<p>I/- HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX</p> <p>a) Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó</p> <p>b) Chủ nghĩa Mác-Lênin</p> <p>c) Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản</p> <p>2. Hoàn cảnh trong nước</p> <p>a) Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp</p> <p>b) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX</p> <p>c) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản</p> <p>II/- HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG</p>	4	3	1	0	<p>CR2</p> <p>CR3</p> <p>CR4</p> <p>S3</p> <p>S4</p> <p>A1</p> <p>A3</p> <p>A4</p> <p>R1</p>	

		<p>1. Hội nghị thành lập Đảng</p> <p>a) Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>b) Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng</p> <p>2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)</p> <p>a) Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam</p> <p>b) Lực lượng cách mạng</p> <p>c) Lãnh đạo cách mạng</p> <p>d) Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới</p> <p>3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>						
3	Chương II Đường lối đấu tranh giành chính quyền	<p>I/- CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939</p> <p>1. Trong những năm 1930-1935</p>	4	3	1	0		CR1 CR2 CR4 S3

	<p>a) Luận cương Chính trị tháng 10-1930</p> <p>b) Chủ trương khôi phục tổ chức đảng và phong trào cách mạng</p> <p>2. Trong những năm 1936-1939</p> <p>a) Hoàn cảnh lịch sử</p> <p>b) Chủ trương và nhận thức mới của Đảng</p> <p>II/- CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng</p> <p>a) Tình hình thế giới và trong nước</p> <p>b) Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược</p> <p>c) Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược</p> <p>2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</p> <p>a) Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần</p> <p>b) Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa</p>						<p>S4</p> <p>A1</p> <p>A3</p> <p>A4</p> <p>R2</p> <p>R3</p>
--	---	--	--	--	--	--	---

		c) Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám						
4	Chương III Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược	I/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954) 1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) a) Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám b) Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng c) Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm 2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954) a) Hoàn cảnh lịch sử b) Quá trình hình thành và nội dung đường lối 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	5	4	1	0	CR1 CR2 CR4 S1 S4 A1 A2 R1 R2 R3	

		<p>a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối</p> <p>b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm</p> <p>II/- ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)</p> <p>1. Giai đoạn 1954-1964</p> <p>a) Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7-1954</p> <p>b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối</p> <p>2. Giai đoạn 1965-1975</p> <p>a) Hoàn cảnh lịch sử</p> <p>b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối</p> <p>3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.</p> <p>a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi</p> <p>b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm</p>						
5	Chương IV Đường lối công nghiệp hóa	<p>I/- CÔNG NGHIỆP HOÁ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI</p> <p>1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá</p>	4	3	1	0		CR1 CR3 CR4 S1 S3

	<p>a) Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>b) Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới</p> <p>2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa</p> <p>b) Hạn chế và nguyên nhân</p> <p>II/- CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ THỜI KỲ ĐỔI MỚI</p> <p>1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá</p> <p>a) Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986</p> <p>b) Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X</p> <p>2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá</p> <p>a) Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá</p> <p>b) Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá</p>						<p>A1</p> <p>A2</p> <p>A3</p> <p>R1</p> <p>R2</p> <p>R3</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

		<p>3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức</p> <p>a) Nội dung</p> <p>b) Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức</p> <p>4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>a) Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa</p> <p>b) Hạn chế và nguyên nhân</p>						
6	<p>Chương V</p> <p>Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p>	<p>I/- QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới</p> <p>a) Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.</p> <p>b) Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế</p> <p>2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới</p>	4	3	1	0		<p>CR1</p> <p>CR3</p> <p>CR4</p> <p>S1</p> <p>S4</p> <p>A1</p> <p>A2</p> <p>A3</p> <p>A4</p> <p>R1</p> <p>R2</p>

		<p>a) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII</p> <p>b) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X</p>						
7	<p>Chương V</p> <p>Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (tt)</p>	<p>II/- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA</p> <p>1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản</p> <p>a) Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường</p> <p>b) Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>c) Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN</p> <p>2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p>	4	3	1	0	<p>CR1</p> <p>CR2</p> <p>CR3</p> <p>CR4</p> <p>S1</p> <p>S4</p> <p>A1</p> <p>A2</p> <p>A3</p> <p>R1</p> <p>R2</p>	

		<p>a) Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>b) Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh</p> <p>c) Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.</p> <p>d) Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường</p> <p>e) Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội</p> <p>3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>a) Kết quả và ý nghĩa</p> <p>b) Hạn chế và nguyên nhân</p>						
8	<p>Chương VI</p> <p>Đường lối xây dựng hệ thống chính trị</p>	<p>I/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</p>	4	3	1	0		<p>CR1</p> <p>CR2</p> <p>CR3</p>

	<p>THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1986)</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng</p> <p>a) Hoàn cảnh lịch sử</p> <p>b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị</p> <p>2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>a) Kết quả và ý nghĩa</p> <p>b) Hạn chế và nguyên nhân</p> <p>II/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI</p> <p>1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị</p> <p>a) Cơ sở hình thành đường lối</p> <p>b) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị</p> <p>2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới</p> <p>a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị</p> <p>b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị</p> <p>3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p>						<p>CR4</p> <p>S4</p> <p>A1</p> <p>A2</p> <p>A3</p> <p>R1</p> <p>R2</p>
--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa</p> <p>b) Hạn chế và nguyên nhân</p>						
9	<p>Chương VII</p> <p>Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội</p>	<p>I/- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ</p> <p>1. Thời kỳ trước đổi mới</p> <p>a) Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới</p> <p>b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>2. Trong thời kỳ đổi mới</p> <p>a) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá</p> <p>b) Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá</p> <p>c) Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá</p> <p>d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p>	4	3	1	0	<p>CR1</p> <p>CR2</p> <p>CR3</p> <p>S1</p> <p>S3</p> <p>S4</p> <p>A1</p> <p>A2</p> <p>A4</p> <p>R2</p> <p>R3</p>	
10	<p>Chương VII</p> <p>Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội</p>	<p>II/- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI</p> <p>1. Thời kỳ trước đổi mới</p>	4	3	1	0	<p>CR2</p> <p>CR3</p> <p>CR4</p> <p>S1</p> <p>S3</p>	

		<p>a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội</p> <p>b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>2. Trong thời kỳ đổi mới</p> <p>a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội</p> <p>b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội</p> <p>c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội</p> <p>d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.</p>						<p>A1</p> <p>A2</p> <p>A3</p> <p>A4</p> <p>R2</p> <p>R3</p>
1	Chương VIII	I/- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI	4	3	1	0		
1	Đường lối đối ngoại	THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1985)						<p>CR2</p> <p>CR3</p>
	I. Đường lối đối ngoại trước thời kỳ đổi mới	<p>1. Hoàn cảnh lịch sử</p> <p>a) Tình hình thế giới</p> <p>b) Tình hình trong nước</p> <p>2. Chủ trương đối ngoại của Đảng</p> <p>a) Nhiệm vụ đối ngoại</p> <p>b) Chủ trương đối ngoại với các nước</p> <p>3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>a) Kết quả và ý nghĩa</p> <p>b) Hạn chế và nguyên nhân</p>						<p>S1</p> <p>S4</p> <p>A1</p> <p>A3</p> <p>A4</p> <p>R1</p>

		<p>II/- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI.</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối</p> <p>a) Hoàn cảnh lịch sử</p> <p>b) Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối</p> <p>2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>a) Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo</p> <p>b) Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>a) Thành tựu và ý nghĩa</p> <p>b) Hạn chế và nguyên nhân</p>						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của môn học:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc nhận thức, đánh giá, lý giải các vấn đề của lao động, việc làm, kinh doanh...

+ Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

- Phân thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm , mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào BUỔI thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **BUỔI thứ 6**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- *Cuối học kỳ*, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức tự luận.

11. Phương pháp đánh giá môn học:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		

Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài: Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)

Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.

Có hành động gian dối: Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

[2] Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, xuất bản.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

[2] Các Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- Chính phủ <http://www.chinhphu.vn>

- Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
- Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

BUỔI 1 (4 tiết)

Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Nội dung

I/- ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

II/- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC

2. Ý nghĩa của học tập môn học

Phương pháp

- Làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề về chính đảng, sự tất yếu ra đời chính Đảng
- So sánh với các cuộc cách mạng ở phương Tây

Kết quả mong muốn

- Sinh viên hiểu đối tượng nghiên cứu của một chuyên ngành gồm những vấn đề nào
- Định hình cách thức nhận biết vấn đề dân tộc, quốc tế
- Kỹ năng quản lý thời gian

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 7 – 17, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 2 (4 tiết)

Chương I. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

Nội dung

I/- HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX
2. Hoàn cảnh trong nước

II/- HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

1. Hội nghị thành lập Đảng
2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)
3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Phương pháp

- Làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu
- Phân tích bối cảnh lịch sử đưa đến sự ra đời của chính Đảng
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề về chính đảng, sự tất yếu ra đời chính Đảng
- So sánh với các cuộc cách mạng ở phương Tây

Kết quả mong muốn

- Sinh viên hiểu rõ vì sao các phong trào yêu nước thất bại
- Nguyễn Tất Thành và những danh nhân đối với dân tộc
- Tính khoa học, sáng tạo, thực tiễn của cương lĩnh

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 7 – 17, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 3 (4 tiết)

Chương II. ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

Nội dung

I/- CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939

1. Trong những năm 1930-1935

2. Trong những năm 1936-1939

II/- CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945

- Phân tích bối cảnh lịch sử đưa đến đường lối của Đảng

- Phân tích nội dung đường lối của đảng về mục tiêu, nhiệm vụ, lực lượng, phương hướng

- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

- So sánh với các cuộc cách mạng tháng Tám với các cuộc cách mạng trong khu vực

Kết quả mong muốn

- Sinh viên hiểu và nhận thức đường lối của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền

- Dấu ấn lịch sử của Nguyễn Ái Quốc

- Tác động của thế giới tới Việt Nam

- Tại sao CM tháng Tám thành công

- Đạt được kỹ năng nhận thức, lý giải các vấn đề của lịch sử

- Xây dựng Lòng tự hào dân tộc

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 17 - 223, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 4 (5 tiết)

Chương III. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)

Nội dung

I/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)
2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

II/- ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

1. Giai đoạn 1954-1964

2. Giai đoạn 1965-1975

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 75
- Phân tích bối cảnh lịch sử đưa đến đường lối của Đảng
- Phân tích nội dung đường lối của đảng về mục tiêu, nhiệm vụ, lực lượng, phương hướng
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên
- So sánh với với các cuộc cách mạng trong ở châu Phi, châu Á

Kết quả mong muốn

- Sinh viên có được tri thức về mối quan hệ của Việt Nam với các nước lớn
- Vấn đề độc lập, thống nhất, hòa bình
- Nhận thức về trí tuệ Việt
- Chiến tranh và sự thịnh vượng của một dân tộc
- Vì sao không được quên quá khứ
- Vấn đề đền ơn đáp nghĩa với các anh hùng

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 78 - 223, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 5 (4 tiết)

Chương IV. ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ

Nội dung

I/- CÔNG NGHIỆP HOÁ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá
2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II/- CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá
2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá
3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức
4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề tất yếu đổi mới
- Phân tích bối cảnh lịch sử đưa đến đường lối đổi mới của Đảng
- Phân tích nội dung đường lối của đảng về mục tiêu, nhiệm vụ, lực lượng, phương hướng của sự nghiệp đổi mới
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên
- So sánh với công cuộc đổi mới của Trung Quốc

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 6 (4 tiết)

Chương V. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nội dung

I/- QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới
2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề thị trường, kinh tế thị trường, tư nhân, kinh tế nhà nước, thiết chế chính trị
- Phân tích các vấn đề về nền kinh tế thị trường, thiết chế chính trị của Đảng
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

- So sánh với các nền kinh tế tư bản phương Tây

Kết quả mong muốn

- Sinh viên hiểu rõ nguyên nhân tất yếu phải đổi mới
- Các vấn đề về kinh tế thị trường, tư nhân, độc quyền, luật kinh tế, quy luật vận động của kinh tế, xã hội
- Kỹ năng thay đổi tư duy

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 7 (4 tiết)

Chương V

Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (tt)

Nội dung

II/- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản
2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề thị trường, kinh tế thị trường, tư nhân, kinh tế nhà nước, thiết chế chính trị
- Phân tích các vấn đề về nền kinh tế thị trường, thiết chế chính trị của Đảng
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên
- So sánh với các nền kinh tế tư bản phương Tây

Kết quả mong muốn

- Sinh viên hiểu rõ nguyên nhân tất yếu phải đổi mới

- Các vấn đề về kinh tế thị trường, tư nhân, độc quyền, luật kinh tế, quy luật vận động của kinh tế, xã hội
- Kỹ năng thay đổi tư duy

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 8 (4 tiết)

Chương VI. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Nội dung

I/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1986)

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng
2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II/- ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị
2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề thị trường, kinh tế thị trường, tư nhân, kinh tế nhà nước, thiết chế chính trị
- Phân tích các vấn đề về nền kinh tế thị trường, thiết chế chính trị của Đảng
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên

Kết quả mong muốn

- Người có được nhận thức về thể chế chính trị
- Nguyên nhân của cơ cấu tổ chức bộ máy
- Vai trò của tổ chức chính trị trong lịch sử
- So sánh với các thiết chế chính trị phương tây

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 9 (tiết)

Chương VII. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Nội dung

I/- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ

1. Thời kỳ trước đổi mới
2. Trong thời kỳ đổi mới

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề văn hóa, xã hội
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên
- So sánh các yếu tố văn hóa, xã hội của Nhật Bản, Hàn, phương Tây

Kết quả mong muốn

- Nhận thức được vai trò của văn hóa trong xã hội
- Hiểu sâu sắc đường lối của Đảng về văn hóa
- Kỹ năng định hướng hoạt động văn hóa của cá nhân trong cuộc sống

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 10 (4 tiết)

Chương VII. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI (tt)

Nội dung

II/- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Thời kỳ trước đổi mới
2. Trong thời kỳ đổi mới
 - a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

- b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội
- c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội
- d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề văn hóa, xã hội
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên
- So sánh các yếu tố văn hóa, xã hội của Nhật Bản, Hàn, phương Tây

Kết quả mong muốn

- Nhận thức được vai trò của văn hóa trong xã hội
- Hiểu sâu sắc đường lối của Đảng về văn hóa
- Kỹ năng định hướng hoạt động văn hóa của cá nhân trong cuộc sống

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

BUỔI 11 (4 tiết) Chương VIII. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

Nội dung

I/- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử
2. Chủ trương đối ngoại của Đảng
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

II/- ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI.

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối
2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Thành tựu và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

Phương pháp

- Làm sáng tỏ các vấn đề về đối ngoại, lịch sử ngoại giao của Việt Nam
- Phân tích cụ thể nội dung đường lối đối ngoại
- Biện luận, lý giải, lý luận những vấn đề trên
- Minh chứng đường lối đối ngoại qua quan hệ với Liên Xô, Anh, Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Nhật

Kết quả mong muốn

- Vai trò của Việt Nam trong quan hệ quốc tế
- Các nước lớn và Việt Nam
- Kỹ năng giải quyết các vấn đề trong quan hệ

Tài liệu

Đọc giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trang 118 - 223, đọc thêm sách tham khảo

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Tự luận

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Thực tập tốt nghiệp **Mã học phần: 10338**
- 2. Khoa phụ trách:** Công nghệ thông tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
 - 3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
 - ĐT:0913478999 ; email: trongnhntu@gmail.com
 - Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin
 - 3.2. Họ và tên: Phạm Đình Trung**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
 - ĐT:0968720563 ; email: pdtrung@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm, hệ thống thông tin
- 4. Số tín chỉ: 6**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 90 tiết**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - Tự học: 90 tiết
- 6. Học phần tiên quyết:**

7. Mục tiêu của học phần:

Giúp cho sinh viên có điều kiện tiếp cận với thực tế, đồng thời thực hiện nguyên lý giáo dục “học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tế”. Cơ hội để sinh viên tiếp cận môi trường làm việc và trải nghiệm công việc thực tế phù hợp với ngành nghề theo học

8. Chuẩn đầu ra học phần:

8.1 Kiến thức:

(1) Hiểu về quy trình phát triển phần mềm, sử dụng công cụ phần cứng, phần mềm

8.2 Kỹ năng:

(2) Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử

(3) Rèn luyện tác phong làm việc, thích nghi môi trường và văn hóa doanh nghiệp

8.3 Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

(4) Chấp hành tốt nội quy và kỷ luật lao động tại doanh nghiệp

(5) Nghiêm túc trong khi thực tập tại doanh nghiệp

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Qua thực tế nhằm nâng cao khả năng thực hành nghề nghiệp, rèn cho sinh viên tính chủ động trong công việc, đồng thời nhằm rèn luyện quan điểm lao động mới - lao động có kỷ luật, năng suất, chất lượng và hiệu quả. Hệ thống hoá những nội dung đã được tích lũy để chuẩn bị thi tốt nghiệp, sẵn sàng hoà nhập cuộc sống tự lập và nghiên cứu sau này.

9.2. Nội dung học phần

Do tính chất đặc thù của ngành, nội dung thực tập của sinh viên khoa Công nghệ thông tin gồm các loại chính:

- Thực tập Phát triển ứng dụng: Sinh viên thực tập tham gia vào quá trình xây dựng hoặc phát triển các ứng dụng Công nghệ thông tin tại cơ sở thực tập.
- Thực tập Tìm hiểu Công nghệ: Sinh viên thực tập tìm hiểu một số vấn đề về Công nghệ trong lĩnh vực ứng dụng Công nghệ thông tin (quản lý theo quy trình, sử dụng công cụ phần cứng, công cụ phần mềm,...) tại cơ sở thực tập.
- Thực tập Nghiên cứu: Sinh viên thực tập tập dượt nghiên cứu theo một số đề tài được đặt ra bởi cơ sở thực tập.

Lưu ý

Sinh viên phải thực tập ít nhất một trong những loại nội dung cụ thể trên, tuy nhiên tùy theo cơ sở thực tập, sinh viên có thể thực tập nhiều hơn một trong số những loại nội dung trên.

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sau thời gian thực tập sinh viên phải nắm được một số những nội dung trên (tùy theo cơ sở thực tập hiện đang triển khai những lĩnh vực CNTT nào trong các nội dung trên), viết báo cáo theo mẫu và nộp báo cáo quyền thực tập tốt nghiệp về Khoa theo thời gian qui định (thời gian nộp báo cáo và báo cáo thực tập sẽ thông báo sau)

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Cơ sở thực tập	1	70
Giảng viên hướng dẫn	1	30
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính

[1] Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp – Khoa CNTT – Trường ĐH Phan Thiết

12.4 Tài liệu tham khảo

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Giáo trình chính
-------------	-----------------	---------------------------------	--------------------------------	-------------------------

1	- Thực tập nội dung đã lựa chọn	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	[1]
2	- Thực tập nội dung đã lựa chọn	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	
3	- Thực tập nội dung đã lựa chọn	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	[1]
4	- Thực tập nội dung đã lựa chọn	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	[1]
5	- Thực tập nội dung đã lựa chọn - Hướng dẫn viết báo cáo	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	[1]
6	- Thực tập nội dung đã lựa chọn	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	[1]
7	- Thực tập nội dung đã lựa chọn	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	[1]

8	- Thực tập nội dung đã lựa chọn	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	[1]
9	- Thực tập nội dung đã lựa chọn	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Báo cáo hàng tuần	[1]
10	- Thực tập nội dung đã lựa chọn - Duyệt báo cáo	- Theo dõi tiến độ	- Thực tập tại doanh nghiệp - Hoàn thành báo cáo	[1]

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thuyết trình + vấn đáp

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CƠ SỞ DỮ LIỆU NÂNG CAO - Mã học phần : 19004

2. Khoa phụ trách: Khoa Công nghệ Thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0913478999; email: trongnhntu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0987876917 ; email:dtkdung@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 45 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Nắm vững kiến thức nâng cao về cơ sở dữ liệu (CSDL) quan hệ: các loại phụ thuộc hàm, các dạng chuẩn trong mô hình CSDL và vai trò của phụ thuộc hàm trong thiết kế dữ liệu. Hiểu các giai đoạn thiết kế CSDL từ phân tích yêu cầu, mô hình hóa lược đồ thực thể kết hợp, thiết kế quan niệm đến thiết kế vật lý. Biết đánh giá chất lượng của một thiết kế CSDL cho sẵn dựa trên các dạng chuẩn. Ngoài ra, biết thêm về các cơ sở dữ liệu khác như NoSQL và NewSQL...

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức:

1. Nắm vững các vấn đề về phụ thuộc hàm như: cách xác định phụ thuộc hàm, các hệ luật dẫn, tìm bao đóng, tìm khóa, tìm phủ tối thiểu, các dạng chuẩn. Hiểu được các giai đoạn trong phân tích thiết kế: phân tích yêu cầu, thiết kế quan niệm, thiết kế logic, thiết kế vật lý. Ngoài CSDL quan hệ biết thêm các CSDL mới như: NoSQL(Key-value, Document database, Column family, Graph database), NewSQL.
2. Thiết kế được những bài toán dữ liệu thực tế tối thiểu ở dạng chuẩn 3 (3NF) hoặc BCNF.

- Kỹ năng:

3. Biết vận dụng các dạng chuẩn trong đánh giá thiết kế.
4. Biết vận dụng các kỹ thuật để phân tích thiết kế dữ liệu.
5. Có kỹ năng khám phá và cập nhật những cơ sở dữ liệu mới để đáp ứng nhu cầu thực tiễn phục vụ cho chuyên môn.
6. Sử dụng được công cụ Power Design hoặc case studio và để thiết kế và chuyển đổi các mô hình dữ liệu từ quan niệm logic và từ logic vật lý.

- Thái độ:

7. Tôn trọng quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
8. Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Đi học đầy đủ. Tham gia tích cực trong giờ học.
9. Làm tất cả các bài tập lý thuyết và thực hành. Tham gia tích cực vào nhóm làm đồ án môn học.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao trong CSDL. Nội dung học phần bao gồm 3 khối kiến thức chính: tìm hiểu về phụ thuộc hàm, kỹ thuật thiết kế CSDL và khảo sát các loại CSDL hiện đại. Công việc thiết kế trải qua bốn giai đoạn: phân tích yêu cầu, thiết kế quan niệm, thiết kế logic, thiết kế vật lý. Trong các giai đoạn thiết kế vai trò phụ thuộc hàm sẽ được quan tâm để kiểm tra ràng buộc, đặc biệt các dạng chuẩn sẽ được áp dụng để đánh giá chất lượng của lược đồ CSDL quan hệ và lựa chọn bản thiết kế phù hợp với yêu cầu khai thác. Ngoài ra, một số loại CSDL hiện đại cũng được trình bày trong học phần này như: các loại CSDL NoSQL, NewSQL.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1: Ôn lại môn CSDL và ràng buộc toàn vẹn nâng cao	1. Khái niệm dữ liệu, thông tin và xử lý thông tin 2. Cơ sở dữ liệu và hệ quản trị CSDL	6	6				1

		<p>3. Các mô hình dữ liệu và mô hình dữ liệu quan hệ.</p> <p>4. Các phép toán trên quan hệ.</p> <p>Ràng buộc toàn vẹn nâng cao</p>					
2	Chương 2: Mô hình hóa dữ liệu với mô hình thực thể-kết hợp	<p>1. Tổng quan về thiết kế cơ sở dữ liệu theo hướng top down</p> <p>2. Các khái niệm về mô hình thực thể kết hợp</p> <p>3. Các bước xây dựng lược đồ CSDL bằng ERD</p> <p>4. Bước 1: Xây dựng sơ đồ thực thể-mối liên kết (ERD).</p> <p>5. Bước 2: Biến đổi ERD thành các quan hệ</p> <p>6. Bước 3: Chuẩn hóa các quan hệ dự tuyến</p> <p>7. Một số vấn đề mở rộng</p>	12	6	6		1
3	Chương 3: Phụ thuộc hàm	<p>1. Khái niệm phụ thuộc hàm</p>	12	6	6		1

		<ul style="list-style-type: none"> 2. Các tiên đề Armstrong 3. Bao đóng của tập thuộc tính 4. Bao đóng của tập phụ thuộc hàm 5. Khóa của một lược đồ quan hệ 6. Phủ tối thiểu 						
4	Chương 4: Chuẩn hóa dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm chuẩn hoá và các dạng chuẩn 2. Dạng chuẩn 1 (1NF) 3. Dạng chuẩn 2 (2NF) 4. Dạng chuẩn 3 (3NF) 5. Dạng chuẩn Boyce-Codd (BCNF). 6. Dạng chuẩn 4 (4NF) 7. Dạng chuẩn 5 (5NF) 8. Đánh giá về các dạng chuẩn 	12	6	6			2
5	Chương 5: Thiết kế cơ sở dữ liệu theo cách tiếp cận bottom-up	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thế nào là cách tiếp cận bottom-up và phân rã lược đồ quan hệ? 	18	6	12			2

		2. Phân rã bảo toàn thông tin					
		3. Phân rã bảo toàn phụ thuộc hàm					
		4. Phương pháp phân rã					
		5. Phương pháp tổng hợp					
		6. Phương pháp tổng hợp cải tiến					
		7. Phân tích kết quả của 2 cách tiếp cận					

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10

Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Tài liệu học tập học phần “Cơ sở dữ liệu nâng cao”. UPT

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Michael J. Hernandez (2013). Database Design for Mere Mortals: A Hands-On Guide to Relational Database Design, 3rd edition. Addison-Wesley Professional

[3] Jeffrey A. Hoffer, Ramesh Venkataraman, Heikki Topi (2010). Modern Database Management. Prentice Hall.

[4] Raghu Ramakrishnan (2002). Database Management Systems. McGraw-Hill.

[5] Ullman D. Jeffrey (1990). Principles of Database and Knowledge-Base Systems. Spektrum Akademischer Verlag.

[6] David Maier (1983). The Theory of Relational Databases. Computer Science Press

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết): Chương 1: Ôn lại môn CSDL và ràng buộc toàn vẹn nâng cao

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video

- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1-5 thuộc Cuốn [1] (trang 3-175)

TUẦN 2 (4 tiết): Chương 1: Ôn lại môn CSDL và ràng buộc toàn vẹn nâng cao (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 6 thuộc Cuốn [1] (trang 203-245)

TUẦN 3 (4 tiết): Chương 2: Mô hình hóa dữ liệu với mô hình thực thể-kết hợp

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú

- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1] (trang 245-277)

TUẦN 4 (4 tiết): Chương 2: Mô hình hóa dữ liệu với mô hình thực thể-kết hợp (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1] (trang 277-309)

TUẦN 5 (4 tiết): Chương 2: Mô hình hóa dữ liệu với mô hình thực thể-kết hợp (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1] (trang 277-309)

TUẦN 6 (4 tiết): Chương 3: Phụ thuộc hàm

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1] (trang 309-337)

TUẦN 7 (4 tiết): Chương 3: Phụ thuộc hàm (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1] (trang 413-485)

TUẦN 8 (4 tiết): Chương 3: Phụ thuộc hàm (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 3 thuộc Cuốn [1] (trang 485-567)

TUẦN 9 (4 tiết): Chương 4: Chuẩn hóa dữ liệu

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 4 thuộc Cuốn [1] (trang 567-597)

TUẦN 10 (4 tiết): Chương 4: Chuẩn hóa dữ liệu (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 4 thuộc Cuốn [1] (trang 597-639)

TUẦN 11: Chương 4: Chuẩn hóa dữ liệu (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 4 thuộc Cuốn [1] (trang 639-697)

TUẦN 12: Chương 5: Thiết kế cơ sở dữ liệu theo cách tiếp cận bottom-up

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1] (trang 835-865)

TUẦN 13: Chương 5: Thiết kế cơ sở dữ liệu theo cách tiếp cận bottom-up (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1] (trang 865-897)

TUẦN 14: Chương 5: Thiết kế cơ sở dữ liệu theo cách tiếp cận bottom-up (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng

- Cho xem video
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 5 (tt) thuộc Cuốn [1] (trang 865-897)

TUẦN 15: Ôn tập + Kiểm tra

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: DỮ LIỆU LỚN Mã học phần: 19006

2. Khoa phụ trách: Khoa Công nghệ Thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0913478999; email: trongnhntu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 45 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của học phần nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết về các framework sau:

Hadoop: Là nền tảng nguồn mở viết bằng Java hỗ trợ xử lý và lưu trữ các tập dữ liệu cực lớn trên môi trường tính toán phân tán. Cốt lõi của Hadoop gồm phần lưu trữ (Hệ thống tập tin phân tán Hadoop – HDFS) và phần xử lý (MapReduce).

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức:

1. Giúp cho sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, hiểu được ý nghĩa và vai trò của dữ liệu lớn, kiến thức về Hadoop

- Kỹ năng:

2. Sử dụng hệ quản trị dữ liệu lớn làm công cụ để cài đặt, thao tác, phát triển một số ứng dụng dựa trên kiến thức đã học.

- Thái độ, chuyên cần:

3. Lên lớp đầy đủ và chuẩn bị cho giờ lên lớp theo yêu cầu của giáo viên.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Tìm hiểu đầy đủ về cả hệ thống tính toán và thuật toán xử lý dữ liệu để có đầy đủ kiến thức cho những công việc liên quan đến dữ liệu lớn.

Về hệ thống tính toán, sẽ tìm hiểu về Hadoop và Spark. Hai nền tảng phổ biến nhất hiện nay trong xử lý dữ liệu lớn. nắm được tổng quan về nền tảng xử lý dữ liệu lớn thông qua hệ thống các máy tính kết nối với nhau.

Về các thuật toán thông minh, sẽ tìm hiểu về các thuật toán học máy cơ bản trong Spark. Những thuật toán này có thể giúp các bạn xây dựng được những ứng dụng đang phổ biến hiện nay.

Bên cạnh đó sẽ được thực hành phát triển một số ứng dụng dựa trên kiến thức đã học.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1: Giới thiệu về dữ liệu lớn và Hadoop	1. Giới thiệu dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu 2. Lịch sử của Hadoop, Apache Hadoop 3. Phân tích dữ liệu với Hadoop	6	3	3		1,3	
2	Chương 2: Lưu trữ dữ liệu lớn	3. Các mô hình dữ liệu 4. Nền tảng tính toán phân tán 5. NoSQL, NewSQL	12	6	6		2,3	
3	Chương 3: Các hệ thống dữ liệu lớn	3. Tính bảo mật 4. Khả năng mở rộng đa lỗi 5. Giao diện người dùng	12	6	6		2,3	
4	Chương 4: HDFS(Hadoop Distributed File System), Map	11.HDFS 12.Map reduce 13.Hadoop Eco System	12	6	6		1,2,3	

	Reduce và Hadoop Eco System						
5	Chương 5: Phân tích dữ liệu lớn	6. Các thuật toán (recommender, clustering, classification) 7. Các công cụ phân tích dữ liệu và học máy	18	9	9		2.3

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		

Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Tài liệu học tập học phần “dữ liệu lớn”. UPT

12.2 Tài liệu tham khảo:

[3] David Loshin (2013), Big Data Analytics, Elsevier – Morgan Kaufmann

[4] Kord Davis, Doug Patterson (2012), Ethics of Big Data, O’Reilly Media

[5] Edd Dumbill (2010), Planning for Big Data, O’Reilly Media
 Nick Galbreath, Cryptography for Internet and Database Application, Wiley Publishing, 2002

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết): Chương 1: Giới thiệu về dữ liệu lớn và Hadoop

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi

- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 2 (4 tiết): Chương 2: Lưu trữ dữ liệu lớn

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 3 (4 tiết): Chương 2: Lưu trữ dữ liệu lớn (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 4 (4 tiết): Chương 2: Lưu trữ dữ liệu lớn (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 5 (4 tiết): Chương 3: Các hệ thống dữ liệu lớn

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 6 (4 tiết): Chương 3: Các hệ thống dữ liệu lớn (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng

- Cho xem video
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 7 (4 tiết): Chương 3: Các hệ thống dữ liệu lớn (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 8 (4 tiết): Chương 4: HDFS(Hadoop Distributed File System), Map Reduce và Hadoop Eco System

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video

- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 9 (4 tiết): Chương 4: HDFS(Hadoop Distributed File System), Map Reduce và Hadoop Eco System (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 10 (4 tiết): Chương 4: HDFS(Hadoop Distributed File System), Map Reduce và Hadoop Eco System (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video

- Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 11: Chương 5: Phân tích dữ liệu lớn

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 12: Chương 5: Phân tích dữ liệu lớn

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 13: Chương 5: Phân tích dữ liệu lớn (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 14: Chương 5: Phân tích dữ liệu lớn (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 5 (tt) thuộc Cuốn [1]

TUẦN 15: Ôn tập + Kiểm tra

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: MẪU THIẾT KẾ PHẦN MỀM Mã học phần: 19008

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Tiến

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0332750464 ; email:nhtien@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
- Điện thoại: 0938811369
- Email: nhmnhat@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Học phần Mẫu thiết kế cho phần mềm cung cấp cho sinh viên bức tranh toàn cục về phát triển phần mềm hướng đối tượng, quy trình phát triển phần mềm, chi phí xây dựng và duy trì phần mềm; giới thiệu các tính chất liên quan đến việc đặc tả và sử dụng đối tượng như thừa kế, bao đóng, bao gộp, tổng quát hóa.
- Học phần cũng giới thiệu vòng đời của từng đối tượng trong chương trình, cách thức quản lý đời sống của đối tượng, các thời điểm quan trọng nhất như lúc tạo mới đối tượng, lúc xóa đối tượng cũng như cách miêu tả các hoạt động xảy ra tại các thời điểm này, giới thiệu sự tương tác giữa các đối tượng trong lúc chúng đang sống để hoàn thành nhiệm vụ của chương trình.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- 1) Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về phát triển phần mềm
- 2) Học phần này cũng trang bị cho người học những kiến thức các hoạt động chức năng trong phát triển phần mềm
- 3) Cấu trúc phần mềm hướng đối tượng
- 4) Interface & Class trong C#
- 5) Vòng đời đối tượng và sự tương tác giữa chúng
- 6) Các mẫu thiết kế phục vụ tổ chức cấu trúc các đối tượng (Structural Patterns)
- 7) Các mẫu thiết kế phục vụ khởi tạo đối tượng (Creational Patterns)
- 8) Các mẫu thiết kế che dấu hành vi, thuật giải trong đối tượng (Behavioral Patterns)
- 9) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.
- 10) Giải thích các tình huống ứng dụng trong thực tế.

8.2 Kỹ năng:

- 11) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 12) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- 13) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 14) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 15) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 16) Học phần Mẫu thiết kế cho phần mềm cung cấp cho sinh viên bức tranh toàn cục về phát triển phần mềm hướng đối tượng, quy trình phát triển phần mềm, chi phí xây dựng và duy trì phần mềm; giới thiệu các tính chất liên quan đến việc đặc tả và sử dụng đối tượng như thừa kế, bao đóng, bao gộp, tổng quát hóa.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần Mẫu thiết kế cho phần mềm cung cấp cho sinh viên bức tranh toàn cục về phát triển phần mềm hướng đối tượng, quy trình phát triển phần mềm, chi phí xây dựng và duy trì phần mềm; giới thiệu các tính chất liên quan đến việc đặc tả và sử dụng đối tượng như thừa kế, bao đóng, bao gộp, tổng quát hóa.
- Học phần cũng giới thiệu vòng đời của từng đối tượng trong chương trình, cách thức quản lý đời sống của đối tượng, các thời điểm quan trọng nhất như lúc tạo mới đối tượng, lúc xóa đối tượng cũng như cách miêu tả các hoạt động xảy ra tại các thời điểm này, giới thiệu sự tương tác giữa các đối tượng trong lúc chúng đang sống để hoàn thành nhiệm vụ của chương trình.
- Bên cạnh đó, Học phần Mẫu thiết kế cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng Sử dụng được các nhóm mẫu thiết kế trong quá trình phát triển phần mềm hướng

đối tượng: Nhóm cấu trúc đối tượng, nhóm khởi tạo đối tượng phức hợp, nhóm che dấu hành vi, giải thuật trong đối tượng.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Tổng quan về phát triển phần mềm	35. Máy tính số và công dụng 36. Chương trình máy tính & phần mềm 37. Đời sống phần mềm 38. Các mục tiêu của việc phát triển phần mềm 39. Các hoạt động chức năng trong phát triển phần mềm 40. Quy trình phát triển phần mềm 41. Vài thông tin về nắm bắt yêu cầu 42. Kết chương	8	6	2		(1)	
2.	Chương 2: Cấu trúc phần mềm hướng đối tượng	43. Sự phát triển trong cấu trúc tổ chức phần mềm 44. Cấu trúc của 1 ứng dụng hướng đối tượng	9	5	4		(2)	

		<p>45. Đối tượng, thuộc tính, tác vụ</p> <p>46. Abstract type</p> <p>47. Class</p> <p>48. Tính bao đóng</p> <p>49. Tính thừa kế & cơ chế 'override'</p> <p>50. Tính bao gộp</p> <p>51. Thông điệp, tính đa xạ và kiểm tra kiểu</p> <p>52. Tính tổng quát hóa</p> <p>53. Kết chương</p>						
3.	<p>Chương 3: Interface & Class trong C#</p>	<p>1. Tổng quát về phát biểu class của C#</p> <p>2. Định nghĩa thuộc tính vật lý</p> <p>3. Định nghĩa tác vụ chức năng</p> <p>4. Định nghĩa toán tử chức năng</p> <p>5. Định nghĩa thuộc tính giao tiếp (luận lý)</p> <p>6. Định nghĩa đối tượng đại diện hàm (delegate)</p> <p>7. Định nghĩa sự kiện (Event)</p>	9	6	3			(3)

		8. Định nghĩa phân tử quản lý danh sách (indexer) 9. Thành phần static và thành phần không static 10. Lệnh định nghĩa 1 class C# điển hình 11. Kết chương					
4.	Chương 4: Vòng đời đối tượng và sự tương tác giữa chúng	1. Dẫn nhập 2. Quản lý đời sống đối tượng - Hàm Constructor 3. Quản lý đời sống đối tượng - Hàm Destructor 4. Tương tác giữa các đối tượng trong VC# 5. Liên kết tĩnh trong việc gọi thông điệp 6. Liên kết động để có đa xạ 7. Xử lý sự kiện luôn có tính đa xạ 8. Kết chương	8	5	3		(4)
5.	Chương 5: Các mẫu thiết kế	1. Tổng quát về mẫu thiết kế HDT 2. Mẫu Adapter	7	4	3		(5)

	<p>phục vụ tổ chức cấu trúc các đối tượng (Structural Patterns)</p>	<p>3. Mẫu Composite 4. Mẫu Proxy 5. Mẫu Decorator 6. Mẫu Facade 7. Mẫu Flyweight 8. Kết chương</p>						
6.	<p>Chương 6: Các mẫu thiết kế phục vụ khởi tạo đối tượng (Creational Patterns)</p>	<p>1. Tổng quát về nhóm mẫu “Creational” 2. Mẫu Abstract Factory 3. Mẫu Factory Method 4. Mẫu Prototype 5. Mẫu Builder 6. Mẫu Singleton 7. Kết chương</p>	4	4				(6) (7)
7.	<p>Chương 7: Các mẫu thiết kế che dấu hành vi, thuật giải trong đối tượng (Behavioral Patterns)</p>	<p>1. Tổng quát về nhóm mẫu “Behavioral Patterns” 2. Mẫu Chain of Responsibility 3. Mẫu Template Method 4. Mẫu Strategy 5. Mẫu State 6. Mẫu Command 7. Mẫu Observer 8. Kết chương</p>	8	8				(8)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc phát triển phần mềm hướng đối tượng, quy trình phát triển phần mềm, chi phí xây dựng và duy trì phần mềm

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Tài liệu học tập học phần “ Mẫu thiết kế cho phần mềm (Design pattern)” UPT.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] “C# Design Pattern Essentials”, Tony Bevis, Ability First Limited, 2012

[3] “Fundamentals of Computer Programming with C#”, Svetlin Nakov, 2013 (free book)

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về phát triển phần mềm

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về phát triển phần mềm

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Cấu trúc phần mềm hướng đối tượng

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Cấu trúc phần mềm hướng đối tượng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Interface & Class trong C#

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3: Interface & Class trong C#

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Vòng đời đối tượng và sự tương tác giữa chúng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Vòng đời đối tượng và sự tương tác giữa chúng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 5: Các mẫu thiết kế phục vụ tổ chức cấu trúc các đối tượng (Structural Patterns)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 5: Các mẫu thiết kế phục vụ tổ chức cấu trúc các đối tượng (Structural Patterns)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 6: Các mẫu thiết kế phục vụ khởi tạo đối tượng (Creational Patterns)

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 6: Các mẫu thiết kế phục vụ khởi tạo đối tượng (Creational Patterns)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 7: Các mẫu thiết kế che dấu hành vi, thuật giải trong đối tượng (Behavioral Patterns)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 7: Các mẫu thiết kế che dấu hành vi, thuật giải trong đối tượng (Behavioral Patterns)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: KIỂM CHỨNG CHẤT LƯỢNG PHẦN MỀM **Mã học phần:** 19009

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Tiến

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0332750464 ; email:nhtien@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
- Điện thoại: 0938811369
- Email: nhmnhat@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 60 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan và chi tiết các giai đoạn kiểm chứng chất lượng trong chu trình phát triển phần mềm. Giúp sinh viên biết lựa chọn loại phương pháp tiếp cận phù hợp với từng giai đoạn kiểm chứng chất lượng, cách lên kế hoạch kiểm chứng, cách đưa ra những tình huống, kịch bản, dữ liệu và kỹ thuật để tiến hành kiểm tra, cũng như cách làm báo cáo sau khi kết thúc giai đoạn kiểm tra và đánh giá chất lượng phần mềm trong suốt chu trình phát triển.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- 1) Hiểu và phân biệt được các khái niệm Sơ lược về những giai đoạn kiểm chứng trong quá trình phát triển phần mềm
- 2) Hiểu những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng đơn vị dòng lệnh
- 3) Hiểu những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng tích hợp
- 4) Hiểu những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng toàn hệ thống
- 5) Hiểu những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm & nhận của khách hàng
- 6) Hiểu các kỹ thuật phổ biến dùng kiểm chứng chất lượng phần mềm
- 7) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.

8.2 Kỹ năng:

- 8) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 9) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- 10) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp
- 11) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.

12) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

13) Giúp sinh viên biết lựa chọn loại phương pháp tiếp cận phù hợp với từng giai đoạn kiểm chứng chất lượng, cách lên kế hoạch kiểm chứng, cách đưa ra những tình huống, kịch bản, dữ liệu và kỹ thuật đến tiến hành kiểm tra, cũng như cách làm báo cáo sau khi kết thúc giai đoạn kiểm tra và đánh giá chất lượng phần mềm trong suốt chu trình phát triển.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan và chi tiết các giai đoạn kiểm chứng chất lượng trong chu trình phát triển phần mềm.
- Giúp sinh viên biết lựa chọn loại phương pháp tiếp cận phù hợp với từng giai đoạn kiểm chứng chất lượng.
- Giúp sinh viên biết cách lên kế hoạch kiểm chứng, cách đưa ra những tình huống, kịch bản, dữ liệu và kỹ thuật đến tiến hành kiểm tra,
- Giúp sinh viên biết cách làm báo cáo sau khi kết thúc giai đoạn kiểm tra và đánh giá chất lượng phần mềm trong suốt chu trình phát triển.

42.8. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Sơ lược về những giai	54. Giới thiệu	7	5	2			(1)

	đoạn kiểm chứng trong quá trình phát triển phần mềm	<p>55. Những công việc cần phải hoàn thành trước khi bắt đầu các giai đoạn test</p> <p>56. Những giai đoạn trong tiến trình kiểm chứng phần mềm</p> <p>57. Giai đoạn kiểm chứng đơn vị dòng lệnh</p> <p>58. Giai đoạn kiểm chứng tích hợp</p> <p>59. Giai đoạn kiểm chứng toàn hệ thống</p> <p>60. Giai đoạn kiểm nhận của khách hàng</p>						
2.	Chương 2: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng đơn vị dòng lệnh	<p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Nội dung của kế hoạch kiểm chứng đơn vị dòng lệnh</p> <p>3. Thủ tục kiểm chứng</p> <p>4. Báo cáo kết quả</p> <p>5. Mở rộng sang hướng đối tượng kiểm chứng hội qui</p>	12	8	4			(2)

		<p>6. Ví dụ điển hình về kế hoạch kiểm chứng</p> <p>7. Ví dụ điển hình về sự thực hiện kiểm chứng</p> <p>8. Tham khảo về cách ước lượng thời gian thực hiện</p>					
3.	<p>Chương 3: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng tích hợp</p>	<p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Nội dung của kế hoạch kiểm chứng tích hợp</p> <p>3. Thủ tục kiểm chứng</p> <p>4. Thi hành</p> <p>5. Báo cáo kết quả</p> <p>6. kiểm chứng hồi qui</p> <p>7. Ví dụ điển hình về lập kế hoạch kiểm chứng</p> <p>8. Ví dụ về thủ tục kiểm chứng</p>	12	8	4		(3)
4.	<p>Chương 4: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng toàn hệ thống</p>	<p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Sơ lược về giai đoạn kiểm chứng toàn hệ thống</p> <p>3. Nội dung của kế hoạch kiểm chứng toàn hệ thống</p>	8	5	3		(4)

		<ul style="list-style-type: none"> 4. Thủ tục kiểm chứng 5. Thi hành 6. Kiểm chứng hồi qui 7. Báo cáo kết quả 8. Ví dụ về lập kế hoạch kiểm chứng 9. Ví dụ về thủ tục kiểm chứng 10. Ví dụ điển hình về những kiểu báo cáo 						
5.	<p>Chương 5: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm & nhận của khách hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu 2. Một số công việc cần chuẩn bị 3. Những kịch bản kiểm & nhận 4. Nội dung của kế hoạch kiểm & nhận của khách hàng 5. Thực hiện kiểm & nhận 6. Báo cáo kết quả 7. Ví dụ điển hình về kế hoạch kiểm & nhận 	6	4	2			(5)

		8. Ví dụ điển hình về thủ tục kiểm & nhận					
6.	Chương 6: Kế hoạch kiểm chứng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu 2. Kế hoạch kiểm chứng cho toàn bộ hệ thống là gì? 3. Giải thích ý nghĩa của tất cả những phần trong khuôn mẫu kế hoạch kiểm chứng 4. Ví dụ điển hình về kế hoạch kiểm chứng. 	6	4	2		(5)
7.	Chương 7: Thủ tục kiểm chứng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu 2. Những tài liệu hỗ trợ cho việc viết thủ tục kiểm chứng 3. Tổng quan về tệp mô hình thiết kế 4. Trường hợp lý tưởng để viết thủ tục kiểm chứng 5. Trường hợp không lý tưởng để viết thủ tục kiểm chứng 6. Một số cách giải quyết cho trường hợp không lý tưởng 	8	4	4		(6)

		<p>7. Dẫn xuất thủ tục kiểm chứng từ những yêu cầu chức năng của hệ thống.</p> <p>8. Ví dụ điển hình về dẫn xuất thủ tục kiểm chứng từ những yêu cầu chức năng của hệ thống trong một dự án điển hình</p>						
8.	Chương 8: Thủ tục kiểm chứng trên GUI	<p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Hộp kiểm chứng và nhóm kiểm chứng</p> <p>3. Nhóm nút bấm radio</p> <p>4. Nhóm nút bấm</p> <p>5. Hộp soạn thảo</p> <p>6. Hộp kết hợp</p> <p>7. Hộp liệt kê</p> <p>8. Đối tượng treeview</p> <p>9. Nhóm tab</p> <p>10. Một số ví dụ điển hình</p>	8	5	3			(6)
9.	Chương 9: Một số kỹ thuật phổ biến dùng	<p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Phân loại kiểu kiểm chứng</p>	10	6	4			(7)

	kiểm chứng chất lượng phần mềm	3. Kiểm chứng hộp đen là gì? 4. Black Box Testing Techniques: 5. Những kỹ thuật kiểm chứng hộp đen 6. Đoán lỗi 7. Kiểm chứng ngẫu nhiên						
--	--------------------------------	---	--	--	--	--	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích, áp dụng các kỹ thuật phổ biến dùng kiểm chứng chất lượng phần mềm

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :
 - + Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.
 - + Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.
 - + Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được

đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.

- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Marnie L. Hutcheson (2003). Fundamentals of Software Testing. Wiley

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Paul Ammann. Jeff Offutt (2008). Introduction to Software Testing. Cambridge University Press.

[3] Satheesh Kumar N and Subashni S (2012). Software Testing using Visual Studio 2010. Packt Publishing.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Sơ lược về những giai đoạn kiểm chứng trong quá trình phát triển phần mềm

- Giới thiệu nội dung học phần

- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Sơ lược về những giai đoạn kiểm chứng trong quá trình phát triển phần mềm

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng đơn vị dòng lệnh

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng đơn vị dòng lệnh

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng tích hợp

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 3: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng tích hợp

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng toàn hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 4: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm chứng toàn hệ thống

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 5: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm & nhận của khách hàng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 5: Những chi tiết cụ thể của giai đoạn kiểm & nhận của khách hàng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 6: Kế hoạch kiểm chứng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 6: Kế hoạch kiểm chứng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 7: Thủ tục kiểm chứng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 8: Thủ tục kiểm chứng trên GUI

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 9: Một số kỹ thuật phổ biến dùng kiểm chứng chất lượng phần mềm + Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Mạng máy tính nâng cao **Mã học phần: 10229**

2. Khoa phụ trách: Công Nghệ Thông Tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Hà Văn Cử

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0983932479

- Email: hvcu@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Xây dựng quản trị hệ thống mạng cho doanh nghiệp.

3.2. Họ và tên: Lê Thanh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0983073491

- Email: lthanh@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Mạng máy tính

7. Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp cho SV kiến thức về những dịch vụ mạng của MS Windows Server 2003/2008, giúp SV triển khai và quản trị được các dịch vụ và ứng dụng mạng dựa trên HĐH MS Windows Server 2003/2008/2012
- Nội dung chính: LAN Router, DHCP services, DNS services, Web, FTP, Mail Server.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

[1]Triển khai và quản lý được địa chỉ IPv.4 với cơ chế: Subneting, VLSM, CIDR.

[2]Cấu hình máy chủ Windows Server 2003/2008 thành LAN Router làm thiết bị định tuyến cho hệ thống mạng LAN nhiều subnet..

- Kỹ năng:

[3]Cài đặt và cấu hình dịch vụ DHCP để cấp IP động cho hệ thống mạng LAN gồm 1 hoặc nhiều subnet.

[4]Cài đặt và cấu hình được dịch vụ DNS với nhiều DNS Server làm nhiệm vụ phân giải và ánh xạ tài nguyên trong mạng LAN.

[5]Cài đặt và cấu hình được dịch vụ Web và FTP trên nền dịch vụ Internet Information Services (IIS) để hosting nhiều website và ftpsite

[6]Cài đặt, cấu hình, quản trị được dịch vụ Mail trên nền MDaemon.

- Thái độ:

[7]Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong học tập, hoàn thành các bài tập về nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

[8]Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao;

[9]Có tác phong làm việc khoa học, chăm chỉ. Đồng thời phải năng động, sáng tạo, mạnh dạn ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;

[10]Có kỹ năng giao tiếp tốt và khả năng làm việc theo nhóm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

- Học phần “Mạng máy tính nâng cao” cung cấp cho học viên các kiến thức cơ sở của Internet work routing.
 - Các dịch vụ mạng Internet: DHCP, NAT, HTTP, DNS, Internet Mail
 - Mạng riêng ảo.
 - Kỹ thuật firewall với IPTable

9.2. Nội dung học phần:

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Chương 1:	Kiến trúc mạng và mô hình OSI. (Ôn tập) 1.1 Các khái niệm cơ bản 1.2 Kiến trúc mạng – mô hình OSI 1.3 Giao thức – Protocol 1.4 Câu hỏi ôn tập	6	3		3		[1]
2	Chương 2	Các chuẩn mạng cục bộ (Ôn tập) 2.1 Khái niệm Mạng cục bộ 2.2 Bộ chuẩn 802.3 2.3 Giới thiệu chuẩn 802.11 2.4 Các thiết bị nối kết LAN	6	3		3		[1]

		2.5 Thiết kế mạng LAN					
3	Chương 3	Mạng Internet – Giao thức TCP/IP 3.1 Kiến trúc TCP/IP 3.2 Các giao thức thành phần 3.2.1 Giao thức IP 3.2.2 Giao thức ARP/RARP 3.2.3 Giao thức ICMP 3.2.4 Giao thức UDP 3.2.5 Giao thức TCP 3.3 Các ứng dụng Internet tiêu biểu	8	4		4	[2]
4	Chương 4	Internet Routing 4.1 Bài toán tìm đường cho gói tin trên mạng Internet 4.2 Static Routing 4.3 Dynamic Routing protocol (RIP, OSPF)	10	5		5	[2]
5	Chương 5	Các giao thức dịch vụ	10	5		5	[2]

		<p>5.1 Network Address Translation (NAT)</p> <p>5.2 Giao thức BOOTP/DHCP</p> <p>5.3 Dịch vụ DNS</p> <p>5.4 Dịch vụ Internet Mail (SMTP/POP3/IMAP)</p>					
6	Chương 6	<p>Mạng riêng ảo (VPN)</p> <p>6.1 Các khái niệm giao thức PPP/SLIP</p> <p>6.2 Giao thức đường hầm</p> <p>6.3 Mạng VPN</p>	6	3		3	[2]
7	Chương 7	<p>Dịch vụ IP firewall</p> <p>7.1 Các khái niệm</p> <p>7.2 IP packet filter và Iptables</p> <p>7.3 Bài tập</p>	6	3		3	[2]
8	Chương 8	<p>Thiết kế và tổ chức dịch vụ mạng</p> <p>8.1 Các nguyên tắc thiết kế</p> <p>8.2 Xác định nhu cầu và Lập kế hoạch</p> <p>8.3 Thiết kế mạng back-bone</p>	8	4		4	[2]

		8.4 Tổ chức dịch vụ mạng					
		8.5 Case study					
Tổng cộng			60	30		30	

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được nội dung chính: LAN Router, DHCP services, DNS services, Web, FTP, Mail Server....

- Nắm vững các dịch vụ mạng
- Triển khai các ứng dụng mạng cho doanh nghiệp

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	10
Bài tập	1	10
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Tài liệu học tập học phần “Mạng máy tính nâng cao”. UEF
- Andrew S. Tanenbaum, David J. Wetherall (2010). Computer Networks 5th edition. Pearson

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Gilbert Held (2007). Ethernet Network: Design, Implementation, Operation Management 4th edition. Wiley.
- Charles M. Kozierok (2005). The TCP/IP Guide: A Comprehensive, Illustrated Internet Protocols Reference. No Starch Press.
- Kevin R. Fall, W. Richard Stevens (2011). TCP/IP Illustrated, Volume 1: The Protocols 2nd edition. Addison-Wesley Professional.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- <https://www.microsoft.com/en-us/learning/software-assurance-benefits.aspx#e> Learning

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

- Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành mô phỏng tại phòng lab.
- Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Buổi 1 /(4 tiết)	Kiến trúc mạng và mô hình OSI. (Ôn tập) 1.1 Các khái niệm cơ bản 1.2 Kiến trúc mạng – mô hình OSI	Ghi chú
Buổi 2 /(4 tiết)	1.3 Giao thức – Protocol 1.4 Câu hỏi ôn tập Các chuẩn mạng cục bộ (Ôn tập) 2.1 Khái niệm Mạng cục bộ 2.2 Bộ chuẩn 802.3	

Buổi 3 /(4 tiết)	2.3 Giới thiệu chuẩn 802.11 2.4 Các thiết bị nối kết LAN 2.5 Thiết kế mạng LAN	
Buổi 4 /(4 tiết)	Mạng Internet – Giao thức TCP/IP 3.1 Kiến trúc TCP/IP 3.2 Các giao thức thành phần 3.2.1 Giao thức IP 3.2.2 Giao thức ARP/RARP 3.2.3 Giao thức ICMP 3.2.4 Giao thức UDP 3.2.5 Giao thức TCP	
Buổi 5 /(4 tiết)	3.3 Các ứng dụng Internet tiêu biểu	
Buổi 6 /(4 tiết)	Internet Routing 4.1 Bài toán tìm đường cho gói tin trên mạng Internet	
Buổi 7 /(4 tiết)	4.2 Static Routing	
Buổi 8 /(4 tiết)	4.3 Dynamic Routing protocol (RIP, OSPF) Các giao thức dịch vụ 5.1 Network Address Translation (NAT)	
Buổi 9 /(4 tiết)	5.2 Giao thức BOOTP/DHCP 5.3 Dịch vụ DNS	

Buổi 10 /(4 tiết)	5.4 Dịch vụ Internet Mail (SMTP/POP3/IMAP)	
Buổi 11 /(4 tiết)	Mạng riêng ảo (VPN) 6.1 Các khái niệm giao thức PPP/SLIP 6.2 Giao thức đường hầm	
Buổi 12 /(4 tiết)	6.3 Mạng VPN Dịch vụ IP firewall 7.1 Các khái niệm	
Buổi 13 /(4 tiết)	7.2 IP packet filter và IPTables 7.3 Bài tập	
Buổi 14 /(4 tiết)	Thiết kế và tổ chức dịch vụ mạng 8.1 Các nguyên tắc thiết kế 8.2 Xác định nhu cầu và Lập kế hoạch	
Buổi 15 /(4 tiết)	8.3 Thiết kế mạng back-bone 8.4 Tổ chức dịch vụ mạng 8.5 Case study	

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** Thực hành trên máy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Điện toán đám mây **Mã học phần: 10438**
- 2. Khoa phụ trách:** Công Nghệ Thông Tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
 - 3.1. Họ và tên: Hà Văn Cử**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0983932479
 - Email: hvcu@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Xây dựng quản trị hệ thống điện toán đám mây cho doanh nghiệp.
 - 3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0938811369
 - Email: nhmnhat@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng
- 4. Số tín chỉ: 3**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - Tự học: 135 tiết
- 6. Học phần tiên quyết: Không**

7. Mục tiêu của học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực tiễn và kỹ năng thực hành về các chủ đề căn bản liên quan đến điện toán đám mây, đồng thời giúp SV hiểu và vận dụng được các tính năng của điện toán đám mây trên 4 mô hình dịch vụ đám mây khác nhau (IaaS, PaaS, SaaS, và BPaaS).

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

[1] Các tác động kiến trúc hệ thống phần cứng và mạng

[2] Phương pháp bố trí dữ liệu và xử lý

[3] Phương pháp lập trình trên các hệ thống phân tán, song song và đám mây

- Kỹ năng:

[4] Hiểu rõ nền tảng cơ bản liên quan tới các hệ thống song song, phân tán, đám mây.

[5] Có khả năng xây dựng các thư viện, hệ thống chương trình cho các bài toán

[6] Cần xử lý trên các hệ thống song song, đám mây.

[7] Có khả năng cấu hình nhóm máy cho việc thực thi chương trình phần mềm

[8] Có khả năng áp dụng các giải thuật và mẫu lập trình cho ứng dụng phần mềm phân tán.

- Thái độ:

[9] Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong học tập, hoàn thành các bài tập về nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

[10] Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao;

[11] Có tác phong làm việc khoa học, chăm chỉ. Đồng thời phải năng động, sáng tạo, mạnh dạn ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;

[12] Có kỹ năng giao tiếp tốt và khả năng làm việc theo nhóm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần “Điện toán đám mây” cung cấp cho học viên các khái niệm và kỹ năng cơ bản để xây dựng, điều khiển và giám sát mô hình điện toán đám mây cho một tổ chức hoặc doanh nghiệp.

9.2. Nội dung học phần:

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Chương 1:	Các mô hình hệ thống phân tán 61. Giới thiệu các hệ thống phân tán 62. Công nghệ dùng cho các hệ thống chạy trên mạng 63. Các mô hình cho các hệ phân tán & điện toán đám mây (IaaS, PaaS, SaaS, BpaaS) 64. Các môi trường phần mềm cho các hệ phân tán và điện toán đám mây 65. SOA 66. Các chuẩn 67. Technology providers, cloud providers, cloud vendors 68. Performance, security	5	5				[1]

2	Chương 2	<p>Computer clusters</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các xu hướng phát triển clusters 2. Các vấn đề cơ bản trong thiết kế 3. Kiến trúc MPP 4. Các nguyên lý thiết kế 	8	5		3		[1]
3	Chương 3	<p>Virtualization</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các mức virtualization 2. Cấu trúc và cơ chế virtualization 3. Hỗ trợ phần cứng cho virtualization 4. CPU và memory virtualization 5. Virtual clusters 6. Quản lý virtual storage 7. Hệ điều hành đám mây 	8	5		3		[2]
4	Chương 4	<p>Kiến trúc cloud platform</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các mô hình điện toán đám mây 2. Kiến trúc của computing & storage cloud 	11	5		6		[2]

		<ul style="list-style-type: none"> 3. Lập trình đám mây và các môi trường phần mềm 4. Google File System 5. Public cloud platforms: GAE, AWS, Azure 6. Quản lý tài nguyên 7. Cloud security 					
5	Chương 5	Kiến trúc hướng dịch vụ cho distributed computing <ul style="list-style-type: none"> 1. Dịch vụ và kiến trúc hướng dịch vụ 2. Message-oriented middleware 	11	5		6	[3]
6	Chương 6	Lập trình và các môi trường phần mềm <ul style="list-style-type: none"> 1. Các đặc điểm của cloud platform 2. Các hỗ trợ runtime 3. Programming paradigms 4. Google App Engine 5. Amazon AWS & Microsoft Azure 	17	5		12	[3]
Tổng cộng			60	30		30	

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được việc ứng dụng điện toán đám mây tại các doanh nghiệp:

- Các tác động kiến trúc hệ thống phần cứng và mạng
- Phương pháp lập trình trên các hệ thống phân tán, song song và đám mây;

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Tài liệu học tập học phần “Kho dữ liệu và OLAP”. UPT Phan Thiết
- Anthony T.Velte, Toby J. Velte, Robert Elsenpeter. *Cloud Computing: A Practical Approach* (2010).McGraw-Hill

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Dan C. Marinescu. *Cloud Computing Theory and Practice* (2013). Elsevier
- Anthony T. Velte Toby J. Velte, Ph.D. *Cloud Computing: A Practical Approach*
- Cloud Computing Bible

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- <https://www.ibm.com/cloud/learn/cloud-computing>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

- Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành mô phỏng tại phòng lab.
- Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Buổi 1	Các mô hình hệ thống phân tán	Ghi chú
/(4 tiết)	<ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu các hệ thống phân tán- Công nghệ dùng cho các hệ thống chạy trên mạng- Các mô hình cho các hệ phân tán & điện toán đám mây (IaaS, PaaS, SaaS, BaaS)- Các môi trường phần mềm cho các hệ phân tán và điện toán đám mây- SOA	
Buổi 2 /(4 tiết)	<ul style="list-style-type: none">- Các chuẩn- Technology providers, cloud providers, cloud vendors- Performance, security <p>Computer clusters</p> <ul style="list-style-type: none">- Các xu hướng phát triển clusters- Các vấn đề cơ bản trong thiết kế	

Buổi 3 /(4 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến trúc MPP - Các nguyên lý thiết kế 	
Buổi 4 /(4 tiết)	<p>Virtualization</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các mức virtualization - Cấu trúc và cơ chế virtualization - Hỗ trợ phần cứng cho virtualization - CPU và memory virtualization 	
Buổi 5 /(4 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> - Virtual clusters - Quản lý virtual storage - Hệ điều hành đám mây 	
Buổi 6 /(4 tiết)	<p>Kiến trúc cloud platform</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các mô hình điện toán đám mây - Kiến trúc của computing & storage cloud 	
Buổi 7 /(4 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> - Lập trình đám mây và các môi trường phần mềm - Google File System 	
Buổi 8 /(4 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> - Public cloud platforms: GAE, AWS, Azure - Quản lý tài nguyên - Cloud security 	
Buổi 9 /(4 tiết)	<p>Kiến trúc hướng dịch vụ cho distributed computing</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ và kiến trúc hướng dịch vụ 	

Buổi 10 /(4 tiết)	- Dịch vụ và kiến trúc hướng dịch vụ - Message-oriented middleware	
Buổi 11 /(4 tiết)	- Message-oriented middleware	
Buổi 12 /(4 tiết)	Lập trình và các môi trường phần mềm - Các đặc điểm của cloud platform - Các hỗ trợ runtime	
Buổi 13 /(4 tiết)	- Programming paradigms	
Buổi 14 /(4 tiết)	- Google App Eginen	
Buổi 15 /(4 tiết)	- Amazon AWS & Microsoft Azure	

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi:
 - o Thực hiện Project và bảo vệ cuối kỳ

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phân tích và đánh giá an toàn thông tin **Mã học phần: 19014**

2. Khoa phụ trách: Công Nghệ Thông Tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**
- ĐT:0913478999 ; email: trongnhntu@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.1. Họ và tên: Lê Thanh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
- Điện thoại: 0983073491
- Email: lthanh@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Mạng máy tính

7. Mục tiêu của học phần:

- Đánh giá rủi ro về các mặt hậu quả gây ảnh hưởng tới hoạt động nghiệp vụ của tổ chức và khả năng có thể xảy ra khi mất thông tin
- Và những yêu cầu an toàn thông tin và tạo ra một hệ thống quản lý an toàn thông tin có hiệu quả

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

[1]Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về lĩnh vực đánh giá rủi ro an ninh thông tin: xác định các lỗ hổng có thể khai thác, xác định các mối đe dọa đến hệ thống tổ chức, đề nghị kiểm soát để giảm thiểu rủi ro, tổng hợp dữ liệu và định lượng để thực hiện phân tích rủi ro.

- Kỹ năng:

[2]Có khả năng phân tích đánh giá rủi ro hệ thống mạng của tổ chức, doanh nghiệp.

- Thái độ:

[3]Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong học tập, hoàn thành các bài tập về nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

[4]Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao;

[5]Có tác phong làm việc khoa học, chăm chỉ. Đồng thời phải năng động, sáng tạo, mạnh dạn ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;

[6]Có kỹ năng giao tiếp tốt và khả năng làm việc theo nhóm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần “Phân tích và đánh giá an toàn thông tin” cung cấp cho học viên các kiến thức cơ sở về quản lý rủi ro an toàn thông tin sẽ đóng góp cho những hoạt động sau:

- Nhận biết rủi ro
- Đánh giá rủi ro về các mặt hậu quả gây ảnh hưởng tới hoạt động nghiệp vụ của tổ chức và khả năng có thể xảy ra

- Thiết lập thứ tự ưu tiên cho các bước xử lý rủi ro
- Ưu tiên cho các hành động nhằm làm giảm rủi ro đang xảy ra

9.2. Nội dung học phần:

ST T	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL	CĐR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Chương 1:	Tổng quan 1.1 Nhu cầu an toàn thông tin 1.2 Các yếu tố của một chương trình an toàn thông tin 1.3 Các tình huống thực tế về an toàn thông tin 1.4 Phân tích đánh giá an toàn thông tin 1.5 Quy trình đánh giá nguy cơ thông tin 1.6 Dự án đánh giá an toàn thông tin	6	6		0		[1]
2	Chương 2	Dự án đánh giá an toàn thông tin 2.1 Giới thiệu 2.2 Miêu tả dự án	12	6		6		[1]

		2.3 Các bước chuẩn bị phân tích nguy cơ về an toàn thông tin						
3	Chương 3	Phương pháp thu thập dữ liệu 3.1 Giới thiệu 3.2 Các đe dọa và giải pháp bảo vệ 3.3 Phương pháp lấy mẫu RIIOT 3.3.1 Thu thập dữ liệu quản trị 3.3.2 Thu thập dữ liệu kỹ thuật 3.3.3 Thu thập dữ liệu vật lý	15	6		9		[1]
4	Chương 4	Phân tích và báo cáo nguy cơ an toàn thông tin 4.1 Xác định nguy cơ 4.2 Đánh giá và đưa ra giải pháp bảo vệ 4.3 Cấu trúc báo cáo 4.4 Phương pháp viết báo cáo	12	6		6		[1]

		4.5 Tóm tắt các giải pháp bảo vệ 4.6 Kế hoạch hành động					
5	Chương 5	Quản lý dự án phân tích đánh giá an toàn thông tin 5.1 Lập kế hoạch dự án 5.2 Theo dõi 5.3 Đo mức độ hoàn thành và độ chính xác 5.4 Báo cáo tiến trình 5.5 Kết luận dự án	12	3		9	[1]
6	Chương 6	Chương 6: Các hướng tiếp cận phân tích nguy cơ thông tin 6.1 Định tính 6.2 Định lượng	3	3		0	[1]
Tổng cộng			60	30		30	

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được nội dung chính: Các rủi ro ảnh hưởng đến an toàn thông tin của doanh nghiệp và giải pháp khắc phục các rủi ro.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10

Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	10
Bài tập	1	10
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Tài liệu học tập học phần “Phân tích và đánh giá an toàn thông tin”. UEF
- TCVN ISO/IEC XXXX:2012
- ISO/IEC 27005:2011

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Douglas J. Landoll (2006), The security risk assessment handbook. Auerbach Publications
- Mark Dowd, John McDonald, Justin Schuh (2006). The Art of Software Security Assessment: Identifying and Preventing Software Vulnerabilities. Addison-Wesley
- M. E. Whitman, H. J. Mattord (2010). Management of Information Security, 3rd edition. Cengage Learning

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- https://www.academia.edu/8294486/Nh%E1%BA%ADn_di%E1%BB%87n_m%E1%BB%91i_nguy_va_danh_gia_r%E1%BB%A7i_ro_theo_tieu_chu%E1%BA%A9n_OHSAS_18001

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

- Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành mô phỏng tại phòng lab.

- Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Buổi 1	Tổng quan	Ghi chú
/(4 tiết)	1.1 Nhu cầu an toàn thông tin 1.2 Các yếu tố của một chương trình an toàn thông tin 1.3 Các tình huống thực tế về an toàn thông tin 1.4 Phân tích đánh giá an toàn thông tin	
Buổi 2 /(4 tiết)	1.5 Quy trình đánh giá nguy cơ thông tin 1.6 Dự án đánh giá an toàn thông tin Dự án đánh giá an toàn thông tin 2.1 Giới thiệu	
Buổi 3 /(4 tiết)	2.2 Miêu tả dự án	
Buổi 4 /(4 tiết)	2.3 Các bước chuẩn bị phân tích nguy cơ về an toàn thông tin	
Buổi 5 /(4 tiết)	2.3 Các bước chuẩn bị phân tích nguy cơ về an toàn thông tin (tt) Phương pháp thu thập dữ liệu 3.1 Giới thiệu	
Buổi 6 /(4 tiết)	3.2 Các đe dọa và giải pháp bảo vệ	
Buổi 7 /(4 tiết)	3.3 Phương pháp lấy mẫu RIOT	

	<p>3.3.1 Thu thập dữ liệu quản trị</p> <p>3.3.2 Thu thập dữ liệu kỹ thuật</p>	
Buổi 8 /(4 tiết)	3.3.3 Thu thập dữ liệu vật lý	
Buổi 9 /(4 tiết)	<p>Phân tích và báo cáo nguy cơ an toàn thông tin</p> <p>4.1 Xác định nguy cơ</p> <p>4.2 Đánh giá và đưa ra giải pháp bảo vệ</p>	
Buổi 10 /(4 tiết)	<p>4.3 Cấu trúc báo cáo</p> <p>4.4 Phương pháp viết báo cáo</p>	
Buổi 11 /(4 tiết)	<p>4.5 Tóm tắt các giải pháp bảo vệ</p> <p>4.6 Kế hoạch hành động</p>	
Buổi 12 /(4 tiết)	<p>Quản lý dự án phân tích đánh giá an toàn thông tin</p> <p>5.1 Lập kế hoạch dự án</p>	
Buổi 13 /(4 tiết)	<p>5.2 Theo dõi</p> <p>5.3 Đo mức độ hoàn thành và độ chính xác</p>	
Buổi 14 /(4 tiết)	<p>5.4 Báo cáo tiến trình</p> <p>5.5 Kết luận dự án</p>	
Buổi 15 /(4 tiết)	<p>Chương 6: Các hương tiếp cận phân tích nguy cơ thông tin</p> <p>6.1 Định tính</p> <p>6.2 Định lượng</p>	

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Điều tra tấn công **Mã học phần: 19015**

2. Khoa phụ trách: Công Nghệ Thông Tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Vũ Thanh Hiền

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin

- ĐT:090336664; email: vthien@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: : Xây dựng giải pháp điều tra hệ thống mạng khi doanh nghiệp bị tấn công

3.2. Họ và tên: Lê Thanh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin

- ĐT:0983073491; email: lthanh@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Xây dựng giải pháp điều tra hệ thống mạng khi doanh nghiệp bị tấn công

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần:

- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực tiễn và kỹ năng thực hành về các chủ đề liên quan đến tấn công trên hệ thống mạng, Đồng thời giúp sinh viên xác định quy trình điều tra tấn công mạng, kỹ năng cần thiết để xác định dấu chân của kẻ xâm nhập và để thu thập các chứng cứ đúng cách.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

[1] Các kiến thức liên quan về tấn công mạng và các kiểu tấn công

[2] Hiểu về các mô hình xác định tấn công vào hệ thống thông qua bản ghi, lưu lượng hệ thống ...

- Kỹ năng:

[3] Có khả năng theo dõi các kiểu tấn công vào hệ thống: Theo dõi tấn công Web, tấn công Email, tấn công Wifi ...

[4] Có khả năng phục hồi các file bị xóa trong hệ thống: Windows, Linux, Mac OS ...

[5] Có khả năng điều tra các chứng cứ dựa vào chứng ký số ...

- Thái độ:

[6] Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong học tập, hoàn thành các bài tập về nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

[7] Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao;

[8] Có tác phong làm việc khoa học, chăm chỉ. Đồng thời phải năng động, sáng tạo, mạnh dạn ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;

[9] Có kỹ năng giao tiếp tốt và khả năng làm việc theo nhóm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

- Học phần “Điều tra tấn công” cung cấp cho học viên các khái niệm và kỹ năng cơ bản để tìm hiểu, xác định các kiểu tấn công vào hệ thống cũng như quy trình điều tra tấn công mạng, kỹ năng cần thiết để xác định dấu chân của kẻ xâm nhập và để thu thập các chứng cứ đúng cách

9.2. Nội dung học phần:

ST T	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Chương 1:	Khái niệm điều tra tấn công 1.2 Khái niệm về điều tra 1.2 Các phương pháp điều tra 1.3 Các bước chuẩn bị cho một cuộc điều tra tấn công 1.4 Khái niệm bằng chứng kỹ thuật số	6	3		3		[1]
2	Chương 2	Kỹ thuật trên HDD và System File 2.1 Cấu trúc vật lý và luận lý của HDD 2.2 Hệ thống tập tin trên Windows 2.3 Hệ thống tập tin trên Linux và hệ điều hành khác 2.4 Phân tích hệ thống tập tin	6	3		3		[1]
3	Chương 3	Thu thập dữ liệu	6	3		3		[2]

		<p>3.1 Phục hồi tập tin bị xóa cho Windows, Linux và MAC</p> <p>3.2 Khái niệm thu thập và sao chép dữ liệu</p> <p>3.3 Thu thập dữ liệu bằng phần mềm và phần cứng</p>						
4	Chương 4	<p>Windows Forensics</p> <p>4.1 Thu thập thông tin volatile và non-volatile</p> <p>4.2 Phân tích bộ nhớ trên Windows</p> <p>4.3 Phân tích Registry trên Windows</p> <p>4.4 Bộ nhớ cache, cookie, history, events và analytics</p>	6	3		3		[2]
5	Chương 5	<p>Cracking</p> <p>5.2 Khái niệm và phân loại Cracking</p> <p>5.2 Cracking mật khẩu</p> <p>5.3 Cracking phần mềm</p>	6	3		3		[2]
6	Chương 6	<p>Điều tra tấn công hệ thống mạng</p> <p>6.2 Khái niệm điều tra tấn công mạng</p> <p>6.2 Điều tra và phân tích bản ghi</p> <p>6.3 Điều tra và phân tích traffic</p>	6	3		3		[2]
7	Chương 7	<p>Điều tra tấn công web</p>	6	3		3		[2]

		7.1 Các loại tấn công trên website 7.2 Các loại tấn công trên webserver 7.3 Phương pháp điều tra cho từng loại tấn công 7.4 Phân tích log						
8	Chương 8	Điều tra tấn công Email 8.1 Các loại tấn công trên email 8.2 Phân tích header 8.3 Các bước điều tra	6	3		3		[2]
9	Chương 9	Lập báo cáo 9.1 Tổ chức thông tin 9.2 Phương pháp lập báo cáo	6	3		3		[2]
10	Chương 10	Ôn tập	6	3		3		
Tổng cộng			60	30		30		

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được việc ứng dụng việc điều tra các cuộc tấn công vào hệ thống tại các doanh nghiệp:

- Các loại bằng chứng kỹ thuật số, các quy tắc của bằng chứng, quá trình kiểm tra bằng chứng kỹ thuật số
- Xác định dấu chân của kẻ xâm nhập và để thu thập các chứng cứ đúng cách

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		

Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	10
Bài tập	1	10
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Charles L. Brooks (2014). CHFI Computer Hacking Forensic Investigator Certification All-in-One Exam Guide 1st Edition, McGraw-Hill Education
- Tài liệu học tập học phần “Điều tra tấn công”. Phan Thiết

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Kevin Mandia, Chris Prosise (2003). INCIDENT RESPONSE & COMPUTER FORENSICS (2003), SECOND EDITION, McGraw-Hill
- Chuck Easttom (2014). CCFP Certified Cyber Forensics Professional All-in-One Exam Guide 1st Edition, McGraw-Hill Education

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- <https://www.eccouncil.org/programs/computer-hacking-forensic-investigator-chfi/>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

- Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành mô phỏng tại phòng lab.
- Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Buổi 1 /(4 tiết)	Khái niệm điều tra tấn công 1.3 Khái niệm về điều tra	Ghi chú

	<p>1.2 Các phương pháp điều tra</p> <p>1.3 Các bước chuẩn bị cho một cuộc điều tra tấn công</p>	
<p>Buổi 2 /(4 tiết)</p>	<p>1.4 Khái niệm bằng chứng kỹ thuật số</p> <p>Kỹ thuật trên HDD và System File</p> <p>2.1 Cấu trúc vật lý và luận lý của HDD</p>	
<p>Buổi 3 /(4 tiết)</p>	<p>2.2 Hệ thống tập tin trên Windows</p> <p>2.3 Hệ thống tập tin trên Linux và hệ điều hành khác</p> <p>2.4 Phân tích hệ thống tập tin</p>	
<p>Buổi 4 /(4 tiết)</p>	<p>Thu thập dữ liệu</p> <p>3.1 Phục hồi tập tin bị xóa cho Windows, Linux và MAC</p> <p>3.2 Khái niệm thu thập và sao chép dữ liệu</p>	
<p>Buổi 5 /(4 tiết)</p>	<p>3.3 Thu thập dữ liệu bằng phần mềm và phần cứng</p> <p>Windows Forensics</p> <p>4.1 Thu thập thông tin volatile và non-volatile</p>	
<p>Buổi 6 /(4 tiết)</p>	<p>4.2 Phân tích bộ nhớ trên Windows</p> <p>4.3 Phân tích Registry trên Windows</p>	
<p>Buổi 7 /(4 tiết)</p>	<p>4.4 Bộ nhớ cache, cookie, history, events và analytics</p> <p>Cracking</p> <p>5.1 Khái niệm và phân loại Cracking</p>	
<p>Buổi 8 /(4 tiết)</p>	<p>5.2 Cracking mật khẩu</p> <p>5.3 Cracking phần mềm</p>	
<p>Buổi 9</p>	<p>Điều tra tấn công hệ thống mạng</p>	

/(4 tiết)	6.1 Khái niệm điều tra tấn công mạng 6.2 Điều tra và phân tích bản ghi	
Buổi 10 /(4 tiết)	6.3 Điều tra và phân tích traffic Điều tra tấn công web 7.1 Các loại tấn công trên website	
Buổi 11 /(4 tiết)	7.2 Các loại tấn công trên webserver 7.3 Phương pháp điều tra cho từng loại tấn công 7.4 Phân tích log	
Buổi 12 /(4 tiết)	Điều tra tấn công Email 8.1 Các loại tấn công trên email 8.2 Phân tích header	
Buổi 13 /(4 tiết)	8.3 Các bước điều tra Lập báo cáo 9.1 Tổ chức thông tin	
Buổi 14 /(4 tiết)	9.2 Phương pháp lập báo cáo	
Buổi 15 /(4 tiết)	Hệ thống kiến thức	

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Thực hiện Project và bảo vệ cuối kỳ

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Phát triển phần mềm mã nguồn mở **Mã học phần: 19017**
- 2. Khoa phụ trách:** Khoa Công nghệ Thông tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
- 3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Tiến**
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
 - ĐT: 0332750464 ; email:nhtien@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm
- 3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật**
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0938811369
 - Email: nhmnhat@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng
- 4. Số tín chỉ: 3**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**
- Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
 - Tự học: 45 tiết
- 6. Học phần tiên quyết:** Công nghệ mã nguồn mở

7. Mục tiêu của học phần:

Internet và dịch vụ Web đã trở nên quá phổ biến và có vai trò to lớn trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Với ứng dụng Web các công ty, tổ chức, cá nhân dễ dàng giới thiệu thông tin về bản thân với các đối tác, thực hiện các giao dịch, mua bán, truyền tin qua Internet.

Hiện nay có thể xem có hai công nghệ xây dựng các ứng dụng web, đó là ASP.net và PHP. Mỗi công nghệ có những ưu và nhược điểm khác nhau. So với ASP.net, các nền tảng dùng để phát triển các ứng dụng web viết bằng PHP là miễn phí. Thêm vào đó, các trang PHP cũng được hỗ trợ nhiều bởi các ứng dụng mã nguồn mở như Joomla, Moodle, eXe, ... Hiện nay PHP được sử dụng rộng rãi và có hiệu quả không thua kém gì ASP.net.

Học xong môn học này, học viên có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình PHP, cơ sở dữ liệu MySQL, cài đặt server Apache để xây dựng và phát triển các ứng dụng web.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức

1. Giấy phép phần mềm
2. Cộng đồng Opensource
3. Quy trình phát triển sản phẩm mã mở
4. Mã nguồn mở và Mã nguồn đóng

- Kỹ năng

5. Đánh giá đúng về bản quyền khi dùng 1 sản phẩm phần mềm
6. Tìm kiếm phần mềm opensource và cách tham gia vào cộng đồng opensource

- Thái độ, chuyên cần

7. Rèn luyện được thái độ nghiêm túc và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực phát triển phần mềm mã nguồn mở.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản cho sinh viên về thế giới mã nguồn mở như các nguyên lý, các học thuyết chủ đạo, các giấy phép, ... cũng như ngôn ngữ lập trình PHP từ cơ bản đến nâng cao. Từ đó sinh viên bắt đầu khám phá thế giới mã nguồn mở PHP cũng như cách cài đặt, sử dụng, vận hành một cách linh hoạt các phần mềm mã nguồn mở PHP trên thế giới..

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1: Tổng quan về phần mềm mã nguồn mở	1. Các khái niệm cơ bản. 2. Các học thuyết phần mềm mã nguồn mở. 3. Các loại giấy phép phần mềm mã nguồn mở. 4. Ưu và nhược điểm phần mềm mã nguồn mở. 5. Thực trạng phần mềm mã nguồn mở.	6	3	3		[1]	
2	Chương 2: Ngôn ngữ lập trình PHP	6. Giới thiệu và tổng quan về PHP. 7. Cơ chế hoạt động của webserver.	21	9	12		[1]	

		<p>8. Cú pháp và qui ước trong PHP.</p> <p>9. Lập trình hướng đối tượng trong PHP.</p>					
3	Chương 3: Cơ chế truyền dữ liệu và kết nối MySQL trong PHP	<p>6. Cơ chế truyền và nhận dữ liệu giữa các trang web.</p> <p>7. Cơ chế truyền và nhận dữ liệu qua phương thức GET.</p> <p>8. Cơ chế truyền và nhận dữ liệu qua phương thức POST.</p> <p>9. MySQL.</p> <p>10. Kết nối cơ sở dữ liệu từ PHP.</p>	6	3	3		[2]
4	Chương 4: PHP nâng cao	<p>14. Kỹ thuật Upload File bằng PHP.</p> <p>15. Kỹ thuật gửi Mail bằng PHP.</p> <p>16. Sử dụng Cookie trong PHP.</p> <p>17. Sử dụng Session trong PHP.</p> <p>18. Sử dụng Ajax trong PHP.</p>	6	3	3		[3]

5	Chương 5: Cài đặt và sử dụng các phần mềm mã nguồn mở PHP	8. Giới thiệu các phần mềm mã nguồn mở PHP. 9. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm mã nguồn mở PHP Open Cart để tạo shop bán hàng trên mạng.	12	3	9			[3]
6	Seminar và báo cáo đề tài		9	9	0			[4]

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5

Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Kim Hưng (2014). Tài liệu học tập học phần ”Phần mềm mã nguồn mở”. HUTECH

12.2 Tài liệu tham khảo:

[3] Ramus Lerdorf and Kevin Tatroe (2002), Propramming PHP, ISBN:1565926102, O’Reilly and Associateds.

[4] Arman Danesh (2004), JavaScript in 10 Simple Step Or Less, ISBN:0764542419, Wiley Publishing.

[5] Matt Doyle (2010), Beginning PHP 5.3, ISBN: 9780470413968, Wiley Publishing.

[6] Robin Nixon (2009), Learning PHP, MySQL, and JavaScript, ISBN: 9780596157135, O’Reilly Media.

[7] Lynn Beighley and Michael Morrison (2009), Head First PHP & MySQL, ISBN: 9780596006303, O’Reilly Media.

[8] Luke Welling and Laura Thomson (2004), PHP and MySQL Web Development, Fourth Edition, ISBN: 9789672329166, Pearson Education.

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết): Chương 1: Tổng quan về phần mềm mã nguồn mở

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video

- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 2 (4 tiết): Chương 1: Tổng quan về phần mềm mã nguồn mở (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 3 (4 tiết): Chương 1: Tổng quan về phần mềm mã nguồn mở (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú

- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 4 (4 tiết): Chương 2: Ngôn ngữ lập trình PHP

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 5 (4 tiết): Chương 2: Ngôn ngữ lập trình PHP (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 6 (4 tiết): Chương 2: Ngôn ngữ lập trình PHP (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 7 (4 tiết): Chương 3: Cơ chế truyền dữ liệu và kết nối MySQL trong PHP

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 8 (4 tiết): Chương 3: Cơ chế truyền dữ liệu và kết nối MySQL trong PHP (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 9 (4 tiết): Chương 3: Cơ chế truyền dữ liệu và kết nối MySQL trong PHP (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 10 (4 tiết): Chương 4: PHP nâng cao

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 11: Chương 4: PHP nâng cao (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 12: Chương 4: PHP nâng cao (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 13: Chương 5: Cài đặt và sử dụng các phần mềm mã nguồn mở PHP

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 25 thuộc Cuốn [1] (trang 865-897)

TUẦN 14: Chương 5: Cài đặt và sử dụng các phần mềm mã nguồn mở PHP (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng

- Cho xem video
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 5 (tt) thuộc Cuốn [1]

TUẦN 15: Ôn tập + Kiểm tra

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: KHO DỮ LIỆU VÀ OLAP Mã học phần: 19018

2. Khoa phụ trách: Khoa Công nghệ Thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0913478999; email: trongnhntu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0987876917 ; email:dtkdung@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 45 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức về kho dữ liệu
- Hiểu và trình bày các thành phần, chức năng và các kỹ thuật xây dựng, quản lý và khai thác kho dữ liệu
- Kỹ năng làm việc nhóm, và thuyết trình
- Khả năng vận dụng kiến thức để áp dụng xây dựng kho dữ liệu theo yêu cầu của tổ chức, doanh nghiệp.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- **Kiến thức:**
 - Trình bày được các khái niệm kho dữ liệu, nhu cầu thiết yếu của kho dữ liệu đối với doanh nghiệp;
 - Trình bày được khái niệm các khối, chức năng, thành phần, xu hướng của kho dữ liệu;
 - Hiểu rõ các phương pháp hoạch định và quản lý kho dữ liệu, yêu cầu doanh nghiệp;
 - Hiểu rõ kiến trúc các thành phần và cơ sở hạ tầng cơ bản của kho dữ liệu, tầm quan trọng của metadata, thiết kế và chuẩn bị dữ liệu.
 - Hiểu rõ các phương pháp khai thác dữ liệu, xây dựng và bảo trì kho dữ liệu.
- **Kỹ năng:**
 - 6. Hoạch định, thiết kế, xây dựng và quản lý được kho dữ liệu theo yêu cầu của doanh nghiệp cụ thể.

7. Truy cập và phân phối thông tin hiệu quả, sử dụng được các phương pháp và công cụ phân tích trực tuyến OLAP (SQL Server, Oracle...) trên kho dữ liệu, web.
8. Phân tích, nhìn nhận vấn đề một cách khoa học. Khai thác dữ liệu hiệu quả, hiện thực hóa và bảo trì kho dữ liệu.
9. Nâng cao kỹ năng phân công công việc và làm việc theo nhóm
10. Trình bày trước đám đông sử dụng phương tiện trình chiếu
11. Lập được kế hoạch, tổ chức và phân công công việc đáp ứng yêu cầu dự án. Giám sát được tiến độ và chất lượng thực hiện dự án. Đánh giá và lựa chọn các kỹ thuật thích hợp để xây dựng kho dữ liệu phù hợp với thực tế của doanh nghiệp, tổ chức.

- **Thái độ, chuyên cần:**

12. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, thẩm mỹ trong việc phát triển Web;
13. Khả năng tự học, vận dụng kiến thức phát triển các trang Web thực tế.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp các khái niệm cơ bản về kho dữ liệu, nhu cầu và tính thiết yếu của kho dữ liệu. Cung cấp kiến thức về xây dựng các khối, xác định các chức năng, thành phần, metadata warehouse, xu hướng của kho dữ liệu. Cung cấp kiến thức về hoạch định và quản lý kho dữ liệu, xác định các yêu cầu doanh nghiệp.

Cung cấp kiến thức về kiến trúc các thành phần và cơ sở hạ tầng cơ bản của kho dữ liệu, tầm quan trọng của metadata, thiết kế dữ liệu và chuẩn bị dữ liệu.

Cung cấp kiến thức về truy cập và phân phối thông tin, kỹ thuật phân tích trực tuyến OLAP, kho dữ liệu và web, cơ bản về khai thác dữ liệu, hiện thực hóa và bảo trì kho dữ

liệu. Cung cấp các bài thực hành về xây dựng kho dữ liệu và phân tích dữ liệu OLAP sử dụng các hệ quản trị cơ sở dữ liệu hiện nay.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1: Tổng quan và khái niệm	<p>4. Giới thiệu về môn học, cách học, tài liệu tham khảo, nguyên tắc làm việc.</p> <p>5. Nhu cầu thiết yếu của kho dữ liệu</p> <p>6. Kho dữ liệu: xây dựng các khối</p> <p>7. Các xu hướng kho dữ liệu</p> <p>8. Tổng kết, ôn tập chương 1</p>	9	3	6		[1]	
2	Chương 2: Hoạch định và yêu cầu	<p>10. Hoạch định và quản lý dự án: Hoạch định kho dữ liệu, Dự án kho dữ liệu, Nhóm dự án, Cân nhắc quản lý dự án</p> <p>11. Xác định yêu cầu doanh nghiệp: Phân tích chiều; Các khái niệm về gói thông tin; Các phương pháp thu thập yêu cầu; định nghĩa yêu cầu: Mục tiêu và nội dung.</p>	9	3	6		[2]	

		12. Tổng kết, ôn tập và làm bài tập chương, thực hành nhóm					
3	Chương 3: Kiến trúc và hạ tầng	11. Các thành phần kiến trúc 12. Cơ sở hạ tầng – nền tảng kho dữ liệu 13. Ôn tập chương, thực hành nhóm	9	3	6		[2]
4	Chương 4: Thiết kế và chuẩn bị dữ liệu	19. Nguyên lý mô hình hóa kích thước (chiều - dimension) 20. Mô hình hóa kích thước mở rộng 21. Trích, biến đổi và tải dữ liệu (ETL) 22. Ôn tập chương. 23. Thực hành nhóm về ETL	21	15	6		[3]
5	Chương 5: Truy cập và truyền tải thông tin	10. Tương thích thông tin và người dùng 11. Phân tích trực tuyến (OLAP) trên kho dữ liệu 12. Kho dữ liệu và Web 13. Ôn tập chương. 14. Thực hành nhóm OLAP.	9	3	6		[4]
6	Chương 6: Hiện thực hóa và duy trì kho dữ liệu	4. Quy trình thiết kế vật lý 5. Triển khai kho dữ liệu 6. Ôn tập chương.	5	3	2		[5]

		7. Thực hành nhóm.						
--	--	--------------------	--	--	--	--	--	--

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Paulraj ponniah. Data warehousing fundamentals. A Comprehensive Guide for IT Professionals. A Wiley-Interscience Publication, 2001. ISBN : 0-471-22162-7 (Hardback); 0-471-22162-7 (Electronic).

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Micheline Kamber. Data Mining: Concepts and Techniques. Second Edition Jiawei Han, University of Illinois at Urbana -Champaign, 2006. ISBN 13: 978-1-55860-901-3; ISBN 10:1-55860-901-6

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết): Chương 1: Tổng quan và khái niệm

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 2 (4 tiết): Chương 2: Hoạch định và yêu cầu

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 3 (4 tiết): Chương 2: Hoạch định và yêu cầu (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 4 (4 tiết): Chương 2: Hoạch định và yêu cầu (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 5 (4 tiết): Chương 3: Kiến trúc và hạ tầng

- **Hoạt động của giảng viên:**
- Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
- Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 6 (4 tiết): Chương 3: Kiến trúc và hạ tầng (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
- Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
- Nghe giảng, ghi chú

- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 7 (4 tiết): Chương 4: Thiết kế và chuẩn bị dữ liệu

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 8 (4 tiết): Chương 4: Thiết kế và chuẩn bị dữ liệu (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi

- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 14-15 thuộc Cuốn [1] (trang 485-567)

TUẦN 9 (4 tiết): Chương 5: Truy cập và truyền tải thông tin

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 10 (4 tiết): Chương 5: Truy cập và truyền tải thông tin (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 11: Chương 5: Truy cập và truyền tải thông tin (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 12: Chương 6: Hiện thực hóa và duy trì kho dữ liệu

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 6 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 13: Chương 6: Hiện thực hóa và duy trì kho dữ liệu (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 6 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 14: Chương 6: Hiện thực hóa và duy trì kho dữ liệu (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 6 (tt) thuộc Cuốn [1]

TUẦN 15: Ôn tập + Kiểm tra

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Khai thác dữ liệu -Mã học phần : 10309

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:0913478999 ; email: trongnhntu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: **Khoa Công nghệ thông tin**
- ĐT: 0987876917 ; email: dtkdung@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 60 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Hiểu và phân biệt được các khái niệm dữ liệu, thông tin, tri thức. Hiểu được vai trò của tri thức trong tổ chức và nền kinh tế. Nắm bắt được nội dung các bước cơ bản của quá trình phát hiện tri thức từ dữ liệu. Phân biệt được phương pháp khai phá dữ liệu (KPD L) với các phương pháp xử lý dữ liệu truyền thông. Hiểu được vai trò đặc biệt của chuyên gia miền ứng dụng, người sử dụng trong quá trình KPD L.

Hiểu được lý do của các phương pháp KPD L và giải thích được vì sao các phương pháp như vậy không thích hợp trong các tiếp cận truyền thông. Biết được xu thế phát triển hiện đại của KPD L; Khai thác được tài nguyên KPD L để giải quyết một bài toán KPD L cụ thể có quy mô nhỏ.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1. Kiến thức:

- (43) Hiểu và phân biệt được các khái niệm dữ liệu, thông tin, tri thức.
- (44) Hiểu được vai trò của tri thức trong tổ chức và nền kinh tế.
- (45) Nắm bắt được nội dung các bước cơ bản của quá trình phát hiện tri thức từ dữ liệu.
- (46) Phân biệt được phương pháp khai phá dữ liệu (KPD L) với các phương pháp xử lý dữ liệu truyền thông.
- (47) Hiểu được vai trò đặc biệt của chuyên gia miền ứng dụng, người sử dụng trong quá trình KPD L.
- (48) Hiểu được lý do của các phương pháp KPD L và giải thích được vì sao các phương pháp như vậy không thích hợp trong các tiếp cận truyền thông.
- (49) Biết được xu thế phát triển hiện đại của KPD L;
- (50) Khai thác được tài nguyên KPD L để giải quyết một bài toán KPD L cụ thể có quy mô nhỏ.

(51) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.

8.2. Kỹ năng:

(52) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp

(53) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3. Thái độ:

(54) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp

(55) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.

(56) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(15) Học phần trang bị các kỹ thuật tính toán mới và thông dụng nhất để phân loại, trích lọc, đánh giá các thông tin trong quá trình hỗ trợ ra quyết định cho các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế...

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khai phá dữ liệu; các khái niệm có liên quan, ý nghĩa và tầm quan trọng.
- Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng trong phân loại, đánh giá các hệ thống khai phá dữ liệu.
- Học phần trang bị các kỹ thuật tính toán mới và thông dụng nhất để phân loại, trích lọc, đánh giá các thông tin trong quá trình hỗ trợ ra quyết định cho các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế...

- Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn người học sử dụng các công cụ mã nguồn mở, các kho dữ liệu để hỗ trợ trong quá trình cài đặt và thử nghiệm hệ thống khai phá dữ liệu.

56.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Giới thiệu về khai phá dữ liệu	69. Giới thiệu học phần						
		70. Nhu cầu phát hiện tri thức từ dữ liệu						
		71. Quá trình phát hiện tri thức trong Cơ sở dữ liệu (KDD)						(1)
		72. Khai phá dữ liệu và xử lý CSDL truyền thông	7	5	2			(2)
		73. Kiểu dữ liệu trong KPDL						
		74. Một số lĩnh vực ứng dụng KPDL điển hình						
		75. Các bài toán KPDL điển hình						

		76. Tính liên ngành của KPDL						
2.	Chương 2: Chuẩn bị dữ liệu	9. Giới thiệu 10. Hiểu dữ liệu 11. Tiền xử lý dữ liệu 12. Làm sạch dữ liệu 13. Tích hợp dữ liệu 14. Chuyển đổi dữ liệu 15. Thu gọn dữ liệu	12	8	4			(1) (2)
3.	Chương 3: Phân cụm dữ liệu	9. Giới thiệu 10. Một số độ đo cơ bản dùng trong phân cụm 11. Thuật toán phân cụm phẳng 12. Thuật toán phân cụm phân cấp 13. Thuật toán phân cụm dựa trên mật độ 14. Thuật toán phân cụm dựa trên mô hình	12	8	4			(3) (4)

		<p>15. Đánh giá các thuật toán phân cụm</p> <p>16. Một số thuật toán phân cụm nâng cao</p>						
4.	Chương 4: Phân lớp dữ liệu	<p>11. Giới thiệu</p> <p>12. Thuật toán phân lớp cây quyết định</p> <p>13. Đánh giá thuật toán phân lớp</p> <p>14. Thuật toán phân lớp Naive Bayes</p> <p>15. Thuật toán phân lớp máy vector hỗ trợ</p> <p>16. Thuật toán phân lớp k-NN</p> <p>17. Một số ứng dụng của thuật toán phân lớp</p> <p>18. Phân lớp bán giám sát</p>	8	5	3			(3) (4)

5.	Chương 5: Phát hiện luật kết hợp	9. Giới thiệu về luật kết hợp					
		10. Phương pháp khai phá tập mục phổ biến					
		11. Thuật toán FP- Growth					(5)
		12. Một số ứng dụng của luật kết hợp	6	4	2		(6)
		13. Một số thuật toán song song					
		14. Khai phá mẫu kết hợp nâng cao					
Tổng cộng			45	30	15		

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc tổng hợp, phân tích đánh giá hoạt động doanh nghiệp thương mại

- Phân lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, hợp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50

		Tổng: 100%
--	--	-------------------

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Hà Nam, Nguyễn Trí Thành, Hà Quang Thụy (2013). Giáo trình khai phá dữ liệu (Các chương: 1-5, 10). NXB ĐHQGHN.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Robert Nisbet, John Elder, and Gary Miner (2009). Handbook of Statistical Analysis and Data Mining, Elsevier.

[3] Phan Xuân Hiếu, Đoàn Sơn, Nguyễn Trí Thành, Hà Quang Thụy, Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Cẩm Tú (2009). Giáo trình khai phá dữ liệu Web, NXBGD.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Giới thiệu về khai phá dữ liệu

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Giới thiệu về khai phá dữ liệu

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 1: Giới thiệu về khai phá dữ liệu

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Chuẩn bị dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 2: Chuẩn bị dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 2: Chuẩn bị dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 3: Phân cụm dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 3: Phân cụm dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 3: Phân cụm dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 3: Phân cụm dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 4: Phân lớp dữ liệu

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 4: Phân lớp dữ liệu

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 5: Phát hiện luật kết hợp

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 5: Phát hiện luật kết hợp

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** tự luận và trắc nghiệm, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ **Mã học phần: 10051**

2. Khoa phụ trách: Khoa Công nghệ Thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Trọng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0913478999; email: trongnhntu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

3.2. Họ và tên: Đỗ Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Phan Thiết
- ĐT:0987876917 ; email:dtkdung@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 45 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Học phần này giúp sinh viên có cái nhìn khái quát về hệ thống thông tin quản lý, về hệ thống xử lý thông tin tự động, các dịch vụ internet. Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức:

- Trình bày được vai trò các hệ thống thông tin và ngành hệ thống thông tin
- Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ quản trị nguồn lực ERP
- Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ quản trị chuỗi cung ứng SCM
- Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ quản trị quan hệ khách hàng CRM
- Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ quản lý tri thức KMS
- Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ hỗ trợ ra quyết định DSS
- Trình bày được các vấn đề cơ bản về thương mại điện tử và di động

- Kỹ năng:

8. Tìm hiểu và khám phá tri thức
9. Tư duy một cách hệ thống và toàn diện
10. Làm việc nhóm
11. Giao tiếp hiệu quả dưới dạng văn bản và thuyết trình
12. Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường xã hội
13. Nhận thức được bối cảnh văn hóa doanh nghiệp

14. Triển khai các hệ thống thông tin quản lý

- Thái độ, chuyên cần:

15. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, thâm mĩ trong việc phát triển Web;

16. Khả năng tự học, vận dụng kiến thức phát triển các trang Web thực tế.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên các hệ thống thông tin thông dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay; giúp sinh viên vận dụng các kỹ năng đã học trong chương trình để tìm hiểu, cài đặt các hệ thống này ở cấp độ đơn giản sử dụng phần mềm mã nguồn mở. Cụ thể: hệ quản trị nguồn lực ERP, hệ quản trị chuỗi cung ứng SCM, hệ quản trị quan hệ khách hàng CRM, hệ quản lý tri thức KMS, hệ hỗ trợ ra quyết định DSS, Thương mại điện tử và di động.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1: Một số vấn đề chung về thông tin và hệ thống thông tin	1. Tổ chức và thông tin trong tổ chức 2. Hệ thống thông tin	3	3				[1] [2]
2	Chương 2: Cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin	1. Khái niệm cơ sở dữ liệu 2. Phân loại cơ sở dữ liệu 3. Quản lý cơ sở dữ liệu 4. Các hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu 5. Cấu trúc cơ sở dữ liệu	5	5				[2]

3	Chương 3: Phân tích hệ thống thông tin	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu của phân tích hệ thống thông tin 2. Các phương pháp thu thập thông tin 3. Mã hoá dữ liệu 4. Các công cụ mô hình hoá hệ thống thông tin 5. Các công đoạn phân tích hệ thống thông tin 6. Lập kế hoạch phân tích hệ thống thông tin 7. Nghiên cứu hệ thống thông tin và môi trường thông tin hiện tại 8. Chẩn đoán và xác định các yếu tố cần giải quyết 9. Đánh giá lại tính khả thi 10. Chuẩn bị và báo cáo giai đoạn phân tích hệ thống thông tin 	5	5				[3] [4]
4	Chương 4: Thiết kế và triển khai hệ thống thông tin	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thiết kế hệ thống thông tin 2. Triển khai hệ thống thông tin 	5	5				[5]
5	Chương 5: Cài đặt, bảo trì và khai thác hệ thống thông tin	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp cài đặt hệ thống 2. Lập kế hoạch chuyển đổi 	5	5				[6]

		<ul style="list-style-type: none"> 3. Chuyển đổi các tệp cơ sở dữ liệu 4. Bảo trì hệ thống thông tin 5. Đánh giá hệ thống thông tin sau cài đặt 					
6	Chương 6: Hệ thống thông tin quản lý kinh doanh và sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống thông tin sản xuất tác nghiệp 2. Hệ thống thông tin sản xuất và kinh doanh sách lược 3. Hệ thống thông tin sản xuất kinh doanh và chiến lược 4. Các phần mềm phục vụ quản trị kinh doanh và sản xuất 	5	5			[6]
7	Chương 7: Hệ thống thông tin nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống thông tin nhân lực tác nghiệp 2. Hệ thống thông tin nhân lực sách lược 3. Hệ thống thông tin nhân lực chiến lược 4. Phần mềm cho hệ thống nhân lực 	5	5			[7]
8	Chương 8: Hệ thống thông tin tài chính	<ul style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống thông tin tài chính tác nghiệp 2. Hệ thống thông tin tài chính sách lược 	5	5			[7]

		3. Hệ thống thông tin tài chính chiến lược 4. Phần mềm quản lý tài chính						
9	Chương 9: Hệ thống thông tin Marketing	5. Khái quát về hệ thống thông tin marketing 6. Các hệ thống thông tin marketing 7. Các phần mềm cho marketing	5	5				[7]
	Chương 10: Hệ thống thông tin văn phòng	1. Khái quát hệ thống thông tin văn phòng 2. Công nghệ văn phòng 3. Tích hợp công nghệ văn phòng vào hệ thống thông tin văn phòng	3	3				[7]

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] TS Trương Văn Tú – TS. Trần Thị Song Minh . Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý. Nhà Xuất bản Thống kê – 2004

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Bài giảng HTTT quản lý, Phạm Thị Thanh Hồng và Phạm Minh Tuấn, NXB Khoa học kỹ thuật, 2007

[3] Hệ thống thông tin quản lý, Giáo trình của Đại học Kinh tế Quốc dân

[4] Phân tích & Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý, Trần Thành Trai, Nhà xuất bản thống kê, 2003

[5] Information Systems – Foundation of E-Business, Steven Alter, Prentice Hall, 2002

[6] Management Information Systems, Managing the Digital Firm. 9th edition, Laudon, K C and Laudon, J.P., Prentice Hall, New Jersey, 2006

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết): Chương 1: Một số vấn đề chung về thông tin và hệ thống thông tin

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 2 (4 tiết): Chương 1: Một số vấn đề chung về thông tin và hệ thống thông tin (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 3 (4 tiết): Chương 2: Cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 4 (4 tiết): Chương 2: Cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 5 (4 tiết): Chương 3: Phân tích hệ thống thông tin

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 6 (4 tiết): Chương 3: Phân tích hệ thống thông tin (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 7 (4 tiết): Chương 4: Thiết kế và triển khai hệ thống thông tin

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 8 (4 tiết): Chương 5: Cài đặt, bảo trì và khai thác hệ thống thông tin

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 9 (4 tiết): Chương 6: Hệ thống thông tin quản lý kinh doanh và sản xuất

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú

- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 6 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 10 (4 tiết): Chương 7: Hệ thống thông tin nguồn nhân lực

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 7 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 11: Chương 7: Hệ thống thông tin nguồn nhân lực (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi

- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 7 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 12: Chương 8: Hệ thống thông tin tài chính

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 8 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 13: Chương 9: Hệ thống thông tin Marketing

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 10 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 14: Chương 10: Hệ thống thông tin văn phòng

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 10 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 15: Ôn tập + Kiểm tra

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Công cụ và môi trường phát triển phần mềm **Mã học phần: 19019**

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Tiến

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0332750464 ; email:nhtien@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
- Điện thoại: 0938811369
- Email: nhmnhat@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Một số phần mềm ứng dụng mã nguồn mở thông dụng

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 60 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến phần mềm: công nghệ phần mềm, cấu trúc phần mềm, chất lượng phần mềm, qui trình phát triển phần mềm.... Sử dụng kỹ năng cá nhân (lập luận phân tích và giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống) và kỹ năng giao tiếp (làm việc nhóm, ngoại ngữ) để tìm hiểu tài liệu và thực hiện đồ án. Sử dụng kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường doanh nghiệp và xã hội trong quá trình phân tích, thiết kế, cài đặt và kiểm nghiệm hệ thống.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- 1) Hiểu kiến thức cơ bản liên quan đến các đối tượng chính yếu trong lĩnh vực công nghệ phần mềm như qui trình phát triển phần mềm,
- 2) Sử dụng được công cụ và môi trường phát triển phần mềm...
- 3) Nắm bắt được nội dung các bước cơ bản những kiến thức cơ bản liên quan đến các đối tượng chính yếu trong lĩnh vực công nghệ phần mềm như qui trình phát triển phần mềm, công cụ và môi trường phát triển phần mềm...
- 4) Hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến phần mềm: công nghệ phần mềm, cấu trúc phần mềm, chất lượng phần mềm, qui trình phát triển phần mềm....
- 5) Sử dụng kỹ năng cá nhân (lập luận phân tích và giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống) và kỹ năng giao tiếp (làm việc nhóm, ngoại ngữ) để tìm hiểu tài liệu và thực hiện đồ án.
- 6) Sử dụng kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường doanh nghiệp và xã hội trong quá trình phân tích, thiết kế, cài đặt và kiểm nghiệm hệ thống.
- 7) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.

8.2 Kỹ năng:

- 8) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 9) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- 10) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp

- 11) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.
- 12) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 13) Xây dựng phần mềm đơn giản một cách có hệ thống và có phương pháp. Trong đó có sử dụng một số công cụ hỗ trợ cho quá trình phân tích, thiết kế, cài đặt và kiểm nghiệm phần mềm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến các đối tượng chính yếu trong lĩnh vực công nghệ phần mềm như qui trình phát triển phần mềm, công cụ và môi trường phát triển phần mềm... giúp sinh viên có thể xây dựng phần mềm một cách có hệ thống và có phương pháp.
- Hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến phần mềm: công nghệ phần mềm, cấu trúc phần mềm, chất lượng phần mềm, qui trình phát triển phần mềm....
- Sử dụng kỹ năng cá nhân (lập luận phân tích và giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống) và kỹ năng giao tiếp (làm việc nhóm, ngoại ngữ) để tìm hiểu tài liệu và thực hiện đồ án.
- Sử dụng kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường doanh nghiệp và xã hội trong quá trình phân tích, thiết kế, cài đặt và kiểm nghiệm hệ thống.
- Xây dựng phần mềm đơn giản một cách có hệ thống và có phương pháp.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Lập trình cơ sở dữ liệu trên ADO.NET	77. Giới thiệu về ADO.NET 78. Mô hình có thiết lập kết nối 79. Mô hình không thiết lập kết nối 80. DataSet	8	5	3			(1)
2.	Chương 2: Xây dựng ứng dụng Web	16. Cấu trúc của ứng dụng web 17. Mô hình thực thi ứng dụng web 18. Thiết kế web	12	8	4			(2)
3.	Chương 3: Tạo web form	17. Xây dựng trang web 18. Cấu trúc và thành phần trong web form	12	8	4			(2)

		19. Các web control cơ bản						
4.	Chương 4: Sử dụng data control	19. Sử dụng các DataList, Repeater 20. Cách thức phân trang dữ liệu	8	5	3			(3)
5.	Chương 5: Sử dụng mô hình 3 lớp	15. Khái niệm mô hình 3 lớp 16. Thực thi mô hình 3 lớp	6	4	2			(3)
6.	Chương 6: Sử dụng mô hình MVC	1. Khái niệm mô hình MVC 2. Mô hình MVC thực thi trong ứng dụng web	9	4	5			(4)
7.	Chương 7: Web services	1. Giới thiệu về web service 2. Tạo web services 3. Thực thi web API	8	5	3			(4)
8.	Chương 8: Tạo report	1. Giới thiệu về crystal report	8	5	3			(5)

	trong Visual C#	2. Các mô hình của report bên trong .NET framework 3. Tạo report trong Visual C#						
9.	Chương 9: Kiểm thử đơn vị	1. Giới thiệu về Unit Test 2. Cách thực hiện Unit Test	8	4	4			(6)
10.	Chương 10: Đóng gói và triển khai ứng dụng	1. Cách thức đóng gói ứng dụng 2. Cách thức triển khai ứng dụng	8	4	4			(7)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học trong việc Xây dựng phần mềm đơn giản một cách có hệ thống và có phương pháp. Trong đó có sử dụng một số công cụ hỗ trợ cho quá trình phân tích, thiết kế, cài đặt và kiểm nghiệm phần mềm.

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, hợp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bất chợt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- [1] □ Lê Trung Hiếu (2013). Tài liệu học tập học phần "Công cụ và môi trường phát triển phần mềm". HUTECH
- [2] Đỗ Thị Thanh Tuyền (2014). Slide bài giảng môn Nhập môn Công nghệ phần mềm.

12.2 Tài liệu tham khảo:

- [3] □ Ian Sommerville (2007). Software Engineering. Addison Wesley.
- [4] Roger S. Pressman (2001). Software Engineering, A Practitioner's Approach. McGraw-Hill.

[5] Roger S. Pressman (2004) (Bản dịch của Ngô Trung Việt). Kỹ nghệ phần mềm - Tập 1,2,3. NXB Khoa học kỹ thuật.

[6] Pro ASP.NET 4 in CSharp 2010 (2010), Matthew MacDonald, Adam Freeman, and Mario Szpuszta, Apress.

[7] ASP.NET 2.0 Everyday Apps For Dummies (2007), Doug Lowe, Wiley Publishing.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Lập trình cơ sở dữ liệu trên ADO.NET

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Lập trình cơ sở dữ liệu trên ADO.NET

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Xây dựng ứng dụng Web

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 2: Xây dựng ứng dụng Web

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Tạo web form

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 4: Sử dụng data control

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 5: Sử dụng mô hình 3 lớp

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 5: Sử dụng mô hình 3 lớp

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 6: Sử dụng mô hình MVC

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 6: Sử dụng mô hình MVC

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 7: Web services

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 7: Web services

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 8: Tạo report trong Visual C#

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 8: Tạo report trong Visual C#

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 9: Kiểm thử đơn vị + Ôn Tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Quản trị mạng - Mã học phần :10212

2. Khoa phụ trách: Công Nghệ Thông Tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Lê Thanh

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0983073491

- Email: lthanh@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng

3.1. Họ và tên: Hà Văn Cử

- Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ

- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin

- Điện thoại: 0983932479

- Email: hvcu@upt.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 45 tiết

- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao và cập nhật về công việc của một quản trị mạng tại các cơ quan, doanh nghiệp; có kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng và quản lý một mạng nội bộ vừa và nhỏ .

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

- [1] Có được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên;
- [2] Hiểu về cấu trúc của máy tính và mạng máy tính;
- [3] Hiểu được phương pháp để hoạch định, thiết kế, cài đặt và cấu hình hệ thống mạng máy tính;
- [4] Hiểu được cách vận hành, quản trị, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng máy tính;
- [5] Đánh giá được mức độ an toàn của hệ thống mạng và các biện pháp bảo vệ hệ thống mạng;
- [6] Hiểu cơ bản về phát triển các ứng dụng trên mạng;

- Kỹ năng:

- [7] Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng (tương đương chuẩn tin học quốc tế IC3 GS4 và MOS);
- [8] Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh (tương đương trình độ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);
- [9] Lắp ráp, cài đặt, bảo trì thành thạo các hệ thống máy tính;
- [10] Thiết kế, vận hành, bảo trì thành thạo các hệ thống mạng nội bộ và khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng;
- [11] Thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống mạng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- [12] Cài đặt, cấu hình và quản trị hệ thống mạng sử dụng Windows Server;
- [13] Cài đặt, cấu hình và quản trị được các dịch vụ: DNS, DHCP, RRAS, Web, Mail;
- [14] Cấu hình được các thiết bị mạng thông dụng: Switch, Router;
- [15] Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng;

- Thái độ:

[16] Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong học tập, hoàn thành các bài tập về nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

[17] Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao;

[18] Có tác phong làm việc khoa học, chăm chỉ. Đồng thời phải năng động, sáng tạo, mạnh dạn ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;

[19] Có kỹ năng giao tiếp tốt và khả năng làm việc theo nhóm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần “Quản trị Mạng” cung cấp cho học viên các khái niệm và kỹ năng cơ bản để xây dựng, điều khiển và giám sát một mạng cục bộ (LAN) cho một tổ chức hoặc doanh nghiệp. Trong phần lý thuyết, học viên sẽ được tìm hiểu chi tiết các thiết bị cấu thành một mạng máy tính, các thành phần cơ bản cần được quản trị trong mạng cũng như các quy chuẩn về các tác vụ của quản trị mạng. Học viên cũng sẽ được giới thiệu một vài công cụ quản trị đang được dùng phổ biến hiện nay. Trong phần thực hành, học viên sẽ được hướng dẫn cài đặt các dịch vụ mạng lên hệ điều hành mạng và sử dụng công cụ để thực hiện một vài tác vụ nâng cao của quản trị mạng. Ngoài ra, học viên cũng được tìm hiểu thêm về một số các công nghệ nền tảng mới có ứng dụng lớn đến công việc quản trị mạng.

9.2. Nội dung học phần:

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Chương 1:	Giới thiệu về quản trị mạng 81. Giới thiệu về nghệ quản trị mạng 82. Thiết bị mạng	7	5		2		[1] [2]

		83. Một số mạng dữ liệu thông dụng 84. Thiết kế và triển khai LAN					
2	Chương 2	Các thành phần cơ bản cần quản trị 5. Giới thiệu chung 6. Máy trạm (Workstations) 7. Máy phục vụ (Servers) 8. Các dịch vụ (Services) 9. Các trung tâm dữ liệu (Data Centers) 10. Tài liệu (Documentation)	15	10		5	[2]
3	Chương 3	Các tác vụ cơ bản của quản trị mạng 8. Giới thiệu chung 9. Lỗi (Fault) 10. Cấu hình (Configuration) 11. Kế toán (Accounting)	15	10		5	[3] [4]

		12. Hiệu năng (Performance) 13. An ninh (Security)					
4	Chương 4	Các công nghệ mới 8. Một vài công cụ quản trị mạng phổ biến 9. Ảo hóa 10. Điện toán đám mây	8	5		3	[5] [6]
Tổng cộng			45	30		15	

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được việc sử dụng cách quản trị mạng tại các doanh nghiệp:

- Thực hiện việc thi công hoặc quản lý thi công công trình mạng;
- Nhân viên kỹ thuật hoặc quản lý trong các công ty phát triển mạng máy tính;

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Tài liệu học tập học phần “Quản trị mạng”. Phan Thiết
- Thomas A. Limoncelli, Christina J. Hogan and Strata R. Chalup, “The Practice of System and Network Administration”, Addison-Wesley (2007).
- Alexander Clemm, “Network Management Fundamentals”, Cisco (2006).

12.2 Tài liệu tham khảo:

- Dương Lê Minh, Tập bài giảng điện tử, 2013
- Đoàn Minh Phương, Video bài giảng thực hành, 2012

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- <https://www.cisco.com/c/en/us/solutions/small-business/resource-center/networking/networking-basics.html>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

- Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành mô phỏng tại phòng lab.
- Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Tuần 1 Tổng quan

- Giáo viên ôn tập lại kiến thức mạng căn bản phục vụ cho QTM
 - Sinh viên đặt câu hỏi
 - Giáo viên giải đáp thắc mắc
-

Tuần 2: Quản trị hệ điều hành Windows

2.1. Tổng quan

2.1.1. Giới thiệu a - Windows clients b - Windows server

2.1.2. Một số dịch vụ và ứng dụng cơ bản

2.1.3. Một số tính năng mới của HĐH hiện có

2.2. Cài đặt và quản trị cơ bản(10 - th)

2.2.1. Các bước chuẩn bị

2.2.2. Một số điểm cần lưu ý trong quá trình cài đặt

2.2.3. Cài đặt một số dịch vụ cơ bản

a - NTFS, Sharing & Security

b - DNS c - Web, Mail, FTP, DHCP, RAS

2.2.3.1. NTFS, Sharing & Security

2.2.3.2. DNS

Tuần 3: Thực hành 1

Tuần 4: Thực hành 2

Tuần 5: Thực hành 3

Tuần 6:

2.2.4. Một số mô hình hoạt động mạng cơ bản (05 - th)

a - Mô hình 1

b- Mô hình 2

c- Mô hình 3

d- Mô hình 4

e- Mô hình 5

2.2.5 Giám sát hiệu năng làm việc tức thời; tại chỗ; từ xa b –

a- Một số công cụ giám sát hệ thống c

b- Ý nghĩa

2.2.6. Tổng kết

Tuần 7: Thực hành 4

Tuần 8: Thực hành 5

Tuần 9:

2.3. Cài đặt và quản trị nâng cao(03 - lt)

2.3.1. Giới thiệu một số dịch vụ nâng cao

a – Directory

b - Gateway/Proxy

c – GPO

2.3.2. Giới thiệu một số mô hình, giải pháp tổng quát

2.3.3. Các bước chuẩn bị

2.3.4. Cài đặt và quản trị (10 - th)

a - AD

b - GPO

c - Gateway/Proxy

2.3.5. Quản lý rủi ro (2.5 - th)

Tuần 10: Thực hành 6

Tuần 11: Thực hành 7

Tuần 12: Thực hành 8

Tuần 13: Thực hành 9

Tuần 14:

Các công nghệ mới

- Một vài công cụ quản trị mạng phổ biến
- Ảo hóa

- Điện toán đám mây

Tuần 15: Thực hành và ôn tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Thực hiện Project và bảo vệ cuối kỳ

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Xử lý ảnh **Mã học phần:** 19021

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0903691799; email: nhmnhat@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Nguyễn Hữu Tiến

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0332750464 ; email: nhtien@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Học phần này giúp sinh viên Trang bị kiến thức cơ sở về mô hình toán học dùng trong xử lý ảnh, các phương pháp phân tích và xử lý ảnh số, các tư duy về các ứng dụng xử lý ảnh trong thực tế.
- Môn học giới thiệu về: Các khái niệm về xử lý ảnh, các thuộc tính của ảnh, các phép biến đổi ảnh, các phương pháp phân tích và tiền xử lý ảnh, các phương pháp nén ảnh.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 kiến thức:

- 1) Cung cấp kiến thức tổng quan về xử lý ảnh, các vấn đề cơ bản trong xử lý ảnh, các lĩnh vực ứng dụng của xử lý ảnh.
- 2) Biểu diễn ảnh, biểu diễn màu, thu nhận và biểu diễn ảnh, một số định dạng ảnh cơ bản
- 3) Cung cấp kiến thức cơ bản về xử lý nâng cao chất lượng ảnh, kỹ thuật histogram
- 4) Các phép toán không gian, phân đoạn và tìm biên, phương pháp phát hiện biên
- 5) Phương pháp phân đoạn ảnh
- 6) Phép toán hình thái học, các phép toán hình thái cơ sở
- 7) Nén ảnh, một số phương pháp nén ảnh
- 8) Biến đổi hough, ứng dụng của biến đổi hough
- 9) Thực hiện giải quyết các bài toán trong thực tế.

8.2 Kỹ năng:

- 10) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 11) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

12) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp

13) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.

14) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

15) Trang bị kiến thức cơ sở về mô hình toán học dùng trong xử lý ảnh, các phương pháp phân tích và xử lý ảnh số, các tư duy về các ứng dụng xử lý ảnh trong thực tế.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần này giúp sinh viên Trang bị kiến thức cơ sở về mô hình toán học dùng trong xử lý ảnh, các phương pháp phân tích và xử lý ảnh số, các tư duy về các ứng dụng xử lý ảnh trong thực tế.
- Môn học giới thiệu về: Các khái niệm về xử lý ảnh, các thuộc tính của ảnh, các phép biến đổi ảnh, các phương pháp phân tích và tiền xử lý ảnh, các phương pháp nén ảnh.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1: Tổng quan về xử lý ảnh	85. Xử lý ảnh là gì 86. Các vấn đề cơ bản trong xử lý ảnh 87. Một số khái niệm	8	8				(1)

		<p>88. Thu nhận và biểu diễn</p> <p>89. Nâng cấp và biến đổi ảnh</p> <p>90. Phân tích ảnh</p> <p>91. Nhận dạng ảnh</p> <p>92. Nén ảnh</p> <p>93. Các lĩnh vực ứng dụng của xử lý ảnh</p> <p>Giới thiệu về học phần, cách học, tài liệu tham khảo, nguyên tắc làm việc.</p>						
2.	Chương 2: Biểu diễn ảnh	<p>5. Cảm nhận trực quan</p> <p>6. Biểu diễn màu</p> <p>7. Không gian màu RGB</p> <p>8. Không gian màu CMY</p> <p>9. Không gian màu HIS</p> <p>10. Không gian màu YCbCr</p> <p>11. Thu nhận và biểu diễn ảnh</p>	4	4				(2)

3.	Chương 3: Xử lý nâng cao chất lượng ảnh	<p>7. Giới thiệu</p> <p>8. Các phép toán thống kê</p> <p>9. Biến đổi mức xám</p> <p>10. Kỹ thuật Histogram</p> <p>11. Các phép toán đa ảnh</p> <p>12. Các phép toán không gian</p> <p>13. Biến đổi phụ thuộc không gian</p> <p>14. Nhân chập và mẫu</p> <p>15. Kỹ thuật lọc trung bình</p> <p>16. Kỹ thuật lọc trung bình k phần tử</p> <p>17. Kỹ thuật lọc trung vị</p>	8	8				(3)
4.	Chương 4: Phân đoạn và tìm biên	<p>6. Giới thiệu</p> <p>7. Phương pháp phát hiện biên</p> <p>8. Kỹ thuật phát hiện biên Gradient</p>	8	8				(4)

		<p>9. Kỹ thuật phát hiện biên laplace</p> <p>10. Kỹ thuật phát hiện biên Canny</p> <p>11. Phương pháp phân đoạn ảnh</p> <p>12. Phân đoạn ảnh dựa theo ngưỡng</p> <p>13. Phân đoạn theo miền đồng nhất</p> <p>14. Phân đoạn dựa theo kết cấu</p>						
5.	<p>Chương 5: Phép toán hình thái học</p>	<p>6. Định nghĩa phép toán hình thái</p> <p>7. Các phép toán hình thái cơ sở</p> <p>8. Phép co ảnh nhị phân</p> <p>9. Phép dẫn ảnh nhị phân</p> <p>10. Phép toán đóng mở</p> <p>11. Xương và kỹ thuật tìm xương</p> <p>12. .Xương dựa trên làm mảnh ảnh</p>	8	8				<p>(5)</p> <p>(6)</p>

		13. Xương không dựa trên làm mảnh						
6.	Chương 6: Nén ảnh	6. Tổng quan về nén dữ liệu ảnh 7. Một số phương pháp nén ảnh 8. Phương pháp Run Length Encoding 9. Phương pháp Huffman 10. Phương pháp LZW 11. Phương pháp nén JPEG Lựa chọn Web Hosting	8	8				(7)
7.	Chương 7: Một số ứng dụng	5. Phát hiện một số đối tượng cơ bản 6. Biến đổi Hough 7. Ứng dụng của biến đổi Hough 8. Tra cứu ảnh dựa vào các đặc trưng 9. Nhận dạng chữ.	12	8	4			(8)
8.	Ôn tập	1. Ôn tập						(9)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên được trang bị kiến thức cơ sở về mô hình toán học dùng trong xử lý ảnh, các phương pháp phân tích và xử lý ảnh số, các tư duy về các ứng dụng xử lý ảnh trong thực tế.

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1]. Lương Mạnh Bá và Nguyễn Thanh Thủy - Nhập môn xử lý ảnh số - Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, 2000.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2]. Lương Chi Mai - Introduction to Computer Vision and Image Processing – UNESCO Modul Institute of Information technology.

[3]. Nguyễn Kim Sách - Kỹ thuật xử lý ảnh và video số - Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, 1999.

[4]. Digital Image Processing Algorithms Prentice Hall International (UK) Ltd, 1993

[5]. Michael P. Ekstrom - Digital Image Processing Techniques, Academic Press, INC – 1984

[6]. John G. Proakis & Dimitris G. Manolakis, Digital Signal Processing, 1996

[7]. Đỗ Năng Toàn, Phạm Việt Bình – Giáo trình xử lý ảnh - Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, 2008.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về xử lý ảnh

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 1: Tổng quan về xử lý

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 2: Biểu diễn ảnh

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 3: Xử lý nâng cao chất lượng ảnh

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 3: Xử lý nâng cao chất lượng ảnh

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 4: Phân đoạn và tìm biên

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 4: Phân đoạn và tìm biên

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 5: Phép toán hình thái học

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 5: Phép toán hình thái học

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 6: Nén ảnh

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 6: Nén ảnh

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 7: Một số ứng dụng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 7: Một số ứng dụng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 7: Một số ứng dụng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Ôn tập

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: thực hành trên máy, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: HỆ TRỢ GIÚP RA QUYẾT ĐỊNH Mã học phần: 19022

2. Khoa phụ trách: Khoa Công nghệ Thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Vũ Thanh Hiền

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:090336664; email: vthien@upt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.2. Họ và tên: Nguyễn Hữu Tiến

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0332750464 ; email:nhtien@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 45 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Môn học giúp sinh viên nắm vững lý thuyết và kỹ năng về hệ hỗ trợ ra quyết định, đồng thời mở rộng kiến thức của sinh viên về một số vấn đề hiện đại của lãnh vực ra quyết định.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

Kiến thức:

1. Hiểu được những kỹ thuật cơ bản và các phương tiện xây dựng hệ trợ giúp ra quyết định trong quản lý.
2. Có được những kiến thức cơ bản về mô hình ra quyết định, các thành phần trong hệ trợ giúp quyết định.
3. Nắm được các mô hình và cách thức triển khai một sản phẩm cụ thể.

Kỹ năng:

4. Sử dụng được kỹ thuật cơ bản và các phương tiện xây dựng hệ trợ giúp ra quyết định trong quản lý.
5. Triển khai được một sản phẩm cụ thể.

Thái độ:

6. Xác định được vị trí của Hệ hỗ trợ ra quyết định trong sự phát triển CNTT hiện nay.
7. Rèn cho sinh viên tính cẩn thận, có cách nhìn nhận vấn đề một cách hệ thống, tích lũy kiến thức cần thiết, cơ bản cho ngành học.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về hệ thống hỗ trợ ra quyết định; nội dung các bước phân tích thiết kế hệ hỗ trợ quyết định; thực hành phân tích

thiết kế hệ hỗ trợ quyết định dùng trong lĩnh vực nông nghiệp. Các chương: Tổng quan về hệ hỗ trợ quyết định; Một số mô hình toán hỗ trợ quyết định; Cấu trúc của hệ hỗ trợ quyết định; Phân tích thiết kế hệ hỗ trợ quyết định; Một số mô hình hệ hỗ trợ quyết định dùng trong nông nghiệp. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, Bài tập + Tiểu luận. Phương pháp đánh giá: chuyên cần, kiểm tra, thi. Nội dung kiểm tra và thi để đánh giá gồm lý thuyết và bài tập phân tích thiết kế hệ hỗ trợ quyết định.

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL TH	CĐR
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1. Giới thiệu chung quyết định về Hỗ trợ quyết định	9. Các khái niệm căn bản về quyết định 10. Tổ chức, vai trò của nhà quản lý và vấn đề hỗ trợ quyết định 11. Mô hình hỗ trợ quyết định 12. Định nghĩa Hệ hỗ trợ ra quyết định 13. Các công cụ hỗ trợ quyết định	3	3				[1]
2	Chương 2: Quá trình ra quyết định	13. Cấu trúc hệ thống 14. Mô hình và phương pháp xây dựng mô hình 15. Các giai đoạn xây dựng mô hình	6	3	3			[1]

		<p>16. Quá trình ra quyết định</p> <p>17. Giai đoạn phân tích thông minh</p> <p>18. Giai đoạn thiết kế</p> <p>19. Giai đoạn lựa chọn</p> <p>20. Giai đoạn thi hành</p>					
3	Chương 3. Các thành phần của hệ hỗ trợ ra quyết định	<p>14. Cấu hình một DSS</p> <p>15. Các đặc tính của DSS</p> <p>16. Các thành phần DSS</p> <p>17. Nền tảng công nghệ, phần cứng</p> <p>18. Phân loại DSS</p>	6	3	3		[2]
4	Chương 4: Data warehousing	<p>24. Thu thập dữ liệu</p> <p>25. Cấu trúc dữ liệu</p> <p>26. Data Warehousing</p> <p>27. OLAP</p> <p>28. Khai phá dữ liệu</p> <p>29. Trực quan hóa dữ liệu</p>	18	15	3		[2]
5	Chương 5: Phân tích và mô hình hóa	<p>15. Kỹ thuật mô hình hóa</p> <p>16. Xử lý rủi ro</p> <p>17. Phân tích quyết định</p> <p>18. Tối ưu</p> <p>19. Heuristics</p>	6	3	3		[3]

		20. Kỹ thuật mô phỏng 21. Kỹ thuật trực quan hóa					
6	Chương 6: Phát triển ứng dụng hệ hỗ trợ ra quyết định	8. Xây dựng dự án 9. Xác định mô hình hỗ trợ 10. Thiết kế các thành phần 11. Lập kế hoạch triển khai 12. Tổ chức thực hiện	6	3	3		[3]

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		

Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Decision Support Systems and Intelligent Systems, Seventh Edition, Efraim Turban, Jay E. Aronson, Ting-Peng Liang, and Richard V. McCarthy, 2006.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[3] Power, D. J. (2002). Decision support systems: concepts and resources for managers. Westport, Conn., Quorum Books

12.3. Tư liệu trực tuyến:

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết): Giới thiệu chung quyết định về Hỗ trợ quyết định

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi

- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 2 (4 tiết): Chương 2: Quá trình ra quyết định

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 3 (4 tiết): Chương 2: Quá trình ra quyết định (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 4 (4 tiết): Chương 2: Quá trình ra quyết định (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 5 (4 tiết): Chương 3. Các thành phần của hệ hỗ trợ ra quyết định

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 6 (4 tiết): Chương 3. Các thành phần của hệ hỗ trợ ra quyết định (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng

- Cho xem video
- Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 7 (4 tiết): Chương 3. Các thành phần của hệ hỗ trợ ra quyết định (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 8 (4 tiết): Chương 4: Data warehousing

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video

- Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 9 (4 tiết): Chương 4: Data warehousing (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 10 (4 tiết): Chương 4: Data warehousing (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 11: Chương 5: Phân tích và mô hình hóa

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 12: Chương 5: Phân tích và mô hình hóa (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 13: Chương 6: Phát triển ứng dụng hệ hỗ trợ ra quyết định

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 6 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 14: Chương 6: Phát triển ứng dụng hệ hỗ trợ ra quyết định (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú

- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 6 (tt) thuộc Cuốn [1]

TUẦN 15: Ôn tập + Kiểm tra

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Mạng không dây **Mã học phần: 19023**
- 2. Khoa phụ trách:** Công Nghệ Thông Tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
 - 3.1. Họ và tên: Hà Văn Cử**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0983932479
 - Email: hvcu@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Xây dựng quản trị hệ thống mạng cho doanh nghiệp.
 - 3.2. Họ và tên: Lê Thanh**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0983073491
 - Email: lthanh@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng
- 4. Số tín chỉ: 3**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - Tự học: 135 tiết
- 6. Học phần tiên quyết: Không**

7. Mục tiêu của học phần:

- Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về mạng không dây bao gồm các chuẩn 802.11x và wimax. Các kiến trúc hệ thống và các cấu trúc frame của từng dòng. Bên cạnh kiến thức xây dựng, thiết lập và cấu hình hệ thống, học phần còn cung cấp kiến thức về an toàn mạng không dây.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

[1] Các kiến thức liên quan mô hình mạng

[2] Hiểu về các chuẩn Wireless, Các tầng số hoạt động và khoảng cách phát sóng của Wireless ...

- Kỹ năng:

[3] Có khả năng xây dựng hệ thống mạng không dây cho doanh nghiệp ...

[4] Khả năng bảo mật hệ thống mạng không dây

- Thái độ:

[5] Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong học tập, hoàn thành các bài tập về nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

[6] Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao;

[7] Có tác phong làm việc khoa học, chăm chỉ. Đồng thời phải năng động, sáng tạo, mạnh dạn ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;

[8] Có kỹ năng giao tiếp tốt và khả năng làm việc theo nhóm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

- Học phần “Mạng không dây” cung cấp cho học viên các khái niệm và kỹ năng cơ bản để tìm hiểu, xác định phương pháp lựa chọn thiết bị và xây dựng hệ thống mạng không dây cho doanh nghiệp đồng thời có kiến thức bảo mật hệ thống ,ạng không dây.

9.2. Nội dung học phần:

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Chương 1:	Tổng quan mạng không dây 1. Lịch sử wireless 2. Loại dữ liệu trong mạng Wireless 3. Mô hình mạng wireless 4. Các công nghệ hiện tại	2	2		0		
2	Chương 2	Các chuẩn mạng không dây 1. IEEE 802.11 2. Bluetooth 3. Wimax	2	2		0		
3	Chương 3	Cấu trúc frame 1. Data frame 2. Control frame 3. Management frame 4. Các loại khác	5	2		3		
4	Chương 4	WLAN 1. IEEE 802.11a 2. IEEE 802.11b	8	2		6		

		<p>3. IEEE 802.11g</p> <p>4. IEEE 802.11e</p> <p>5. IEEE 802.11n</p> <p>6. Hiệu suất và các hướng công nghệ tương lai events và analytics</p>						
5	Chương 5	<p>Wimax</p> <p>1. Tổng quan wimax</p> <p>2. Công nghệ wimax</p> <p>3. Ứng dụng</p>	5	2		3		
6	Chương 6	<p>2G</p> <p>1. Tổng quan 2G</p> <p>2. Các công nghệ trên GSM</p>	2	2		0		
7	Chương 7	<p>3G</p> <p>1. Tổng quan 3G</p> <p>2. Các công nghệ CDMA</p>	2	2		0		
8	Chương 8	<p>4G</p> <p>1. Tổng quan 4G</p> <p>2. Các công nghệ LTE</p>	2	2		0		
9	Chương 9	Mobile Networking	2	2		0		
10	Chương 10	<p>Bảo mật mạng không dây</p> <p>1. Các chuẩn bảo mật trong mạng không dây</p>	11	2		9		

		2. WEP, WPA, WPA2 3. Các Mô hình chứng thực					
11	Chương 11	Bảo mật mạng không dây (tt) 1. Tấn công scan lỗi 2. Tấn công trên WEP, WPA, WPA2	9	0		9	
Tổng cộng			60	30		30	

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được việc ứng dụng việc điều tra các cuộc tấn công vào hệ thống tại các doanh nghiệp:

- Nắm vững các mô hình mạng không dây
- Xây dựng hệ thống mạng không dây và khả năng bảo mật

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	10
Bài tập	1	10
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Quản trị và bảo mật mạng không dây, PGS.TS Trần Công Hùng, NXB. Thông tin và Truyền Thông, 2013
- Computer Network: A top-down approach, James F Kuros, Keith W Ross, Pearson, 2017

12.2 Tài liệu tham khảo:

- [1] William Stallings, Wireless Communications and Networks
- [2] Andrea Goldsmith, Wireless Communications.
- [3] Randy H. Katz, Wireless Communications and Mobile Computing, Berkeley

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- https://researcher.watson.ibm.com/researcher/view_group.php?id=4171

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

- Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành mô phỏng tại phòng lab.
- Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Buổi 1 /(4 tiết)	Tổng quan mạng không dây 1. Lịch sử wireless 2. Loại dữ liệu trong mạng Wireless 3. Mô hình mạng wireless 4. Các công nghệ hiện tại Các chuẩn mạng không dây 1. IEEE 802.11	Ghi chú

	<ul style="list-style-type: none"> 2. Bluetooth 3. Wimax 	
Buổi 2 /(4 tiết)	Cấu trúc frame <ul style="list-style-type: none"> 1. Data frame 2. Control frame 3. Management frame 4. Các loại khác 	
Buổi 3 /(4 tiết)	WLAN <ul style="list-style-type: none"> 1. IEEE 802.11a 2. IEEE 802.11b 3. IEEE 802.11g 	
Buổi 4 /(4 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> 4. IEEE 802.11e 5. IEEE 802.11n 6. Hiệu suất và các hướng công nghệ tương lai events và analytics 	
Buổi 5 /(4 tiết)	Wimax <ul style="list-style-type: none"> 1. Tổng quan wimax 2. Công nghệ wimax 	
Buổi 6 /(4 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> 3. Ứng dụng 2G <ul style="list-style-type: none"> 1. Tổng quan 2G 2. Các công nghệ trên GSM 	
Buổi 7	3G	

/(4 tiết)	1. Tổng quan 3G 2. Các công nghệ CDMA 4G 1. Tổng quan 4G 2. Các công nghệ LTE	
Buổi 8 /(4 tiết)	Mobile Networking	
Buổi 9 /(4 tiết)	Bảo mật mạng không dây 1. Các chuẩn bảo mật trong mạng không dây	
Buổi 10 /(4 tiết)	2. WEP, WPA, WPA2	
Buổi 11 /(4 tiết)	3. Các Mô hình chứng thực	
Buổi 12 /(4 tiết)	Bảo mật mạng không dây (tt) 1. Tấn công scan lỗi	
Buổi 13 /(4 tiết)	2. Tấn công trên WEP, WPA, WPA2 (tt)	
Buổi 14 /(4 tiết)	2. Tấn công trên WEP, WPA, WPA2 (tt)	
Buổi 15 /(4 tiết)	Hệ thống kiến trúc	

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Thực hành trên máy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thiết kế giao diện **Mã học phần:** 19024

2. Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Minh Nhật

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT:0903691799; email: nhmnhat@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

3.1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Tiến

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
- ĐT: 0332750464 ; email:nhtien@upt.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm

4. Số tín chỉ: 3

5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết

- Lên lớp: 60 tiết
- Tự học: 135 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

- Học phần này Cung cấp kiến thức về quá trình thiết kế và xây dựng giao diện người sử dụng bao gồm các kiến thức tổng quan về tương tác người máy, các đặc tính đánh giá giao diện (tập trung vào giao diện đồ họa màn hình), các phép biểu diễn dữ liệu qua giao diện, các đối tượng giao diện màn hình, và các nguyên lý thiết kế.
- Học xong môn học này, sinh viên có thể phân tích, thiết kế các giao diện đồ họa màn hình cho người sử dụng một cách hiệu quả.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

8.1 Kiến thức:

- 1) Học phần cung cấp kiến thức về Giới thiệu chung về giao diện người máy
- 2) Qui trình thiết kế, qui trình phát triển giao diện, các vấn đề thường gặp trong thiết kế giao diện
- 3) Biểu diễn dữ liệu giao diện, trực quan hóa dữ liệu,
- 4) Nắm được các mô hình giao diện, mô hình trí tuệ (mental models) cho giao diện
- 5) Phân loại mô hình trí tuệ, phân tích yêu cầu giao diện, hoạt cảnh và Use cases
- 6) Phương pháp thiết kế các cửa sổ ảo (Virtual windows - VW), thiết kế chức năng dựa trên VW, thiết kế bản mẫu dựa trên VW và chỉnh sửa khuyết tật
- 7) Các tiêu chuẩn ISO về giao diện người sử dụng

8.2 Kỹ năng:

- 8) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 9) Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

8.3 Thái độ:

- 10) Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp

11) Tôn trọng nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.

12) Có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

8.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

13) Giúp sinh viên có cái nhìn các giai đoạn trong quá trình thiết kế giao diện phần mềm, các thành phần của giao diện UI, các yếu tố đánh giá chất lượng UID.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Học phần này Cung cấp kiến thức về quá trình thiết kế và xây dựng giao diện người sử dụng bao gồm các kiến thức tổng quan về tương tác người máy, các đặc tính đánh giá giao diện (tập trung vào giao diện đồ họa màn hình), các phép biểu diễn dữ liệu qua giao diện, các đối tượng giao diện màn hình, và các nguyên lý thiết kế. Học xong môn học này, sinh viên có thể phân tích, thiết kế các giao diện đồ họa màn hình cho người sử dụng một cách hiệu quả.
- Giúp sinh viên có cái nhìn các giai đoạn trong quá trình thiết kế giao diện phần mềm, các thành phần của giao diện UI, các yếu tố đánh giá chất lượng UID. Giới thiệu một số giao diện mẫu trong thực tế.

56.3. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CDR
			TC	LT	BT	TH		
1.	Chương 1. Giới thiệu chung về	94. Các khái niệm căn bản về HCI 95. Tính khả dụng – usability	6	4	2		(1)	

	giao diện người máy	<p>96. Các vấn đề liên quan tới đến tính khả dụng</p> <p>97. Kiểm thử tính khả dụng</p> <p>98. Đánh giá tính khả dụng</p> <p>99. Các yêu cầu và độ đo về tính khả dụng</p>						
2.	Chương 2: Quy trình thiết kế	<p>4. Khái niệm Bản mẫu giao diện</p> <p>5. Quy trình phát triển giao diện</p> <p>6. Các vấn đề thường gặp trong thiết kế giao diện</p> <p>7. Phân loại bản mẫu</p> <p>8. A case study</p>	8	5	3			(2)
3.	Chương 3. Biểu diễn dữ liệu giao diện	<p>4. Các tình huống quyết định hình thức biểu diễn dữ liệu (một số câu hỏi)</p> <p>5. Một số nguyên lý biểu diễn đối tượng (gestalt laws)</p> <p>6. Tính tương phản trong biểu diễn (contrast)</p>	7	5	2			(3)

		<p>7. Định dạng biểu diễn dữ liệu</p> <p>8. Dữ liệu dạng text và hình thức biểu diễn</p> <p>9. Dữ liệu phức tạp (complex data)</p> <p>10. Trực quan hóa dữ liệu</p>						
4.	<p>Chương 4: Các mô hình giao diện</p>	<p>3. Yếu tố con người trong thiết kế giao diện</p> <p>4. Mô hình trí tuệ (mental models) cho giao diện</p> <p>5. Phương pháp cửa sổ ảo trong thiết kế</p> <p>6. Các dữ liệu biểu diễn và chức năng trong</p> <p>7. thực tế</p> <p>8. Một số tình huống cần tránh trong thiết kế</p> <p>9. Phân loại mô hình trí tuệ</p>	8	5	3			(4)
5.	<p>Chương 5: Phân tích yêu cầu giao diện</p>	<p>1. Giới thiệu chung</p> <p>2. Mô tả dữ liệu biểu diễn và các kỹ thuật hỗ trợ</p>						

		<p>3. Mô tả chức năng và các kỹ thuật hỗ trợ</p> <p>4. Các nguyên tắc mô tả chức năng</p> <p>5. Hoạt cảnh và Use cases</p>						
6.	<p>Chương 6: Phương pháp thiết kế các cửa sổ ảo (Virtual windows - VW)</p>	<p>1. Giới thiệu chung</p> <p>2. Xây dựng kế hoạch thiết kế</p> <p>3. Các cửa sổ ảo</p> <p>4. Qui trình phát triển sử dụng pp cửa sổ ảo</p> <p>5. Kiểm tra thiết kế</p> <p>6. Các kỹ thuật xây dựng giao diện Tìm kiếm</p> <p>7. So sánh pp thiết kế cửa sổ ảo</p>	7	5	2			(5)
7.	<p>Chương 7: Thiết kế chức năng dựa trên VW</p>	<p>5. Thiết kế chức năng ngữ nghĩa</p> <p>6. Các use cases</p> <p>7. Chức năng Undo</p> <p>8. Chuyển đổi cửa sổ ảo thành các màn hình giao diện</p> <p>9. Các hộp thoại</p> <p>10. Biểu diễn chức năng</p>	9	6	3			(6)

		11. Các thông báo lỗi						
8.	Chương 8: Thiết kế bản mẫu dựa trên VW và chỉnh sửa khuyết tật	1. Bản mẫu hệ thống 2. Lập trình và kiểm thử hệ thống 3. Khuyết tật và Giải pháp	8	4	4			(6)
9.	Chương 9: Các tiêu chuẩn ISO về giao diện người sử dụng	1. Các cách tiếp cận về tiêu chuẩn GDNSD 2. ISO 9001 3. ISO 9241 4. ISO 9126	8	6	2			(7)

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Giúp sinh viên có cái nhìn các giai đoạn trong quá trình thiết kế giao diện phần mềm, các thành phần của giao diện UI, các yếu tố đánh giá chất lượng UID. Giới thiệu một số giao diện mẫu trong thực tế.

- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 10 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.
- Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm học tập gồm 6 đến 10 sinh viên tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ nhận một cuốn bài tập ứng dụng, họp nhóm học tập để giải các bài tập này và các nhóm sẽ được mời bắt chọt giải đáp trên lớp khi có yêu cầu theo lịch học bên dưới.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bắt chọt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

- Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.
- Trong quá trình học, Sinh viên áp dụng thảo luận theo cặp đôi, thuyết trình, đóng kịch tình huống (nếu cần)
- Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và đề điện thoại ở chế độ rung.
- Vào **tuần thứ 8**, sinh viên phải làm một bài kiểm tra giữa kỳ chiếm **20 %** tổng số điểm
- **Cuối học kỳ**, sinh viên sẽ có một bài thi dài 60 phút hình thức trắc nhiệm và tự luận.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	
Bài tập	1	
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	60
		Tổng: 100%

- Vì lớp đông, giảng viên sẽ không điểm danh từng buổi học mà sẽ điểm danh bất chợt 10 buổi trong suốt quá trình học. Nếu Sinh viên nào vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần. Sinh viên **đi học trễ 15 phút** sẽ coi như vắng mặt buổi học hôm đó. **Điểm chuyên cần** (10 % tổng số điểm) của sinh viên còn được đánh giá qua việc làm các bài tập trong lớp, phát biểu hay qua các bài tập tình huống.
- **Tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài:** Sinh viên khi phát biểu đúng sẽ được cộng 1 điểm thưởng vào điểm chuyên cần (nếu điểm chuyên cần đã tối đa thì sẽ được cộng vào điểm thi giữa học kỳ)
- Khi giảng viên yêu cầu một nhóm nào đó lên trình bày một tình huống hoặc làm bài tập, **toàn bộ nhóm đó sẽ bị 0 điểm** nếu trường hợp sau đây xảy ra: không chuẩn bị gì hết; và thành viên nào vắng mặt sẽ bị 0 điểm. Đối với cá nhân, khi giảng viên yêu cầu một cá nhân trả lời một câu hỏi có tính bất kỳ, cá nhân đó sẽ bị 0 điểm nếu: (a) vắng mặt, và (b) không trả lời được.
- **Có hành động gian dối:** Nếu sinh viên có hành động gian dối trong quá trình làm bài kiểm tra, bài thi, bài tập nộp cho giảng viên (sao chép bài của bạn; xem tài liệu trong quá trình thi, kiểm tra; đạo văn...) thì sẽ bị điểm 0.

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] User Interface Design : A Software Engineering Perspective, Soren Lauesen, Addison Wiley, 2004

12.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Các tài liệu ISO về chuẩn HCI □.

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết) Chương 1. Giới thiệu chung về giao diện người máy

- Giới thiệu nội dung học phần
- Giới thiệu nội quy học phần
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn cách xây dựng nhóm và làm việc nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

TUẦN 2 (4 tiết) Chương 2: Quy trình thiết kế

- Thuyết giảng
- Gợi ý các đề tài để sinh viên đăng ký là nhóm
- Lấy ví dụ thực tế để minh họa
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)

TUẦN 3 (4 tiết) Chương 3. Biểu diễn dữ liệu giao diện

- Thuyết giảng
- Sửa bài tập
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 4 (4 tiết) Chương 3. Biểu diễn dữ liệu giao diện

- Thuyết giảng

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Công bố tên đề tài được duyệt và không được duyệt tại sao?
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 5 (4 tiết) Chương 4: Các mô hình giao diện

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 6 (4 tiết) Chương 4: Các mô hình giao diện

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 7 (4 tiết) Chương 5: Phân tích yêu cầu giao diện

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 8 (4 tiết) Chương 5: Phân tích yêu cầu giao diện

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 9 (4 tiết) Chương 6: Phương pháp thiết kế các cửa sổ ảo (Virtual windows - VW)

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 10 (4 tiết) Chương 7: Thiết kế chức năng dựa trên VW

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 11 (4 tiết) Chương 7: Thiết kế chức năng dựa trên VW

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 12 (4 tiết) Chương 8: Thiết kế bản mẫu dựa trên VW và chỉnh sửa khuyết tật

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế

- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 13 (4 tiết) Chương 8: Thiết kế bản mẫu dựa trên VW và chỉnh sửa khuyết tật

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

TUẦN 14 (4 tiết) Chương 9: Các tiêu chuẩn ISO về giao diện người sử dụng

- Thuyết giảng
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên
- Đặt câu hỏi
- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập
- Cho làm bài kiểm tra

TUẦN 15 (4 tiết) Chương 9: Các tiêu chuẩn ISO về giao diện người sử dụng

- Thuyết giảng
- Ôn lại toàn bộ kiến thức học phần
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên

- Ví dụ thực tế
- Cho làm bài tập (cá nhân/nhóm)
- Sửa bài tập

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

Hình thức thi: Thực hành trên máy, không được sử dụng tài liệu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Thiết kế hệ thống mạng **Mã học phần: 10123**
- 2. Khoa phụ trách:** Công Nghệ Thông Tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
 - 3.1. Họ và tên: Hà Văn Cử**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0983932479
 - Email: hvcu@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Mạng máy tính
 - 3.2. Họ và tên: Lê Thanh**
 - Chức danh, học hành, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn mạng máy tính, Khoa công nghệ thông tin
 - Điện thoại: 0983073491
 - Email: lthanh@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Kiến trúc mạng - Các loại mạng LAN, WAN - Giao thức TCP/IP - Các thiết bị mạng - Các ứng dụng mạng
- 4. Số tín chỉ: 3**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - Tự học: 135 tiết
- 6. Học phần tiên quyết:** Mạng máy tính nâng cao

7. Mục tiêu của học phần:

- Khả năng vận hành: Tiêu chí đầu tiên là mạng phải hoạt động. Mạng phải đáp ứng được các yêu cầu về công việc của người sử dụng, phải cung cấp khả năng kết nối giữa những người dùng với nhau, giữa người dùng với ứng dụng với một tốc độ và độ tin cậy chấp nhận được.
- Khả năng mở rộng: Mạng phải được mở rộng. Thiết kế ban đầu phải được mở rộng mà không gây ra một sự thay đổi lớn nào trong thiết kế tổng thể.
- Khả năng tương thích: Mạng phải được thiết kế với một cặp mắt luôn hướng về các công nghệ mới và phải đảm bảo rằng không ngăn cản việc đưa vào các công nghệ mới trong tương lai.
- Có thể quản lý được: Mạng phải được thiết kế sao cho dễ dàng trong việc theo dõi và quản trị để đảm bảo sự vận hành suôn sẻ của các tính năng.

8. Chuẩn đầu ra học phần: Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/ mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

[1]Cung cấp cho SV kiến thức và khả năng phân tích, thiết kế được kiến trúc mạng doanh nghiệp trên nhiều Site.

- Kỹ năng:

[2]Thiết kế và xây dựng hệ thống Active Directory với Domain Tree, Tree Root, và Forest.

[3]Tạo và quản lý các AD Objects (User, Group, Computer, OU).

- Thái độ:

[4]Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong học tập, hoàn thành các bài tập về nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

[5]Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao;

[6]Có tác phong làm việc khoa học, chăm chỉ. Đồng thời phải năng động, sáng tạo, mạnh dạn ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;

[7] Có kỹ năng giao tiếp tốt và khả năng làm việc theo nhóm.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần “Thiết kế hệ thống mạng” cung cấp kiến thức xây dựng Active Directory cho Domain Tree và Forest, cấu hình Trust Relationship, Replicate dữ liệu giữa các DCs, quản trị sự cố trong Active Directory (AD), lập kế hoạch sao lưu và phục hồi AD database.

9.2. Nội dung học phần:

STT	Tên chương	Mục, tiêu mục	Số tiết				TL	CDR
			TC	LT	BT	TH	TH	
1	Chương 1:	Xây dựng hệ thống mạng 1.1 Giới thiệu một số tiêu chuẩn thiết kế 1.2 Hệ thống cấp có cấu trúc 1.3 Quy trình thiết kế mạng 1.3.1 Phân tích yêu cầu 1.3.2 Thiết kế hợp lý 1.3.3 Thiết kế vật lý 1.4 Chữ ký P100 mạng sống	10	5		5		[1]
2	Chương 2	Phân hoạch địa chỉ IP 2.1 Địa chỉ phân cứng 2.2 Địa chỉ IP 2.3 Địa chỉ tên miền 2.4 Hiểu thêm về IP: IPv6 2.5 Công cụ hỗ trợ giao thức TCP/IP	10	5		5		[1]
3	Chương 3	Hệ thống DNS	10	5		5		[1]

		<p>3.1 Tổng quan về hệ thống DNS</p> <p>3.2 Mô hình hoạt động của DNS</p> <p>3.3 Xây dựng DNS Server</p> <p>3.4 Delegate cho miền con</p> <p>3.5 Xử lý một số sự cố thông dụng</p> <p>Virus máy tính</p>						
4	Chương 4	<p>Triển khai Active Directory Forest và Domain</p> <p>4.1 Xây dựng Forest và Domain</p> <p>4.2 Sự tích hợp DNS trong AD</p> <p>4.3 Forest và Domain Functional Level</p> <p>4.4 Tạo Trust Relationships</p>	10	5		5		[1]
5	Chương 5	<p>Triển khai Site và Quản lý đồng bộ Active Directory</p> <p>5.1 Giới thiệu về Active Directory Replication</p> <p>5.2 Tạo và cấu hình site</p> <p>5.3 Quản lý Site Topology</p> <p>5.4. Khắc phục sự cố trong quá trình replication</p> <p>5.5. Lập kế hoạch xây dựng site</p>	10	5		5		[1]
6	Chương 6	<p>Thiết kế hệ thống Operation Master</p> <p>6.1 Giới thiệu Operation Master Role</p>	10	5		5		[1]

		6.2 Chuyển giao và chiếm đoạt Operation Master Role					
		6.3 Kế hoạch bố trí Operation Master					
Tổng cộng			60	30		30	

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt được nội dung chính: Các rủi ro ảnh hưởng đến an toàn thông tin của doanh nghiệp và giải pháp khắc phục các rủi ro.

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	10
Bài tập	1	10
Thi giữa học kỳ	1	20
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

- Top-Down Network Design Second Edition, Priscilla Oppenheimer, Cisco Press, 2011
- MCTS Self-Paced Training Kit (Exam 70-640): Configuring Windows Server 2008 Active Directory (2nd Edition), Dan Holme, Microsoft Press, 2011

12.2 Tài liệu tham khảo:

- TCP/IP Network Administration. Craig Hunt, O'Reilly & Associates, 2002
- NETWORK ADMINISTRATION - INSTALLATION AND CONFIGURATION OF eBOX PLATFORM
- What All Network Administrators Know By Douglas Chick

12.3. Tư liệu trực tuyến:

- <https://www.slideshare.net/profansari/introduction-to-system-and-network-administration>

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

- Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành mô phỏng tại phòng lab.
- Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng.

14. Kế hoạch giảng dạy :

Buổi 1 /(4 tiết)	Xây dựng hệ thống mạng 1.1 Giới thiệu một số tiêu chuẩn thiết kế 1.2 Hệ thống cấp có cấu trúc	Ghi chú
Buổi 2 /(4 tiết)	1.3 Quy trình thiết kế mạng 1.3.1 Phân tích yêu cầu 1.3.2 Thiết kế hợp lý 1.3.3 Thiết kế vật lý	
Buổi 3 /(4 tiết)	1.4 Chữ ký PII00 mạng sống Phân hoạch địa chỉ IP 2.1 Địa chỉ phân cứng	
Buổi 4	2.2 Địa chỉ IP	

/(4 tiết)	2.3 Địa chỉ tên miền	
Buổi 5 /(4 tiết)	2.4 Hiểu thêm về IP: IPv6 2.5 Công cụ hỗ trợ giao thức TCP/IP	
Buổi 6 /(4 tiết)	Hệ thống DNS 3.1 Tổng quan về hệ thống DNS 3.2 Mô hình hoạt động của DNS	
Buổi 7 /(4 tiết)	3.3 Xây dựng DNS Server 3.4 Delegate cho miền con	
Buổi 8 /(4 tiết)	3.5 Xử lý một số sự cố thông dụng Virus máy tính Triển khai Active Directory Forest và Domain 4.1 Xây dựng Forest và Domain	
Buổi 9 /(4 tiết)	4.2 Sự tích hợp DNS trong AD 4.3 Forest và Domain Functional Level	
Buổi 10 /(4 tiết)	4.4 Tạo Trust Relationships 4.4 Phương pháp viết báo cáo	
Buổi 11 /(4 tiết)	Triển khai Site và Quản lý đồng bộ Active Directory 5.1 Giới thiệu về Active Directory Replication 5.2 Tạo và cấu hình site	
Buổi 12 /(4 tiết)	5.3 Quản lý Site Topology 5.4. Khắc phục sự cố trong quá trình replication	
Buổi 13	5.5. Lập kế hoạch xây dựng site	

/(4 tiết)	Thiết kế hệ thống Operation Master 6.1 Giới thiệu Operation Master Role	
Buổi 14 /(4 tiết)	6.2 Chuyển giao và chiếm đoạt Operation Master Role	
Buổi 15 /(4 tiết)	6.3 Kế hoạch bố trí Operation Master	

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Kỹ thuật mật mã **Mã học phần:** 19025
- 2. Khoa phụ trách:** Khoa Công nghệ Thông tin
- 3. Họ tên các giảng viên giảng dạy:**
 - 3.1. Họ và tên: Vũ Thanh Hiền**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
 - ĐT:090336664; email: vthien@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ phần mềm
 - 3.2. Họ và tên: Lê Thanh**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin
 - ĐT:0983073491; email: lthanh@upt.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Mạng máy tính, hệ thống IOT,...
- 4. Số tín chỉ: 3**
- 5. Phân bổ thời gian (tiết): 45 tiết**
 - Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
 - Tự học: 45 tiết

6. Học phần tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Hướng tới các kiến thức cơ bản và nâng cao trong lĩnh vực lý thuyết mật mã và các phương thức sử dụng các phương pháp mật mã khóa bí mật và công khai để giải quyết các nhiệm vụ bảo vệ an toàn thông tin trong các mạng máy tính và viễn thông.

8. Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức:

1. Có kiến thức cơ bản về các kỹ thuật an toàn thông tin, các thuật toán mật mã và các vấn đề liên quan.

- Kỹ năng:

2. Có khả năng đọc hiểu các kiến thức mở rộng của môn học mã hóa thông tin, có khả năng xây dựng và phân tích các chương trình thực hiện các mô hình và thuật toán mật mã.

- Thái độ, chuyên cần:

3. Rèn luyện được thái độ nghiêm túc và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực mật mã và an toàn thông tin.

9. Nội dung học phần:

9.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho các sinh viên các kiến thức liên quan đến Kỹ Thuật Mã Hóa:

- Hệ thống mật mã đối xứng
- Hệ thống mật mã bất đối xứng
- Hàm băm mật mã
- Chữ ký điện tử
- Hệ thống chứng nhận khóa công cộng

- Một số quy trình bảo vệ thông tin

9.2. Nội dung học phần

STT	Tên chương	Mục, tiểu mục	Số tiết				TL TH	CD R
			TC	LT	BT	TH		
1	Chương 1: Các khái niệm cơ bản	14. An toàn thông tin 15. Các hệ mật mã 16. Các hệ chữ ký số và hàm băm	6	6				1,3
2	Chương 2: Các hệ mật mã khóa bí	21. Nguyên lý xây dựng các hệ mật khóa bí mật 22. Chuẩn mã hóa dữ liệu nâng cao (AES)	12	6	6			1,3
3	Chương 3: Các hệ mật mã khóa công khai	19. Nguyên lý xây dựng các hệ mật mã khóa công khai 20. Hệ mật RSA 21. Hệ mật Elgamal	12	6	6			2,3
4	Chương 4: Hàm băm và các hệ chữ ký số	30. Lược đồ chữ ký số RSA 31. Lược đồ chữ ký số Elgamal 32. Hàm băm SHA	12	6	6			2,3
5	Chương 5: Quản lý và phân phối khóa	22. Các sơ đồ phân phối và thỏa thuận khóa 23. Chứng thực khóa công khai	18	6	12			2,3

10. Yêu cầu và kỳ vọng của học phần:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học..

11. Phương pháp đánh giá học phần:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp	10	10
Thảo luận		
Bản thu hoạch		
Thuyết trình	1	5
Bài tập	1	5
Thi giữa học kỳ	1	30
Thi cuối học kỳ	1	50
		Tổng: 100%

12. Học liệu

12.1. Tài liệu chính:

[1] Murach's ASP.NET 4.6 Web Programming with C# 2015, Mary Delamater and Anne Boehm, Mike Murach & Associates, Inc, 2015. www.murach.com

12.2 Tài liệu tham khảo:

[3] Nick Galbreath, Cryptography for Internet and Database Application, Wiley Publishing, 2002

[4] Klaus Schmeh, Cryptography and Public Key Infrastructure on the Internet, Wiley Publishing, 2001

12.3. Tư liệu trực tuyến:

[2] Internet: <http://www.tutorialsteacher.com/csharp/csharp-tutorials>

[3] Internet: <https://www.tutorialspoint.com/asp.net/>

[4] Internet: www.asp.net/mvc/overview

[5] Internet: https://www.tutorialspoint.com/mvc_framework/index.htm

13. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

14. Kế hoạch giảng dạy :

TUẦN 1 (4 tiết): Chương 1: Các khái niệm cơ bản

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- Giáo trình chính: Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 2 (4 tiết): Chương 1: Các khái niệm cơ bản (tt)

- Hoạt động của giảng viên:

- Thuyết giảng
- Cho bài tập

- Hoạt động của sinh viên:

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 3 (4 tiết): Chương 1: Các khái niệm cơ bản (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
- **Giáo trình chính:** Chương 1 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 4 (4 tiết): Chương 2: Các hệ mật mã khóa bí mật

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho bài tập
- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 5 (4 tiết): Chương 2: Các hệ mật mã khóa bí mật (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 6 (4 tiết): Chương 2: Các hệ mật mã khóa bí mật (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
- Cho xem video
- Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**

- Nghe giảng, ghi chú
- Trả lời câu hỏi
- Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 2 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 7 (4 tiết): Chương 3: Các hệ mật mã khóa công khai

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 8 (4 tiết): Chương 3: Các hệ mật mã khóa công khai (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 9 (4 tiết): Chương 3: Các hệ mật mã khóa công khai (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 3 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 10 (4 tiết): Chương 4: Hàm băm và các hệ chữ ký số

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 11: Chương 4: Hàm băm và các hệ chữ ký số (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 4 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 12: Chương 5: Quản lý và phân phối khóa

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập

- **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập

- **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]

TUẦN 13: Chương 5: Quản lý và phân phối khóa (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**

- Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 5 thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 14: Chương 5: Quản lý và phân phối khóa (tt)

- **Hoạt động của giảng viên:**
 - Thuyết giảng
 - Cho xem video
 - Cho bài tập
 - **Hoạt động của sinh viên:**
 - Nghe giảng, ghi chú
 - Trả lời câu hỏi
 - Làm bài tập
 - **Giáo trình chính:** Chương 5 (tt) thuộc Cuốn [1]
-

TUẦN 15: Ôn tập + Kiểm tra

15. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** thi vấn đáp, không được sử dụng tài liệu.